

SÁCH THUỐC ĐÔNG Y

# NAM KHOA – NỮ KHOA

TRỊ NAM NỮ BÁ CHỨNG

TÁC GIẢ: PHÓ THANH CHỦ

傅青主男女科



DỊCH GIẢ

ĐÔNG Y SĨ

Đinh Ninh LÊ ĐỨC THIẾP

DỊCH GIÁ  
ĐINH NINH + LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主男女科

**PHÓ THANH CHỦ  
NAM NỮ KHOA**

đi ảnh PHÓ THANH CHỦ  
phóng theo hình bìa nguyên bản

Kính Đàn,

**THÂN PHỤ và BỆTAM BÀO HUYNH**

Với một lòng bái tạ công ơn trong việc giáo huấn,

Đã tận tụy vì con !

Đã hết lòng với em !

Mà nay đã phiên, dịch và ăn hành được quyền  
**CHÂU NGỌC CÁCH NGÔN**

của Đức Hải Thượng Lãn Ông và quyền sách này.

**ĐỊNH NINH — LÊ ĐỨC THIẾP**

## MẤY LỜI BÀY TỐ

Kinh thưa Quý Vị Đọc Giả.

*Lý do quyền sách PHÓ THANH CHỦ NAM NỮ KHOA* này được phiên dịch ra Quốc Văn để công hiến Quý vị. Vì Dịch giả bao năm kinh trị đã lấy quyền sách này làm «gia bảo truyền kế». Trong đó, y lý cao minh, bệnh luận tinh tường, được phương xác thực, tất cả các phép chẩn trị đều áp dụng đạo lý âm dương ngũ hành mà đối chiếu lập phương rất tinh kỹ và kỳ diệu. Một quyền sách quý giá thiết ư thực dụng.

Lại nhận thấy Vị Tác giả quyền sách này, Người chẳng mang tướng công danh, mặc dù mấy triều Vua trọng dụng, cũng chỉ một lòng lui về nghiên tinh y đạo để cứu độ quẫn sinh. Hoàn cảnh và sự nghiệp cũng in như Đức Y Tô Hải Thượng Lãn Ông của chàng ta. Dịch giả thêm phần ngưỡng mộ mà phiên dịch ra.

Ôi ! Dịch sách thuốc là một việc rất khó, khó hơn tắt cả các món dịch khác, vì lẽ nó liên quan trực tiếp đến mạng sống con người, nếu lỡ sai một ly có thể di hại muôn ngàn. Thật rất đáng sợ, nên những văn từ trong phần bệnh lý, những ý nghĩa trong phần y trị, không hề chải chuốt văn hoa để làm mất ý chính mà những phép bảo chế cũng như những công thức của cần lượng trong được phương, nhất nhất đều ghi chú cẩn thận.

— VI —

Tuy nhiên, nếu còn chỗ nào sai lầm mà không biết đến. Kính mong các Bắc cao minh chất chính cho, để quyền sách được hoàn mỹ. Ngọ hầu phồ biến sâu rộng cho Hậu học hành nghề có thực tài vững chắc mà noi theo con đường cứu nhân độ thế. Tưởng cũng không phải là vô ích.

Vui mừng lắm thay!

Viết tại Saigon ngày 12 tháng 7 năm 1972

DỊCH GIÀ

Bác sĩ

ĐỊNH NINH – LÊ ĐỨC THIẾP

## TRÂN TRỌNG GHI ƠN

*Kinh thưa Quý Vị ân nhân*

Quyền sách PHÓ THANH GHÚ NAM NỮ KHOA này đã phiên dịch rồi mà lại ăn hành quảng bá được là nhờ vào lòng nhiệt thành xây dựng Đông y (nội chung) và tình cảm mến sâu đậm (nội riêng) của Quý vị đã tin tưởng, đã ủng hộ, đã dành cho cá nhân Định Ninh này rất là trọng hậu về phương diện tài chính để hoàn thành sự việc. Bởi vậy, chân thành cảm tạ công ơn của Quý Vị bằng cách xin ghi quý tánh phương danh Quý Vị trên quyền sách này để tên tuổi Quý vị còn mãi mãi với giang sơn tuế nguyệt.

*Kính xin Thương Đề ban ơn cho Quý Vị:*

Ô.B. Võ danh		100.000\$
Ô. Hai cụ Đỗ văn Tiêu		10.000\$
Ô. Trần văn Hải	Trí khhoa danh y	20.000\$
Ô. Vũ đức Thắng	Chủ nhà thuốc Hoàn Sinh, Phó Chủ-tịch Tổng hội Đông y học Việt Nam	10.000\$
Ô. Bùi kiên Tín	Y khoa Bác sĩ Đại học đường Ba Lê	10.000\$
Ô. Nguyễn Từ Thiện	Chánh Kỹ sư Công Chánh Châm cứu Chuyên Khoa	10.000\$
B. Nguyễn thị Nhung	Giám đốc nhà Bảo sanh Mẫu Tâm	10.000\$
Ô.B. Vũ văn Hỗ	Hiệu Đức Thành	10.000\$
Ô. Hiệp Hòa Thái -	Sanh Dược Hàng, Chợ Lớn	20.000\$
Ô.B. Hoàng Đình Lâm		10.000\$
Ô. Nguyễn văn Sùng	Nghiên cứu Đông y gia	5.000\$
Ô. Dương Quyết Hậu	Chủ nhà thuốc Phúc An Đường, Saigon	3.000\$
Ô. Lại Văn Phong	Chủ nhà thuốc Thiên sanh Đường, Chợ Lớn	10.000\$



## C H Ủ Y :

Tác giả quyền sách này: PHÓ SƠN =  
họ Phó, tên Sơn, tự là THANH CHỦ. Nên gọi PHÓ  
THANH CHỦ. Người đát Thái Nguyên (Trung Hoa) cuối  
đời Minh. Muốn biết tiểu sử của Ngài, nên đọc 4 bài  
tựa ở mây trang đầu quyền sách.

Ngài trú tác 2 quyền sách thuốc:

1. Quyền NAM KHOA trị bệnh đàn ông và trẻ em.
1. Quyền NỮ KHOA trị bệnh đàn bà, con gái.  
2 quyền hợp lại nên gọi quyền sách này là:

PHÓ THANH CHỦ NAM NỮ KHOA.

Trong NAM KHOA có thêm mục TIỀU NHI KHOA.  
Tất cả các bệnh trạng thuộc ngoại cảm lục đàm hay  
nội thương thất tinh đều nói rõ cà.

Trong NỮ KHOA có thêm bài PHỤ SINH HÓA BIÊN.  
Bài Phụ Sinh hóa biên này tuy nói là « phụ thêm » nhưng  
trong đó ghi chép rất quảng bá và tinh kỵ, như một  
quyền PHỤ KHOA SÀN HẬU BÁ CHỨNG nữa vậy.

Đọc quyền « Phụ Khoa tạp chứng » của Trần-Tu-Viên  
chép rằng: « sách của Ông có trích 15 bài thuốc ở quyền  
Nữ Khoa của Phó hành Chủ chép vào ». Như vậy, quyền  
Nữ Khoa này là một quyền sách giá trị: Đàn bà con gái,  
khi kinh kỵ, khi thai nghén và khi sanh đẻ, nếu có bệnh  
mà phải dùng thuốc, không thể bỏ qua quyền sách này.

Trong 2 quyển Nam Khoa và Nữ Khoa :

Những chứng bệnh đều nói rõ, vì lý do nào mà phát bệnh ấy, vì lý do nào mà dùng thuốc ấy.

Những tên bài thuốc phần nhiều đặt tên mới cho đúng với bệnh với thuốc để dễ nhớ, ít có theo tên bài thuốc cũ.

Những vị thuốc dạy cách bào chế và chuẩn định cân lượng rõ ràng.

Tất cả những bệnh lý, được phương và trị pháp đều phân môn, phân loại, ghi chú tinh minh để những người đang làm thầy thuốc không phải nhọc lòng suy tư khi đối chứng dụng được; những người mới học để phân biệt, để hiểu, dễ nhớ, và những người ở xa nơi thấy thuốc có thể tự mình tìm bệnh, tìm thuốc, đối chiếu với nhau mà điều trị lấy cho mình, cho gia đình mình mà không phải hoài nghi thắc mắc.

Như vậy mỗi gia đình nên có một quyển sách này như sẵn có thầy thuốc trong nhà phòng khi « hữu bệnh khả cầu ».

Trong phần phiên dịch của Dịch giả, quyển Nam Khoa và Nữ Khoa mỗi quyển vào đoạn cuối đều có thêm phần « phụ chú ».

#### PHỤ CHÚ về NAM KHOA

PHỤ CHÚ về NỮ KHOA để chú thích những câu có những chữ danh từ y học, được học và bệnh danh. Vì nhận thấy nếu không chú thích rõ ràng mà cứ dịch thẳng theo nguyên văn sẽ làm cho những người mới học phải suy tư và sưu tầm thêm phần khó khăn.

Nên mỗi chữ nào có chú thích đều có đánh số 1, 2, v.v... ở trong dấu ( ).

Vậy khi đọc thấy những chữ số như (1), (2), (3) v.v... xin xem trong phần phụ chú ở cuối mỗi quyển.

#### DỊCH GIẢ

DỊCH GIÁ  
ĐỊNH NINH + LÊ ĐỨC THIẾP



傅青主男女科合編  
**PHÓ THANH CHỦ NAM NỮ KHOA HỢP BIÊN**  
Khoa chữa bệnh đàn ông ♀ Khoa chữa bệnh đàn bà

Hai quyền hợp làm một  
của Tác-giả  
**PHÓ THANH CHỦ**

**Xin sửa lại theo PHẦN ĐÍNH CHÍNH trước khi đọc**

SỐ TRANG	SỐ HÀNG	CHỮ KHÔNG ĐÚNG	SỬA LẠI ĐÚNG
29	23	香 O	香 胡
39	5	胡 桑	胡
51	1	Đă	Đó
86	28	àu	àn
88	14	còu	còn
90	19	香 O	香 當
95	7	MÂU	MÂU
96	13	nен	nèn
140	18	白 苗	白 木
154	11	triệu	triệu
157	6	馬 善	馬 真
171	22	TRI MAU	TRI MÂU
174	22	mő	mỗi
211	12	9	59
231	10	川 苗	川 苗
234	20	5 n	5 đồng
244	3	木	木
274	24	« nguyễn khí »	« nguyễn khí »
282	2	THÂN	THẦN
290	1	kki	khí
—	15	ÍCH THANG	ÍCH KHÍ THANG
292	32	ón	đồng
303	12	nuồn bức	buồn bức
327	3	BỒ HOÀNG	BỒ HOÀNG
331	24	bình dương	bình, dương
342	4	白 苗	白 苗
356	6	26	28
—	23	dung	dừng
383	1	生 善	丁 香
384	6	67	76
402	8	HOAN	HOÀN
415	29	gà	Ngài
432	12	tý	lý

Những BÀI TỰA và TRUYỆN TÍCH nguyên bản:

## I – BÀI TỰA

Của **GIANG ĐÔ – QUÁCH CHUNG NHẠC**

Thời Trùng Quang Đại hoang lạc tháng dương

Năm Quang Tự thứ 7.

**T**HIÊN-NGHÊ-TỬ này cầm nghĩ về câu nói của Mạnh-Tử-Dư : «cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ», nghĩa là con người ta ở đời, khi gặp lúc «vận cùng» là lúc bất đắc chí thì đem đức nghĩa mà làm hay cho mình, khi được lúc «vận đạt» là lúc đắc chí thi đem đức nghĩa mà làm hay cho cả thiên hạ. Như vậy thì từ xưa tới nay, những kẻ sĩ có tâm chí làm việc thiện, kè ra «kẻ cùng» có tới hàng ngàn hàng vạn, mà «kẻ đạt» chỉ được hàng chục hàng trăm là cái kẻ có lòng kiêm thiện thiên hạ. Trong số đó kẻ có cái chí kiêm thiện thiên hạ chẳng biết là bao ! Nhưng tuy rằng không có cái quyền kiêm thiện thiên hạ mà lại thực hành được cái chí kiêm thiện thiên hạ ấy chẳng có ai bằng người hành nghề «y trị» vậy.

Trong ngành y trị có kẻ lương y, có người dung y :

Kẻ lương y noi theo tâm nguyện của các bậc Tiên Thánh mà làm chủ tề mạng sống của nhân dân bằng công việc bồi dưỡng nguyên khí thi cũng như là một vị Lương tướng có tài trị nước.

Người dung y suy xét nghĩa lý chưa tinh đã dám tới những chợ phố bày bán nghệ thuật để làm hại chúng sinh thì cũng như là một vị Dung thần làm sai việc nước.

Than ôi ! Người có tài trị nước rất hiếm hoi ít ỏi mà kẻ làm hỏng việc nước lại đầy đầy chừa chan. Thật làm cho con người có tâm chí lấy làm đau lòng xót ruột.

Phó Thành Chủ tiên sinh săn có hoài bão thương trời thương người nên cầm giữ một tâm niệm là yêu người yêu vật. Tiên sinh ra đời gấp lúc thời thế loạn ly mà âm thầm say đắm, chỉ giắc một lòng là đem y đạo truyền lại cho đời. Cảnh ngộ của Tiên sinh thật cũng đáng buồn. Nhưng cái chí kiêm thiện thiên hạ của Tiên sinh thật đã thấy rõ :

Một quyền Nữ Khoa hiện đã được lưu truyền từ lâu. Đến giữa năm Đồng-trị Tiên sinh lại đưa nhà Sùng-văn thư cục ở Hồ-Bắc ấn hành 2 quyền tạp chứng. Lại được nghe, nhân vì đã phát hành quyền Nữ-Khoa, Tiên sinh lại ra một quyền Nam Khoa nữa mà chưa được thấy. Đến mùa Xuân năm nay may được Trương Chính Phù, Minh Kinh ở Chi giang đem bòn cũ cho coi. Thiên-Nghê-Tử này cầm lấy mà đọc. Được biết trong sách này phân tách ra từng ngọn ngành, từng mõm mạch, ý nghĩa giản lược mà lời lẽ thật bao gồm, không vì mạch lý thâm sâu mà phải rỗi mắt tìm tòi, cũng không vì chứng trị mờ rỗi mà phải nhiều lời khảo luận, mỗi bệnh chứng lập thành một y án, mỗi y án liệt kê ngay một phương được. Từng ấy việc có thể đẽ cứu đời, có thể đẽ truyền lại cho đời sau. Thật là một pho điển hình của vị lương tướng, một nhà mô phạm trong việc trị nước. Bởi vậy, kiềm sát, ấn hành, mong rằng trong làng ngoài nước, nơi thành thị, chốn thôn quê, mỗi nhà dành đẽ một tập, phòng khi tự trị, khỏi bị những kẻ dung y trị liệu sai lầm cho mình. Đẽ dân ta cùng lên cõi nhân thọ, rồi vì Tiên sinh mà truyền bá rộng rãi, vì Tiên sinh mà thực hành thiện chí, thì «kẻ cùng» mà có cái quyền kiêm thiện hạ như «kẻ đạt» chẳng cũng là sung sướng lắm sao !

Nay làm bài tựa.

## II – LẠI MỘT BÀI TỰA

### Trong quyển PHÓ TRUNG QUÂN NỮ KHOA

**K**INH SINH gia rằng : Mỗi khi văn học muốn đòi bỏ nghĩa « thường » mà chỉ một mình nêu ra được nghĩa « mới » là người có tài sáng tác hơn đời. Còn trong y đạo, theo bệnh mà điều trị, tùy chứng mà lập phương, hầu như không có nghĩa « thường » mà cũng không có nghĩa « mới » nó chỉ trong một căn bệnh mà thôi. Nhưng nói về ám dương, hàn nhiệt, biều lý, hư thực, chân giả thì cái bệnh hầu như không giống nhau mà nguyên nhân thì lại khác nhau xa.

Những người Thé-y luôn luôn gò bó trong thói quen, say mê trong ý kiến nồng cạn, thấy người nói sao thì cũng cứ hay vậy mà điều trị. Nhưng cái bệnh danh mà điều trị đó lại chẳng tìm hiểu nguyên nhân bệnh ấy bởi đâu !

Nay Tiên sinh mỗi khi gặp một bệnh chứng, hẳn là bày giải nghĩa « thường » trước, rồi bày giải nghĩa phi thường sau. Như vậy là tìm nghĩa « mới » mà không quy tụ trong nghĩa « thường », cho nên tự nhiên thành nghĩa « mới » vậy.

Tập Nữ-Khoa này. Sao mà 2 bài nữ khoa, 2 bài sản hậu. Trong thiên Nữ Khoa đã chép riêng một môn sản hậu, mà trong thiên sản hậu lại chép những bệnh danh giống như cuối quyển Nữ Khoa, làm cho một quyển tựa hồ 2 quyển, có khi đã nói rồi lại nói lại, có khi bài này có, bài kia không. Vậy mà Tiên sinh vẫn chép thành 2 thiên, không khỏi làm cho Độc giả choáng mắt.

Nhưng tìm biết ý của Tiên sinh sở dĩ chép riêng « sản hậu trị pháp » ra một thiên là vì chủ ý đem bài SINH HÓA THANG của TIỀN THỊ đặt ra thành một vấn đề, rồi nhận vậy mà gọi là SINH HÓA BIÊN để tránh sự trùng hợp của 2 thiên mà vẫn không mất ý chính của nguyên bản. Đó là cái chí của Tiên sinh. Cho nên từng nói rằng : Tiên sinh chép sách hết sức tìm nghĩa « mới » mà vẫn thích nghi với nghĩa « thường ». Thật những kẻ hay lập dị hiểu kỹ không thể so sánh được.

— XVI —

MÂU TU này, chăm chăm gìn giữ sách này mà ghi vào lòng đã có hàng năm. Trước còn đến nhà bạn xoay xở mượn mà sao lục, thời gian lâu mới được một bản vừa in ở Hải Sơn Tiên Quán tung thư đem về nghiên ngẫm xem xét.

Mỗi khi mở tập sách này ra được sáng tỏ rõ ràng mà không dám có cái ý sửa đổi hay chấm móc. Còn tất cả những nghĩa tiết lớn, đức hạnh cao của Tiên sinh đều thấy ghi chép man mác trong các sách : Mā-vān dūng nghĩa sỹ truyện. Lý tử ngọc nho lâm truyện, Cô đằng hạc trưng kiêm tết đường văn tập và Tiều trường lô thi tập. Mong rằng chép lại thành từng pho, hòng làm sáng tỏ thêm cho sách này. Để cho kẻ Độc giả như được thấy Tiên sinh thật.

Niên hiệu Đồng-Trị thứ 3, năm Giáp-Tý  
tháng 5 ngày 16, tiết Nguyên hòa

HẬU HỌC LỤC MÂU TU

Kính cẩn chép bài tựa ở bến đò Thanh phố.

### III - TRUYỆN PHÓ SƠN TIỀN SINH

---

**PHÓ TIỀN SINH**, tên SƠN, tự là THANH CHỦ, lại tự là CÔNG ĐÀ. Người ở Dương Khúc. Tồ là LÀM, làm quan Sơn Đông Liên Hải Tham Nghị. Cha là CHI MÔ làm Minh Kinh (giáo sư) dậy học trò, hiệu là LY CỐC tiên sinh.

PHÓ SƠN sinh ra khôn sáng lạn thường, đọc sách 10 hàng chữ một lượt, nhìn qua là thuộc lòng. Năm ông 14 tuổi, Đốc học VĂN THÁI THANH chọn vào Đại Học. Sau VĂN THÁI THANH đến Viên Lâm Hầu tiên sinh là KẾ HÀM mới một lần thấy Ông đã rất quý chuộng, bèn cấp giấy cho ăn lương đè mà học 3 lần lập Thư viện, Thầy luôn luôn ước mong cho trò cùng đi đến đạo học. Ông thấy vậy càng cảm phẫn đóng cửa đè học. KẾ HÀM thường nói, Văn của PHÓ SƠN thật là hay, nhưng chưa thoát được mùi văn sơn lâm.

Năm Bính Tý đời Sùng Trinh, KẾ HÀM bị quan Trực chỉ là TRƯỞNG TÔN CHẨN vu khống bắt hạ ngục. PHÓ SƠN một mình trên con đường bộ xa ngoài ngàn dặm, tìm đến Cung Khuyết kêu oan cho Thầy. TÔN CHẨN giận, sai nhiều người lùng bắt PHÓ SƠN. PHÓ SƠN cài trang ra người áo rách lam lũ, di chuyền hàng trăm ngã đường khác để lẩn tránh, không quay trở lại.

Đến khi cái oan của KẾ HÀM đã được sáng tỏ. Danh nghĩa của PHÓ SƠN đồn vang thiên hạ.

Sau KẾ HÀM lại được làm quan ở Nam phương, luôn luôn mời PHÓ SƠN đến, mà rốt cuộc PHÓ SƠN không đến.

Khi Quốc Triều đã phân định chân vạc xong. Từ khi Cửu Giang lại bắt KẾ HÀM lên mạn Bắc. PHÓ SƠN yên lặng lẩn mò vào Bắc đô, âm thầm kín đáo trông nom sự ăn ở cho KẾ HÀM. Khi KẾ HÀM bị giết rồi, PHÓ SƠN thâu lượm những di cảo của KẾ HÀM mà trở về.

PHÓ SƠN tính rất có hiếu. Khi thân phụ Ông là CHI MÔ bệnh nặng. Sốm hôm Ông ngửa mặt cầu Trời, xin đem thân

## — XVIII —

mình đè thay cha. Như vậy, trong một tuần thân phụ Ông khỏi bệnh. Người ta bảo : Cái sự hiểu của PHÓ SƠN thông cảm đến thần minh chẳng khác gì KIỀM LÂU vậy.

Khi thân phụ Ông mất, trong thời gian cư tang, Ông, thương xót và hùy hoại thân minh rất mực, chỉ nằm ò rơm uống nước cháo, không ăn rau quả. Ông yêu quý các em, những di sản của Tiền nhân để lại, em Ông hoang phí phỏng dũng quá nữa, mà suốt đời Ông không tỏ vẻ oán giận. Khi em Ông mất, Ông vỗ về nuôi nấng cháu bồ côi hơn cả con mình. Khi ông 27 tuổi, Bà vợ Ông mất, để lại cho Ông người con là PHÓ MỸ mới 5 tuổi, chung quanh Ông không một hẫu thiếp, Ông thè không tục huyền. Đối với họ hàng làng ngõ, Ông hết sức chăm lo cho khi thong thả, lúc cần kíp. Lại vì người ta cắt đặt lẽ phải đè nhường nhịn nhau, hòa thuận nhau, thẳng ngay kinh mến người trên. Nói truyện với người thì noi theo đường trung hiếu, bàn tính công việc thì cốt yếu là thành thật, bởi vì tính đôn hậu, lòng di luân là cẩn bản tự nhiên sẵn có, chứ không hề miễn cưỡng vậy.

Từ khi Lý tự Thành xâm phạm kinh sư, làm cho Minh Trang Liệt Hoàng Đế phải tuẫn tiết vì nước. PHÓ SƠN bèn bỏ ý tiền thủ, bỏ áo xanh, mũ vàng làm Thạch Đạo Nhân áo tơi giép cỏ, ngày ngày ngao du trong khoảng Bình định và Kỳ phan, đi đến đâu cũng có nét bút, ngắn mực, giỏi thi phú, hay văn cò. Khi đọc sách được 2 vị Vương thần phù trợ, tất cả cò kim thư tịch và bách gia chư tử đều bao gồm thông suốt, nói nghĩa lớn thì biết nghĩa lớn, nói chữ nhỏ thì biết chữ nhỏ. Lại nhờ có tư giỏi về hội họa đè tả nên hết thảy ý nghĩa khúc chiết rất là thần diệu. Tinh thông y thuật của Huỳnh đế, Kỳ bá, sâu rộng mạch lý, thường đem nghĩa lý Nho thư mà thông hoạt, chứ không bo bo trong câu nói của Thúc Hào, Đan Khê. Những người tới xin chữa bệnh chờ chực đầy cửa nhà, vậy mà kẻ sang người hèn coi như một cỏ ; công việc bận rộn đến thế, vậy mà tiền của thiếu thốn cũng vẫn bình tĩnh trong cảnh an bần lạc đạo : Nhà cửa ruộng vườn phần nhiều bị kẻ tiều nhân trộm cắp, vậy mà vẫn đại khái đặt vào sự bất vấn.

## — XIX —

Năm Mậu Ngọ đời Khang Hy. Đinh thản là Giao Chương tiến cử PHÓ SƠN. Được chiếu chỉ ban ra cử Ông làm Bá học hoành từ. PHÓ SƠN vẫn kiên trì lấy cớ là lão bệnh xin từ cáo. Nhưng những người đương hành sự đó bức bách Ông phải lên đường lập tức. Khi đi đường Ông kêu đau về đùi không thể đi, họ liền ghé vai đầy xe đến Kinh đô. Khi đến Kinh đô Ông nằm ở quán trọ không đến dự thi. Vậy mà biết bao người, trên từ vương công, khanh tướng, hiền sỹ, đại phu, dưới đến những người mĩ y (thú y), kẻ hạ huề (người cày ruộng chiêm, và những kẻ bình dân nơi phố chợ, hết thảy đều kính trọng việc làm có nghĩa của PHÓ SƠN,とり yết kiến Ông đầy cả nhà cửa, con là PHÓ MY mời đón, tiền đưa không xuể. Ông chỉ ngồi tựa lưng trên giường mà rằng, vì bệnh già không thể giữ lê được. Vì vậy các bậc quý nhân lại càng quý trọng thêm, chứ không lấy làm lạ.

Tháng 3 năm sau, trong Lại bộ xét biết Ông có bệnh, bèn vào tâu Vua xin phụng chỉ cho PHÓ SƠN chép sách văn học, nhưng nghĩ là tuổi Ông đã nhiều, đặc cách cho Ông làm quan trong nội các trung thư để ghi lại những lời các quan địa phương nói với Ông. Sau đó, bèn được cho về.

Khi về quê rồi, Ông vẫn tự cam chịu sự đạm bạc, lánh ở nơi đồn xa, không vào chốn thành thị, thế mà kẻ khâm mộ danh Ông càng nhiều người noi theo con đường quanh co khúc khuỷu mà đến, chỉ mong được gặp mặt Ông một lần là sung sướng. Rồi 6 năm sau Ông mất, xa gần hội đến làm lễ tang. Ông có đến vài trăm ngàn người.

Những sách của PHÓ SƠN chép đè lại có : Tinh sử thập tam kinh tự khu, Chu dịch ngẫu thích, Chu lê âm biện điều, Xuân thu nhân danh vận, địa danh vận và Luống hán nhân danh vận.

**Khê Lê Trai rằng :** Trước kia ta từng lấy làm quái lạ, Tiên sinh đâu có gặp đời Nghiêu Thuấn mà giocard một lòng cao thượng, lại từ chối sứ Vua vời gọi quả quyết đến như vậy. Đến khi đọc Hán sử, thấy Chu đảng vương bá là người từng không chịu nhục dưới thời Tân Mäng (Vương Män, nước

## — XX —

Tân). Đến năm Kiến Vũ (Đông Hán, Quang Vũ Đế) lại lần tránh, mấy lần nhà Vua liên tiếp trưng triệu không chịu ra. Bấy giờ mới biết những nhân sỹ đều có chí riêng. Bởi Tiên sinh là người hữu đạo mà đi ăn cư vậy. Kia thấy rõ cuối đời nhà Minh, trên dưới giao tranh nhau lấy lợi, rốt cuộc bị diệt vong bởi tay quân đạo khấu. Thật vậy, Tiên sinh đã gởi lòng mình vào nơi cỏ rậm rừng sâu, còn hơn là lấy mũ áo xanh đỏ của Triều đình làm vinh. Đến như việc Tiên sinh lấy nghĩa mà minh oan cho người tri kỷ, còn hơn nhiều kẻ ở đời, lúc bình cư thì thày bạn thân mến nhau, mà khi lâm nạn thì trở mặt đi, không thèm cứu giúp lấy một tay, lờ đi như là xa xăm chẳng quen biết nhau vậy.

Còn ngữ rằng : « Dàn sinh ư tam, sự chi như nhất » lẽ sống của người ở đời là nhờ có 3 đẳng, (quân, sư, phụ) thì ta phụng sự như một. Như vậy thi chỉ giữ nghĩa với 3 đẳng ấy cho đến chết vậy. Tiên sinh thật là người không phải xấu hổ vậy thay !

*Nên tán thường rằng :*

*Ôi ! chỉ có Tiên sinh  
Bậc Thánh chi thanh  
Không pha vì chinh nghĩa  
Kêu cứu giúp oan tình  
Gặp cơn hoạn nạn  
Chẳng hề sợ Kinh  
Không màng trưng triều  
Từ chối tôn vinh  
Mở đường lối trước  
Cho kẻ dân sinh  
Bao công giáo hóa  
Xiết kẻ thành danh  
Trầm đời kẻ tiếp  
Nơi gương thực hành*

## IV – TRUYỆN TRUNG QUÂN (1) PHÓ SƠN

*Phụ chép ở Trì bắc ngẫu đàm.*

TRUNG QUÂN PHÓ SƠN, tự là THANH CHỦ  
lại tự là CÔNG ĐÀ, người phủ Thái Nguyên. Bà Thân mẫu Ông  
nằm mộng thấy một Vị lão Tỳ Khâu (tu sỹ khất thực)  
mà sinh ra Ông. Khi sinh ra, Ông không khóc. Khi ấy có  
một vị Sư Tăng lùa đến cửa bảo: «đã sinh ra hè tất không  
khóc», Ông bèn khóc. Khi ông đã 6 tuổi, chỉ ăn hoàng tinh,  
không thích ăn cơm gạo nhưng gượng ép Ông lại ăn. Ông  
đọc 13 kinh và các sách Tứ, sách Sứ như đã thông thuộc  
từ trước.

Năm Sùng Trinh thứ 10. Viên lâm hầu KẾ HÀM làm  
Đốc học Sơn Tây, bị Tuần án ngự sứ TRƯỞNG TÔN CHÁN  
vu khống hạch sách bắt tội. Ông mang túi lương ăn trên  
người đi khắp đó đây tả hữu, tìm đến cung khuyết rạp đầu  
dâng thư kêu oan cho KẾ HÀM.

Dự đức Mã quân THƯỜNG THẾ KỲ làm truyện  
«Sơn hữu nhị nghĩa sỹ» (Phó Sơn và Phàn dương, Tiết tôn  
Chu) để so sánh cùng Bùi Du, Ngụy Thiệu.

Khi hết loạn, Ông mộng thấy Thiên đế cho Ông bộ áo  
nhà chùa và mũ vàng, Ông bèn trang phục ra người Đạo  
Sỹ. Y thuật Ông nhập thần, những người có chức sự tối yết  
kiến Ông về vấn đè y được thì Ông xuất hiện. Nếu không  
thì Ông không xuất hiện.

Năm Mậu Ngọ đời Khang Hy. Ông được Vua vời đến  
Kinh sư để phỏng vấn. Ông lấy cớ là bệnh già xin từ chối.

Năm Kỷ Mùi, Ông cùng Phạm Dương và Đỗ Việt cùng  
làm quan Xá Nhân trong Nội các trung thư.

— XXII —

Khi về làng, Ông viết 8 phần kiều chữ lệ và chạm khắc chữ triện vào vàng đá được 8 dật phầm tài tình. Con Ông là PHÓ MY tự THỌ MAO cũng giỏi về chạm khắc và thơ phú cõi hàng mấy chục bài. Ngày thường cùng con cái kéo xe thuốc đi bán khắp tứ phương, tối về nghỉ ở quán trọ, đốt đèn dậy học kinh sử và những sách văn chương thi phú, đến sớm mai phải thuộc lòng mới lại đi bán thuốc. Nếu không sẽ đánh đòn.

**TẾ NAM VƯƠNG SĨ CHÍNH (chép lại)**

- 
- (1) TRƯNG QUÂN: Những nhân sĩ có tài ba được nhà Vua vời gọi là Trung Sĩ. Đời tôn trọng gọi là Trung quân, không phải chia vị.

DỊCH GIÁ  
ĐINH NINH + LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主男科

**PHÓ THANH CHỦ NAM KHOA**  
**KHOA CHỮA BỆNH ĐÀN ÔNG**

của  
Tác giả PHÓ THANH CHỦ

DỊCH GIÀ : ĐỊNH MINH – LÊ ĐỨC THIẾP

# PHÓ THANH CHỦ • NAM KHOA



傷 寒

## 1. THƯƠNG HẦN

(Mục nói về bệnh thương hàn)



初 病 說

### SƠ BỆNH THUYẾT

(Nói về khi mới phát bệnh)

Nói chung : Những chứng bệnh về ngoại cảm, khi mới bắt đầu phát bệnh mà dùng thuốc cho đúng vẫn còn được dễ dàng. Không như người đời xem bệnh chưa rành đã dùng thuốc chữa bệnh lầm lẫn rồi beng bè thường thường đến nỗi biến ra hàng bao chứng bệnh nữa, khác nào như ong vỡ tò thật là nguy. Nếu xem bệnh cho rành, dùng thuốc cho đúng làm sao có thể biến chứng được.

傷 風

### THƯƠNG PHONG

(Vì gió làm đau)

Phàm người ta khi mới bị thương phong (cảm gió) Về chứng bệnh tất nhiên nhức đầu, đau mình, ho lấm đàm, mũi chảy nước trong. Về mạch tất nhiên phải mạch PHÙ.

— 26 —

Dùng ngay những vị :

防 風	PHÒNG PHONG
禁 胡	SÀI HỒ
辛 夏	BÁN HẠ
荆 苓	KINH GIỚI
黃 芩	HOÀNG CẨM
甘 草	CAM THẢO

Các vị cùn lượng bằng nhau (1 hay 2 hay 3 đồng cùn tùy bệnh). Lấy nước sắc uống, uống 1 thang hết liền, bất tất phải uống 2 thang.

Xét rằng : Trong các cò thư đều nói trúng phong, mà đây nói thương phong, 2 nghĩa khác nhau, trúng phong bệnh nặng, thương phong bệnh nhẹ. (Trong quyển Nam Khoa này, những bài có chữ «xét rằng» đều của Hậu học LỤC MẬU TU là người đã viết bài tựa thứ 2 ở trên).

### 傷 寒 THƯƠNG HÀN (Vì lạnh làm đau)

Phàm khi mới phát bệnh thương hàn (cảm lạnh). Về chứng bệnh tất nhiên nghẹt mũi khó thở, nước mắt dấp dinh, nhức đầu, cứng gân cò. Về mạch tất nhiên phải là mạch PHÙ mà KHẦN.

Dùng ngay những vị :

桂 檀	QUẾ NGÀNH (quế nhỏ cành)
羌 藁	CAN CÁT
陳 皮	TRẦN BÌ
甘 草	CAM THẢO

Các vị cùn lặng bằng nhau (nhiều ít tùy theo bệnh nặng nhẹ). Lấy nước sắc uống, uống 1 thang hết bệnh.

- 27 -

外 感  
NGOẠI CẢM  
(Bệnh ngoại cảm)

Phàm người ta bị ngoại cảm, tất nhiên phát nóng.

Dùng ngay những vị :

柴 胡 SÀI HỒ  
黃 苓 HOÀNG CẨM  
荆 芥 KINH GIỚI  
半 夏 BÁN HẠ  
甘 草 CAM THẢO

Các vị cân lượng bằng nhau, lấy nước sắc uống.

Những không khí bất chính (tà khí) trong 4 mùa, xâm phạm vào thận thể người ta, tất nhiên cảm vào bì phu trước rồi thẩm vào vinh vệ khí huyết sau, cho nên dùng:

SÀI HỒ, KINH GIỚI để phát tán cái tà ở ngoài bì phu trước. Khi mà cái tà ấy đã phát tán rồi thì làm sao còn nhập nội được.

BÁN HẠ để khử đàm, thì cái tà ấy không hiệp với đàm mà làm dữ được.

HOÀNG CẨM để thanh hỏa, thì cái tà ấy không hiệp với hỏa mà làm hại được.

CAM THẢO điều dẫn các vị thuốc để hòa trung khí, thì tà khí tán mà không phương hại đến chính khí. Đó là trị bệnh ngoại cảm phát nóng, còn như « nội thương phát nóng » thì không uống thuốc này được.

Xét rằng : Ngoại cảm mà phát nóng thì vệ khí ở bên ngoài bể tắc lại. Nội thương mà phát nóng thì vinh huyết ở bên trong hao tổn đi. Ngoại cảm mà nóng thì nóng ở bì mao. Nội thương mà nóng thì nóng ở xương tủy. Phép trị khác nhau. Đây nói ngoại cảm phát nhiệt, còn nội thương phát nhiệt chép ở phần dưới.

— 28 —

**傷 食**  
**THƯƠNG THỰC**  
(Vì ăn làm đau)

Phàm bệnh thương thực tất nhiên trong bụng no đầy buồn ngực, làm cho thấy cơm mà sợ, vì ăn vào lại chuyên động làm đau. Dùng phương thuốc :

白 木	BẠCH TRUẬT	1 đồng cân sao vàng
白 苞	BẠCH LINH	1 đồng
枳 先	CHỈ XÁC	1 đồng
棗 茅	CỐC NHA (mộng thóc)	2 đồng sao vàng
參 茅	MẠCH NHA	2 đồng sao vàng
山 竹	SƠN TRA	2 đồng sao
神 曲	THẦN KHÚC (1)	5 đồng nướng chín
半 夏	BÁN HẠ	1 đồng chè
甘 草	CAM THẢO	5 phần nướng than
砂 仁 肉	SA NHÂN NHỤC	5 phần

Lấy nước sắc uống 1 thang khoan khoái, uống 2 thang khỏe.

**瘧 疾**  
**NGƯỢC TẬT**  
(Bệnh sốt rét)

Dùng phương thuốc NGỘ TIỀN ĐƠN : 過 仙 升

生 草	SINH QUÂN	6 lạng tức ĐẠI HOÀNG
梔 柳	BINH LANG	3 lạng
三 積	TAM LÂNG	3 lạng cắt nhỏ tầm giấm sao, khô
枳 木	NGA TRUẬT	3 lạng cắt nhỏ tầm giấm sao, khô
黑 壴	HẮC SỬU	3 lạng sao vàng
白 壴	BẠCH SỬU	3 lạng sao vàng
木 香	MỘC HƯƠNG	2 lạng
甘 草	CAM THẢO	1 lạng

— 29 —

Tất cả cùng tán nhỏ, lấy nước lᾶ luyện làm hoàn. Mỗi khi gặp ngày lên cơn, cứ sáng sớm lấy 3 hay 4 hoàn uống với nước nóng, rồi ăn luôn một chút cháo nóng để cho bồ. Cứ ăn đồ sống đồ lạnh, cá tanh, củ kiệu và miến.

### — Đàm bà có thai chờ uống.

Xét rằng : Phương thuốc này làm hoàn, mà hoàn lớn hay nhỏ chưa định phân lượng. Kẻ này nghĩ rằng nên làm mồi hoàn 1 đồng cân làm mức. Thuốc này người phương Nam và những người già yếu mà sốt rét đã lâu, chỉ nên uống mỗi lần 1 hay 2 hoàn.

### 傷暑 THƯỢNG THỦ (Cảm nắng)

Người cảm nắng tất nhiên vâng đầu, khát nước, sợ nóng, nặng hơn thì nóng mình, lên cơn, thở, lâm đàm. Dùng phương :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng cân (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng cân
茯 苓	PHỤC LINH	2 đồng cân
甘 草	CAM THẢO	1 đồng cân
青 萎	THANH CAO (2)	1 lượng
香 氣	HƯƠNG NHU	3 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khỏi.

### 大 痘 ĐẠI MÃN (Bụng đầy trường)

Đó là tà khí ủng trệ bể tắc ở Thượng tiêu (3) mà không tiêu tan đi được. Nên dùng :

— 30 —

瓜 瓜	QUA LÂU	2 đồng, bỏ vỏ, sao khô, giã nát
枳 柚	CHỈ XÁC	3 đồng
花 花	THIỀN HOA PHẤN	3 đồng
芍 子	CHI TỬ	1 đồng, sao cháy
陳 皮	TRẦN BÌ	3 đồng
厚 朴	HẬU PHÁC	1 đồng 5 phần
半 夏	BÁN HẠ	1 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 đồng

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này rất hay, hoàn toàn bởi dùng QUA LÂU để trục khứ những chất ăn định trệ ở hung cách mà tiêu cát đàm ở Thượng tiêu (3), dùng CHI TỬ để giải trừ cái buồn phiền ở dưới Tim, huoang chi lại nhờ CHỈ XÁC, THIỀN HOA PHẤN cũng là vị thuốc thành trong việc tiêu hóa, lại còn có HẬU PHÁC, BÁN HẠ để tiêu cát đàm ở đầu—cuống dạ dày, lại càng hay ở chỗ có CAM THẢO làm cho những chất thuốc đó hãy còn lưu lại ở trong, chứ không thông hạ mau chóng thì tà khí không thể ở lại lâu được mà phải tiêu tán đi.

### 發 汗 PHÁT HÃN (Cho ra bồ hơi)

Phảm người ta bị ngoại cảm mà tà khí còn ở trong khoảng lân da thịt thì hẳn là phải dùng thuốc phát hán để sơ tiết. Nên dùng :

荆芥	KINH GIỚI	1 đồng cân
防風	PHÒNG PHONG	1 đồng
甘草	CAM THẢO	1 đồng
桔梗	CÀT CÁNH	1 đồng
麻葉	TÔ DIỆP	1 đồng
白朮	BẠCH TRƯẬT	5 đồng
雲苓	VÂN LINH	3 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	5 phần

— 31 —

Lấy nước sắc uống. Phương này hay & chỗ dùng BẠCH TRUẬT làm quân. Bởi vì tỳ vị người ta mà nó mạnh thì rời chân lồng, lán da, thở thịt nó mới thở ra, có lại được tự nhiên. BẠCH TRUẬT đã kiện tỳ khứ thấp thi tà khi khó mà ở lại được, phương chỉ lại có KINH GIỚI, PHÒNG PHONG, TÔ DIỆP, CẮT CÁNH để phát tán tà khi ở biếu phận nữa.

### 寒 热 真 假 辨

#### **HÀN NHIỆT CHÂN GIẢ BIỆN**

*(Phân tách chân hàn giả hàn, chân nhiệt giả nhiệt)*

**BỆNH CHÂN NHIỆT :** Cả miệng lưỡi suốt tối cò họng khô ráo nứt nẻ, mọc những mầm trắng đỏ như gai lỏng rậm rạp mà kêu gào đòi nước, đê tay vào da thịt nóng gần như rất bàn tay mà lại không có mồ hôi, như vậy liên miên ngày đêm. **Bệnh GIẢ NHIỆT :** miệng tuy có khát mà không khát lắm, lưỡi tuy có khô mà không khô quá đến nỗi nứt nẻ mọc mầm gai.

**Bệnh CHÂN HÀN :** Người rét run không lúc nào ngọt, tay chân lạnh mãi không ấm lại được, da mặt xanh thâm, miệng không nói được mà cứ có tiếng kêu kho kho không thể hầm lại được. **Bệnh GIẢ HÀN :** Người rét run, khí đưa ngược nhưng không quá lắm, tay chân lạnh giá mà cũng có lúc òn hòa, có lúc nắm yên, có lúc gân xương co giật.

### 乍 寒 乍 热 辨

#### **SẠ HÀN, SẠ NHIỆT BIỆN**

*(Biện luận về bệnh một thoáng lại nóng, một thoáng lại lạnh)*

Những chứng bệnh có khi chỉ ơn ớn sợ lạnh mà rồi phát nóng ấy là bởi âm mạch đã bất túc thì dương khí cũng thuận mà đi theo. Dương mạch đã bất túc thì âm khí đi ngược lại xâm lấn.

Tại sao « dương bắt túc » ? — bởi vì Thổn mạch thuộc dương mà thốn mạch nhược là dương bắt túc, dương khi đã bắt túc thì âm khi di ngược lên vào trong dương, sinh ra sợ lạnh.

Tại sao « âm bắt túc » ? — bởi vì xích mạch thuộc âm, mà xích mạch nhược là âm bắt túc, âm khi đã bắt túc thì dương khi di xuống hâm vào trong âm, sinh ra phát nóng.

Phàm trị những bệnh hàn nhiệt : Nên dùng SÀI HỒ vì SÀI HỒ thăng dương khí, không đè cho dương khí di xuống hâm vào trong âm thi không phát nóng : Dùng HOÀNG CẦM, vì HOÀNG CẦM giáng âm khí, không đè cho âm khí di lên vào trong dương thi không sợ lạnh.

---

Xét nghĩa câu đó có thể biết rằng : Trị bệnh sốt rét có thể dùng « Tiêu sài hồ thang » (15).

真 热  
**CHÂN NHIỆT**  
(Bệnh thật nhiệt)

Bệnh thật nhiệt nên dùng :

麻 黃	MA HOÀNG	3 đồng cân
黃 連	HOÀNG LIỀN	3 đồng
黃 苒	HOÀNG CẦM	3 đồng
石 灰	THẠCH CAO	3 đồng
知 母	TRI MÃU	3 đồng
半 夏	BẢN HẠ	3 đồng
當 彙	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
枳 先	CHỈ XÁC	2 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang bớt, 2 thang hết bệnh.

— 33 —

真 寒  
**CHÂN HÀN**  
(*Bệnh thật hàn*)

Bệnh thật hàn nên dùng :

附 子	PHỤ TỬ	3 đồng cân
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —
乾 姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
白 术	BẠCH TRUẬT	5 —
人 参	NHÂN SÂM	1 lạng

Lấy nước sắc uống ngay để cấp cứu.

Đây là bệnh « chán » trung hàn tà làm cho THẬN HỎA phải tránh xa ra ngoài thận thè mà cái tà khí của âm trực phạm vào TÂM CUNG. Âm tà đã trực phạm vào Tâm, thì Tâm quản không giữ được tự chủ, mà Can khí cùng không nơi nương tựa, bèn phát ra bệnh lạnh run làm cho cẩm khẩu, tay chân xanh ngắt. Thế thì dùng QUẾ PHỤ CÀN KHƯƠNG để trục hàn tà là đủ rồi, hà tất phải dùng SÂM TRUẬT, mà dùng SÂM TRUẬT lại nhiều đến thế. Tại sao ? Bởi vì cái khí nguyên dương đã phi việt ra ngoài, chỉ còn một mảy may là chưa tuyệt hết. Nếu chỉ dùng QUẾ, PHỤ, CÀN KHƯƠNG là một loại thuốc cay nóng để trục hàn tà, thì tuy rằng có trục được hàn tà ra ngoài, nhưng cái chán khí sẽ đến chỗ hết. Vậy nếu đã dùng QUẾ, PHỤ, CÀN KHƯƠNG mà không dùng nhiều SÂM TRUẬT thì làm sao lấy lại được cái chính khí ở trong cái khoảng một còn một mất kia.

假 热  
**GIẢ NHIỆT**  
(*Bệnh giả nhiệt*)

Bệnh giả nhiệt (bệnh thì nhiệt mà lại không phải là nhiệt) nên dùng :

— 34 —

黃連	HOÀNG LIỀN	3	đồng cân
當歸	ĐƯƠNG QUY	3	—
白芍	BẠCH THƯỢC	3	—
半夏	BẢN HẠ	3	—
茯苓	PHỤC LINH	2	—
柴胡	SÀI HỒ	2	—
桔子	CHI TỬ	2	—
枳壳	CHỈ XÁC	1	—
菖蒲	XƯƠNG BỒ	3	phân

Lấy nước sắc uống nóng.

Phương thuốc này hay ở chỗ : Đã đưa HOÀNG LIỀN vào Tâm cung, lại nhờ có CHI TỬ cầm dao đi thẳng vào trù tà thì không có cái tà nào mà không tiêu tán ; lại có SÀI HỒ, BẠCH THƯỢC chẹt đường vận lương của dịch ; BẢN HẠ, CHỈ XÁC thì chém giết những kẻ dư đảng. Như vậy một khi trung nguyên đã bình định được rồi thì không phải chiến nữa mà 4 phương quy phục. Tuy nhiên ! nếu trị cái hỏa ở trong mà không đúng phép thì cái thế bình trướng của dịch lại trở lại như cũ, cho nên lại gia XƯƠNG BỒ là chất cay nóng rồi nhân cái lúc phát nóng mà uống vào, thì cái nóng gấp nóng nổ ứa nhau, nó sẽ giúp cho nhau mà hạ xuống, chứ không đi đến phản nhau.

### 假寒

### GIẢ HẦM

(Bệnh giả hàn)

Bệnh giả hàn (bệnh thì hàn mà lại không phải là hàn) nên dùng :

肉桂	NHỰC QUẾ	1	đồng cân
附子	PHỤ TỬ	1	—
人參	NHÂN SÂM (4)	3	—

白木 BẠCH TRUẬT 5 đồng cát  
 猪胆汁 TRƯ ĐẦM TRẤP (nước mật heo) nửa cái.  
 苦菜汁 KHỒ THÁI TRẤP (rau đắng giã lấy nước) 13 muỗng.

Đồ 3 chén nước, sắc lấy 1 chén, uống nguội.

Nghĩa là bỏ 4 vị thuốc trên vào siêu, rồi đồ nước vào sắc, khi sắc đã được, đem cả siêu thuốc ấy thả vào chậu nước lạnh, chờ cho thật nguội, rót ra chén, bấy giờ đem nước mật heo, nước rau đắng, đồ vào chén thuốc, quấy đảo cho thật đều, rồi uống một hơi cho hết.

Trong phương thuốc này hoàn toàn là thuốc nhiệt, nếu uống không đúng phép, tất nhiên hư hỏa nó xung ngược lên làm cho thuốc đã uống phải ối ra. Vậy thuốc nóng tất nhiên phải uống nguội để thuận theo cái tính của nó. Đã thuận theo tính, lại còn có 2 vị thuốc đắng đi xuống rất nhanh phòng giữ cái đường già đạo của bệnh hàn.

### 真 热 假 寒 **CHÂN NHIỆT, GIẢ HÀN** *(Bệnh chân nhiệt mà có giả hàn)*

Bệnh này ngoài thân mình thì lạnh giá mà trong mình thì nóng như lửa đốt, phát nóng phát lạnh run cầm cập cả người liên miên không dứt. Đó là bệnh « chân nhiệt » mà lại xuất hiện ra những bệnh tượng « giả hàn », để lừa người ta.

Phép trị nên dùng TAM HOÀNG THANG (6) gác THẠCH CAO, SINH KHƯƠNG, lấy nước sắc uống, uống ngay khi thuốc nóng. Lại lấy nước giếng mà vẩy vào tim nơi trước ngực vài ba chục lần. Như vậy thì bệnh nội nhiệt tự nhiên hết mà bệnh ngoại hàn cũng chẳng còn vậy. Sau đó dùng HUYỀN SÂM, MẠCH ĐÔNG, BẠCH THƯỢC mỗi thứ 2 lạng, lấy nước sắc uống, uống gián mài vào, sẽ không tái phát.

— 36 —

真 寒 假 热  
**CHÂN HÀN, GIẢ NHIỆT**  
*(Bệnh thật hàn mà có giả nhiệt)*

Bệnh này hạ bộ hàn lạnh, thượng bộ đại nhiệt-miệng khát muốn uống nước, nhưng uống vào khỏi cò lại thò ra. Đó là bệnh « chân hàn » mà lại xuất hiện ra những bệnh tượng « giả nhiệt » để dối người ta.

Phép trị nên dùng BÁT VỊ THANG (7) đại tê, lấy nước sắc, để thật nguội sẽ uống. Lại nhờ người ta lấy tay xát vào 2 lòng bàn chân của bệnh nhân, xát mãi, xát đến bao giờ 2 lòng bàn chân nóng như lửa mới thôi. Nếu chưa nóng thì chưa được. Khi đã nóng rồi, đặt 2 miếng « bánh thuốc Ngò thù » vào 2 lòng bàn chân, lấy khăn buộc chặt lại, một lát sau ắt nằm ngủ được, đến khi thức dậy hạ bộ sẽ nóng mà cái hỏa ở thượng bộ cũng hết.

Bánh thuốc Ngò thù : Ngò thù 1 lượng, Phù tử một đồng càn, 2 vị tán nhỏ, trộn vào 3 phần Xạ hương, lấy một chút bột mì nấu hồ, luyện thuốc ấy lại thành 2 miếng bánh dày dẹt mà rịt vào hai lòng bàn chân.

上 热 下 寒  
**THƯỢNG NHIỆT, HẠ HÀN**  
*(Trên nóng dưới lạnh)*

Bệnh này hỏa ở Thượng tiêu (3) mạnh quá làm cho mặt đỏ, cò họng đau, thò ra đàm ờng ợc như nước suối chảy vọt, nửa người trên không muốn mặc áo, mà nửa người dưới thì lạnh ngắt. Đó là trên giả nhiệt mà dưới chân hàn : Nên dùng :

附子生	PHÙ TỬ SỐNG	1 củ
熟地	THỰC ĐỊA	4 lượng
山茱萸	SƠN THÙ	2 lượng
麥冬	MẠCH ĐÔNG	5 chỉ khứ tâm
茯苓	PHỤC LINH	1 lượng 5 chỉ, bỏ vỏ.

五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 chỉ
丹皮	ĐƠN BÌ	1 lạng 5 chỉ
澤左	TRẠCH TÀ	1 lạng 5 chỉ
肉桂	NHỤC QUẾ	5 chỉ

Đỗ 10 chén nước vào cái nồi lớn mà sắc (Nếu nước chưa ngập các vị thuốc thì phải đỗ thêm) sắc khi còn lại độ 3 chén, để thật nguội lạnh sẽ uống. Rồi lại đỗ thêm mấy chén nước nữa vào mà sắc, sắc còn lại độ 1 chén, lại để nguội, uống một hơi nữa, lập tức được yên tĩnh. Đó là phép « thượng bệnh hạ trị » nghĩa là bệnh ở trên mà trị ở dưới.

循 衣 摄 空  
**TUẦN Y TOÁT KHÔNG**  
 (z tay lăn áo, nắm bìng không)

Bệnh này nếu không phải là đại thực chứng thì là đại hư chứng. Sự hư thực đó nên tìm kỹ nguyên nhân, xét mạch xem bệnh cho rõ ràng trắng đen mới có thể cho thuốc.

Thực chứng mà đại tiện bí thì uống ĐẠI THUA KHÍ THANG (8).

Hư chứng mà đại tiện hoạt thì uống ĐỘC SÂM THANG (chỉ sắc 1 vị SÂM mà uống) Nếu quyết nghịch (5) thì gia PHỤ TỬ.

陰 虛 發 痘  
**ÂM HƯ SONG NGA**

*Âm huyết hư, mọc 2 con kén trong cổ họng (bệnh đau yết hầu)*

Nên dùng PHỤ TỬ 1 đồng cùn, làm nước muối sao, mỗi lần lấy một miếng mà ngâm trong miệng. Rồi cùn LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) đại tè mà uống.

Phép ngoại trị : Bệnh này phải dẫn hỏa đi xuống.  
Lấy PHỤ TÙ 1 củ, giã nát ra, trộn vào chút giấm, nắn thành cái bánh, rít vào huyệt Dũng Tuyền (10) hay là NGÓ THÙ 1 lạng tán nhỏ, bột mì 5 đồng cân, 2 thứ trộn lẫn, cho vào chút nước luyện thật dẻo, nắn thành bánh, rít vào huyệt Dũng Tuyền rồi mau mau lấy cát kim châm vào huyệt Thiếu Thương (11) vì huyệt Thiếu Thương có một đường giây đi đến yết hầu.

胸 結  
**KẾT HUNG**  
(Bệnh kết ở bụng)

Bệnh kết hung vi biến chứng thương hàn mà phát, nghĩa là trong lúc tà hỏa của thương hàn đang đốt cháy mạnh, không thể vời cho ăn uống, mà lại cho ăn uống dễ thành bệnh kết hung. Nên dùng :

瓜 葉 QUA LÂU 2 đồng cân, bỏ vỏ, giã nát.  
甘 草 CAM THẢO 1 đồng

Lấy nước sắc uống ngay, đừng thông thả.

QUA LÂU là một thánh dược trị bệnh kết hung. Người thường vò bệnh mà uống vào, ắt làm cho như thế rụng quả tim. Người có bệnh kết hung mà uống vào thì chẳng sợ hư hại gì cả. Vì bệnh kết hung là bởi cái ăn kết ở trong bụng, không thể dùng ĐẠI HOÀNG CHỈ XÁC, HẬU PHÁC, BINH LANG mà khu trục được, hẳn là phải có QUA LÂU khai khoát cho tỳ vị mới dun đầy quét sạch đi được. Khi uống gia một chút CAM THẢO để hòa được thi chẳng có mãnh liệt phần nào cả.

扶 正 散 邪 湯  
**PHÙ CHÍNH TÁN TÀ THANG**  
人 参 NHÂN SÂM (4) 1 đồng cân

- 39 -

半 夏	BÁN HẠ	1	dòng cát
甘 草	CAM THẢO	1	—
白 术	BẠCH TRUẬT	3	—
白 苓	BẠCH LINH	3	—
胡 茶	SÀI HỒ	3	—

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này chuyên trị người chính khí đã bị hư mà tà khí còn xâm nhập vào

Nếu người nhức đầu phát nóng, mạch Thốn tay hữu lớn hơn mạch Thốn tay tả, là chính khí còn mạnh, mà vội cho uống phương thuốc này thì không thể hết bệnh.



火 症  
**2. HỎA CHỨNG**

*(Các loại bệnh thuộc hỏa)*



瀉 大 湯 總 方

**TẨ HỎA THANG TÓNG PHƯƠNG**

梔 子	CHI TỬ	3 đồng cát
丹 皮	ĐƠN BÌ	3 —
白 芍	BẠCH THUỐC	5 —
元 参	NGUYÊN SÂM	2 —
甘 草	CAM THÀO	1 —

Lấy nước sắc uống. Nếu :

Tâm hỏa gia HOÀNG LIỀN 1 đồng.

Vị hỏa gia SINH THẠCH CAO 3 đồng.

Thận hỏa gia TRI MẪU, HOÀNG BÁ mỗi thứ 1 đồng.

Phế hỏa gia HOÀNG CẦM 1 đồng.

Đại trướng hỏa gia ĐỊA DU 1 đồng.

Tiêu trướng hỏa gia THIỀN MÔN ĐỒNG, MẠCH MÔN ĐỒNG mỗi thứ 1 đồng.

Bàng quang hỏa gia TRẠCH TẨ 3 đồng.

Trị bệnh hỏa như phương thuốc TẨ HỎA THANG này làm sao lại chỉ trị một Can kinh ? — Bởi Can thuộc mộc, mộc rất dễ sinh hỏa. Can hỏa mà tán thì hỏa ở các kinh khác cũng đều tán cả. Nhưng tán hỏa ắt phải dùng những thuốc có tính chất tiết hạ để cho hỏa có đường ra thì mới được.

火 症  
**HỎA CHỨNG**  
*(Bệnh thuộc hỏa)*

Bệnh thuộc về thực hỏa, Khi mới phát tất nhiên khát nước lắm phải uống rất nhiều, khắp mình có những chấm ban ở ngoài da, hay là mình nóng như lửa đốt, hay là phát cuồng nói nhảm. Nên dùng :

— 41 —

石 灰	THẠCH CAO	3 đồng cân
知 母	TRỊ MẪU	3 —
升 麻	THĂNG MA	3 —
半 夏	BÁN HẠ	3 —
甘 草	CAM THÀO	3 —
元 参	NGUYÊN SÂM	1 lạng
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 lạng, khứ tâm
竹 葉	TRÚC DIỆP	100 lá

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang bớt, 3 thang khỏi.

Xét rằng : Đây nói thực hỏa phát ban mà đại hàn cũng có phát ban. Nhưng phải xem có khát nước hay không khát. Nếu phát ban mà không khát nước, hay có khát mà uống một chút vào liền đỡ ra, hay uống nước rõ thật sôi mà không biết nóng. Đó là bệnh « đại hàn phát ban », không thể uống phương thuốc trị bệnh « thực hỏa phát ban » này được.

### 大 越 HÒA VIỆT (Bệnh hỏa vượt lên)

Đó là Vị hỏa và CAN hỏa cùng bốc lên mà vượt ra ngoài. Nếu chẳng làm ra « đơn độc » (13) tức làm ra « sa chấn » (14) chứ chẳng phải hỏa gì khác. Nên dùng :

元 参	NGUYÊN SÂM	1 lạng
乾 茯	CAN CÁT	3 lạng
升 麻	THĂNG MA	3 đồng
青 萘	THANH CAO (2)	3 —
黃 茗	HOÀNG KỲ	3 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng THANH CAO, mà Can hỏa Vị hỏa đều hạ xuống, lại nhờ có mấy vị thuốc kia nữa mà dùng trọng tề thì làm sao mà không diệt hết hỏa.

(Bài thuốc này trị bệnh Ban Sởi cho trẻ em cũng hay).

— 42 —

### 燥 症

#### TÁO CHỨNG

(Bệnh nóng ráo)

Bệnh này lúc mới phát, cò họng khô, miệng khát nóng ráo, ăn vào không bị thô ra, ho luôn miệng, sát đàm, hàng ngày sắc mặt đỏ, không sợ gió. Nên dùng :

參 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng cân
元 参	NGUYỄN SÂM	5 —
桔 梔	CÁT CÁNH	3 —
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN	1 —
甘 草	CẨM THẢO	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	3 phần
百 部	BÁCH BỘ	6 phần

Lấy nước sắc uống.

### 治 火 升 神 方

#### TRỊ HỎA ĐAN THẦN PHƯƠNG

(Phương thuốc thần trị bệnh ban nóng)

絲 瓜 子	TY QUA TỦ (hạt muối)	1 lạng
元 参	NGUYỄN SÂM	1 lạng
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
升 麻	THẮNG MA	1 —
當 彤	ĐƯƠNG QUY	1 —

Lấy nước sắc uống.

### 消 食 病

#### TIÊU THỰC BỆNH

(Bệnh ăn mau tiêu)

Bệnh này là bởi hỏa thiịnh làm cho khát nước quá, bắt uống, uống không chừng, ngày ăn vào đòi ngay, đêm tối lại phải ăn. Nên dùng :

— 43 —

元 参	NGUYÊN SÂM	1 lạng
參 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng
生 地	SINH ĐỊA	3 đồng
竹 葉	TRÚC DIỆP	30 lá
菊 花	CÚC HOA	2 đồng
白 苞 子	BẠCH GIỚI TỬ	2 —
丹 皮	ĐƠN BÌ	2 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phần

Lấy nước sắc uống.

### 痿 症

### NUY CHỨNG

*(Bệnh gân thịt co rún)*

Gân thịt co rún không thể đứng dậy rời khỏi giường nằm, đã thành phế nhân. Đó là hỏa mạnh quá, đốt cháy nội tạng làm cho Thận thủy khô cạn, phép trị nên giáng Vị hỏa mà bồ Thận thủy.

Nên dùng GIÁNG BỒ THANG 降 补 湯

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng
元 参	NGUYÊN SÂM	1 lạng
參 冬	MẠCH ĐÔNG	1 lạng
甘 菊 花	CAM CÚC HOA	5 đồng
生 地	SINH ĐỊA	5 —
沙 參	SA SÂM	5 —
地 骨 皮	ĐỊA CỐT BÌ	5 —
車 前	XA TIỀN	2 —
人 参	NHÂN SÂM	3 —

Lấy nước sắc uống.

### LẠI MỘT LOẠI BỆNH NUY

Có người 2 chân suy yếu không tài sức nào nhấc lên đứng dậy được mà miệng lại hay ăn, nếu hơi doi doi một chút tức thì trên mặt đều nóng lại làm ho luôn miệng. Đó cũng là một bệnh « tuy » nên dùng :

— 44 —

起 痘 王 神 湯  
**KHỜI NUY CHÍ THẦN THANG**

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng
元 参	NGUYỄN SÂM	1 —
山 药	SƠN DƯỢC	1 —
菊 花	CÚC HOA	1 lạng
當 归	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
白 苓	BẠCH THƯỢC	5 —
人 参	NHÂN SÂM (4)	5 —
神 曲	THẦN KHÚC (1)	2 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỦ	3 —

Lấy nước sắc uống. uống 30 thang khỏi.



第 結  
**3. UẤT KẾT**  
*(Khi nóng uất kết lại)*



開 嚥  
**KHAI UẤT**  
*(Khai thông khi nóng uất)*

Người bị bệnh vì khí nóng uất ở trong bụng, nếu có nhức đầu phát nóng, sợ gió, ho, hay là bởi nặng ngực, tim không được khoan khoái mà uất khí uẩn tích ở trong bụng ; hay là bởi thở không được nhẹ nhàng mà khi uất giàn đình trệ ở dưới hốc bụng, thì « hẵn là không thể cho uống thuốc bồ được » vì bồ nó bể lại. Nên dùng :

黨	ĐƯƠNG QUY	3 đồng cát
白	BẠCH THƯỢC	5 —
半	BÁN HẠ	2 —
枳	CHỈ XÁC	1 —
薄	BẠC HÀ	1 —
白	BẠCH TRUẬT	1 —
升	ĐAN BÌ	1 —
甘	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Nếu nhức đầu gia XUYÊN KHUNG 1 đồng.

Đau mắt gia TẬT LÈ 1 đồng, CÚC HOA 1 đồng  
 Nghẹt mũi gia TÒ DIỆP 1 đồng.

Đau cổ họng gia CÁI CÁNH 2 đồng.

Mỏi lưng mỏi vai bởi CHỈ XÁC, gia KHƯƠNG HOẠT 1 đồng.

Nhức 2 tay gia KHƯƠNG HOÀNG 1 đồng hay QUẾ CHI 1 đồng.

Đau bụng không cho nắn bóp già ĐẠI HOÀNG  
2 đồng.

Đau bụng cho nắn bóp vì bóp thấy đỡ, gia NHỤC QUÉ 1 đồng.

Ngoài ra bắt tất phải gia vi gì nữa.

關 格  
QUAN, CÁCH  
(*Bệnh quan, cách*) (16)

Vì khí uất giận làm thương CAN, CAN khí xung ngược lên cuống dạ dày mà THẬN khí không đi lên được, PHẾ khí không đi xuống được thành ra bệnh, phải lấy « khai uất » làm chủ. Nên dùng :

荆芥	KINH GIỚI
柴胡	SÀI HỒ
鬱金	UẤT KIM
茯苓	PHỤC LINH
蘇子	TÔ TÙ
白芥子	BẠCH GIỚI TỦ
天花粉	THIÊN HOA PHẦN
白芍	BẠCH THƯỢC
甘草	CAM THẢO

Lấy nước sắc uống.

Lại một cách trị : Lấy nước âm dương thủy (một nửa nước sôi, một nửa nước lạnh) mỗi thứ 1 chén đồ chung, cho vào một nầm muối, lấy muỗm đánh mài, đánh mài cho đến khi nồi thật nhiều bọt lên, uống ngay vào sẽ thò ra tức khắc là khỏi. Phàm những người có bệnh đàm ở Thượng tiêu làm cho muốn thò, không thò được, nên uống cho nó thò ngay ra.

虛勞  
**4. HƯ, LAO**  
*(Hư tồn và lao)*  


**勞症虛損辨**  
**LAO CHỨNG, HƯ TỒN BIỆN**  
*(Phân biện bệnh hư tồn và bệnh lao)*

Bệnh hư tồn và bệnh lao, 2 bệnh này bề ngoài coi tương tự mà cách trị khác nhau :

Bệnh hư tồn thì âm huyết và dương khí đều suy yếu ; bệnh lao thì âm huyết suy yếu mà dương khí lại nóng khan. Cho nên hư tồn có thể dùng thuốc ôn bồ, còn bệnh lao thì chỉ dùng thuốc thanh bồ mà kỹ dùng thuốc ôn bồ. Phân biệt hai bệnh này bắt phải bằng cứ vào MẠCH chỉ xem hẽ người khỏe mặc áo kép mà người bệnh mặc áo đơn là lao ; hẽ người khỏe mặc áo đơn mà người bệnh mặc áo kép là hư tồn. 2 bệnh cùng phát nóng, nhưng lao thì từ trong xương mà phát nóng, hư tồn thì vịnh huyết vệ khi suy hư mà phát nóng.

**內傷發熱**  
**NỘI THƯƠNG PHÁT NHIỆT**  
*(Bệnh nội thương phát nóng)*

Bệnh nội thương phát nóng. Nên dùng :

當歸	ĐƯƠNG QUY	
柴胡	SÀI HỒ	
陳皮	TRẦN BÌ	
梔子	CHI TỬ	
甘草	CAM THẢO	mỗi thứ 1 đồng cát
白芍	BẠCH THƯỢC	2 đồng
天花粉	THIỀN HOA PHẤN	2 đồng

Lấy nước sắc uống. Phàm những người vì Can uất mà phát nóng, thuốc này uống một thang dễ chịu ngay.

Bệnh phát nóng có phân ra nội thương và ngoại cảm, nhưng đều phải phát tan hết tà khí trước, khi tà

khi đã hết rồi, nhiên hậu mới bò chính khi thì chính khi không bị tà khí làm tồn thương. Nhưng phương thuốc này là thuốc trị nội thương phát nhiệt, còn thuốc trị ngoại cảm phát nhiệt đã nói ở mục thương hàn trên. Nghĩa là 2 bệnh này không thể dùng chung 1 phương thuốc được.

### 未成勞而將成勞

### VỊ THÀNH LAO NHI TƯƠNG THÀNH LAO

(Chưa thành bệnh lao, mới sắp thành bệnh lao)

Bệnh thi chưa hẳn đã là lao mà triệu chứng sắp thành lao. Nên dùng :

熟 地	THỤC ĐỊA	1 lạng (12)
地 骨 皮	ĐỊA CỐT BÌ	5 đồng
人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
参 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng khứ tâm
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 đồng, sao
懷 山	HOÀI SƠN	3 đồng
白 朮	BẠCH TRƯẬT	1 đồng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	3 phần

Lấy nước sắc uống.

Phảm những người mạch Thốn tay hữu mà to hơn mạch Thốn tay tả tức là bệnh thuộc nội thương — bắt phải hỏi đến mạch Quan và mạch Xích tay tả tay hữu như thế nào ? Cứ lấy phương thuốc này mà uống rất có hiệu nghiệm.

### 陽 虛 下 陷

### DƯƠNG HU HẠ HÃM

(Dương khí hư bị hâm ở dưới)

Phảm những người khi đói quá, khi no quá, làm việc khó nhọc quá làm cho chính khi bị nội thương đè đến nội dương khí đi xuống bị hâm ở dưới mà Tỵ Vị

— 49 —

kém tiêu hóa, ăn uống kém vận động, như vậy thường thường biến ra bệnh « lao sai » (17). Cứ lấy thuốc có khí chất thăng đè mà uống trước đè trị thì làm sao có thể thành lao được. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng cân (4)
紫 胡	SÀI HỒ	1 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
升 麻	THĂNG MA	3 phần
黃 茜	HOÀNG KỲ	3 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 —

Lấy nước sắc uống. Nếu lại nghĩ rằng cái bệnh kém ăn kém uống là bởi Tỳ Vị không mấy tiêu hóa mà cơm thịt định tích lại. Nhẹ thì cho uống những SA NHÂN, CHỈ XÁC, SƠN TRÀ, MẠCH NHA. Nặng thì cho uống những MANG TIỀU, ĐẠI HOÀNG, KHIÊN NGƯU, BÀ ĐẬU quanh đi quẩn lại cứ uống như thế, tất nhiên làm cho trong bụng buồn bức bành trướng mà dần dần sẽ thành lao vậy.

### 陰 虛 下 滯 ÂM HƯ HẠ HÃM (Âm huyết hư bị hầm ở dưới)

Phàm những người âm huyết hư hàn làm cho Tỳ Vị tiết tả, lâu ngày hàng năm không hết, hay là ăn vào không tiêu hóa, hay là có tiêu hóa mà lại ỉa chảy. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
山 藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
山 茗	SƠN THÙ	5 đồng, sao gân cháy

— 50 —

白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
白 苓	BẠCH LINH	3 đồng
升 麻	THĂNG MA	3 phần
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 đồng, sao
草 菖	XÀ TIỀN	1 đồng, sao

Lấy nước sắc uống vào mỗi buổi chiều.

Phương thuốc này thuần là thuốc bồ âm, tướng như nó trẻ, nhưng đã có THĂNG MA để nàng cái khi ở trong âm lén, lại có những chất thuốc ôn mà thẩm thấu để cho ấm Mạnh mòn mà kiện Tỵ Vị thì làm sao mà tiết tả được.

Xét rằng : Bệnh này thường làm cho chân và đùi phát thũng hơi nhiều, hễ ăn uống vào bèn đi đại tiện ra những « hôi trùng » (con giun đỏ đầu, mình dài rất dữ) Đó là âm khí của tỳ vị hư hão ở dưới đã quá độ thì mới nên gia Ô MAI, CẦN KHƯƠNG vào phương thuốc này cùng sắc mà uống.

Xét 2 phương thuốc, trên và dưới này tựa như LỰC VỊ ĐỊA HOÀNG (9) và BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG (7) mà phương trên làm SÀI HỒ, phương dưới làm BẠCH GIỚI TỬ, TANG DIỆP thì công dụng còn hay hơn những chất ở 2 bài ĐỊA HOÀNG THẮNG. Vậy kẻ Dụng Giả không thể lấy ý riêng của mình mà gia hay giảm trong 2 phương thuốc trên và dưới đó).

### 陰虛大動，夜熱晝寒 ÂM HƯ HÒA ĐỘNG, DẠ NHIỆT TRÚ HÀN

(Âm hư hỏa động, đêm nóng ngày lạnh)

Bệnh chân âm hư mà hỏa động lên làm cho đêm nóng ngày lạnh là bởi Thận thủy đã hư lại hiệp với cảm

## — 51 —

hàn mà Thận thủy suy kiệt quá. Đã là bởi âm hư thủy phèp, nếu nhận là dương chứng mà trị thì sinh ra khát nước mà bệnh nhiệt càng tăng, tất nhiên tiêu hết âm thủy, mà ho luôn miệng, thở ra đậm trắng như bong, tiếng nói rè rè gần như câm, biến thành bệnh « lao sái » (17).

Phép trị nên bỏ âm cho thật mạnh để âm thủy đầy đủ thì hỏa tự nhiên tắt hết mà xương tủy mát mẻ khoan hòa. Nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
元 参	NGUYỄN SÂM	1 lạng
山 茶	SƠN THỦ	5 đồng
地 骨 皮	ĐỊA CỐT BÌ	5 —
芡 货	KHIẾM THỰC	5 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	5 —
參 冬	MẠCH HỒNG	3 đồng, khứ tâm
沙 參	SA SÂM	3 —
白 苍 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
桑 葉	TANG DIỆP	14 lá

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này trị bệnh « âm hư hỏa động » rất thần hiệu.

### 陰 寒 無 火 ÂM HÀN VÔ HỎA

Lại như bệnh chân âm rất lạnh là hoàn toàn không có hỏa. Nên dùng:

肉 桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
柴 胡	SÀI HỒ	1 —
熟 地	THỰC ĐỊA	5 lạng (12)
附 子	PHỤ TỬ	3 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 —
人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)

Lấy nước sắc uống.

— 52 —

Nói về 2 phương thuốc trị âm hư này. Trong phần trị âm túc có cả phần trị dương, trong phần trị dương, túc lưu ý phần bồ âm.

**過勞**  
**QUÁ LAO**  
(Khó nhọc quá)

Phàm những người khó nhọc quá, tất nhiên có mạch PHÙ ĐẠI mà không có nhịp độ. Người ấy nếu chẳng an nhàn ngoài nghỉ, chắc sẽ phát bệnh thò huyết. Phép trị phải tư âm, bồ khí. Nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	5 lạng (12)
黃芪	HOÀNG KÝ	5 lạng
白芍	BẠCH THƯỢC	5 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
山茱萸	SƠN THỦ	4 —
人參	NHÂN SÂM	3 lạng (4)
茯苓	PHỤC LINH	3 lạng
五味子	NGŨ VỊ TỬ	3 —
參冬	MẠCH ĐÔNG	3 lạng khứ tâm
神曲	THẦN KHÚC	1 lạng (1)
砂仁	SA NHÂN	8 lạng
陳皮	TRẦN BÌ	8 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	8 —

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày sớm chiều 2 lần uống, mỗi lần uống 5 đồng cân, uống với nước lă dun sỏi.

**日重，夜輕**  
**NHẬT TRỌNG, ĐÊM KHINH**  
(Bệnh ngày nặng mà đêm nhẹ)

Bệnh phát nóng lạnh cả ngày đêm mà so ra thì ngày nặng hơn đêm. Bệnh này ăn nên uống thuốc

— 53 —

ngay từ lúc trời chưa sáng rõ — mỗi ngày — để ngăn  
chặn nó trước di. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng cân (4)
枳壳	CHỈ XÁC	1 đồng
青皮	THANH BÌ	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
半夏	BÁN HẠ	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —
黃芪	HOÀNG KỲ	5 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
柴胡	SÀI HỒ	3 —
乾姜	CÀN KHƯƠNG	5 phần

Lấy nước sắc uống. Hay là dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
陳皮	TRẦN BÌ	1 —
白朮子	BẠCH GIỚI TỬ	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 —
柴胡	SÀI HỒ	2 —

Lấy nước sắc uống,

### 夜 重，日 軟 ĐÃ TRỌNG, NHẬT KHINH (Bệnh đêm nặng mà ngày nhẹ)

Bệnh phát nóng phát lạnh về ban đêm nặng hơn ban ngày — có khi lạnh ít nóng nhiều, có khi nóng ít lạnh nhiều — mỗi đêm cứ đến lúc trời gần sáng mới thấy mát dịu dễ chịu, mỗi ngày cứ đến lúc xế chiều đã thấy trầm trọng khó chịu.

Đó là âm khi đã suy hư quá. Nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
山 茄	SƠN THỦ	4 đồng
當 彙	ĐƯƠNG QUÝ	3 —
白 苓	BẠCH THƯỢC	3 —
柴 胡	SÀI HỒ	3 —
何 首 烏	HÀ THỦ Ô	3 — dùng sống.
參 冬	MẠCH ĐÔNG	3 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
蠶 甲	BIẾT GIÁP	5 — cạo rửa sạch, tẩm giấm, sao
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này thần diệu ở chỗ dùng BIẾT GIÁP là vật rất thuộc âm, khi uống vào, hè gấp âm khi thì nó dồn vào mà gấp dương khi thì nó chuyền đi. HÀ THỦ Ô dùng sống để nó đi thẳng vào âm kinh mà nó cũng trực tà khí. BẠCH GIỚI TỬ có công khử đàm mà lại không làm hao tổn cái khí của chân âm. Như vậy có lẽ nào mà chẳng thu công, nhưng khi uống thuốc nên uống vào lúc sắp xế chiều thì âm khí mới được yên định mà tà khí mới không dám xâm nhập nữa.

陰 邪 兼 陽 邪  
ÂM TÀ KIÊM DƯƠNG TÀ  
(Âm tà và dương tà)

Bệnh này cũng phát về ban đêm, cũng phát nóng phát lạnh, không khác gì chứng bệnh chỉ có một khí âm tà, nhưng nó lại có phiền táo chút ít (dương tà) chứ không thường thường yên tĩnh như âm tà. Phép trị nên bồ âm, nhưng trong thuốc bồ âm nên 加 một vài

vị dương được, mỗi thứ chút ít, để dương khí mạnh mà âm khí tiêu, tự nhiên thu công trong nhanh chóng.  
Nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lang (12)
山 茄	SƠN THỦ	4 đồng, sao
鱉 甲	BIẾT GIÁP	5 — cạo rửa sạch, tẩm giấm, sao
茯 苓	PHỤC LINH	5 —
當 蝶	ĐƯƠNG QUY	3 —
白 木	BẠCH TRUẬT	3 —
白 苍 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
參 冬	MẠCH ĐÔNG	3 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	3 — sao
何 首 烏	HÀ THỦ Ô	3 — dùng sống
人 参	NHÂN SÂM	2 — (4)
柴 胡	SÀI HỒ	2 — sao
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —

Lấy nước sắc uống.

氣 血 兩 虛  
**KHÍ HUYẾT LƯỞNG HƯ**  
(Khí huyết đều hư)

Bệnh này ăn uống ít không tiến lên được là khí hư ; sắc mặt và hình thể khô khan là huyết hư. Nếu bò khí cho ăn được thì huyết càng bị khô ráo, mà bò huyết cho tươi nhuận thì khí càng bị tiêu hao. Nghĩa là bò khí để trợ Tỳ Vị thì khó cầm được bệnh đau hals (bò hỏi trộm) mà bò huyết để bồi Tâm Thận thì càng làm trì trệ trong bụng.

Phép trị phải « khí huyết đồng trị ». Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
白 木	BẠCH TRUẬT	1 — sao

白 苓	BẠCH LINH	2 đồng cân
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
川 茯	XUYÊN KHUNG	1 —
當 归	ĐƯƠNG QUY	2 —
熟 地	THỰC ĐỊA	3 — (12)
白 苓	BẠCH THƯỢC	3 — sao
穀 芽	CỐC NHA	1 — sao
本 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phần
神 曲	THẦN KHÚC	5 phần (1)

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này «khi huyết lưỡng bò», kè về công hiệu thì cũng như BÁT TRẦN THANG (18) nhưng thần diệu hơn BÁT TRẦN ở chỗ trong thuốc bò có phương pháp điều hòa.

氣虛胃虛  
KHÍ HƯ, VỊ HƯ  
(Khi hư và vị hư)

Những người bệnh lâu ngày mà dương khí hư, tất nhiên thân thè gầy yếu, ăn uống ít ỏi, đó là Vị hư, có khi còn làm cho đại tiện thì đường tiết, tiểu tiện thì khó khăn. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
半 前	XA TIỀN	1 — sao
澤 汏	TRẠCH TÀ	1 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM làm quai để khai Vị khí. Bởi vì con Vị là cái cửa của Thận, nếu cái cửa đóng lại thì trên ăn

uống không được, dưới bã rả không tiêu, tất nhiên phải dùng NHÂN SÂM để dưỡng Vị thò; XA TIỀN, PHỤC LINH để phân tiêu thủy khí. Nếu uống như thế mà không thấy công hiệu lắm, thì mỗi lần uống nên uống thêm mấy viên BÁT VỊ HOÀN (7) rất mau làm cho đại trường thực mà Bang quang thông lợi.

氣虛飲食不消  
**KHÍ HƯ, ÁM THỰC BÁT TIÊU**  
(Khí hư, ăn uống không tiêu)

Người ta ăn uống vào dạ dày, tất nhiên cái «khi» có sung túc mới hay tiêu hóa mà sinh ra tân dịch, Nay ăn uống vào không tiêu thì là «khi» hư. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
黃 茜	HOÀNG KỲ	3 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
甘 草	CẨM THẢO	1 —
神 曲	THẦN KHÚC	5 phần (1)
麥 芽	MẠCH NHA	5 phần, sao
陳 皮	TRẦN BÌ	1 phần
山 檀	SƠN TRÀ	5 phần, sao

Lấy nước sắc uống. Nếu thương thực vì bánh khúc thì gia LA BẮC TỬ 1 đồng.

Có đàm thì gia BẢN HẠ, BẠCH GIỚI TỬ mỗi thứ 1 đồng.

Ho thì gia TÔ TỬ 1 đồng, CÁT CÁNH 2 đồng.

Thương phong thì gia SÀI HỒ 2 đồng.

Đêm ngủ không yên thì gia TÀO NIJIÀN sao cháy 3 đồng.

Trong bụng hơi đau thì gia CHỈ XÁC 5 phần.

Trong phương thuốc này đã thuận là những được phàm để khai vị, lại còn sợ rằng ăn uống khó tiêu mà gia những được vị để tiêu dẫn cho ăn uống để tiêu hóa mà tan dịch sinh ra.

### 血虛面色黃瘦

### HUYẾT HU, DIỆN SẮC HOÀNG SÁU

(Huyết hư, sắc mặt vàng ốm)

Bệnh ra bồ hôi nhiều mà lại ra bồ hôi trộm, đêm nằm ngủ thường dễ thức tinh, làm cho huyết hư, không tươi nhuận sắc mặt và không dưỡng giàn.

Theo lẽ tự nhiên, huyết hư thì nên bồ huyết, mà bồ huyết thì dùng TÚ VẬT THANG (19). Nhưng nếu muốn bồ TÚ VẬT THANG lại phải tìm phương khác để thay. Vậy nay không dùng TÚ VẬT thì nên dùng:

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 đồng, khứ tâm
枸杞子	CÂU KỶ TỬ	3 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
芍草	TÈ THẢO	1 —
桑葉	TANG DIỆP	10 lá

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bởi dùng TANG DIỆP để bồ âm mà sinh huyết, lại hay bởi gia TÈ THẢO để hoạt huyết mà sinh thêm huyết, huống chi lại giúp sức vào với đại tể QUY, THỰC, MẠCH ĐÔNG để cùng sinh huyết.

### 肺脾雙虧

### PHẾ TỲ SONG KHUY

(Phế tỳ cả hai khuy iòn)

Khi ho khan, khi ho đàm, luôn miệng không ngừng là Phế hư, khi thở khi tả không cầm là Tỳ

hư. Thổ là Tỵ và Phế, cả hai đều bị tồn thương. Người ta bảo: ho nên trị Phế, thò tả nên trị Tỵ. Nhưng lại chưa biết: bệnh ho bởi Phế hư, nhưng Phế hư là bởi Tỵ khí suy mà cái lệnh xoay vẫn cốt cần không hành thì trên mới làm ra ho; bệnh thò tả tuy bởi Tỵ hư, nhưng Tỵ hư là bởi hể khí nhược mà cái lệnh thanh hòa nghiên mát không hành thì trên thò dưới tả. Như vậy là Tỵ thò, Phế kim cùng có bệnh túc là «kim thủy tương lién», Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng 5 phần (4)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khử tâm
茯 苓	PHỤC LINH	2 —
半 莖	XÁ TIỀN	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
柴 胡	SÀI HỒ	5 phần
神 曲	THẦN KHÚC	5 phần (1)
葛 茯	Ý DÌ NHÂN	5 phần, sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hợp lại mà dùng để trị cả Tỵ và Phế để cho bệnh ho và bệnh thò tả nhất tè cùng khỏi. Đó là «nhất phương nhì lưỡng dụng» nghĩa là một phương thuốc mà dùng trị cả 2 bệnh vậy.

肝 脾 兩 虛  
**CAN, THẬN LƯỠNG HU**  
(Can, thận cả hai hư nhược)

Thận thủy thiếu không đủ để tưới mát cho Can mộc, thì Can mộc bị nóng uất không được thư thái, ắt sinh ra chứng đầy túc 2 bên hốc bụng.

Can mộc suy không đủ để sinh Mạnh mòn hỏa (mạnh-mòn là hữu-thận thuộc hỏa) thì Thận thủy mỗi ngày một lạnh, ắt sinh ra chứng đau lưng như gãy.

Bệnh này át phải « Can Thận đồng bò ». Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
山 茶	SƠN THÙ	5 đồng, sao
當 彈	ĐƯƠNG QUY	5 —
白 苓	BẠCH THƯỢC	5 — sao
柴 胡	SÀI HỒ	2 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 phần

Lấy nước sắc uống.

THỰC ĐỊA, SƠN THÙ là thuốc bò Thận, QUY THƯỢC, SÀI là thuốc bò Can. Như vậy là bò Can, bò Thận quân bình. Đã bảo ràng, bò được quân bình thì sự dùng thuốc hầu như không cần phải phân khinh trọng. Vậy mà nay thuốc bò Can lại nhiều hơn thuốc bò Thận là tại sao ? Bởi vì Thận thủy là mẹ của Can mộc (thủy sinh mộc) mà Can mộc lại là mẹ của Mạnh mòn hỏa (mộc sinh hỏa). Như vậy là Thận nuôi Can mà Can cũng có phần nuôi Thận. Nay nhìn về thuốc thì Can được tuy có phần nhiều hơn Thận được, nhưng cái ý nghĩa thì làm cho Can mộc vượng hơn, để Can mộc lại sinh nuôi Mạnh mòn hỏa. Thế là bò Can bò Thận bằng nhau.

心 腎 不 交  
**TÂM THẬN BẤT GIAO**  
(Tâm thận không giao với nhau)

Thận thuộc « thủy » tạng, Tâm thuộc « hỏa » tạng, 2 tạng Tâm và Thận coi nhau như cùu địch, tựa hồ không thể giắt liền với nhau mà hợp trị được. Nhưng không biết : Tâm và Thận tuy là thủy hỏa tương khắc với nhau mà thật ra lại nương nhờ nhau. Bởi vì : Thận thủy mà không có Tâm hỏa giao liên thì Thận thủy phát hàn, cho nên Thận thủy phải nhờ có Tâm hỏa để ấm áp. Tâm hỏa mà không có Thận thủy giao liên thì Tâm

hỏa phát cháy, cho nên Tâm hỏa phải nhờ có Thận thủy để tưới mát. Như vậy là Tâm và Thận phải giao liên với nhau.

Kia như bệnh run sợ không yên (tâm bệnh), di tinh mộng tinh (thận bệnh), 2 bệnh ấy đều bởi « Tâm Thận bất giao ».

Người bảo bệnh run sợ là Tâm bệnh mà ta (Tác giả) lại cho là Thận bệnh ; Người bảo bệnh di mộng là Thận bệnh mà ta (Tác giả) lại cho là Tâm bệnh. Thật là chí lý, chứ chẳng phải ta muốn đảo ngược. Nếu ai không tin cứ thật lòng suy nghĩ cẩn kẽ, tự nhiên sẽ thấy rõ ràng. Nên dùng :

熟 地	THÚC ĐỊA	5 lạng (12)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 —
山 茄	SƠN THỦ	sao
人 参	NHÂN SÂM	(4)
茯 神	PHỤC THẦN	
棗 仁	TÁO NHÂN	sao đen
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	khứ tâm, sao
柏 子 仁	BÁ TỬ NHÂN	sao, mỗi thứ 3 lạng
遠 志	VIÊN CHÍ	1 lạng ché
菖 蕖	XƯƠNG BỒ	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao
山 菖	SƠN DUỘC	3 đồng, sao
羌 贊	KHIẾM THÚC	5 — sao

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày sớm chiều 2 lần uống, mỗi lần uống 5 đồng cân với nước nóng.

Phương thuốc này trị cả Tâm và Thận, mà rất khéo là dùng thuốc trị Thận ít hơn thuốc trị Tâm. Bởi Tâm là chủ, Tâm quân mà yên tĩnh thì Thận khí tự nhiên yên. Thân khi đã yên, Tâm hỏa làm sao còn động được. Như

vậy, trị Thận túc là để trị Tâm, mà trị Tâm túc là để trị Thận. Cho nên nói rằng : « Tâm Thận tương y » nghĩa là Tâm và Thận cùng nương nhở nhau.

精 滑 夢 道  
**TINH HOẠT MỘNG ĐI**  
(*Hoạt tinh, mộng tinh, di tinh*)

Bệnh này người ta bảo là bệnh Thận hư. Nhưng không chủ có một thận bệnh mà cả Tâm bệnh nữa. Vậy phải « tâm thận kiêm trị ». Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	8 lạng (12)
山 药	SƠN DU QUỐC	cắt nhỏ, sao vàng
肉 桂	NHỤC QUẾ	cạo sạch vỏ
鹿 草	LỘC NHUNG	sấy khô
棗 仁	TÀO NHÂN	sao cháy
遠 志	VIỄN CHÍ	chế nước cam thảo.
杜 仲	ĐÔ TRỌNG	sao cháy đứt tơ.
柏 子	BÁ TỬ NHÂN	sao khô hết dầu.
破 故 紙	PHÁ CỔ CHỈ	tầm nước muối, sao.
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	sao khô, mỗi thứ 1 lạng
山 茄	SƠN THÙ	4 lạng sao khô
白 朮	BẠCH TRUẬT	4 — sao vàng
人 参	NHÂN SÂM (4)	
茯 苓	PHỤC LINH	
木 冬	MẠCH HỒNG	khứ tâm
白 苟	BẠCH THƯỢC	tầm rượu, sao
巴 戎	BA KÍCH	bỏ lõi
肉 淫 蕤	NHỤC THUNG DUNG	sao khô, mỗi thứ 3 lạng
砂 仁	SA NHÂN	5 đồng, sao bỏ vỏ.
附 子	PHỤ TỬ	1 —
紫 河 半	TỬ HÀ XA	1 cái, rửa thật sạch, sấy khô.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày sớm chiều 2 lần uống, mỗi lần uống 5 đồng cân, uống với nước lᾶ sôi.

Phương thuốc này dùng THỰC ĐỊA, SƠN DƯỢC, SƠN THÙ để bồ Thận ; BA KÍCH, NHỤC THUNG DUNG, PHỤ TỬ, LỘC NHUNG để bồ hỏa ở trong Thận. Như vậy có thể đã là đủ, mà lại còn phải gia NHÂN SÂM, PHỤC LINH, BÁ TỬ NHÂN, MẠCH ĐÔNG, VIỄN CHÍ, TÁO NHÂN để bồ Tâm là sao vậy ? Bởi Thận hỏa mà hư là vì Tâm hỏa hư, nếu chỉ bồ Thận hỏa mà không bồ Tâm hỏa thì Thượng tiêu (3) khô kiệt thêm, cho nên muốn bồ Thận hỏa, hẳn là phải bồ cả Tâm hỏa thì « thủy hỏa tương tế » nghĩa là thủy và hỏa giúp cho nhau.

夜夢道精  
**DẠ MỘNG ĐI TINH**  
(Đêm nằm mộng đi tinh)

• Bệnh di tinh. Ban đêm có nằm mộng mới di tinh là Tâm hỏa vọng động rồi tư tưởng mà di thi Thận thủy chưa đến nỗi suy tồn lăm. Nhưng đêm không nằm mộng mà cũng di tinh là bởi Thận thủy hảo tán suy kiệt quá, trên không thè thông với Tim, giữa không thè nhuận cho Can, dưới không thè sinh Tỷ khí, rồi « ngọc quan » (cửa ngọc hành) không đóng lại được mà cứ di ra hoài, bất luận cả ngày đêm.

Phép trị phải bồ Thận mà thêm chút ít được pha chế để bồ Tâm, Can, Tỷ. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (!2)
山 茗	SƠN THÙ	4 đồng
茯 苓	PHỤC LINH	
白 苓	BẠCH THƯỢC, sao	
生 裉 仁	SINH TÁO NHÂN	
當 彙	ĐƯƠNG QUY	
葛 茜 仁	Ý DĨ NHÂN	sao, mỗi thứ 3 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng sao vàng

葵 神	PHỤC THẦN	2 đồng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
白 枸 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 —
肉 桂	NHỰC QUẾ	5 phần
黃 連	HOÀNG LIỀN	5 —

Lấy nước sắc uống, uống một thang hết, uống 10 thang không tái phát.

遺 精 健 忘  
DI TINH, KIỆN VONG  
(Di tinh và hay quên)

Di tinh là bệnh ở dưới (thận), hay quên là bệnh ở trên (tâm), trên dưới cách xa nhau tại sao có thể « hợp trị » mà đều được thỏa đáng cả ? Vì di tinh tuy là bởi Thận thủy hư mà thực ra gốc bởi Tâm hỏa suy nhược nên mới hay quên. Nay cho bồ Tâm quản đè trị bệnh hay quên thì cửa « ngọc quan » không phải đóng mà tự nhiên đóng lại, đã đóng lại thì làm gì còn có di tinh. Cho nên nói rằng : « nhất cử lưỡng đắc ». Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 lạng (4)
关 财	KHIẾM THỰC	3 — sao vàng
參 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm, sao khô
生 菊 仁	SINH TÁO NHÂN	3 —
當 鍾	ĐƯƠNG QUÝ	3 — sấy khô
山 茄	SƠN THÙ	3 — sao khô
蓮 莖	LIỀN TÚ	2 —
熟 地	THỤC ĐỊA	5 — sấy khô (12).
山 蕃	SƠN DƯỢC	4 — sao vàng
柏 子 仁	BÁ TỬ NHÂN	1 — sao hết dầu
遠 志	VIỄN CHÍ	1 lạng, tẩm nước cam thảo sao khô.
葛 藔	XƯƠNG BỒ	1 lạng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao khô

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày uống 5 đồng càn với nước lá sồi.

倒飽中滿

**ĐÀO BẢO TRUNG MÃN**

(Trong bụng no đầy đưa ngược lên)

Chán khí hư nhược, không ăn được, hễ ăn vào  
thì đầy trướng đưa ngược lên. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
葛 茎 子	LA BẮC TỬ	1 — sao
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
白 术	BẠCH TRUẬT	2 — sao vàng
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
山 朮	SƠN DƯỢC	3 — sao vàng
羌 藁	KHIẾM THỰC	5 — sao
薏 菖 仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao chín
陳 皮	TRẦN BÌ	3 phần

Lấy nước sắc uống, uống vào một lát tuy thấy hơi  
đầy đầy, nhưng rồi thấm vào bụng thấy khoan khoái  
dần dần.

久虛緩補

**CỨU HƯ, HOÃN BÓ**

(Yếu đã lâu nên bò dần dần)

Những người hư nhược đã lâu ngày, hơi thở mệt  
nhọc thiếu thốn, ai chẳng bảo rằng, nên « cấp bò ». Nhưng  
không biết, khi huyết đã đại hư mà vội dùng những thuốc  
đại bò, thì sức yếu khó đương nổi trọng lượng, mà cứ  
uống vào, tất nhiên dạ dày không tiêu hóa kịp lai sinh  
ra bệnh trướng, không bằng cứ cho thanh bò dần dần  
là hơn. Nên dùng :

當 彙	ĐƯƠNG QUY	1 đồng
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
山 朮	SƠN DƯỢC	1 — sao
白 朮	BẠCH THƯỢC	2 — sao

白 木	BẠCH TRUẬT	5 phần, sao
棗 仁	TÁO NHÂN	5 — sao cháy
人 参	NHÂN SÂM	3 — (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	3 —
本 牙	MẠCH NHA	3 — sao
泡 壴	BÀO KHƯƠNG	3 —
甘 草	CAM THẢO	3 — chích.

Lấy nước sắc uống. Phuợng thuốc này hay ở chỗ dùng BẠCH THUỐC làm quân đè dần SÂM, LINH cùng nhập Can làm tá mà điều khiển nhẹ nhè, thu còng từ từ, chờ cho khai Vị dần dần và Tỳ khí cũng sung thực dần dần, nhiên hậu sẽ dùng thuốc thuần bồ. Tóm lại bệnh « cửu hưu » trước nên « hoãn bồ » sau hãy « thuần bồ ».

Xét như người bị đói đã lâu, nếu vội vàng cho ăn cơm ngay sẽ bị chết no, chỉ nên cho uống cháo lỏng dần dần trước, sẽ cho ăn cơm sau. Đó là « Đồng nhất lý ».

補 氣  
BỒ KHÍ  
(Thuốc bồ khí)

Tay hữu mà có mạch BẠI (lớn), (mạch ĐẠI, khi xem đè nhẹ ngón tay thì nó nồi đầy, mà ăn nặng ngón tay thì nó vô lực) là khí phản bị lao thương. Nên dùng :

補 氣 先  
BỒ KHÍ HOÀN

人 参	NHÂN SÂM	3 lạng (4)
黃 茜	HOÀNG KÝ	3 —
白 苓	BẠCH THUỐC	3 — sao vàng
茯 苓	PHỤC LINH	4 —

陳 皮	TRẦN BÌ	1 lạng, sao
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao khô
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
遠 志	VIỄN CHÍ	1 lạng, tẩm nước cam thảo, sao khô.
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	2 lạng, khứ tâm sao khô.
甘 草	CAM THẢO	8 đồng, chích

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi buổi sáng uống 5 đồng cát, uống với nước lá sồi.

### 補 血

### BỎ HUYẾT

(Thuốc bỏ huyết)

Tay tả mà có mạch ĐẠI (lớn) là huyết phản bị lao thương. Nên dùng :

### 補 血 丸

### BỎ HUYẾT HOÀN

熟 地	THỰC ĐỊA	8 lạng (12)
白 苓	BẠCH THƯỢC	8 — sao vàng
山 茄	SƠN THÙ	4 — sao khô
當 彈	ĐƯƠNG QUY-	4 — cắt nhỏ, sấy khô.
棗 仁	TÁO NHÂN	5 đồng, sao cháy
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm, sao khô
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	5 — sao
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	5 — sao khô
砂 仁	SA NHÂN	5 — bỏ vỏ, lấy nhân, sao.
肉桂	NHỤC QUẾ	5 — cạo sạch vỏ

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi tối uống một lạng, uống với nước lá sồi. Nếu thấy nóng mình thì bỏ NHỤC QUẾ, gia ĐỊA CỐT BÌ 5 đồng.

出 術  
XUẤT HÃN  
(Bệnh ra bồ hôi)

Người ta khi có bệnh, không nên để cho ra mồ hôi nhiều quá. Nếu ra nhiều quá, sợ thành « vong dương » (20),, vậy cần phải thu liêm lại. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
黃 茜	HOÀNG KỲ	1 — tăm mạt, sao
當 彙	ĐƯƠNG QUY	1 —
桑 葉	TANG DIỆP	5 lá
棗 仁	TÁO NHÂN	1 đồng, sao cháy
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm

Lấy nước sắc uống.

痨 症  
LAO CHỨNG  
(Bệnh lao)

Khi đã thành bệnh lao rồi, thì rất là khó trị, vì hắn là có một loại trùng nó sinh sản ở trong người để nó ăn hút khí huyết của người, làm cho khí huyết con người ngày một hao mòn.

Cách trị : Nếu chỉ bò khí huyết mà không thêm thuốc sát trùng vào, thi những chất ăn uống vào dạ dày, chỉ nuôi sống con trùng mà không sinh khí huyết. Nếu lại chỉ dùng thuốc sát trùng mà không có thuốc bò khí huyết thì ngũ tang cũng phải bị thương vì thuốc sát trùng. Như vậy làm sao có sinh lý. Nên chỉ trong thuốc đại bò mà gia

ít thuốc sát trùng vào thì nguyên khí đã hoàn toàn, chán  
dương lại không bị háo tán thì trùng sẽ chết mà thân  
thề an bình. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	8 lạng (12)
地 菓 粉	ĐỊA LẬT PHẤN	8 — tức Bột Tè Phấn (59).
何 首 乌	HÀ THỦ Ô	8 —
蕷 甲	BIẾT GIÁP	1 cân, cao rửa sạch, tẩm giấm, sao.
山 薑	SƠN DUỢC	1 cân, sao vàng
神 曲	THẦN KHÚC	5 lạng (1)
參 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm, sao khô.
桑 茄	TANG DIỆP	8 —
人 參	NHÂN SÂM	3 — (4)
白 蕺	BẠCH VI	3 — sao

Tất cả tán nhỏ, lấy nước lᾶ luyện làm hoàn,  
sấy khô.

Mỗi ngày uống 5 đồng cân với nước lã sôi. Trong  
thời gian uống độ 6 tháng, trùng sẽ theo đại tiện mà  
ra hết.



疫 痘

## 5. ĐÀM THẤU

*(Ho Đàm)*

Còn nhân lập ra phương-pháp trị bệnh đàm, đều là trị cái bệnh ngọn (tiêu) của đàm mà không hay trị đến cái bệnh gốc (bản) của đàm. Như bài NHỊ TRẦN THANG (21) đều là để trị các bệnh đàm : Thượng tiêu đàm, Trung tiêu đàm, Hạ tiêu (3) đàm, Cứu bệnh đàm, Tạm thời đàm, nhưng thật ra không có thực hiệu.

Nay lập ra 3 phương (sơ bệnh đàm, đã thành bệnh đàm, cứu bệnh đàm) để trị đàm, tất cả các bệnh đàm đều không thể ra ngoài phạm vi ấy.

初 病 之 疫  
**SƠ BỆNH CHI ĐÀM**  
(Bệnh đàm mới phát)

Cảm gió, ho, thò ra đàm. Nên dùng

陳 皮	TRẦN BÌ
半 夏	BÁN HẠ
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN
茯 苓	PHỤC LINH
麻 子	TÔ TỬ
甘 草	CAM THẢO

mỗi vị 1 đồng cân.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang có thể tiêu hết đàm.

Phương thuốc này trị bệnh đàm ở Thượng tiêu (3). Vì cái đàm ở Thượng tiêu gốc ở trong Dạ dày chứ không ở Phổi. Khi đã khử được cái đàm ở trong Dạ dày rồi thì Phổi tự nhiên thanh hòa yên tĩnh. Phổi đã thanh hòa thì làm sao cái hỏa lại có thể thượng thăng được.

己 痘 之 疾  
DỊ BỆNH CHI ĐÀM  
(Bệnh đàm đã hiện thành)

Khi đã thành bệnh đàm rồi, hẳn phải xem đàm mà phân biệt đàm trắng bay đàm vàng. Đàm trắng là lúc hỏa đang đốt cháy, đàm vàng là lúc hỏa đã hạ. Lúc đàm đang đốt cháy thì dùng thuốc hàn lương, đàm đang hạ bớt thì dùng thuốc khử trực. Nay dùng 1 phương này mà trị được cả hai. Nên dùng :

白 木	BẠCH TRUẬT	3 đồng, sao
白 苓 子	BẠCH GIỚI TÚ	3 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	5 — bỏ vỏ
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
枳 先	CHỈ XÁC	5 phần

Lấy nước sắc uống. Nếu có hỏa thì gia CHI TÚ, không có hỏa thì bắt tất phải gia. Phương thuốc này khử thấp, kiện Tỳ, trị bệnh đàm ở Trung tiêu (3).

Lại có 1 phương :

白 木	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
白 苓	BẠCH LINH	5 —
薏苡仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
人 参	NHÂN SÂM	5 phần (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	1 đồng
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN	2 —
益 智 仁	ÍCH TRÍ NHÂN	3 — bỏ vỏ

Lấy nước sắc uống, có hỏa thì gia HOÀNG CẨM 1 đồng, không có hỏa thì gia CÀN KHƯƠNG 1 đồng, CAM THẢO 2 phần. Phương thuốc này khử thấp kiện Tỳ mà không hao khí, uống 2 thang, đàm tự nhiên tiêu hết.

久 病 之 痘  
**CỬU BỆNH CHI ĐÀM**  
*(Bệnh đàm đã lâu)*

Những người bệnh đã lâu mà lâm đàm, nhất thiết không thể bảo là « Tỳ thấp sinh đàm » mà nói truyện được. Bởi những bệnh đã lâu mà không khỏi, chưa có bệnh nào mà không vì « Thận thủy khuy tồn » cả. Nếu không phải Thận thủy rãy lên làm đàm thì tức là Thận hỏa bốc lên làm đàm. Vậy phải bò Thận để khú trực đàm. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
薏 荚 仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
山 药	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
山 茄	SƠN THỦ	5 — sao
木 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm, sao
羌 贝	KHMIẾM THỰC	5 — sao
五 味	NGŨ VỊ	3 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
益 智 仁	ÍCH TRÍ NHÂN	2 — bò vỏ
半 夏 子	XA TIỀN TỬ	1 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là thành được trị bệnh Thận thủy rãy lên làm đàm. Nếu Thận hỏa tốc lên làm đàm thì gia NHỰC QUẾ 1 đồng đè bò Thận khứ thấp mà hóa đàm. Đã dẫn nước vào được Thận cung thì nước ấy biến làm chán tinh mà chẳng sinh đàm. Đó là trị đàm ở Hạ tiêu.

Lại 1 phương: LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia MẠCH ĐÔNG, NGŨ VỊ TỬ, thật cũng rất hay, nếu không có hỏa gia QUẾ, PHỤ.

---

Xét rằng : bệnh đàm. Nếu Thầy thuốc mà không khéo trị, rất dễ thành bệnh lao. Bởi hễ ho đều trách cứ vào Phổi, cảm gió mà họ là phong thương phế.

Nếu dùng thuốc phát tán đè khô ráo cái đàm thái quá thì Phổi không thu liêm được, át ho càng nặng thêm mà đàm còn có những đường máu như sợi tơ, lâu ngày sẽ hại Phổi mà nóng Thận.

Nếu dùng thuốc hàn lương đè tư nhuận cái đàm thái quá thì Phổi không thư thái, át đàm càng nhiều mà hơi thở suyễn, tiếng nói run run, lâu ngày sẽ lạnh Phổi và lạnh Thận.

Phương thuốc này không có 2 cái tệ hại ấy, muốn rằng những người bệnh ho đàm chờ nghỉ là bệnh nhỏ mà sơ sài điều trị.

### 濕 痰

#### TRẺ ĐÀM

(Bệnh trẻ đàm)

Trẻ đàm : đàm dính sin sít ở cổ họng, khạc mãi khó ra. Ôi ! đàm mà trẻ; là bởi khi trẻ, nếu không bỗ khí mà chỉ khứ đàm thật chưa thấy khi nào hết đàm mà hết được bệnh. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN	1 —
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
白 朮	BẠCH TRUẬT	2 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
蘇 子	TÔ TỬ	8 phân, sao
白 豆 冠	BẠCH ĐẬU KHẨU	2 quả, bỏ vỏ

Lấy nước sắc uống.

### 濕 痰

#### THẤP ĐÀM

(Bệnh thấp đàm)

Thấp đàm : ho ra nhớt dài nhiều hơn đàm. Phép trị đàm, không thể chì khứ thấp, hẳn phải bỏ khí trước

mà thêm được phầm để hóa đàm thì mới có công hiệu.  
Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
茯 苓	PHỤC LINH	3 đồng
半 夏	BÁN HẠ	3 —
神 曲	THẦN KHÚC	3 — (1)
艾 仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
甘 草	CẨM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này dùng THẦN KHÚC, nhiều người không biết, bảo rằng : THẦN KHÚC là vị thuốc tiêu thực, tuyệt nhiên không có chất hóa đàm. Bởi không hiểu đàm mà đã tích tụ dinh chất lại thì rất khó tiêu hóa đi. Bởi vậy dùng THẦN KHÚC để phát động thì cái đàm tích tụ dinh sát kia mới khai khoát, tiếp đó có TRẦN BÌ, BÁN HẠ hợp vào thì có thể thu công. Nhưng nếu chỉ dùng TRẦN BÌ, BÁN HẠ để tiêu đàm mà không dùng nhiều NHÂN SÂM để bò khí thì đàm cũng khó tiêu. Nay đã có NHÂN SÂM trợ khí, lại có Ý DĨ, BẠCH LINH để kiện Tý khứ thấp thì đàm sao có thể không tiêu.

寒 痰  
**HÀN ĐÀM**  
(Bệnh hàn đàm)

Hàn đàm : ho ra ít đàm, nhiều nhót dài mà tanh gòm. Những người Tý Vị hư hàn là khí hư mà ho ra đàm nhót tanh và lạnh, nên dùng phương thuốc trị bệnh « thấp đàm » kè trên mà gia NHỤC QUẾ 3 đồng, CÀN KHƯƠNG 5 phần là đủ lắm rồi.

熱 痘  
**NHỆT ĐÀM**  
*(Bệnh nhiệt đàm)*

Lại có người dương khí hư mà đàm lại nóng rát.  
 Nên dùng :

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng
白芍	BẠCH THƯỢC	2 —
參冬	MẠCH ĐỒNG	2 — khứ tâm
茯苓	PHỤC LINH	2 —
甘草	CAM THẢO	1 — sao
白芥子	BẠCH GIỚI TÚ	1 —
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
神 曲	THẦN KHÚC (1)	3 phần

Lấy nước sắc uống.

老 痘  
**LÃO ĐÀM**  
*(Bệnh lão đàm)*

Phàm những đàm tích két ở trong bụng lâu ngày  
 nhiều năm mà không tiêu hóa đi được, gọi là lão đàm.  
 Nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
茯苓	PHỤC LINH	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
丹 皮	ĐƠN BÌ	1 —
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN	1 —
白 芍	BẠCH THƯỢC	1 — sao
薏苡仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
白 芥 子	BẠCH GIỚI TÚ	5 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay tại dùng BẠCH GIỚI TỬ làm quân, Ý DĨ, BẠCH THƯỢC làm thàn, SÀI HỒ, THIÊN HOA làm tá sứ, để trị lão đàm. Đã nói là lão đàm, vì lão đàm là một thứ đàm tàng tích thì trong con người chỗ nào cũng có đàm, nên thuốc này phải uống tới 10 thang mới có thể tiêu di được.

### 頑 痘

#### NGOAN ĐÀM

(*Bệnh ngoan đàm*)

Ngoan đàm : Một thứ đàm thường sần cò mà đặc khô như keo làm vít đầy cả cổ họng. Nên dùng :

川貝母	XUYÊN BỐI MÃU	3 đồng
半夏	BÁN HẠ	3 —
白芩	BẠCH LINH	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	. 5 — sao
神曲	THẦN KHÚC	2 — (1)
甘草	CAM THẢO	1 —
桔梗	CÁT CÁNH	1 —
白朮	BẠCH PHẢN	1 —
紫苑	TỬ UYỀN	1 — sao.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bởi BÁN HẠ, BỐI MÃU dùng chung, một BÁN HẠ thì táo đàm, một BỐI MÃU thì nhuận đàm, để cho đàm dễ nong ra mà không còn chỗ nào có thè ở lại ăn trốn, lại có BẠCH PHẢN để tiêu những đàm đã kết thành cục, CÁT CÁNH, TỬ UYỀN để khử tà, CAM THẢO để điều trung, thì có lẽ nào mà chẳng thu công.

### 水 泛 為 痘

#### THỦY PHIẾM VI ĐÀM

(*Nước đáy là nước ở thận) « Thủy » ở trong Thận,*

*hễ có « hỏa » tương liên thì thủy bình, nếu không có hỏa*

tương liên thì thủy rãy lên, đó là lẽ thường. Những người ít phòng dục thi gìn giữ được thủy hỏa. Còn những người phòng dục quá độ thi thủy tiết di, hỏa cũng tiết di, lâu ngày thủy hư, hỏa cũng hư. Hỏa đã hư thi thủy không có chỗ tàng tích, át phải lan tràn đầy dãy lên làm đàm.

Vậy cái đàm nói đây là Thận hỏa hư, mà Thận thủy rãy lên làm đàm.

Phép trị ; muốn đè nén cái thủy xuống, trước phải làm cho cái hỏa ở dưới được gò áp đè hỏa giữ thủy lại. Vậy nên trong thuốc bò Thận thủy phải gia thêm thuốc đại nhiệt đè bò Thận hỏa, thi thủy dù đè chẹ hỏa, hỏa dù đè ôn thủy mà thủy hỏa có cái đạo « ký tế » (22) tự nhiên thủy bình không rãy lên làm đàm. Nên dùng :

熟地	THỰC ĐỊA	8 lạng (12)
山茱	SƠN THÙ	5 đồng, sao
肉桂	NHỤC QUẾ	2 —
五味	NGŨ VỊ	1 —
牛膝	NGƯỜI TẮT	3 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang đàm dần xuống, uống 2 thang đàm tự nhiên tan biến.

中 氣 又 中 瘦  
TRÚNG KHÍ HƯU TRÚNG ĐÀM  
(Trúng khí và trung đàm)

Bệnh trúng khí, bệnh trúng đàm, tuy nói 2 bệnh trúng khác nhau, nhưng thực ra chỉ là một bệnh trúng khí. Vì khi mà hư tự nhiên nhiều đàm, đàm mà nhiều tất nhiên hao khí. Tuy phân chia ra 2 mà thật là hợp nhất. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
甘 草	CAM THẢO	1 —
半 夏	BÁN HẠ	3 đồng
南 星	NAM TINH	3 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
附 子	PHỤ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, NHÂN SÂM vẫn đã là thần được đê hèn khi mà lại là diệu dược đê tiêu đàm; BÁN HẠ, NAM TINH tuy là thánh dược đê trực đàm mà lại là chính dược đê trợ khí; PHỤ TỬ, CAM THẢO một vị nhân, một vị dung giúp nhau mà thành công.

溫 咳  
**THÁP THẤU**  
(Bệnh ho thuộc thấp)

Mùa thu cảm thấp khi mà làm ho, nếu dùng những loại Ô MAI, TÚC XÁC đê thấp liêm, hẳn là không có công hiệu. Nên dùng :

陳 皮	TRẦN BÌ
當 彙	ĐƯƠNG QUY
甘 草	CAM THẢO
枳 柚	CHỈ XÁC
桔 柚	CÁT CÁNH mỗi vị 1 đồng
白 朮	BẠCH TRƯẬT 2 đồng.

Lấy nước sắc uống. Uống 3 thang an mạnh. Nếu mùa đông cảm hàn khí mà ho, cũng đều bởi đã cảm thấp khí từ mùa thu, hè tất phải câu chửp là đông nguyệt thụ hàn.

久 咳  
**CỨU THẤU**  
(Bệnh ho đã lâu)

Bệnh ho đã lâu này, nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
益 智 仁	ÍCH TRÍ NHÂN	5 phần, bỏ vỏ
白 苓	BẠCH THƯỢC	2 đồng, sao
棗 仁	TÁO NHÂN	3 — sao đen
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
白 枸 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao.

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang rồi uống LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN (9).

\* Lại một phương trị bệnh ho lâu ngày.

瓜 莖 仁	QUA LÂU' NHÂN	5 đồng, bỏ vỏ, sao hết dầu
烏 茄	Ô MAI	5 — hỏ hột, sao khô
薄 荷	BẠC HÀ	5 phần
甘 草	CAM THẢO	5 —
人 参	NHÂN SÂM (4)	1 đồng, tẩm nước đồng tiện, sấy khô.
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — tẩm rượu, sao khô
寒 石	HÀN THỦY THẠCH	1 đồng, lấy lửa đốt chín.
杏 仁	HẠNH NHÂN	1 đồng, bỏ vỏ, sao khô
硼 砂	BẰNG SA	1 — lấy lửa phi chín
川 貝 母	XUYỀN BỐI MÃU	3 !ạng
胡 桃 仁	HỒ ĐÀO NHÂN	2 đồng sao hết dầu.

Tất cả tán nhỏ, luyện mạt làm hoàn, to bằng hạt dào, mỗi lần lấy và mỏng sạch bọc một viên ngâm trong miệng để hóa dần xuống dần dần. Người hư lao chưa bị ho ra máu, mạch sác đều nên dùng.

Thuốc này bất luận già trẻ đều dùng được cả, rất có công hiệu, uống 10 viên đã thấy hay, uống 20 viên hết ho.

\* Lại một phương trị bệnh ho lâu ngày.

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
當 彙	ĐƯƠNG QUÝ	2 —

**THUỐC TRÀ** 1 đồng

Lấy nước sắc uống, rồi dần dần ăn cà bã cho hết, uống như vậy một vài thang hết bệnh.

**肺 痰 补 肾  
PHẾ THẤU KIÊM BỒ THẬN**  
(Trị Phổi ho nên kiêm bồ Thận suy)

Phế mà ho, vốn là bởi Phế hư thì phải bồi Phế là sự đã rõ ràng, làm sao lại nói kiêm bồi Thận? Bởi Phế kim nay bị Tàn hỏa làm tổn thương (hỏa khắc kim) át phải cầu cứu ở con là Thận thủy, nếu con không đủ lực lượng thì lấy gì mà nuôi mẹ là Phế kim. Bởi vậy phải kiêm bồi Thận, có nghĩa là bồi sức cho con để cứu mẹ. Nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 đồng
參 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
紫 茄	TÚ UYỀN	5 phần, rửa sạch đất.
山 茄	SƠN THÙ	4 đồng, sao
元 參	NGUYỄN SÁM	5 —
麻 子	TÓ TỬ	1 —
牛 脘	NGƯU TẤT	1 —
沙 參	SA SÀM	2 —
天 門 冬	THIỀN MÔN ĐÔNG	2 — khứ tâm

Lấy nước sắc uống.



喘 症

## G. SUYÊN CHỨNG

*(Bệnh Suyễn)*



氣 治 法

### KHÍ TRỊ PHÁP

*(Phép trị bệnh Khí)*

Bệnh Khí hư (suy yếu mà hàn), bệnh Khí thực (đầy chắc mà nhiệt) phép trị dù hư hay thực cũng đều phải bình trị.

Bệnh Khí hư là chính khí hư mà tà khí thực, mà bệnh Khí thực cũng là chính khí hư mà tà khí thực, chứ không phải chính khí thực. Vậy dù chính khí hư hay thực cũng đều bởi tà khí thực.

- Phép trị đều nên dùng thuốc bò chính khí mà thêm được phần khứ trực tà khí thì chính khí đầy đủ mà tà khí tiêu tan. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM (4)
白 木	BẠCH TRUẬT
麻 黃	MA HOÀNG
半 夏	BÁN HẠ
甘 草	CAM THẢO
紫 胡	SÀI HỒ
白 苓	BẠCH THƯỢC

mỗi thứ đều 1 đồng

2 —

3 —

Lấy nước sắc uống.

Suy xét rộng ra thì trị bệnh « Khí » chẳng phải chỉ có một chiều mà phản ra nhiều loại :

Khi hâm, nên dùng BÒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23).

Khi suy, nên dùng LỤC QUÂN TỬ THANG (24).

Khi hàn, nên dùng NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT, PHỤ TỬ THANG (25).

- Khi hú, nên dùng TÚ QUÂN THANG (26).  
Khi uất, nên dùng QUY TỲ THANG (27).  
Khi nhiệt, nên dùng SINH MẠCH TÂN (28).  
Khi suyễn, nên dùng ĐỘC SÂM THANG (29).  
Khi động, nên dùng NHỊ TRẦN THANG (21). 加  
NHÂN SÂM.  
Khi úng tắc, nên dùng XA CAN THÀNG (30).  
Khi nghịch, nên dùng TIỀU DAO TAN (31).

Khi hú thì người gầy yếu ; Khi thực thì người mạnh khỏe. Bệnh khi hú dùng phương thuốc trên, bệnh khi thực dùng phương thuốc sau đây :

白 朮	BẠCH TRƯẬT	1 đồng
柴 胡	SÀI HỒ	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
桔 子	CHÍ TÚ	1 —
旋 苓	PHỤC LINH	3 —
白 苞	BẠCH THƯỢC	2 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phần
枳 柄	CHỈ XÁC	5 phần
山 留	SƠN TRÀ	1 đồng

Lấy nước sắc uống.

氣 喘  
**KHÍ SUYỄN**  
(Bệnh Suyễn thuộc Khí)

Phàm những bệnh hơi thở rút go cò lai rồi rúi ngực mà thở ngược lên ấy, người ta bảo là « Khi hưu dư ».

Đó là không biết, thực ra « Khi hưu dư » kia nên xem là « khí bất túc » mới phải. Nếu nhận hơi thở kia là Phế khí thì

mà dùng những loại TÔ DIỆP, CÁT CÁNH, BÀCH BỘ, SƠN ĐẬU CĂN để phát tán và thông khí thì càng chóng nguy vong. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 lạng (4)
牛 膝	NGƯU TẤT	3 đồng
熟 地	THỰC ĐỊA	5 — (12)
麦 冬	MẠCH ĐỒNG	5 — khứ tâm
山 菜	SƠN THÙ	4 —
胡 桃 肉	HỒ ĐÀO NHỤC	3 —
枸 杞 子	CẨU KỶ TỬ	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ	1 —
生 芽	SINH KHƯƠNG	3 phiến

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này thật không có trị Phế mà dùng là để trị Phế, vì phương thuốc này bò Thận thủy để cứu nguy cho Phế kim.

Nếu nghĩ rằng, đã bò Thận thì không nên dùng nhiều NHÂN SÂM, vì NHÂN SÂM là thuốc kiện Tỳ thô,

Bởi không biết rằng, Thận thủy đã đại hư thì sự khó sống chỉ còn ở trong thời gian ngắn, nếu không đem NHÂN SÂM mà cấp bò cho chân khí thì còn một đường nhỏ của khí nguyên dương cũng đi đến đoạn tuyệt. Huống chi NHÂN SÂM dùng ít thì hốc lèn mà dùng nhiều thì đi xuống mau chóng. Vậy thì hay ở chỗ dùng NHÂN SÂM đến 3 lạng, khiến cho thông xuống gốc bệnh để bò khí và sinh Thận thủy Trong phương thuốc lại có THỰC ĐỊA, SƠN THÙ là những loại « đồng khí tương cù » dẫn thẳng vào MẠNH MÔN, thi sao lại lo là dùng nhiều ! Nếu người bệnh nặng còn phải dùng nhiều hơn nữa.

Bệnh suyễn phàn ra, có bệnh mới phát, có bệnh đã lâu. Bệnh suyễn mới phát phàn nhiều là thực tà, bệnh

suyễn đã lâu phần nhiều là khí hư. Vì thực tà mà suyễn thì hẳn là ướm ngực gò vai mà thở (Thực suyễn) ; Vì khí hư mà suyễn thì thở lên đều đều nhẹ nhàng (hư suyễn).

Phương thuốc này là trị bệnh suyễn phát đã lâu thuộc hư suyễn, còn bệnh suyễn mới phát thuốc thực suyễn thì uống TÙ MA THANG (32) hay TÙ THẤT THANG (33) một thang là hết suyễn.

Như vậy biết rằng, bệnh suyễn chẳng những bởi Phé khí hư mà còn bởi Thận thủy suy kiệt nữa.

### 虚 嘴

#### THỰC SUYỄN

(Bệnh Suyễn thuộc loại thực)

Phàm những bệnh « thực suyễn » hơi thở rất gấp làm cho cổ họng có tiếng khò khò, mà 2 vai gò lại, tựa hờ rất nặng mà thật ra lại là nhẹ. Nên dùng :

黃 杏 HOÀNG CẨM	2 đồng sao
紫 胡 SÀI HỒ	5 phân
甘 草 CAM THẢO	5 —
赤 冬 MẠCH ĐÔNG	3 đồng, khứ tâm
桑 叶 TỎ DIỆP	1 —
馬 菖 Ô DƯỢC	1 —
半 夏 BẢN HẠ	1 —
山 豆 根 SƠN ĐẬU CĂN	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang bệnh suyễn yên định, bất tất phải 2 thang.

### 虛 嘴

#### HƯ SUYỄN

(Bệnh Suyễn thuộc loại hư)

Đại khái những bệnh này, hơi thở tuy mạnh, nhưng cổ họng không có tiếng kêu, hai vai không gò lên. Đó là

Thận khí đại hư và Tỳ khí cũng sắp muốn tuyệt mà chưa tuyệt cho nên chạy ngược lên mà thở.

Nên dùng : CỨU TUYỆT THANG : 救絕湯

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
熟 地	THỰC ĐỊA	1 — (12)
山 茶	SƠN THỦ	3 đồng
牛 膝	NGƯU TẮT	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 đồng, sao
春 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng, khứ tâm

Lấy nước sắc uống.

### 氣 短 似 喘

### KHÍ ĐOẢN TỰ SUYỄN

(Hơi thở ngắn tựa như suyễn)

Bệnh này tựa như suyễn mà thật không phải là suyễn. Nếu không phải suyễn mà lại lấy thuốc suyễn để trị, sẽ nguy ngay. Bởi hơi thở ngắn là vì Thận khí hư hao, khí xung lên Thượng tiêu (3) ứng tắc ở Phế kinh làm cho Phế kinh không đủ để thở. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	2 lạng (4)
熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
山 茶	SƠN THỦ	3 đồng
牛 膝	NGƯU TẮT	3 —
破 故 纸	PHÁ CỔ CHỈ	3 —
杞 子	KỶ TỬ	3 —
春 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm
胡 桃 肉	HỒ DÀO NHỰC	3 — bỏ vỏ
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 3 thang, hơi thở điều hòa hết suyễn. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng NHÂN

SÀM nhiều đè dǎn xuống mau mà thu những khí & những nơi không chủ đích trở về. Lại có những được phàm bò Phế và bò Thận đè mǎu tử. tương sinh mà thủy tự nhiên vượng thì hỏa khí tự nhiên yên, không xông lên cò họng nữa.

楂肩大喘  
ĐÀI KIÊN ĐẠI SUYỄN  
(Suyễn mạnh quá gò vai lại)

Người ta hốt nhiên cảm gió lạnh lọt vào phổi, làm cho khí nghịch lên, hơi thở suyễn gò cả 2 vai lại, chỉ bắt ngồi, không nằm được mà đàm thi khạc nhò không ra. Nên dùng :

癸 胡	SÀI HỒ	2 đồng
亥 苞	PHỤC LINH	2 —
未 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khứ tâm
戌 梶	CÁT CÁNH	2 —
酉 木	HOÀNG CẦM	1 — sao
午 酉	ĐƯƠNG QUÝ	1 —
子 草	CAM THẢO	1 —
辛 夏	BẢN HẠ	1 —
射 千	XÃ CAN (cây rẻ quạt)	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng SÀI HỒ, XÃ CAN, CÁT CÁNH đè khai khoát và thư thái cho Phế khí ; BẢN HẠ đè khứ đàm ; HOÀNG CẦM đè khứ hỏa. Bởi ngoài cảm gió lạnh, tất nhiên bên trong biến thành nóng, cho nên dùng HOÀNG CẦM đè thanh giải phong hỏa. Nhưng chỉ dùng một VỊ HOÀNG CẦM thì tuy có thanh hỏa cũng chỉ đủ đè nén cái hỏa mà vị tất cái hỏa đã chịu ầu phục, nên có một loạt XÃ CAN, CÁT CÁNH. SÀI HỒ là những thuốc tan táu mới đủ đè tiêu hỏa, diệt tà.

腎 寒 氣 嘴  
**THẬN HÀN KHÍ SUYỄN**  
*(Thận lạnh làm suyễn)*

Những người hơi thở suyễn lên, chỉ ngồi, không nằm xuống được, mà hễ nằm xuống thì suyễn lên ngay. đậm cứ thở ra ống ọc, miệng lưỡi tươi nhuận không bị khô mà suyễn không ngừng. Đó không phải là «ngoài cảm hàn tà» mà là «Thận trung hàn khí». Bởi trong Thận mà hàn thì Thận không có hỏa, Thận không có hỏa thì thủy không được hóa dưỡng, thủy rãy lên làm đậm. Nên dùng LỤC VI ĐỊA HOÀNG TIANG (9) gia NHỤC QUẾ. PHỤ TỬ làm đại tê mà uống sẽ nằm nghỉ yên được. Khi người ta nằm nghỉ được thì hẳn là Thận khí và Phế khí đã cùng được yên mà đường thủy lộ cũng bình yên không chạy vượt lên.

腎 大 扶 肝 上 冲  
**THẬN HÒA PHÙ CAN THƯỢNG XUNG**  
*(Thận hòa giúp cho Can hòa xung lịn)*

Người ta hễ Thận hòa nghịch lên là giúp cho Can hòa xung lên mà làm ra suyễn. Nếu nặng quá mà thở ra đậm hơi hồng hồng thì đó lại là Thận hỏa bốc lên đốt Phế kim, Phế kim bị nóng, không khắc chế được Can mà cái Long lôi hỏa (âm hỏa) của Can vượt lên làm suyễn. Nên dùng:

沙 参	SA SÂM	1 lạng
地 背 皮	ĐỊA CỐT BÌ	1 —
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng khứ tâm
丹 皮	ĐAN BÌ	3 —
甘 草	CAM THẢO	3 phần
桔 柚	CÁT CÁNH	5 —
白 苦	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	2 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay ở chỗ dùng ĐỊA CỐT BÌ để thanh cát hỏa trong xương; SA SĀM, ĐAN BÌ để dương âm; BẠCH THƯỢC để bình Can; MẠCH ĐÔNG để thanh Phế; CAM THẢO, CÁT CÁNH dẫn thuốc vào Phế kinh thì đàm tiêu mà suyễn yên.

假 热 气 喘 吐 痰  
**GIẢ NHIỆT KHÍ SUYỄN THỔ ĐÀM**  
(Giả nhiệt, hơi thở suyễn lên thò ra đàm)

Bệnh phát nóng, thở suyễn, thò ra đàm, người ta bảo là nhiệt mà không phải là nhiệt đâu! Đó là hạ nguyên hàn cực, rồi bức bách cát hỏa nó bốc lên mà làm suyễn. Bệnh ấy rất nguy cấp. Nếu không cấp bồ Thận thủy và bồ Mạnh mòn hỏa thì cát đường nhỏ của nguyên dương còn lại, tất nhiên cũng đoạn tuyệt. Nên dùng:

熱 地	THỤC ĐỊA	4 lạng (12)
山 薑	SON DƯỢC	3 —
參 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
牛 肺	NGƯU TẮT	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 đồng
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —

Lấy nước sắc để người sê uống, uống một thang khỏi.

喘 哮  
**SUYỄN THẨU**  
(Ho suyễn)

Những bệnh suyễn mà lại có ho. Người ta bảo là bởi khí hư và có phong đàm. Ai biết đó là khi hư không quy nguyên về với Thận, mà Can mộc hiệp với khí, làm dữ.

Phép trị đại bò cho Thận mà trong đó có những vị thuốc dẫn hỏa đè trợ tá thì khi tự nhiên quy nguyên về với Thận mà ho suyên đều hết. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
熟 地	THỰC ĐỊA	2 — (12)
參 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng, khứ tâm,
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
牛 蹄	NGƯU TẤT	1 —
杞 子	KỶ TỬ	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
羌 茜 子	THỎ TY TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống luôn mấy thang, chắc là hay lấm. Nếu cho uống TỬ MA THANG (32) TỬ THẮT THANG (33) thì chẳng có công hiệu.

Lại như bệnh suyên mà mạch vi sắc, nên uống :

TRINH NGUYỄN ÂM 貞元飲

熟 地	THỰC ĐỊA	3 lạng (12)
當 彙	ĐƯƠNG QUY	7 —
甘 草	CAM THẢO	1 đồng, chích

Lấy nước sắc uống. Phần nhiều dân bà hay có bệnh này.



呕 血

## 7. THỒ HUYẾT (Thò huyết)



### 陽 症 呕 血 DƯƠNG CHỨNG THỒ HUYẾT (Bệnh thò huyết thuộc dương)

Người ta khi có cảm thử (nắng) làm hao thương chán khát, hắt nhiên thò ra huyết đầy chậu. Người ta bảo thế là vì âm hư mà thò huyết.

Bởi không biết rằng : âm hư thò huyết với dương hư thò huyết khác nhau : Người âm hư thò huyết thì yên tĩnh. Người dương hư thò huyết thì táo động. Dương hư thì đại nhiệt khát nước, muốn uống nước lạnh mà hàn là lưỡi khô mọc gai. Âm hư thì không khát nước mà miệng lưỡi hoạt nhuận. Phép trị nên thanh vị hòa bắc tất phải chỉ huyết. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
党 参	ĐƯƠNG QUÝ	3 —
香 气	HƯƠNG KHÍ	3 —
石 灰	THẠCH CAO	3 —
荆 芥 花	KINH GIỚI HOA	1 —
青 莖	THANH CAO (2)	3 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là thần dược trị bệnh thò huyết thuộc dương. Phương thuốc này tuy có vị đê giải thử, nhưng phần bò chính nhiều hơn phần giải thử, nếu bỏ HƯƠNG NHU là chất giải thử đi thì thật ra cũng có thể đồng trị. Tuy nhiên, phương thuốc này chỉ có thể uống 2 tháng, rồi đổi sang LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) mà uống.

大 愤 咳 血  
**ĐẠI NỘ THỒ HUYẾT**  
*(Giận quá thò ra huyết)*

Bệnh thò huyết này, khi thò hoặc như nghiêm chậu mà đờ ra, hoặc vọt lên miệng mà tràn ra, làm cho quay cuồng xày xầm nhất thời có thể chết ngay trong giây lát. Nên lấy thuốc chỉ huyết mà trị thì làm cho cái khí buồn bức không yên. Nếu lấy thuốc bồi huyết mà trị thì làm cho bụng đầy không chịu, lại còn có thể biến sinh ra nhiều chứng bệnh, khác nào như ong vỡ tò mà đến chết. Vậy phải trị cho đúng phép. Nên dùng:

**GIẢI UẤT BÌNH KHÍ THANG** 解 勻 平 氣 湯

白 芍	BẠCH THƯỢC	2 lạng, sao
當 彙	ĐƯƠNG QUY	2 —
荆 苓	KINH GIỚI	3 đồng, sao đen
山 桂	SƠN CHI	3 .— sao đen
紅 花	HỒNG HOA	2 —
柴 胡	SÀI HỒ	8 phần
甘 菖	CAM THẢO	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khí bình hòa thư thái, uống 2 thang huyết ngưng, uống 3 thang bệnh khỏi hết.

Bệnh này bởi giận quá thương Can, Can bị thương không bình được khi, nên đến nỗi thò huyết. Vậy trị nó nếu không làm cho cái khí được thư thái trước mà vội chỉ huyết ngay thì càng làm cho cái khí của Can hỏa khích động thêm, hẳn là cái khí càng vượng thì huyết càng thò ra.

Trong phương này BẠCH THƯỢC đã bình Can lại thư khí; KINH GIỚI, SÀI HỒ dẫn huyết về kinh của

nó : ĐƯƠNG QUY, HỒNG HOA thay máu cũ, sinh máu mới, làm sao có thể không khỏi được.

血  
THỔ HUYẾT  
(Thò ra huyết)

Bệnh thò huyết, người ta không cho là hỏa thịnh mà lại cho là chân âm khuy tồn, rồi dùng lương dược đê tả hỏa, hỏa càng bị tả đi thì huyết càng rã nhiều, mà dùng thuốc tư âm, thuốc chỉ huyết cũng chẳng thấy công hiệu. Nào ai biết đó là « huyết bắt quy kinh » !

Phép trị phải dùng thuốc bồ khí mà thêm vào những vị đê dẫn huyết quy kinh, thì không phải chỉ huyết mà huyết tự nhiên chỉ. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
當 彙	ĐƯƠNG QUY	1 lạng
丹 皮	ĐƠN BÌ	3 đồng
荆 芥 稗	KINH GIỚI TUỆ	3 — sao đen

Lấy nước sắc uống. uống một thang mà huyết chỉ.

Phương thuốc này hay, bởi không chuyên về bồ huyết mà lại bồ khí đê chỉ huyết ; lại càng hay, bởi không cần phải chỉ huyết mà lại hành huyết đê chỉ huyết. Bởi lẽ huyết mà gặp chất lạnh thì đọng lại, gặp chất tần tán thì về ò, thật là cirus nguy trong khoảng một hơi thở, rất có thần công.

Xét rằng : Nói chung tất cả bệnh thò huyết phần nhiều bởi huyết không về với kinh mạch tạng phủ của nó, nên nó theo tạng nào phủ nào đó mà nó thò ra. Huyết ở tạng phủ mà thò ra thì có thể chết ngay, đó là lẽ tự nhiên. Kè rằng bởi « hỏa thịnh », kè rằng bởi « âm khuy » vịn vào 2 lẽ đó, thời gian ngộ sát thường thương quá số ngàn số trăm vì

dùng thuốc hàn lương để tả hỏa, dùng thuốc tư âm để bồ  
âm. Như vậy, nhẹ thì ngưng kết lại thành cỗ bệnh, nặng  
thì tắc trở lại thành can (khô) huyết. Đây bàn về phương  
pháp trị bệnh thô huyết mà bảo là « huyết bất quy kinh » này của  
PHÓ TIÊN SINH. thật Người đã mở lòng BỒ ĐỀ, chúng  
ta nên đem đầu lại xin yết kiến Người vậy.

白 血  
**THÔ BẠCH HUYẾT**  
(Thô ra huyết trắng)

Huyết bao giờ cũng màu đỏ, sao nay lại bảo là huyết  
trắng ? Bởi không biết người mà ho đàm đã lâu ngày tắt nhiên  
thô ra đàm đều trắng như nước bọt, đó là huyết trắng.

Nước bọt trắng sao lại bảo là huyết trắng ? Bởi nhò  
ra trong nước bọt tựa như dãi cua, không có tỳ đàm thối  
não lẫn vào, dãi ấy thật là huyết chứ không phải đàm. Nếu đem bọt trắng đã nhò ra ấy phơi sương một đêm chắc  
biến thành sắc đỏ. Bởi bọt ấy ở Thận mà ra, Thận hỏa đã  
đưa bọt ấy lên cõi thì phải thô ra, tuy rằng thô ra bọt  
trắng, nhưng trắng đó là tinh ở trong Thận, chẳng những  
là huyết mà thối đâu. Nếu không trị gấp thi bọt trắng  
sẽ biến ra đàm màu lục. Lúc đó không sao trị được  
nữa. Nên dùng :

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
麥冬	MẠCH DÔNG	1 — khứ tâm
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
山茱萸	SƠN THỦ	5 —
茯苓	PHỤC LINH	5 —
丹皮	DƯƠN BÌ	2 —
澤瀉	TRẠCH TÀ	2 —
五味子	NGŨ VỊ TÙ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống hàng ngày.

血 不 脈 經  
HUYẾT BẤT QUY KINH  
(*Huyết không về với kinh*)

Phàm huyết mà không về với đường kinh mạch của nó, thì nó chảy ra, hoặc nó đi lên hay đi xuống, hoặc nó ra các lỗ chân lòng bốn tay chân, và tất cả các nơi ngoài thân thè đều có thè ra huyết.

Bởi vì huyết đi vòng quanh các kinh lạc trong thân thè người ta, bên ngoài đi ra lòng da, giữa đi trong các tạng phủ, trong đi các gân xương, trên đi lên đầu mặt và hai tay, dưới đi xuống 2 đường tiện, toàn thè chau thân đầu đâu cũng là huyết lộ. Nếu một đường máu mà không đi với mạch của nó thì các đường khác đều đi kèm bảy, hễ gặp lỗ nào thuận tiện thì nó chảy ra, hễ gặp chỗ nào thông thì nó tiết ra, nếu nhiều thì nó vọt lên miệng mũi hoặc thấy ra ở lòng da, hoặc thấy ra ở chân răng, hoặc thấm vào rốn bụng, hoặc chảy ra 2 đường tiện. Như vậy đều phải thuận theo tính của nó mà dẫn nó về đúng đường kinh. Nên dùng :

生 地	SINH ĐỊA	5 đồng
熟 地	THỰC ĐỊA	5 — (12)
當 彈	ĐƯƠNG QUY	3 —
白 苕	BẠCH THƯỢC	3 — sao
木 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
荆 茅	KINH GIỚI	1 — sao đen
川 芍	XUYÊN KHUNG	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
葛 草 根	TÈ THẢO CĂN	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này tức là TÙ VẬT THANG (19) gia giảm, mà công hiệu là bởi có TÈ THẢO CĂN để dẫn huyết quy kinh.

三 黑 神 奇 飲  
TAM HẮC THẦN KỲ ÁM

丹 皮	ĐAN BÌ	7 phần, sao đen
山 柴	SƠN CHI	5 — sao đen,
蒲 黃	BỒ HOÀNG	1 đồng, 2 phần, sao đen
川 茗	XUYỀN KHUNG	1 — lấy rượu rửa
川 貝 母	XUYỀN BỐI MÂU	1 —
生 地	SINH ĐỊA	1 — lấy rượu rửa.

Đồ 2 chén nước lã, nửa chén đồng tiệm, nửa chén nước ngó sen, sắc uống.

Phương thuốc này trị bệnh thô huyết rất thần hiệu không gì hay hơn, chỉ uống 2 thang khỏi.

Lại như LỤC VI ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia Mạch đồng, Ngũ Vị Tử, rất hay bò Thận, tư Can. Can mộc mà được Thận thủy nuôi dưỡng thì huyết có nơi chứa đựng không tiết ra ngoài. Nói chung : Huyết chứng, dùng bài này cũng nên làm.



嘔 吐

## 8. ẦU THỒ

(Ua mửa)



脾 胃 症 羣

### TỲ VỊ CHỨNG BIỆN

(Biện luận chứng bệnh bởi Tỳ hay Vị)

Những người ăn uống được mà tiêu hóa chậm là bệnh tại Tỳ không phải bệnh tại Vị. Bệnh tại Tỳ thì nên bồ Tỳ, mà bồ Tỳ càng nên bồ Thận hỏa. Bởi Thận hỏa sinh ra Tỳ thô.

Những người không ăn được mà ăn vào thì cũng êm chảng có sao là bệnh tại Vị, không phải bệnh tại Tỳ. Bệnh tại Vị thì nên bồ Tâm hỏa không nên bồ Thận hỏa. Bởi Tâm hỏa sinh ra Vị thô.

Người đời hễ thấy nói « không ăn uống được » liền bảo ngay là « Tỳ Vị hư ». Thật không biết « Vị chi hư hàn, trách chi Tâm, Tỳ chi hư hàn, trách chi Thận » nghĩa là Vị mà hư hàn thì trách cứ vào Tâm hỏa, Tỳ mà hư hàn thì trách cứ vào Thận hỏa. Vậy không thể không phân biệt cho rõ ràng được.

反 胃 大 咳

### PHIÊN VỊ ĐẠI THỒ

(Đạ dày đồ ngược, thò rất mạnh)

Bệnh đại thồ (thò vọt vòng cầu từ miệng mà ra rất mạnh) lưỡi khô mọc lông, 2 mắt đỏ sưng. Người ta bảo là « nhiệt ». Ai biết đó là « Thận thủy khuy tồn ». Bởi Tỳ Vị bốc ngược mà đưa lên làm cho mắt đỏ, lưỡi mọc gai.

Nhưng bệnh này, khi thi táo động, khi thi yên tĩnh, có khi muốn uống nước, mà đưa nước tới lại không muốn uống nữa, có miễn cưỡng uống vào cũng không lấy gì làm thích. Đó là « thương giả nhiệt mà hạ chán hàn ». Nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia QUẾ, PHỤ, lấy nước sắc mà uống.

Phép NGOẠI TRỊ. Lấy một củ PHỤ TỬ, cắt nhỏ, đỗ nước vào đun sôi kỹ, để yên trên bếp cho nóng, rồi lấy tay sát mạnh vào 2 lòng bàn chân, sát mãi cho tới khi thật nóng. Lấy bông gòn chấm vào nước PHỤ TỬ nóng, phết vào 2 lòng bàn chân, hễ khô lại phết, phết mãi, một lát sau không thở nữa.

Sau cần LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) đại tê mà uống, tất nhiên an bình, hay là uống TIỀU DAO TÂN (31) gia HOÀNG LIỀN cũng chỉ thở ngay. Bừng làm như các Vị Thổ y đem những tạp dược cho uống mà rồi thành bệnh nghẹn, bệnh cách. Nên dùng :

熟 地	THỤC ĐỊA	2 lạng (12)
山 茅	SƠN THÙ	1 — sao
玄 参	HUYỀN SÂM	1 —
當 彙	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	2 —
牛 膝	NGƯU TẮT	3 —
白 苍 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao

Lấy nước sắc uống. Bởi Thận thủy không đủ thì đại trường khô mà thu nhỏ lại, cho nên ăn uống vào dạ dày khó phèn dẫn xuống, phải đỗ ngược lên mà thở ra.

寒 邪 犯 脾 大 吐  
**HÀN TÀ PHẠM THẬN ĐẠI THÓ**  
(Gió lạnh cảm vào Thận làm thở mạnh)

Cảm lạnh vào Thận, đem nước ở Tỳ Vị, hiệp lại thở ra bằng hết, làm cho tay chân lạnh, khí đưa ngược,

bụng dưới đau không thể nhịn được, lấy vật gì nóng mà chườm thì thấy hơi dễ chịu, nếu không thì lạnh buốt khó chịu. Nhiều người bảo là Vị bệnh, thực ra là Thận bệnh. Nên dùng :

附子	PHỤ TỬ	1 củ
白木	BẠCH TRUẬT	4 lạng, sao
肉桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
羌活	CAN KHƯƠNG	3 —
人參	NHÂN SÂM	3 lạng (4)

Lấy nước sắc uống. Thuốc này uống khỏi cò liền thấy không buồn thò nữa. Lại đem bã thuốc sắc lần nữa mà uống, sẽ được an nhiên như cũ.

呕吐  
ÁU THÓ  
(Ua mửa)

Người đời đều bảo bệnh ưa mửa là bởi « Vị hư », ai biết đó là bởi « Thận hư ». Bảo rằng bởi Vị hư mà trị ưa mửa tại Vị không công hiệu là vì chưa tìm thấy bệnh căn. Nên dùng.

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
芡實	KHIẾM THỰC	3 — sao
白木	BẠCH TRUẬT	5 -- sao
茲苡仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
砂仁	SA NHÂN	1 — bỏ vỏ
吳茱萸	NGÔ THỦ	5 phần

Lấy nước sắc uống.

大吐  
HỎA THÓ  
(Bệnh thở thuộc hỏa)

Bệnh thở thuộc hỏa này nếu giáng hỏa, thì hỏa

vào Tỳ rồi xuống đại trướng mà biến ra chứng tiễn huyệt. Phép trị phải thanh hỏa, chỉ thò. Nên dùng:

茯 本	PHỤC LINH	1 lạng, bỏ vỏ
人 参	NHÂN SÂM	2 đồng, (4)
砂 仁	SA NHÂN	1 — bỏ vỏ
黃 連	HOÀNG LIỀN	3 —

Lấy nước sắc uống.

### 寒 吐 HÀN THỒ

(Bệnh thò thuộc hàn)

Bệnh thò thuộc hàn này nếu giáng hàn thì lại dẫn hàn vào Thận rồi thấm vào Bàng quang mà biến ra chứng di tỳ (đái són). Phép trị phải tán hàn, chỉ thò. Nên dùng:

白 朮	BẠCH TRUẬT	2 lạng, sao
人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
附 子	PHỤ TỬ	1 —
乾 姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
丁 香	ĐINH HƯƠNG	5 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này tán hàn mà dùng được phàm bồ Tỳ thì « hàn » không vượt lên mà cũng không đi xuống, thế tất nhiên ở giữa rồi theo đường rốn mà tiết ra.

### 胃 吐 VỊ THỒ

(Bệnh thò bởi dạ dày)

Bệnh này bởi Tỳ khí hư. Tỳ khí hư không dẫn xuống được, tất nhiên đầy ngược lên mà thò ra, vậy phải bồ Tỳ thi Vị được yên. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白 苓	BẠCH LINH	3 —
白 木	BẠCH TRUẬT	5 — sao
甘 草	CAM THẢO	1 — chích
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 —
神 曲	THẦN KHÚC	1 — (1)
半 夏	BÁN HẠ	1 —
砂 仁	SA NHÂN	1 — bò vỏ.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này trị bệnh thò tại Vị mà lại dùng thuốc bò Tỷ, tại sao ? Bởi Vị là cái cửa của Tỷ, mà cái cửa ấy sỏi vọt lên là vì bên trong cửa hỗn loạn. Nay muốn cho ngoài cửa được yên tĩnh thì phải làm cho trong cửa lành mạnh trước. Huống chi trong phương thuốc có những vị SA NHÂN, BÁN HẠ, THẦN KHÚC, toàn là những chất dễ chì thò, thì có lẽ nào mà chẳng thu công. Đó là phép trị « Tỷ Vị lưỡng bò » nghĩa là một phương thuốc mà bò cả Tỷ và Vị.

### 反 胃 PHIÊN VI

(Ăn vào dạ dày, thò ngược ra ngay)

Những người ăn vào mà thò ngược ra ngay, là bởi « Thận thủy thiếu » không đủ để thẩm trót cò họng, cho nên cò họng khô mà bắt thò ra tức khắc. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	2 lạng (12)
山 茗	SƠN THÙ	5 đồng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	5 —
冬 茯	MẠCH HỒNG	5 — khứ tâm
山 药	SƠN DƯỢC	1 lạng, sao
泽 鸿	TRẠCH TÀ	3 đồng

丹皮 ĐAN BÌ	3 đồng
五味子 NGŨ VỊ TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống.

Lại còn có người ăn vào, lâu lâu rồi mới bắt thở ra, là bởi « Thận hỏa hư không đủ đè ôn Tỵ, cho nên Tỵ hàn mà thở ra. Nên dùng :

熟地 THỰC ĐỊA	2 lạng (12)
山茱 SƠN THÙ	1 — sao
山藥 SƠN DƯỢC	6 đồng, sao
澤鴻 TRẠCH TÀ	2 —
茯苓 PHỤC LINH	3 —
丹皮 ĐAN BÌ	3 —
附子 PHỤ TỬ	3 —
肉桂 NHỤC QUẾ	5 — cạo sạch vỏ

Lấy nước sắc uống.

Xét rằng : Bài thuốc này tức là bài BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG THANG, nhưng bệnh này THỰC ĐỊA có thể đổi làm SINH ĐỊA, NHỤC QUẾ có thể đổi làm QUẾ CHI.

胃寒  
VỊ HÀN  
(Bệnh dạ dày lạnh)

Tỵ và Vị cả 2 đều hư hàn thì « Tâm Thận kiêm bò » (bò Tâm hỏa đè trị Vị hàn, bò Thận hỏa đè trị Tỵ hàn) là hay lắm rồi. Nhưng nay có một mình con Vị bị hư hàn thì chỉ nên bò Tâm là lẽ tự nhiên. Nên dùng :

人參 NHÂN SAM	1 lạng (4)
遠志 VIỄN CHÍ	1 lạng, tẩm nước cam thảo, sao.

白 木	BẠCH TRUẬT	3 lạng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
蓮 肉	LIỀN NHỤC	3 — sao
白 苓	BẠCH THƯỢC	3 — sao
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	5 đồng
良 姜	LƯƠNG KHƯƠNG	5 —
棗 仁	TÁO NHÂN	5 — sao đen
半 夏	BÁN HẠ	3 — ché
附 子	PHỤ TỬ	3 —
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
山 莪	SƠN DƯỢC	4 — sao

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày uống 5 đồng cát với nước lᾶ sôi.

腎 寒 吐 滉, 心 寒 胃 弱  
**THẬN HÀN THÓ TÃ, TÂM HÀN VỊ NHƯỢC**  
(*Thận hàn làm thò tã, tâm hàn làm vị nhược*)

Bệnh này bởi Tâm hỏa nguội lạnh làm cho con Vị hư nhược mà trên thì ụa mửa hoài, hè ăn vào một lúc lâu lại thò ra, dưới thi đi lỵ không ngừng, lại mỗi đầu canh năm thi đau bụng đi tả năm, ba lần. Người ta bảo bởi Tỳ Vị hàn, thế mà uống thuốc ôn Tỳ Vị không khỏi, tại sao?

Bởi Vị là cửa của THẬN, mà Vị khí nhược, nếu không bồ Mạnh mòn hỏa thì Tâm bào lạnh quá lấy hỏa đâu mà sinh Vị thò đè tiêu cơm nước.

Bởi Tỳ là biển của Thận, mà Tỳ khí nhược, nếu không bồ Mạnh mòn hỏa thì Hạ tiêu hàn lạnh lấy hỏa đâu mà hóa cơm nước đè sinh tinh hoa.

Cho nên muốn bồ Tỷ Vị phải cấp bồ Thận.

Nên dùng:

熟 地	THỰC ĐỊA	3 lạng (12)
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
人 参	NHÂN SÀM	3 — (4)
山 茗	SƠN THỦ	2 — sao
山 梔	SƠN DƯỢC	4 — sao
附 子	PHỤ TỬ	1 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 — sao
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao
吳 茉	NGÔ THỦ	5 đồng

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày  
lúc lòng không, uống 5 đồng càn với nước lá sồi.

---

## 鼓 痘

### 9. CỒ CHỨNG

(Bệnh Cồ, bụng to như cái trống)

Xét rằng: Những thuốc trị các loại bệnh cồ, rất kỵ dùng thuốc khoan trung. Những người bán thuốc chợ phần nhiều dùng NGŨ BÌ ÂM (35) cho uống, thật là chữa mò, trăm bệnh không một bệnh nào khỏi.



## 水 鼓

### THỦY CÓ

(Bệnh Cồ thuộc nước)

Bệnh này toàn thân sưng đầy những nước, lấy tay ấn xuống da thịt, chỗ nào cũng nhũn như ấn xuống bún. Nếu không cấp trị, nước ấy chảy ra từ chi, không xuống Bàng quang theo đường tiêu tiện mà ra được nữa, thì là tử chứng. Nên dùng:

#### QUYẾT LƯU THANG 決 流 湯

黑 丑	HẮC SỬU	2 đồng
甘 遂	CAM TOAI	2 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	3 phân
半 前 子	XÀ TIỀN TỬ	1 lạng

Lấy nước sắc uống, uống một thang đái ra hàng chậu, uống 2 thang khỏi hoàn toàn, cầm không được uống tới 3 thang, nếu uống 3 thang lại sinh ra sát hại. Bởi vì HẮC SỬU, CAM TOAI rất hay lợi thủy, lại có thêm NHỤC QUẾ, XÀ TIỀN dẫn hỏa vào Bàng quang để lợi thủy mà không tàu khí thì không làm cho HẮC SỬU, CAM TOAI quá mạnh.

Uống 2 thang rồi nên đói uống NGŨ LINH TÂN (36) 2 thang để điều chỉnh lại. Sau đó cứ uống LỤC QUÂN TỬ THANG (24) (bỏ cam thảo) để bồi Tỳ là được. Cứ ăn muối, nếu ăn vào không cứu được.

氣 痘  
KHÍ CÓ

(Bệnh Cò thuộc khí)

Bệnh này bởi khí hư làm sưng phù, tựa như phù nước mà thực không phải phù nước, chính là phu hơi (khí), vì lấy tay ấn xuống da thịt nó rắn chắc không trũng xuống, mà cõi trũng xuống thì khi nhắc tay ra nó lại bằng phẳng ngay. Khi phát phù, phù 2 mu bàn chân trước rồi dần dần phù lên mình và đầu mặt, chỗ nào cũng phù cả gọi là « khí cõ ».

Phép trị nên kiện Tỳ hành khí, trong đó thêm thuốc dẫn thủy. Nếu lấy thuốc trị « thủy cõ » kè trên mà trị thì sự nguy vong càng mau chóng. Nên dùng :

白 木	BẠCH TRUẬT	1 lạng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
杏 茸	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
甘 草	CAM THẢO	1 phần
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —
枳 先	CHỈ XÁC	5 —
人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
神 曲	THẦN KHÚC	1 — (1)
半 前 子	XA TIỀN TỬ	1 — sao
歸 茜 子	LA BẮC TỬ	1 — sao
山 藤	SƠN DƯỢC	5 — sao

Lấy nước sắc uống. Khi mới uống, nếu thấy có phần hơi no no, cũng cứ ráng chịu, lâu lâu sẽ thấy hay lạ lùng. Uống 30 thang khỏi hết. Cũng cứ ăn muối và THU THẠCH ĐƠN. (THU THẠCH ĐƠN là thứ thuốc nấu bằng ĐỒNG TIỀN, trong đó có phần « âm luyện pháp, dương luyện pháp » đều để trị âm hư và dương hư. Nhưng nay ít dùng).

蟲 鼓  
TRÙNG CÓ  
(Bệnh Cò có trùng)

Bệnh này bốn chân tay phù thũng mà chưa đến nỗi nặng lắm, sắc mặt đỏ mà có những chấm trắng tựa như trùng nó ăn và bụng dưới đau. Đó là bệnh « trùng cò »

消 蟲 神 奇 升

Nên dùng TIỀU TRÙNG THẦN KỲ ĐAN :

富 鮑	ĐƯƠNG QUY	1 lạng
蟹 甲	BIẾT GIÁP	1 — cạo sạch, tẩm giấm sao.
地 藉 粉	ĐỊA LẬT PHẤN	
	tức (BỘT TÈ PHẤN)	1 — (59)
雷 丸	LÒI HOÀN	3 đồng. Lấy nước cam thảo ngâm, gọt sạch vỏ đen tới chỗ thịt nó trắng, cắt nhỏ, tẩm rượu phơi khô, sẽ dùng. Nếu thịt nó đỏ, bỏ đi chớ dùng.
神 曲	THẦN KHÚC	5 đồng (1)
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
白 桂	BẠCH PHẦN	3 —
半 前 子	XÃ TIỀN TỬ	5 — sao

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hạ trùng vỏ sô, uống 2 thang ra hết trùng mà bệnh cò dẹp xuống, bắt tất phải uống đến 3 thang. Nhưng khi bệnh đã khá rồi, vẫn phải uống LỰC QUÂN TỬ THANG (24) — phải bỏ cam thảo đi — để điều lý cho hoàn hảo. (Thuốc uống mà đã phải bỏ Cam thảo thì biết rằng sự ăn uống phải cứ các chất ngọt).

血 故  
**HUYẾT CỒ**  
(Bệnh Cồ thuộc huyết)

Bệnh này hoặc bởi té ngã hay bị đánh đòn mà huyết ứ lại không tan ; hoặc bởi lo buồn uất giận mà huyết kêt lại không hành ; hoặc bởi phong hàn mà huyết định lại không khai. Rồi vì đó, lưu lại ở trong bụng lâu biến thành « huyết cồ » dù có ăn uống vào cũng không biến thành tinh huyết mà lại giúp thêm cho bệnh, lâu ngày trướng lên, trướng mãi lên, thành bệnh cồ.

Phép trị, nếu không phải « thủy cồ » mà lấy thuốc trị thủy để trị sẽ chỉ làm hại nguyên khí, nếu không phải « khí cồ » mà lấy thuốc trị khí để trị sẽ chỉ no đầy thêm, Nên dùng TRỰC TỬ THANG 遷 暈 湯 :

雷 丸	LÔI HOÀN	3 đồng, theo cách chế ở bài trên
紅 花	HỒNG HOA	3 — tăm rượu sao
枳 壳	CHỈ XÁC	3 — sao
白 苓	BẠCH THƯỢC	3 — sao
牛 犊	NGƯU TẤI	3 — sao
當 彙	ĐƯƠNG QUÝ	2 lạng
桃 仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang ứ huyết tan hết và bệnh khỏi, nhất thiết chờ uống 2 thang. Sau nên uống TỬ VẬT THANG (19) là thuốc bò huyết để điều lý. Nhưng trong thuốc bò huyết đó nên gia NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT, BẠCH LINH (không có cam thảo) để bò nguyên khí và lợi thủy, tự nhiên khỏi hoàn toàn. Nếu không uống sợ lại thành bệnh « huyết khô ».

Nhận định bệnh « huyết cồ » khác với những bệnh thủy cồ, khí cồ và trùng cồ. Vì huyết cồ chỉ có bụng trướng lên như cái trống, còn 4 tay chân như thường không có phù trướng.

水 痘

## 10. THỦY CHỨNG

(Những bệnh thuộc nước)



水 膀

### THỦY THỦNG

(Bệnh phù nước)

Bệnh này bởi Tỳ thô hư hàn không thể khắc chế được thủy, cho nên nước đầy rẩy ra làm toàn thân sưng phù. Nên dùng :

辛 午 KHIÈN NGƯU tức (HẮC SỬU) 3 đồng  
甘 遂 CAM TOẠI 3 —

Lấy nước sắc uống, chỉ nên uống đến 2 thang là nhiều. Sau khi phù sẹp rồi nên uống thuốc kiện Tỳ để điều lý. Nói về phép trị bệnh phù nước, tuy rất nhiều phương thuốc, nhưng phương thuốc này hay nhất.

呃 逆

### ÁCH NGHỊCH

(Bệnh Nắc ngược)

Bệnh này bởi thủy khí xâm lấn cái hỏa ở Tâm bào.

Khi Tâm bào đã bị thủy khí xâm lấn thì làm cho khí đưa ngược lên mà nắc luôn miệng, Tâm bào phải đi kêu gọi những khí của ngũ tạng đến để cứu nguy cho Tâm bào vì thủy khí xâm lấn.

Phép trị phải thông lợi cái thấp, phản tiêu đường thủy. Nên dùng :

茲 神 PHỤC THẦN 1 lạng  
茲 茉 仁 Ý DĨ NHÂN 1 — sao  
茲 木 THƯƠNG TRUẬT 3 đồng, sao

白 木	BẠCH TRUẬT	3 đồng, sao
人 参	NHÂN SÂM	3 — (4)
芙蓉	KHIẾM THỰC	5 — sao
丁 香	ĐINH HƯƠNG	1 —
半 夏	BÁN HẠ	1 — chẽ sao
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
吳 茶	NGÔ THỦ	3 phân

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang khởi.

水 結 腸 虫  
**THỦY KẾT BÀNG QUANG**  
*(Nước kết ở Bàng quang)*

Bệnh này 2 chân sưng phù, hơi thở suyễn ngược, mắt lồi, miệng há hốc. Người ta bảo là bệnh bất trị. Bởi không biết BÀNG QUANG với THẬN cùng lì biều lý (37). THẬN giữ độc quyền về việc khi mở, khi đóng cái cửa của BÀNG QUANG. Vậy chỉ thông Thận khi thì Bàng quang tự nhiên thông lợi. Nên dùng :

**THÔNG THẬN TIỀU THỦY THANG 通腎消水湯**

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng, (12)
山 藥	SON DƯỢC	1 — sao
蔻 沓 仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
山 茄	SƠN THỦ	1 đồng, 5 phân, sao
茯 神	PHỤC THẦN	5 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 —
牛 膝	NGƯU TẮT	1 —
草 前 子	XÀ TIỀN TỬ	3 — sao

Lấy nước sắc uống.

濕 症

## 11. THẤP CHỨNG

(Bệnh thấp)



黃 症

### HOÀNG CHỨNG

(Bệnh phát vàng)

Bệnh này phát vàng (hoàng đản) vàng cả đầu mặt tay chân khắp mình, cho đến móng tay móng chân, và nước bọt, nước tiểu cũng vàng. Bệnh này thuộc thấp, nhưng phản ra ngoại cảm thấp dễ trị, nội thương thấp khó trị.

Thấp thuộc ngoại cảm chỉ lợi thủy là khỏi. Nhưng thấp thuộc nội thương nếu tả thủy thì tiêu mất cả chân khí, mà phát hàn thì tiết mất cả chân tinh. Vậy hàn phải kiện Tỳ hành khí mới được. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, sao
白 苓	BẠCH LINH	1 —
益 芍 仁	Ý DĨ NHÂN	1 — sao
茵 陳	NHÂN TRẦN	3 đồng
山 楚	SƠN CHI	3 — sao đen
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phần

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là phương trị «nội thương thấp» chứ không trị ngoại cảm thấp, nếu muốn uống nhiều thì bỏ CHI - TÙ.

### ĐƠN CHỨNG

(Bệnh đơn)

Bệnh này tuy bởi PHONG, HÀN, THẤP, 3 khí ấy mà sinh ra, nhưng cũng bởi nguyên khí con người có

suy hàn, thì phong hàn thấp mới nhả cái chõ suy hàn ấy mà xâm nhập. Phép trị nếu chỉ công cái tà khí ấy mà không bồ chính khí thì khó mà khỏi được.

Nay trong phương thuốc bồ chính thêm vào những Vị đê trị phong hàn thấp thì người khỏe mà bệnh đơn tự nhiên như mất đi. Nên dùng :

白 木	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
人 参	NHÂN SÂM	3 — (4)
猪 荸	TRƯỜNG LINH	1 lạng
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
附 子	PHỤ TỬ	1 —
半 夏	BẢN HẠ	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phần

Lấy nước sắc uống.

Xét trong Nội Kinh nói rằng : Phong, hàn, thấp 3 khí hợp lại mà thành bệnh « TÝ ». Nay nguyên bản in chữ « ĐƠN », vậy tý nghĩa là đơn.

傷 溫  
**THƯƠNG THẤP**  
(Bệnh cảm thấp)

Bệnh cảm thấp này rất sợ ẩm ướt (không dám mở nước, hay ra sương gió) làm nặng mình, sưng chân, nước tiểu són và đờ. Nên dùng :

澤 滉	TRẠCH TÀ	3 đồng
猪 荸	TRƯỜNG LINH	3 —
肉 桂	NHỰC QUẾ	5 phần
茯 苓	PHỤC LINH	5 đồng
白 木	BẠCH TRUẬT	5 — sao

紫 胡 SÀI HỒ	1 đồng
半 夏 BÁN HẠ	1 —
半 前 XA TIỀN	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khỏi.

### 脚 气

#### CƯỚC KHÍ

(Bệnh nặng nhức 2 chân)

Bệnh cước khí làm 2 chân sưng phù, ấm ướt, nhức đau nặng nề có khi còn phát ngứa, đó là bệnh thuộc thấp. Nay người ta cho uống NGŨ LINH TÁN (36) để khử thấp là đúng lý lắm rồi. Nhưng nếu chỉ khử thấp mà không thăng đè cái khí lên thì vị tắt đã khử hết được thấp, vậy phải thăng đè cái khí lên thì thủy thấp mới tiêu tán. Nên dùng :

黃 茂 HOÀNG KÝ	1 lạng, sao khô, không tẩm mật.
人 参 NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白 朮 BẠCH TRUẬT	3 —
防 風 PHÒNG PHONG	1 —
肉 桂 NHỰC QUẾ	1 —
紫 胡 SÀI HỒ	1 —
苦 茯 仁 Ý DĨ NHÂN	5 — sao
苦 贊 KHIẾM THỰC	5 — sao
白 苓 BẠCH THƯỢC	5 — sao
半 夏 BÁN HẠ	2 —
陳 皮 TRẦN BÌ	5 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này là thành được đè khử thấp. Bởi một vị PHÒNG PHONG mà dùng chung với HOÀNG KÝ đã đủ đè thăng khí khử thấp, lại nhờ có SÀI HỒ khoan hòa cái khí thì khí dễ thăng đè, khí đã thăng thì thủy tán. Lại có BẠCH TRUẬT, BẠCH LINH, Ý DĨ, KHIẾM THỰC, đều là những vị khử thấp cả, làm sao mà không thần hiệu.

## 泄 滴

# I2. TIẾT TẢ

(Bệnh tiết tả)

Xét rằng : Bệnh tiết tả đều bởi cái khí ở Bàng quang không phân hóa, cho nên cơm nước ăn vào dạ dày, không phân tiêu được, đưa thẳng xuống đại tràng mà tả ra. Vậy phải lợi tiêu tiện làm chủ. Bệnh tiết tả so với bệnh hạ lợi hay tự lợi trong khi thương hàn rất khác nhau xa, nên xem xét kỹ mà điều trị.

## 瀉 基

### TẢ THẬM

(Bệnh tả rất nặng)

Bệnh tiết tả một ngày 50 hay 60 lần, như rót ở trong ruột ra, cơm cháo còn nguyên không tiêu hóa, chỗ Giang mòn sưng đau và nóng như lửa. Nếu không cấp cứu, có thể chết ngay. Nên dùng :

### TIẾT TẢ THANG 截 滴 湯

薏 荚 仁	Ý DĨ NHÂN	2 đồng, sao
白 苓	BẠCH THƯỢC	2 — sao
山 椿	SƠN DƯỢC	1 lạng, sao
半 前	XA TIỀN	1 — sao
黃 連	HOÀNG LIÊN	5 đồng, tẩm nước gừng, sao.
茯 苓	PHỤC LINH	5 đồng
澤 滷	TRẠCH TẢ	2 —
甘 草	CAM THẢO	2 —
肉 桂	NHỰC QUẾ	3 phần
人 參	NHÂN SÂM	3 đồng, (4)

Lấy nước sắc uống.

THỦY TẢ ; tả thuần nước. Nên dùng :

白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, sao
牛 肾 子	XA TIỀN TỬ	5 đồng

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hồ Thận kiện Tỵ, lợi thỷ, khứ thấp, trị bệnh thủy tả rất thần hiệu.

大 痘  
HỎA TẨ  
(Bệnh tả thuộc hỏa)

Bệnh « HỎA TẨ » này (tức nhiệt tả) khi tả ra, hạt cơm còn nguyên không tiêu hóa, hễ ăn uống vào khỏi cõi liền bắt tả ra, ngày đêm vài chục lần, quá lầm có thể đến trăm lần. Người ta đều biết bệnh này là nhiệt tả. Nhưng « nhiệt » ấy sinh ra bởi đâu ? Nhiệt ấy sinh ra bởi « thỷ » trong Thận thiếu, không đủ đê đè chế cái hỏa, làm cho cái cửa của Vị thò (Vị là cửa của Thận) không giữ được trên dưới, bởi vậy trên ăn vào mà dưới ra luôn.

Phép trị, luận về cái thế cấp bách (cấp tắc trị kỵ tiêu) thì tựa hồ nên trị kỵ tiêu. Nhưng trị kỵ tiêu thì không thể bắt cái hỏa ấy nó xuống mau được, vây hẳn là cấp bù thỷ cho Thận (cấp nhì trị kỵ bẩn) đê cho thỷ đủ đê chế hỏa thì hỏa có cái chỗ ở yên định mà không thăng dang nra. Nên dùng :

黑 地	THỤC ĐỊA	3 lạng, (12)
白 苓	BẠCH THƯỢC	3 — sao
山 茄	SƠN THÙ	1 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 — chich
牛 肾 子	XA TIỀN TỬ	1 — sao
肉桂	NHỤC QUẾ	3 phân

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này, là phương thuốc bồ Thận, không phải thuốc chì tả, vậy mà uống dễ chì tả có sự thần diệu rất nhanh như đánh tiếng trống vậy (dùi đậm vào trống có tiếng kêu ngay). Người đời sao biết được.

水瀉  
**THỦY TẢ**  
(Bệnh tả thuộc thủy)

Bệnh thủy tả này, hạ tả ra thuận nước trong, cần phải cho chì gấp. Nên dùng :

白 木	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
吳 茗	NGÔ THÙ	5 phần
車 前 子	XA TIỀN TỬ	1 đồng.
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống.

泄瀉, 吞酸  
**TIẾT TẢ, THÔN TOAN**

(Bệnh dưới ỉa chảy, trên ợ ngược lên rồi nuốt xuống có mùi chua)

Bệnh tiết tả thuộc hàn, bệnh thôn toan thuộc hỏa, tựa hồ dưới hàn trên nhiệt khác nhau thì phép trị cũng phải khác nhau. Nhưng chẳng biêt : Bệnh tiết tả tuy là nhiệt mà là bởi Can khí uất kết. Nếu phân ra mà trị, rồi dùng một phương đè trị Can mộc uất, không nói đến Tỳ thò thì thò hẳn đờ nát. Hay dùng một phương đè bồi Tỳ thò, không nói đến Can mộc thì mộc hẳn điêu tàn. Không bằng chỉ dùng một phương mà trị được cả 2 bệnh là hơn. Nên dùng :

白 苗	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao
桑 胡	SÀI HỒ	1 —
卓 前 子	XÁ TIỀN TỬ	1 — sao
蕤 苞	PHỤC LINH	3 —
神 曲	THẦN KHÚC	5 phần (1)
陳 皮	TRẦN BÌ	2 —
甘 草	CAM THẢO	5 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bồi có BẠCH THƯỢC để thư uất cho Can mộc, một khi Can mộc đã được thư uất thì trên không khắc Vị, dưới không khắc Tỷ. Lại có PHỤC LINH, XÁ TIỀN để phân tiêu thấp khí, lợi thủy, thì thủy theo đường tiêu mà ra hết, làm gì còn có thủy hữu dư để mà ợ ngược rồi nuốt xuống, làm gì còn có nước đồn xuống để mà tiệt tả.

## 痢 疾

### 13. LÝ TẬT

(Bệnh lý)

Xét rằng: Trị bệnh lý thì điều hòa thông đạt khí huyết làm chủ, mà môn thuốc trị lý thì lấy THƯỢC DƯỢC THANG làm tòng phương, nhưng THƯỢC DƯỢC THANG thì lại thiên về lương dược, mà dùng thì thường không công hiệu. Mấy phương thuốc sau đây, tuy dùng QUY, THƯỢC, MỘC HƯƠNG nhưng phân loại mà dùng CẨM, LIÊN, không dùng ĐẠI HOÀNG. Thật là tận thiện, tận mỹ.

#### 火 邪 內 傷 辨

#### HÒA TÀ NỘI THƯƠNG BIỆN

(Phân biện hòa tà lý, nội thương lý)

Bệnh lý bởi ngoại cảm nhiệt tà (hỏa tà) mà lý ra máu, thì máu hắn là đỏ tươi; mạch hắn là hồng mà hoãn; miệng hắn là khát mà muốn uống nước lạnh; tiêu tiện hắn là buốt mà đỏ đục.

Bệnh lý bởi nội thương mà lý ra máu thì máu không đỏ tươi mà tim bầm hay là hơi đỏ và trắng lat; mạch hắn là tê mà tri hay phù sắc mà không; miệng hắn là không khát, mà có khát thì muốn uống nước nóng; tiêu tiện hắn là không đỏ, không buốt mà có đỏ thì không đục không nóng.

Đó là một bi quyết phân tách rõ ràng.

## 痢 疾

### LÝ TẬT

(Bệnh lý)

Bệnh lý bởi cảm «thấp nhiệt» (âm ướt mà lại nóng) mà sinh ra, khi lý ra thấy vừa đỏ vừa trắng, như

mù như máu, cũng là rất nguy rất cấp Phép trị nếu dùng thuốc mát để trị huyết, thuốc nóng để công tà, đều không phải là khéo trị. Nên dùng:

白芍	BẠCH THƯỢC	2 lạng, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
枳壳	CHỈ XÁC	2 đồng
梔榔	BÌNH LANG	2 —
活石	HOẠT THẠCH	3 — nướng chín
廣木香	QUẢNG MỘC HƯƠNG	1 —
薑	LA BẮC TỬ	1 — sao
甘草	CAM THẢO	1 — nướng

Lấy nước sắc uống, 1 hay 2 thang kiến hiệu.

Phương thuốc này hay bởi dùng QUY, THƯỢC mỗi thứ nhiều đến 2 lạng để thư Can, hòa huyết thì Can huyết hưu dư, không đi khắc Tỳ thò nứa, tự nhiên Đại trường có cái sức truyền tống, lại thêm có CHỈ XÁC, BÌNH LANG đều là thuốc trực uế, kbur tích, thế là trong phép bồ có phép công, mà HOẠT THẠCH, CAM THẢO, MỘC HƯƠNG điều đạt trong khoảng chật không phải chật, mau không phải mau, cứ từ từ để những chất trê xuống hết.

Ngoài ra những bệnh lý nhẹ hơn, uống phân nửa phương thuốc này, không bệnh nào là không khỏi.

Phương thuốc trị lý này bất luận lý đỗ, lý trắng, có đau bụng hay không, đều dùng rất thần hiệu.

♦ Lại một phương trị lý:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
黃芩	HOÀNG CẨM	7 phân, tẩm rượu sao.
杏木	THƯƠNG TRUẬT	
厚朴	HẬU PHÁC	
大腹皮	ĐẠI PHÚC BÌ	
陳皮	TRẦN BÌ	mỗi thứ 1 đồng

Đỗ 2 chén, sắc lấy lại 1 chén, uống hai lần.

### 血 痘

### HUYẾT LY

(Bệnh ly thuộc nhiệt)

Phản bệnh ly ra máu đỏ tươi mà đau bụng là thuộc hỏa. Nên dùng :

歸 尾 QUY VĨ	1 lạng
白 茄 BẠCH THUỐC	1 — sao
黃 連 HOÀNG LIỀN	3 đồng, tầm nước gừng sao
枳 先 CHỈ XÁC	2 —
木 香 MỘC HƯƠNG	2 —
蘿 蔴 子 LA BẮC TỬ	2 — sao

Lấy nước sắc uống.

### 寒 痘

### HÀN LY

(Bệnh ly thuộc hàn)

Phản bệnh ly ra máu lợt lạt mà không đau bụng là thuộc hàn. Nên dùng :

白 茄 BẠCH THUỐC	3 — sao
當 归 ĐƯƠNG QUY	3 —
枳 先 GIỈ XÁC	1 —
梔 柳 BÌNH LANG	1 —
甘 草 CAM THẢO	1 — nướng
蘿 蔴 子 LA BẮC TỬ	1 — sao.

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc trị huyết ly kè trên là trị bệnh ly cho những người mạnh khoẻ mà cảm hỏa tà và thấp.

Phương thuốc này trị hàn ly, không đau bụng. Còn những người nội thương lao quyện và trung khí hư nhược bởi Tỳ không giữ huyết mà sanh ra huyết ly, nên uống LÝ TRUNG THANG (25) gia MỘC HƯƠNG, NHỤC QUẾ hay là uống BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia THỰC ĐỊA, SAO CÀN KHUƠNG mà trị thì mới khỏi.

大 小 便

## 14. ĐẠI TIỆU TIỆN

(Bệnh về đại tiện và tiêu tiện)



大 便 不 通

### ĐẠI TIỆN BẤT THÔNG

(Đại tiện không thông)

Bệnh đại tiện bất thông, người ta cho là bởi « Đại trướng nóng ráo ». Ai biết là bởi « Phế khí nóng ráo » chăng ? Bởi Phế khí nóng ráo thì cái khí thanh hòa của Phế, không đi xuống đến Đại trướng mà nước ở Thận kinh cũng chỉ vừa tự túc thì lấy đâu mà chảy đi khắp dè thấm nhuần được. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	3 lạng (12)
元 参	NGUYÊN SÀM	3 —
升 麻	THĂNG MA	3 đồng
大 麻 仁	HỎA MA NHÂN	1 —

Bồ 2 chén nước, đun còn 6 phần, hòa vào 1 chén sữa bò tươi, quấy đều với thuốc mà uống, uống vài thang ắt thông đại tiện.

Phương thuốc này không chú ý nhuận Đại trướng mà chú ý bồ Thận và thanh Phế.

Ôi ! Đại trướng ở mõi dưới đường cùng, rất khó điều trị riêng biệt, nên hẳn phải theo Thận dè mà nhuận, theo Phế dè mà thanh, nghĩa là mở khiếu trên, thì khiếu dưới tự nhiên lưu động mà thông lợi.

Đó là phép « hạ bệnh thượng trị » = bệnh ở dưới mà trị ở trên vậy.

Xét ra phương thuốc này hay bởi THĂNG MA, vì khi ví nó hay biến hóa linh động, mở khiếu trên thì khiếu dưới tự nhiên chảy ra, thí dụ lấy ống nhỏ hút nước đầy ống, rồi lấy ngón tay bít chặt trên đầu ống thì giữ được nước, buông ngón tay thì nước chảy xuống hết. Thật rất dễ hiểu.

實 症 大 便 不 通  
**THỰC CHỨNG ĐẠI TIỆN BẤT THÔNG**  
(Đại tiện bất thông thuộc thực chứng)

大 黃 ĐẠI HOÀNG	5 đồng
升 氣 QUY VĨ	1 lạng
升 麻 THĂNG MA	5 phân

Lấy nước sắc, khi được, hòa vào thuốc nửa chén mật ong, quấy đều uống.

Phương thuốc này, ĐẠI HOÀNG chủ đề tiết lợi, còn ĐƯƠNG QUY chỉ để nhuận tràng mà lại dùng làm quân thì tuy có tiết lợi cũng không đến quá mãnh liệt và cũng không có cái sợ nguy hiểm, huống chi lại có THĂNG MA để thăng đề thì trong sức tiết lại có sức lưu, hà tất phải quá lo.

Xét rằng : Bệnh thương hàn thuộc Dương Minh kinh có táo phán, nếu không dùng chính ĐẠI THỪA KHÍ THANG (8) thì không thể hạ được. Nhưng trị « thực chứng đại tiện bất thông » mà dùng phương thuốc này thì cũng noi theo ĐẠI THỪA KHÍ nhưng tính chất hòa bình mà ôn nhuận chứ không quá mạnh.

虛 症 大 便 不 通  
**HU CHỨNG ĐẠI TIỆN BẤT THÔNG**  
(Đại tiện bất thông thuộc hư chứng)

Những người sau khi đại bệnh đã khỏi rồi, khí huyết còn hư nhược, mà đại tiện bi. Nên dùng :

熟 地 THỰC ĐỊA	1 iạng, (12)
元 参 NGUYÊN SÂM	1 —
當 彙 ĐƯƠNG QUY	1 —
川 芍 XUYÊN KIUNG	5 đồng

桃 仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ
红 花	HỒNG HOA	3 đồng
大 黄	ĐẠI HOÀNG	3 — sao
大 麻 仁	HÒA MA NHÂN	1 —

Lấy nước sắc, khi được hòa vào thuốc nửa chén mật ong, quấy đều uống.

小 便 不 通  
TIỂU TIỆN BẤT THÔNG  
(Bệnh tiểu tiện không thông)

Khi hóa ở Bàng quang không lưu hành, tức thi tiểu tiện không thông. Phép trị tựu hồ phải trị Bàng quang mà hoàn toàn không có trị Bàng quang. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
蓮 肉	LIỀN NHỰC	3 —
白 果	BẠCH QUẢ	2 — bỏ vỏ, màng
甘 草	CẨM THẢO	1 —
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —
半 首 子	XÁ TIỀN TỬ	1 —
王 不 流 行	VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay tại dùng NHÂN SÂM, NHỰC QUẾ, bởi Bàng quang hẳn phải được khi hóa thì mới bài tiết ra — Khi hóa là gì? là khí ở Tâm bao lạc — đã dùng SÂM QUẾ mà khí hóa đã hành. Lại còn hay tại dùng BẠCH QUẢ để thông mạch Nhâm (38) mạch Dốc (39) chạy vào Bàng quang mà dẫn những chất thuốc kia — nhiều người không biết ý đó — Huống chi XÁ TIỀN, VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH hết thảy là chất tiết hạ. Uống nhür thể, đường àm dàng trước có lý nào không thông lợi.

♦ Lại có một phương:

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng
山 茄	SƠN THỦ	4 đồng
丹 皮	ĐƠN BÌ	2 —
澤 滉	TRẠCH TÀ	3 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 —
車 前 子	XA TIỀN TỬ	1 —
山 藥	SƠN DƯỢC	2 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —

Phương thuốc này không cần thông tiêu tiện mà chuyên bồi Thận thủy, hễ trong Thận có nước thì cái khí ở Bàng quang tự nhiên nó hành, khí hành thì tiêu tiện thông. Bởi vì Thận giữ cái quyền khi đóng khi mở của Bàng quang.

Xét rằng: phương thuốc này theo ý nghĩa bài BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG (7) mà diễn xuất ra.

大 小 便 不 通  
**ĐẠI TIỀU TIỆN BÁT THÔNG**  
*(Đại tiện, tiểu tiện không thông)*

Lấy một ít tóc, đốt cháy ra tro, nghiền rất nhỏ, lấy 3 ngón tay dùm lấy một dùm, bỏ vào nửa chén nước nóng, quấy đều, uống cả, thông lợi ngay.

♦ Lại một phương:

Mặt một chén, rượu một chén (chén uống trà) BÌ TIỀU 1 lạng, ĐÀI HOÀNG tán nhỏ 1 đồng, đồ chung cả vào, đun nóng, quấy đều, chia 2 lần uống nóng, rất thần hiệu.

## 15. 痘症, 中風, 痢症 QUYẾT CHỨNG, TRÚNG PHONG, GIẢN CHỨNG (Bệnh Quyết lanh, trúng phong và bệnh giản)



### 寒 痘 HÀN QUYẾT (Bệnh Quyết thuộc hàn)

Bệnh quyết thuộc hàn này, tay chân lạnh mà hàn phải tái xanh tím bầm, uống nước vào hàn phải thò ra, bụng hàn là phải đau, người hàn muốn gần lửa cho ấm. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng sao
附 子	PHỤ TỬ	1 đồng
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —
吳 茗	NGÔ THÙ	1 —

Lấy nước sắc uống.

### 热 痘 NHIỆT QUYẾT (Bệnh Quyết thuộc nhiệt)

Bệnh quyết thuộc nhiệt này, tay chân tuy lạnh mà không đến nỗi tái xanh bầm tím, uống nước vào không thò ra, hễ gần lửa ấm hàn thấy đau bụng. Một khi chân tay đã lạnh thì đau nhức không thể chịu được. Người ta cho là phong trúng vào tử chi. Ai biết đó là nóng hun ở trong Tim, không tiết ra ngoài được, cho nên bốn chân tay lạnh mà da bụng lại nóng như lửa. Nên dùng :

柴 胡 SÀI HỒ	3 đồng
當 彙 ĐƯƠNG QUY	2 —
黃 連 HOÀNG LIỀN	2 —
梔 子 CHI TỬ	2 — sao đen
荆 芥 KINH GIỚI	1 — sao
半 夏 BÁN HẠ	1 —
枳 壳 CHỈ XÁC	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi.

\* Lại một phương trị nhiệt quyết.

白 苓 BẠCH THƯỢC	1 lạng, sao
山 柏 SƠN CHI	3 đồng, sao đen
陳 皮 TRẦN BÌ	1 —
柴 胡 SÀI HỒ	1 —
天 花 粉 THIÊN HOA PHẤN	2 —

Lấy nước sắc uống. Ý nghĩa dùng BẠCH THƯỢC nhập Can để bình mộc.

Xét rằng: Phương trên dùng SÀI HỒ, ĐƯƠNG QUY. Phương này dùng BẠCH THƯỢC đều là Can được đè trị bệnh Can nhiệt.

P 疾  
THỊ QUYẾT  
(Bệnh lạnh như thây ma)

Bệnh người lạnh như thây chết này, trong một lúc hốt nhiên ngã lăn keng, rồi không còn biết nhân sự là gì, đó là chân khí hư mà đàm làm mè Tâm, phép trị chỉ bò khí hóa đàm. Nên dùng :

人 参 NHÂN SÂM	3 đồng (4)
半 夏 BÁN HẠ	3 — ché

南 星	NAM TINH	3 đồng, ché
白 木	BẠCH TRUẬT	5 — sao
附 子	PHỤ TỬ	5 phân
白 苍 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 đồng

Lấy nước sắc uống.

♦ Lại một phương trị bệnh thi quyết :

THƯƠNG TRUẬT 3 đồng, lấy nước sắc, đồ dần vào miệng tất nhiên thò ra, mà hãy thò ra được rồi là tinh. Bởi THƯƠNG TRUẬT là dương được, rất hay khử phong, cho nên dùng có công hiệu.

Phàm những bệnh mè thấy ma quỷ mà dùng nó càng thấy hay.

厥 症  
QUYẾT CHỨNG  
(Bệnh Quyết lanh)

Những người hốt nhiên phát quyết, nhắm mắt, dan tay, trong cõi họng có tiếng thở khò khè. Bệnh ấy có khi một ngày chết, hay vài ba ngày mới chết.

Bệnh quyết này phần nhiều phạm đến Tâm quản nhưng cũng vẫn bồi đàm mà phát. Phép trị phải công đàm mà khai Tâm khiếu. Nên dùng :

KHỎI MÈ ĐƠN 起 迷 单

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
半 夏	BÁN HẠ	5 — ché
葛 蕎	XƯƠNG BỒ	2 —
羌 茜 子	THỎ TY TỬ	1 lạng
茯 苍	PHỤC LINH	3 đồng

皂 荢	TẠO GIÁP	3 đồng, nướng chín
生 姜	SINH KHƯƠNG	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 phần

Lấy nước sắc uống.

氣 虛 痘 倒

**KHÍ HƯ THỐT ĐÀO**

(Khí hư tự nhiên ngã lăn)

Những người hốt nhiên tối xâm dầu mắt ngã lăn keng, hòn mè chẳng biết gì, trong cõi họng có đàm Người ta cho là « phong ». Ai biết đó là bởi « khí hư ». Nếu đem thuốc phong mà trị sẽ chết ngay.

Bệnh này bởi lúc bình nhật không gìn giữ sắc dục, tinh huyết hao tan đi làm cho chân khí suy kém. Lại thêm phần không cần thận sự ăn ở, khi phát bệnh có thể tựa như phong mà thực không phải là phong. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
黃 茜	HOÀNG KỲ	1 —
白 术	BẠCH TRUẬT	1 — sao
茯 苓	PHỤC LINH	5 đồng
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 —
半 夏	BẢN HẠ	2 —
白 芥 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này治病 mà không trị phong, tiêu đàm mà không háo khí. Uống 1 thang tinh thần yên tĩnh, uống 2 thang đàm tiêu xuồng, uống 3 thang mạnh khỏe hoàn toàn.

陰 虛 痘 倒  
**ÂM HƯ THỐT ĐÀO**  
*(Âm hư tự nhiên ngã lăn)*

Bệnh này bởi « Thận thủy » ở dưới suy hư mà không thương giao với « Tâm hỏa » (Tâm Thận bất giao). Lại có khi bởi Can khí nóng rào không sinh Tâm hỏa. Đó đều bởi âm hư mà làm cho người ta ngã lăn dùng. Nên dùng : TÁI TÔ ĐƠN 再蘇丹

熟 地	THỤC ĐỊA	2 lạng (12)
山 茜	SƠN THÙ	1 — sao
元 参	NGUYÊN SÂM	1 —
朱 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 — sao
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
葛 蕃	XƯƠNG BÒ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	5 —
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này, bồ Thận thủy, mát Phế khí, an Tâm, thông khiếu, tả hỏa, tiêu đàm, thật rất thần hiệu. Uống 10 thang khỏi hoàn toàn.

Xét rằng : Bệnh này nếu nói chắc là bởi âm hư, thì cốt người áy vốn gầy, mà bộ mặt xanh thâm, khi ngã lăn keng, hơi thở gần như suyễn, mắt không dám mở ra mới phải.

陽 虛 痘 倒  
**DƯƠNG HƯ THỐT ĐÀO**  
*(Dương hư tự nhiên ngã lăn)*

Bệnh này bởi « Tâm hỏa » ở trên hư suy; không giao với « Thận thủy » ở dưới mà tự nhiên ngã lăn dùng là bởi dương hư. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
白 木	BẠCH TRUẬT	1 — sao
生 菊	仁 SINH TÁO NHÂN	1 —
茯 神	PHỤC THẦN	5 đồng
附 子	PHỤ TỬ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
生 半 夏	SINH BÁN HẠ	3 —

Lấy nước sắc uống. Thuốc uống xuống khỏi cổ thì đậm yên tĩnh mà hơi thở đều hòa. Uống liên tiếp mấy thang thì thân thể an nhiên như cũ.

Bệnh này lại còn có người vì « Vị nhiệt » không thể an được « Tâm hỏa » mà ngã lăn keng cũng là bởi dương hư. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
元 参	NGUYÊN SÂM	1 —
石 灰	THẠCH CAO	5 đồng
天 花 粉	THIỀN HOA PHẤN	5 —
参 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
菖 菖	XƯƠNG BỒ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang yên định con Tâm, uống 2 thang thanh giải Vị hỏa, uống 3 thang khỏi hoàn toàn.

Xét rằng : Bệnh này nếu nói chắc là bởi dương hư thì người ấy vẫn có chứng huyễn vặng (đầu mặt xây xàm quay cuồng) mà sắc mặt đỏ tươi. Khi ngã lăn keng ra, trán và mũi có râm rắp bồ hôi, mà âm hộ muốn cường lên. Nếu vì Vị nhiệt thì hẳn là miệng hôi, chân răng khô. (So sánh bệnh này với bệnh trên mà nhận định âm hư, dương hư cho rõ ràng).

腎虛猝倒  
THẬN HƯ THỐT ĐÀO  
(Thận hư tự nhiên ngã lăn)

Những người khi ngã lăn kềng mà miệng khát đòi nước, hơi thở suy yếu, mạch Tâm thì hồng đại, lưỡi ngon không nói được Đò là « Thận hư cực độ » không thể lấy thuốc « khí hư » mà trị được. Thận thủy đã hư cực thì trên không thể làm mát cho Tâm hỏa. Tâm hỏa nóng quá, sinh ra buồn loạn rồi tự nhiên ngã lăn dùng, có thể tựa như tráng phong.

Phép trị phải bỏ Thận mà lấy những vị có tính chất thanh hỏa làm tá sứ. Nên dùng :

THỦY HỎA LƯƠNG TRỊ THANG 水火兩治湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 —
元參	NGUYỄN SÂM	1 —
麥冬	MẠCH ĐỒNG	5 đồng, khứ tâm
生地	SINH ĐỊA	5 —
山茱萸	SƠN THÙ	5 —
茯苓	PHỤC LINH	5 —
黃蓮	HOÀNG LIÊN	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống liên tiếp mấy thang là khỏi.

大怒猝倒  
ĐẠI NỘ THỐT ĐÀO  
(Giận quá tự nhiên ngã lăn)

Những người nóng giận quá, chạy nhảy mạnh, hốt nhiên té nằm xuống đất, 2 tay co giật, môi miệng méo

xéch, mắt bên trái nhắm入围 lại. Đó là « Can hỏa manh làm cho huyết hư mà nội nhiệt sinh phong ». Nên uống BÁT TRÂN THANG (18) gia ĐƠN BÌ, CÂU ĐẮNG, SƠN CHI.

Nếu bệnh chứng như trên mà lại rái vải ra quần và mạch bộ QUAN tay tả huyền, hồng mà sác thì đó lại là « Can hỏa làm cho huyết táo » nên uống LỤC VỊ THANG (9) gia CÂU ĐẮNG, NGŨ VỊ TỬ, MẠCH ĐỒNG, XUYÊN KHUNG, ĐƯƠNG QUY. Khi đã khỏi rồi nên đổi uống BỒ TRUNG İCH KHÍ THANG (23) gia SƠN CHI, ĐƠN BÌ, CÂU ĐẮNG mà uống nhiều nhiều.

Nếu đàm bà mà mắc bệnh này thì uống TIỀU DAO TÂN (31) gia CÂU ĐẮNG, và uống LỤC VỊ THANG (9), Đó là đúng phép.

中風不語  
TRÚNG PHONG BẤT NGỮ  
(Trúng gió không nói được)

Những người trúng gió té ngã hôn mê, cầm khẩu hay là tự nhiên nằm xuống rồi mà nằm liệt trên giường ấy, đều bởi « khí hư mà đàm làm bệnh ». Nên dùng :

TAM SINH DÂN 三生丹

人參	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
半夏	BẢN HẠ	3 4ồng, dùng sống
南星	NAM TINH	3 — dùng sống
附子	PHỤ TỬ	5 — dùng sống.

Lấy miếng sắc mà đỗ cho nuốt xuống.

Bệnh trúng phong này còn có người vì « Thận hư » mà bị.

Ôi ! « Thận » giữ việc chữa tinh, chủ sự sống cho con người ở phần Hạ tiên huyết đạo, và 2 mạch Xung (38)

Nhàm (38) liền hạch vào đáy. Xung, Nhàm 2 mạch và giày lớn của Thận cùng từ dưới Thận đi lên mà khởi vào trong Bảo lạc. Mạch Xung theo cùng Bảo lạc làm cài bè của kinh mạch, nên gọi Xung là huyết hải. Mạch Xung đi lên thấm vào mọi đường dương, rót vào mọi đường tinh; đi xuống thấm vào mọi đường âm, rót vào mọi đường lạc mà làm ấm da thịt, còn những giây khác liên kết ở bắp chân. Nay nhân vì Thận hư mà giây Thận và trong Bảo lạc tuyệt nhiên không thông lên với nhau thì làm cảm; mạch Thận không đi lên cuống họng hiệp với cuống lưỡi thi không nói được; 2 giây Xung Nhàm không thông xuống dưới thi quyết läh tê bại. Nên dùng:

**DỊA HOÀNG ÂM TỬ 地 黃 飲 子**

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
巴 茶	BA KÍCH	1 —
山 茶	SON THÙ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
木 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
肉 灸	NHỤC THUNG DUNG	1 —
附 子	PHỤ TỬ	5 đồng
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	5 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	5 —
石 肝	THẠCH HỘC	6 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	5 —

Thêm bạc hà, gừng, táo, lấy nước sắc uống.

**口 腎 喝 斜**

**KHẨU NHÃN OA TÀ**

(Tráng gió miệng mắt méo xếch)

Bệnh trúng phong làm méo miệng, xếch mắt này, nhiều người trị « Can mộc » và trị « Phế kim » là rất phải rồi, nhưng lại không biết trị « Vị thò » là cần thiết hơn. Sở dĩ nên trị « Vị thò », bởi Vị thò phân chia đường kinh mạch :

Nội kinh ((35) ở Nữ khoa) nói rằng : « Túc dương minh Vị kinh, nếu bị phong thi làm miệng mắt lệch lạc, khóc mắt dùi lại không trông thấy », đó là bởi Vị thò làm méo xéch.

Nội kinh lại nói rằng ; « mạch ở Túc dương minh Vị, hiệp với miệng quanh ra môi », nay môi miệng xéch là bởi mạch ở Vị thò làm méo xéch vậy.

Nhận xét 2 câu ấy, phép trị nên dùng : HOÀNG KỲ, ĐƯƠNG QUY, NHÂN SÂM, BẠCH THƯỢC, CAM THẢO, QUẾ CHI, THẮNG MA, CÁT CÁNH, TẦN GIAO, BẠCH CHỈ, PHÒNG PHONG, HOÀNG BÁ, TÔ MỘC, HỒNG HOA. Lấy một nửa nước, một nửa rượu hòa chung mà sắc, uống hơi nồng nồng.

Nếu lúc mới phát mà có thêm phần ngoại cảm thì thêm 3 củ hành cùng sắc, để uống cho hơi đậm đà đỡ hoi là khỏi.

Bệnh này còn có người bởi Tầm yếu quá không thè liên lạc với tai miệng mà làm bệnh, nhẹ thì méo xéch, nặng thì cầm khẩu. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	3 —
白 苕	BẠCH THƯỢC	3 — <small>sao</small>
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
半 夏	BẢN HẠ	2 —
肉 桂	NHỰC QUẾ	2 —
當 彙	DƯƠNG QUY	1 lạng

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi.

Lại một phép trị : Nhờ một người ôm giữ lấy người bệnh, lại nhờ một người giữ chặt lẩy vành tai mà kéo thẳng ra (miệng méo sang tả thì kéo tai bên hữu,

méo sang hưu thì kéo tai bên tả), rồi một người nữa lấy tay xát mạnh vào chỗ méo xếch, xát mãi, xát vài trăm lần, hễ trên mặt người bệnh nóng như lửa thi thoả. Như vậy một lát sau miệng mắt yên nhiên như cũ. Thiệt rất thần hiệu.

半身不遂  
**BÁN THÂN BẤT TOẠI**  
(Một bên người bất toại)

Bệnh bán thân bất toại, méo mồm, xếch mắt này, nên nhắm vào « Tâm » và « Vị » mà điều lý. Bởi Tâm chủ về khí thiên chân là gốc (BẢN) của thần cơ khai phát, Vị chủ về phủ kho chúa cơm là việc ngon (TIỀU) chữa đầy khí thiên chân. Tiêu với Bản mà cùng được cả thi Đản trung Khi hải ở trước ngực lưu giữ chân khí được tràn đầy mà phân bổ đi ngũ tạng, tam tiêu, trên dưới trong ngoài đâu đâu cũng rộng khắp cả. Nếu tiêu với bản mà cùng mất cả thì không thể đem chân khí đến huyệt Khi hải, chân khí sẽ tan biến làm cho sự phân bổ không rộng tới kinh mạch sinh ra thiên khô; (khô héo lệch lạc) không tới ngũ tạng sinh ra cảm.'

Như thế biết ngay rằng, chỉ bởi « chân khí không đủ, mà làm ra bán thân bất toại.

Phép trị nên dùng HOÀNG KÝ, làm quan, SÂM, QUÝ, THƯỢC DƯỢC làm thần, PHÒNG PHONG, QUẾ CHI, CẨU HẮNG, TRÚC LỊCH, gừng, hẹ, săn, lê, nước súp làm tá sứ, mà trị sẽ khỏi.

Nếu dùng những loại thường như XUYÊN Ô, PHỤ TỦ, KHUỐNG HOẠT cho uống chỉ làm khô vinh quyết, háo vệ khí, bệnh li nhàn sẽ chết, mà cái chết ấy là Thầy Thuốc giết người vậy.

Bất toại nữa người, méo miệng, xếch mắt. Nên dùng:

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
當 蜂	ĐƯƠNG QUÝ	5 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sào
黃 茂	HOÀNG KỲ	1 lạng, dùng sống
半 夏	BẦN HẠ	3 đồng, dùng sống
桔 葛	CAN CÁT	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
紅 花	HỒNG HOA	2 —
桂 枝	QUẾ CHI	1 — 5 phân.

Thêm 2 trái táo, 3 phiến gừng, đỗ 4 chén nước sắc uống. Bệnh này nhiều người dùng phong dược đè trị đều không công hiệu, không bằng thuốc này điều lý khí huyết, bệnh nào cũng khỏi.

Xét rằng : Bệnh này bởi huyết không hành sinh ra; lại như trúng phong mà dùng thuốc khu phong đè trị thì sinh ra thiên khô mà kết quả cũng không khỏi, chỉ nên «dưỡng huyết, hòa huyết» làm chủ. Cố nhân dạy rằng «trị phong tiên trị huyết, huyết hành phong tự diệt», nghĩa là trị bệnh phong nên trị huyết trước, hễ huyết hành thì phong tự nhiên hết. Đó là lời bàn đích xác.

### 癆 症 GIẢN CHỨNG (Bệnh kinh giản)

Bệnh kinh giản này hốt nhiên ngã lăn ra đất, miệng kêu hu hu như tiếng trâu beo dè rồi xùi đàm dãi ra như suối chảy vọt, đó là đàm làm mè tâm khiếu. Nguyên do bởi khí huyết hàn mà sinh ra, rồi lại cảm hàn mà phát. Nên dùng !

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
山 森	SƠN DƯỢC	3 —

半 夏	BẢN HẠ	3 đồng, dùng sống
白 木	BẠCH TRUẬT	1 lạng, sao
茯 神	PHỤC THẦN	5 đồng
薏 芡 仁	Ý DĨ NHÂN	5 —
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống.

♦ Lại một phương trị bệnh cuồng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
白 木	BẠCH TRUẬT	5 đồng
半 夏	BẢN HẠ	1 —
南 星	NAM TINH	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 —
柴 胡	SÀI HỒ	1 —
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	3 phần

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này vẫn là thuốc trị bệnh cuồng thuộc hàn, nhưng trị bệnh giản cũng hay.



癲 狂

## 16. ĐIÊN CUỒNG



癲 狂

### ĐIÊN CUỒNG

*(Bệnh điên cuồng)*

Bệnh điên cuồng phần nhiều sinh ra bởi « Tỳ Vị hú hàn » ăn uống vào dạ dày không biến thành tinh huyết mà biến ra đàm. Đàm làm mè tâm khiếu, nên thành điên cuồng. Nếu chỉ trị đàm mà không bồ Tỳ Vị khí, chưa thấy bệnh nhân nào mà không đi đến chỗ chết. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	5 đồng (4)
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỦ	5 — sao
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, sao
半 夏	BÁN HẠ	3 đồng, chẽ
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
乾 姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 —
甘 草	CAM THẢO	5 phân
葛 藕	XƯƠNG BỒ	5 —

❶ Lấy nước sắc uống. Nếu nữ giới mà mắc bệnh này bồ NHỤC QUẾ, gia BẠCH THƯỢC, SÀI HỒ, SƠN CHI sao đen, mà trị cũng rất thần hiệu.

Xét rằng : Bệnh này người Nam nên bồ khí, người Nữ nên bồ huyết.

發 狂 見 鬼

**PHÁT CUỒNG KIẾN QUÝ**

(*Phát cuồng thấy ma quý*)

Bệnh lên cơn điên cuồng mà thấy ma quý này là bởi « Tỵ Vị khí hư » mà trùng đàm. Phải bồi bò chính khí mà thèm những vị đê hóa đàm. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng, (4)
白 术	BẠCH TRƯẬT	1 — sao
半 夏	BẢN HẠ	3 đồng, chẽ
南 星	NAM TINH	3 — chẽ
附 子	PHỤ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống

發 狂 不 見 鬼

**PHÁT CUỒNG BÁT KIẾN QUÝ**

(*Phát cuồng không thấy ma quý*)

Bệnh lên cơn điên cuồng mà không thấy ma quý này là bởi « nội nhiệt ». Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
白 术	BẠCH THƯỢC	3 — sao
半 夏	BẢN HẠ	3 — chẽ
南 星	NAM TINH	2 —
黃 连	HOÀNG LIỀN	2 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
白 苓 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao

Lấy nước sắc uống.

狂 症  
**CUỒNG CHỨNG**  
*(Bệnh cuồng)*

Bệnh cuồng có người bởi lạnh mà sinh ra, nếu tự nhiên mà phát, nên uống BẠCH HỒ THANG (40) để tả hỏa.

Lại có người phát cuồng hàng năm không khỏi, có khi vác dao chém người, có khi mắng chửi cả bà con thân thuộc, không nhận con cái, thấy nước rất mừng, thấy ăn rất ghét. Đó là bởi « Tâm khí hư mà nhiệt tà lấn át, đàm khí xâm phạm. » Nên dùng :

**HÓA CUỒNG ĐAN** 化 狂 半

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (4)
白 术	BẠCH TRUẬT	1 — sao
茯 神	PHỤC THẦN	1 —
附 子	PHỤ TỬ	1 phần
半 夏	BẢN HẠ	3 đồng, ché
皂 絲 子	THỎ TY TỬ	3 — sao
葛 藤	XƯƠNG BỒ	1 —
甘 草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang yên bịnh.

Phương thuốc này hay bởi hỏa cả 3 kinh TÂM, TÝ, VĨ mà hóa đàm, không cần phải tả hỏa. Bởi càng tả hỏa thì Tâm khí càng hư mà đàm càng thịnh, làm sao chỉ được bệnh cuồng ! Lại càng hay bởi PHỤ TỬ chỉ dùng 1 phần để dẫn thuốc bỏ Tâm tiêu đàm đi thẳng vào trong Tâm thì khí càng dễ bò mà đàm càng dễ tiêu. Như vậy bà tất phải dùng đến việc tả hỏa cho nhiều !

Xét rằng: Bệnh này bởi « hàn » mà mắc làm sao lại dùng BẠCH HỒ THANG cũng là thuốc hàn? Bởi vì huyết bị hàn tà bức bách ở bên ngoài, làm nhiệt tà ở trong không phát tiết ra được mà nhiễu loạn Tâm Vị, cũng như mùa đông bị cảm hàn đến mùa xuân mới phát bệnh mà lại là bệnh ôn.

### 寒 痛

### HÀN CUỒNG

(Bệnh cuồng bởi hàn)

Phàm những bệnh phát cuồng mà cứ hay mắng người ta, lại khi không khát mà cũng đòi nước, đến khi cho nước thì lại không uống ấy là bệnh cuồng bởi « hàn », Đó là vì khí nóng uất không thư thái, khi bức giận chưa tiết ra thì hẳn là người ấy tình tinh quá nhu nhược, không thể tự trấn an được, vậy phải bỏ khi tiêu đàm, Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
茯 神	PHỤC THẦN	1 đồng
白 苕	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	3 đồng
半 夏	BÁN HẠ	1 đồng, chẽ
南 星	NAM TINH	1 đồng, chẽ
附 子	PHỤ TỬ	1 đồng
柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng

Lấy nước sắc uống, uống khỏi cò, sẽ ngủ yên một giấc thật ngon, khi tỉnh dậy thấy bệnh như không còn nữa.



怔忡驚悸

## 17. CHINH XUNG KINH QUÝ

(Sợ hãi hồi hộp)



怔忡不寐

## CHINH XUNG BẤT MÌ

(Run sợ không ngủ)

Bệnh run sợ hồi hộp không yên làm mất ngủ này  
bởi « Tâm kinh huyết thiếu, tinh thần không đủ ». Nên  
dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
當 彙	ĐƯƠNG QUÝ	3 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
丹 皮	ĐON BÌ	2 —
參 冬	MẠCH ĐÔNG	2 — khứ tâm
甘 草	CẨM THẢO	1 —
菖 蒲	XƯƠNG BỒ	1 —
生 薑 仁	SINH TÁO NHÂN	5 — đè sống
熟 薑 仁	THỰC TÁO NHÂN	5 — sao đen
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này khéo ở chỗ  
dùng cả TÁO NHÂN sống và TÁO NHÂN sao, dùng sống  
là đè cho bạn ngày không muốn đi nằm, dùng chín  
là đè cho bạn đêm không tinh tháo, đã vậy lại lấy  
thuốc bò Tâm làm tá sur thì bệnh chinh xung yên định.

心 驚 不 安, 夜 卧 不 睡

**TÂM KINH BẤT AN, DẠ NGỌA BẤT THỤY**  
(Trong Tâm kinh sơ không yên, đêm nằm không ngủ)

Bệnh tâm thần run sợ không yên mà đêm nằm không ngủ. Đó là « Tâm bệnh » mà thực ra là « Thận bệnh » phải kiềm trị cả Tâm, Thận. Nên dùng :

人 参	NHÂN SÂM	3 lạng (4)
茯 苓	PHỤC LINH	3 — bỏ vỏ
茯 神	PHỤC THẦN	3 — bỏ vỏ, bỏ lõi
熟 地	THỰC ĐỊA	3 — sao thật khô
山 茶	SƠN THÙ	3 — sao thật khô
當 彙	ĐƯƠNG QUY	3 — sao thật khô
遠 志	VIỄN CHÍ	2 — tăm nước cam thảo, sao khô
葛 菖	XƯƠNG BỒ	3 đồng
黃 蓮	HOÀNG LIỀN	5 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	5 —
砂 仁 肉	SA NHÂN NHỤC	5 —
果 仁	TÁO NHÂN	1 lạng, đè sống
白 枣 子	BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
參 冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm, sao thật khô

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày uống 5 đồng, uống với nước sôi hay rượu cũng được.

Phương thuốc này trị bệnh tâm thần sơ không yên và không ngủ mà dùng NHÂN SÂM, ĐƯƠNG QUY, PHỤC THẦN, MẠCH ĐÔNG là đủ lắm rồi, còn nếu vì hỏa bốc lên mà không ngủ, cũng chẳng qua dùng HOÀNG LIỀN nữa là đủ, hè tất lại phải dùng THỰC ĐỊA, SƠN THÙ là thuốc bò Thận và còn gia NHỤC QUẾ đè trợ hỏa, tại sao ? — Bởi chẳng biết : Tâm thần sơ hãi là Thận

khi không nhập Tâm ; mất ngủ là Tâm khi không quy Thận. Nay dùng THỰC ĐỊA, SƠN THÙ để bồ Thận thì Thận khi thông với Tâm ; dùng NHỤC QUẾ để bồ Mạnh môn hỏa thì Thận khí ôn.

Thận khí đã ôn thì tướng hỏa (Mạnh môn hỏa) có quyền. Tướng hỏa đã có quyền thì tướng hỏa và quân hỏa (Tâm hỏa) tương đắc với nhau, tự nhiên « Thượng hạ đồng tâm, quân thần hợp đức » nghĩa là trên dưới cùng một lòng, vua tôi cùng một đức.

Muốn bồ Thận thật phải như vậy, nhưng nếu xét lại có thêm « Can khi không thông lên Tâm » nữa mà thành bệnh này, thì phương thuốc trên thêm BẠCH THƯỢC 2 lạng để kiềm bồ cả Can mộc, thì Tâm kia được an hòa thư thái.

Xét rằng : Muốn biết thế nào là « Can khi không thông lên Tâm », thì xem người ấy sắc mặt xanh, có khi lên cơn trào nhiệt hay là tay chân nóng, hay là mặt quay cuồng tối tăm mà hốc bụng bên trái tức trường là đúng.

恐 惕  
**KHỦNG PHẬ**  
(Sợ sệt)

Những người thường đêm khi đi nằm, hễ cứ vừa nhắm mắt ngủ là mộng thấy những sự tranh đấu hơn thua với người làm cho sợ sệt. Người ta cho đó là « Tâm bệnh ». Ai biết đó là « Can bệnh » ! = Bởi Can tàng hồn, Can huyết mà hư thì hồn mất sự nuôi dưỡng, cho nên hestate chớp mắt ngủ là mơ màng thấy như có ma quỷ đè nén, đó là vì Can Đảm nhút nhát, cho nên sợ hãi rất

nhiều. Nếu không đại bồ, không thè thu công mà đại bồ lai dùng những được phàm hằng chất tháo mộc để trị cũng không thè đảm đương việc lớn. Nên lấy LỘC GIÁC GIAO (cao lộc) hòa với rượu mà uống hằng ngày vào lúc đói có thè khỏi. Bởi LỘC GIÁC GIAO đại bồ tinh huyết, huyết vượng tự nhiên thần tri yên tĩnh.

神 氣 不 安  
THẦN KHÍ BẤT NINH  
(*Thần khí không yên*)

Những người thường thường mỗi đêm khi ngủ thì hồn bay bồng du dương, khi đó cảm biết mình vẫn nằm ở giường mà hồn thì xa lia thàn thè, lại mơ màng mà quỷ đè nén nhiều làm cho sợ hãi suốt đêm không ngủ. Người ta cho đó là « Tâm bệnh ». Ai biết đó là « Can kinh thụ tà » (kinh mạch lá gan bị cảm ngoại tà). Bởi Can khi một khi bị hư thì tà khí xâm nhập. Việc của Can là tàng hồn, Can đã thụ tà thì hồn không nơi nương tựa, bởi vậy hồn du dương bay bồng tựa như nó xa lia thàn thè.

Phép trị nên dùng TRÂN CHÂU MÃU làm quản, đè nhập Can là việc thứ nhất.

LONG XỈ, HỒ TÌNH 2 thú này người đời chỉ biết quen dùng làm thuốc trấn Tâm, biết đâu rằng : LONG XỈ có tính chất yên định thần hồn, thuộc Can (đông phương thanh long, mộc) mà tàng hồn ; HỒ TÌNH có tính chất yên định thè phách, thuộc PHẾ (tây phương bạch hổ, kim) mà tàng phách. Lại rằng : Long có tính hay biến hóa, cho nên hợp với thần hồn du dương không định ; Hồ có tính hay yên tĩnh, cho nên hợp với

thè phách yên cư cố định. Bởi vậy trị bệnh thần hồn du dương nên dùng LONG XỈ ; trị bệnh thù phách không yên, nên dùng HỒ TÌNH. Dùng thuốc như thế đều có lẽ phải.

(TRẦN CHÂU nên chọn những hạt còn mới nguyên vẹn, không sứt vỡ, LONG XỈ (răng rồng) một vị thuốc mua ở tiệm thuốc bắc. HỒ TÌNH (mắt cọp) mua ở những người săn cọp).

Xét ra NHẠC này thường dùng ÔN ĐÁM THANG (42) để trị bệnh thần khí bất ninh cũng rất hay.



## 18. 腰 腿 肩 背 手 足 疼 痛

## YÊU THOÁI KIỀN TÝ THỦ TÚC ĐÔNG THỐNG

(Lưng, Đùi, Vai, Cánh, Tay, Chân đau nhức)



### 滿 身 隨 痛

### MẦN THÂN GIAI THỐNG

(Khắp mình đều đau)

Tay chân lưng bụng toàn thân đau nhức, vậy trị đau tay trước chǎng ? hay trị đau chân trước chǎng ? Không được, phải trị gan làm chủ cho tất cả. Bởi một khi Can khí đã được thư thái thì các chứng đau các nơi đều tự nhiên khỏi hết, chứ không thể « đầu thống cứu đầu, túc thống cứu túc » được. Nghĩa là thấy nói đau đầu thì trị đầu, đau chân thì trị chân, đau đâu thì trị đấy, mà không tìm nguyên nhân. Nên dùng :

柴 胡 SÀI HỒ

甘 草 CAM THẢO

陳 皮 TRẦN BÌ mỗi thứ 1 đồng

梔 子 CHI TỬ 1 — sao

白 苓 BẠCH THƯỢC 5 —

薏苡仁 Ý DĨ NHÂN 5 —

茯 苓 PHỤC LINH 5 —

雷 鮮 ĐƯƠNG QUY

蒼 朮 THƯƠNG TRUẬT mỗi thứ 2 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này biến hóa trong phương TIỀU DAO TÂN (31) mà ra, chủ đề thư Can mà lại khử thấp, khử hỏa. Nghĩa là chỉ trị một kinh mà bệnh ở các kinh khác đều khỏi cả.

腰 痛

**YÊU THỐNG**

(Đau lưng vì thấp)

Lưng đau mà không thể cúi xuống được là vì thấp  
khi. Nên dùng :

柴 胡 SÀI HỒ	1 đồng
澤 滉 TRẠCH TÀ	1 —
猪 耳 TRƯỜNG LINH	1 —
白 苞 子 BẠCH GIỚI TỬ	1 — sao
防 己 PHÒNG KỲ	2 —
白 朮 BẠCH TRUẬT	5 — sao
甘 草 CAM THẢO	5 —
肉 桂 NHỤC QUẾ	3 phân
山 藥 SƠN DƯỢC	3 đồng

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này rất khéo  
bởi dùng thuốc nhập Thận để khử thấp, chứ không phải  
nhập Thận để bồ thủy. Người mới đau chỉ uống vài  
thang là hết, người bị đau đã lâu phải uống nhiều  
mới khỏi.

腰 痛

**YÊU THỐNG**

(Đau lưng vì phong hàn)

Lưng đau mà không thể đứng thẳng lên được là  
vì phong hàn. Nên dùng TIỀU DAO TÁN (31) gia PHÒNG  
KỲ 1 đồng, uống 1 thang khỏi. Nếu đau đã lâu gia ĐÔ  
TRỌNG 1 lạng, BẠCH TRUẬT bột đi chỉ dùng 2 đồng  
thoi. Lấy rượu sắc uống, uống 10 thang khỏi hoàn toàn.

♦ Lại một phương:

杜仲 ĐÔ TRỌNG	1 lạng, tầm nước muối, sao
破故紙 PHÁ CỒ CHỈ	5 đồng, tầm nước muối, sao
熟地 THỰC ĐỊA	3 lạng (12)
白朮 BẠCH TRUẬT	3 — sao
桃仁 ĐÀO NHÂN	2 đồng, sao, bỏ vỏ.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi ngày lúc đói uống 5 đồng, uống với nước lã sôi. Uống hết thuốc là khỏi. Nếu chưa khỏi hoàn toàn, uống thêm một tè nữa, át khỏi hẳn.

腰 痛

YÊU THÓNG

(Đau lưng lâu ngày)

Phàm những người bị đau lưng lâu ngày mà không hết, đó là bệnh ở « Thận », mà bệnh ở Thận là nguyên do bởi « Tỳ thấp ». Nên dùng :

白朮 BẠCH TRUẬT	4 lạng, sao
杏仁 Ý DĨ NHÂN	3 — sao
艾葉 KHIÉM THỰC	2 — sao

Đào 10 chén nước, sắc lấy lại 3 chén, sắc được uống 2 lần, uống hết là khỏi. Phương thuốc này dùng để trị bệnh mộng tinh, di tinh cũng rất thần hiệu.

腰 腿 筋 骨 痛

YÊU THOÁI CÂN CỐT THÓNG

(Lưng, Đầu, Gân, Xương đau)

Lưng đau gân xương đau nhức. Nên dùng :

DƯƠNG HUYẾT THANG 養 血 湯

當 彌	DƯƠNG QUY
生 地	SINH ĐỊA
肉 桂	NHỤC QUẾ
牛 膝	NGƯU TẤT
杜 仲	ĐÔ TRỌNG
破 故 紙	PHÁ CỐ CHỈ
茯 苓	PHỤC LINH
防 風	PHÒNG PHONG
川 芍	XUYÊN KHUNG
甘 草	CAM THẢO
核 桃	HẠCH ĐÀO
山 茄	SƠN THỦ
土 茗 苓	THỜ PHỤC LINH

mỗi thứ 1 đồng  
5 phân  
3 —  
2 cái  
2 đồng  
2 —

Lấy rượu và nước bỗng nhau sắc uống.

腰 痛 足 亦 痛

YÊU THỐNG, TÚC DIỆC THỐNG  
(Lưng đau, Chân cũng đau)

Lưng đau mà chân cũng đau. Nên dùng :

黃 氏	HOÀNG KỶ	8 lạng
防 風	PHÒNG PHONG	5 đồng
茯 苓	PHỤC LINH	5 —
葛 故 仁	Ý DĨ NHÂN	5 lạng
杜 仲	ĐÔ TRỌNG	1 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
車 前 子	XA TIỀN TỬ	3 —

Đỗ 10 chén nước, sắc còn lại 2 chén, hòa rượu vào uống, uống đến say. Khi tỉnh rượu, thấy khỏi.

Bệnh đau lưng đau chân, rõ ràng bởi Thận hư mà khi suy, lại thêm có thấp, nên nó làm cho khè sờ. Phương thuốc này hay bởi không bò Thận mà chỉ thiên về bò khí. Bởi khí mà đủ thì huyết sinh, huyết sinh thì tà thoái, lại dùng những loại Ý DĨ, PHỤC LINH, XA TIỀN tương trợ để khử thấp, thấp mà khử thì huyết thông hoạt, huống chi lại có ĐÔ TRỌNG để kiện Thận; NHỰC QUẾ để ôn Thận; PHÒNG PHONG để khu phong nữa, nên rất hoàn hảo.

### 腿 痛

#### THOÁI THỐNG

(Đau nhức bắp đùi)

Hai bắp đùi đau nhức làm cho thận thè không rời bỏ giường nệm mà dậy được, tình trạng khum núm đó cứ phải nâng đỡ, đó là cái « khí hàn thấp » xâm nhập. Nên dùng :

白 术	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
艾 蕖	KHIẾM THỰC	2 — sao
肉 桂	NHỰC QUẾ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	1 lạng
桔 解	TỲ GIẢI	1 —
杜 仲	ĐÔ TRỌNG	3 đồng
薏苡仁	Ý DĨ NHÂN	2 lạng, sao

Lấy nước sắc uống, uống liên tiếp hàng ngày bất tất phải đổi phương thuốc khác, uống mãi tự nhiên thu công lớn.

### 兩 臂 肩 脖 痛

#### LƯỠNG TÝ KIÊN CHUYÊN THỐNG

(Hai cánh tay bả vai đau)

Bệnh đau nhức 2 cánh tay bả vai này là vì Can khí uất lên. Nên dùng :

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 lạng
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — sao
柴胡	SÀI HỒ	5 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	5 —
羌活	KHƯƠNG HOẠT	3 —
秦艽	TẦN GIAO	3 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
半夏	BÁN HẠ	3 —
附子	PHỤ TỬ	1 —

Đỗ 6 chén nước, đun sôi 3 sấp, rót lấy 1 chén hòa rượu vàng vào mà uống, uống đến say là khỏi.

Phương thuốc này hay bởi dùng BẠCH THƯỢC làm quân đế bình Can mộc thì Can mộc không xâm lấn Vị thô, mà KHƯƠNG HOẠT, SÀI HỒ chạy thẳng lên tay đê khứ phong, TẦN GIAO cũng là phong được hợp sức với PHỤ TỬ đê công tà, tà tự nhiên phải thoái khứ, phong tà đã thoái khứ thì đảm không thè ở lại vì đã có BÁN HẠ, TRẦN BÌ, BẠCH GIỚI TỬ là thành được đê khứ đảm, lại nhờ có PHỤ TỬ dẫn chạy đi các kinh, không đâu là không tới, thế thì bệnh đau đó như biến mất đi

手足痛  
THỦ TÚC THỐNG  
(Chân tay đau nhức)

Chân tay đau nhức mà người ta bảo là bởi « Tỷ nhiệt », chứ không biết rằng : Chân tay do khí huyết ở Can kinh phan phoi, chân tay đau nhức bởi Can kinh uất nhiệt không phan phoi. Vậy giải uất nhiệt ở Can kinh thì chân tay tự nhiên hết đau. Nên dùng TIỀU DAO TÂN (31) gia :

桃子 CHI TỬ	3 đồng, sao đen.
半夏 BÁN HẠ	2 —
白芥子 BẠCH GIỚI TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang, cái đau nó như mất đi. Bệnh này bởi Can mộc đã làm dữ mà Tỵ kinh không dám đương đầu, tài Can khi phân tán đi từ chi, rồi kết lại mà làm đau nhức khò sò. Nay đã bình hòa Can khí thì Tỵ khí tự nhiên thư thái.

胸 背 手 足 頸 項 腰 膝 痛

**HUNG BÓI THỦ TÚC CÁNH HẠNG·YÊU TẤT THÓNG**  
(Bụng, Sườn, Tay Chân, Cò, Gáy, Lưng đau nhức)

Gân xương tay chân đầu cò lưng gối giắt giumi nhau đau nhức, nằm ngồi không được, luôn luôn đi lại xe dịch không yên. Đó là «dàm dãi ầm phúc ở trên dưới tim và Hoành cách mô» hoặc làm cho người ta nhức đầu, đêm nằm trong cò nghe như có tiếng kéo cira, miệng chảy dài, tay chân nặng, dùi lạnh. Phép trị dùng KHỐNG DIỀN ĐƠN (43) mà uống, uống chưa tới 10 thang, bệnh đau nó như mất đi.

背 骨 痛  
**BÓI CỐT THÓNG**  
(Xương lưng đau)

Bệnh đau sống lưng này bởi Thận thủy hao mòn suy tàn, không đủ để di lên mà nhuận cho óc thì đường sống lưng khô rit khó lưu hành mà làm đau. Nên dùng:

黃芪 HOÀNG KÝ	1 lạng, tầm mạt sao
熟地 THỊT ĐỊA	1 — (12)
山茱 SON THÙ	4 đồng, sao

白 木	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
防 風	PHÒNG PHONG	5 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
附 子	PHỤ TỬ	1 phần
參 冬	MẠCH ĐÔNG	2 đồng, khứ tâm

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này bồ khí, bồ thủy, khứ thấp, khứ phong, nhuận gan, mát xương thì đau nào mà không khỏi.

腰 痛 兼 頭 痛  
YÊU THỐNG KIÊM ĐẦU THỐNG  
(Đau lưng và đau đầu)

Lưng ở dưới, đầu ở trên, trên dưới khác nhau mà lại cùng đau thì phép trị thế nào, trị bệnh lưng trước chǎng ? hay trị bệnh đầu trước chǎng ? Ai biết rằng tuy trên dưới khác nhau, nhưng đều bởi « thận khí bất thông ». Vì Thận khí thông lên trên óc, thì khi ở óc thông xuống dưới lưng, trên dưới tuy cách nhau nhưng thực ra cái khí vẫn thông với nhau.

Phép trị nên dùng thuốc ôn bồ đề dai bồ ích cho Thận thủy đầy đủ thì cái khí trên dưới mới tương thông. Nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng, (12)
杜 仲	ĐỒ TRỌNG	5 đồng
參 冬	MẠCH ĐÔNG	5 — khứ tâm
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang khỏi ngay.

Trong phương thuốc này dùng THỰC ĐỊA, ĐỒ TRỌNG là thuốc bồ Thận, công dụng chỉ chuyên trị đau lưng, nay uống vào cũng khỏi cả bệnh đau đầu. Tại sao ? Bởi đầu bị đau vì Thận khí không đủ để thông lên đầu. Nay bồ Thận thì Thận khí vượng mà thông lên óc, cho nên lưng chẳng đau mà đầu cũng chẳng đau.

## 心 腹 痛

# 19. TÂM PHÚC THỐNG

(Đau Tim đau Bụng)



## 心 痛 辨

### TÂM THỐNG BIỆN

(Biện luận về bệnh đau Tim)

Bệnh đau tim phân ra 2 loại :

1. Hàn khi xâm phạm vào Tim mà đau.

1. Hỏa khi đốt Tim mà đau.

Hàn khi xâm phạm vào Tim mà tay chân lại nóng.

Hỏa khi đốt Tim mà tay chân lại lạnh. Lấy 2 triệu chứng ấy tìm hiểu phân tách rất đúng.

## 寒 痛

HÀN THỐNG : Đau Tim vì lạnh. Nên dùng ;

良 材 LƯƠNG KHƯƠNG 3 đồng

白 朮 BẠCH TRUẬT 3 — sao

草 島 THẢO Ô 3 — gọt sạch vỏ đen  
tầm giấm, sao

葛 茉 QUÁN CHÚNG 3 —

肉 桂 NHỤC QUẾ 1 —

甘 草 CAM THẢO 1 —

Lấy nước sắc uống.

## 熱 痛

NHẤT THỐNG : Đau Tim vì nóng. Nên dùng :

山 楝 SƠN CHI 3 đồng, sao đen

白 朮 BẠCH TRUẬT 5 — sao

甘 草 CAM THẢO 1 —

半 夏 BẢN HẠ  
柴 胡 SÀI HỒ

3 — ché  
1 —

Lấy nước sắc uống.

Chính con Tim không bao giờ có thể làm đau, hoặc vì hàn, hoặc vì hỏa mà đau đều chỉ xông vào TÂM BÀO (màng tim) vậy.

久 病 心 痛  
**CỨU BỆNH TÂM THỐNG**  
(Bệnh đau Tim lâu ngày)

Tim là chủ sự thần minh trong con người, không một mảy may tà khí nào cò thể can phạm vào được mà bảo là đau. Những người bị đau lâu năm nhiều tháng mà bảo là đau tim, không phải, đó chỉ là tà khí xâm phạm vào màng tim (Tâm bào lạc). Nhưng cái tà khí ấy phân tách ra thì có hàn tà và nhiệt tà.

Nếu sợ lạnh mà thấy nước như kẻ thù, thấy lửa nóng thì vui thích. Đó là hàn tà. Nên dùng :

蒼 朮	THƯƠNG TRUẬT	2 đồng
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
當 蘭	ĐƯƠNG QUÝ	1 lạng
肉 桂	NHỤC QUẾ	1 đồng
良 姜	LƯƠNG KHƯƠNG	1 —

Lấy nước sắc uống

Nếu thấy nước thì mừng mà lấy tay ấn vào ngực thì lại chuyển động làm đau. Đó là nhiệt khi xâm phạm vào Tâm bào vậy. Nên dùng :

白 苓	BẠCH THƯỢC	1 lạng, sao
山 檵	SƠN CHI	3 đồng, sao đen

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng
生地	SINH ĐỊA	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	1 —

Lấy nước sắc uống.

Hàn khí, nhiệt khí, 2 bệnh làm đau này đều trách cứ vào « Can kinh ». Vì Can thuộc mộc, Tâm thuộc hỏa, mộc năng sinh hỏa, nay mộc suy không thể sinh hỏa thì Bào lạc bị lạnh mà làm đau. Vậy bồ Can mộc thì hàn tà lui hết.

Nếu Can kinh nhiệt thì Bào lạc nóng mà làm đau, chỉ tả Can hỏa thì nhiệt tà tiêu hết.

腹 痛  
**PHÚC THỐNG**  
(Đau Bụng)

Bụng đau không thể nhịn được, lấy tay nắn bóp vào lại càng đau, khát nước uống miếng nước lạnh vào thi thấy đỡ đau, nhưng một lát sau lại đau mạnh như trước. Đó là « hỏa kết ở đại tiêu trường ». Nếu không cấp trị, một hồi lâu sẽ bị tuyệt khí. Nên dùng :

**ĐỊNH THỐNG NHƯ THẦN THANG 定痛如神湯**

山 莪	SƠN CHI	3 đồng, sao đen
苦 木	THƯƠNG TRUẬT	3 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
厚 朴	HẬU PHÁC	1 —
茯 苓	PHỤC LINH	1 lạng
白 苕	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này thư hỏa khí ở Can kinh, lợi thủy ở Bàng quang. Nếu cần phải tá thuy trực ứ thì thêm ĐẠI HOÀNG 1 đồng, cùng sắc uống ngay đừng chậm.

♦ Đau bụng mà trong bụng có hòn có khổi, tự nhiên trong một lúc phát đau mà đau không thể lấy tay nắn bóp được. Nên dùng :

白 术	BẠCH TRUẬT	1 lạng.	sao
枳 實	CHỈ THỰC	1 —	cát nhỏ, sao
馬 畜	MÃ PHẤN (phân ngựa)	3 đồng,	sao cháy.

Lấy rượu ngon sắc uống.

♦ Bị cảm khí lạnh mà đau tim, đau bụng. Nên dùng :

### HÒA LONG THANG 大 龍 湯

硫 黃	LƯU HOÀNG	1 lạng.	lấy giấm chẽ
胡 椒	HỒ TIỀU	1 đồng	
白 薑	BẠCH PHẦN	4 —	

Tán nhỏ, lấy giấm đánh vào bột kiệu và miến nấu hồ làm hoàn, hoàn to bằng hạt ngô, mỗi lần nồng 25 hoàn, uống với nước cháo.

### 胃 气 痛 VỊ KHÍ THỐNG (Đau hơi trong dạ dày)

Người bị đau hơi trong dạ dày, có khi không ăn uống được, hoặc ăn được mà không tiêu, làm đau, làm đầy, hoặc làm thở làm tả. Đó là « Can mộc khắc Tỳ thở ». Nên dùng :

白 术	BẠCH THƯỢC	2 đồng,	sao
當 彙	ĐƯƠNG QUY	2 —	
柴 胡	SÀI HỒ	2 —	
茯 苓	PHỤC LINH	2 —	
白 术	BẠCH TRUẬT	3 —	sao

甘草 CAM THẢO 1 —  
白芥子 BẠCH GIỚI TỬ 1 — sao

Lấy nước sắc uống. Nếu có hỏa gia CHI TỬ sao 2 đồng.

Không có hỏa, gia NHỤC QUẾ 1 đồng.

Thương thực, gia SƠN TRÀ 3 đồng.

Thương thực vì miến, gia CHỈ XÁC 1 đồng, MẠCH NHA 1 đồng.

Có đàm, gia BẢN HẠ 1 đồng. Phương thuốc này có hỏa thì hay tán hỏa, có hàn thì hay khu hàn, rõ thật bệnh đau tay mặt (tỷ) mà là trị bệnh đau tay trái (can). Tức là trị tỷ mà là trị can.

Xét rằng : Bệnh đau tim đau bụng cả thảy có 9 loại, nhưng thực ra đều bởi Tâm bào lạc (màng tim). Vị hoản (lòng dạ dày), Đàn trung (trước giữa lồng ngực) và bụng làm đau, chứ không có bệnh đau đúng con tim (chân tâm thống), nếu thật đau đúng con tim, chỉ một lúc là chết.

Cửu chủng tâm động = bệnh đau tim có 9 loại :

- 1 — Trùng thống = đau vì trùng cắn.
- 2 — Chú thống = khi đau chỗ này, khi đau chỗ khác.
- 3 — Khi thống = đau vì hơi trong bụng nóng lạnh không đều.
- 4 — Huyết thống = đau vì máu ứ lại.
- 5 — Quý thống = đau vì run sợ.
- 6 — Thực thống = đau vì ăn phải chất độc hay tích lại.
- 7 — Âm thống = đau vì chất uống.
- 8 — Lãnh thống = đau vì trong bụng lạnh.
- 9 — Nhiệt thống = đau vì trong bụng nóng.

Phân tách ra các chứng đau đều có khác nhau thì dùng thuốc để trị cũng khác nhau,

Ví dụ :

Trùng thống thì môi trên có lở mà trong bụng khi đau khi ngót, nên uống Ô MAI HOÀN (44).

Chú thống thì đau chạy vòng quanh trong bụng lại kiêm cả nhức đầu, hoặc co rút người lại, hoặc nói nhảm, nên dùng TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN (45).

Khí thống thì hoặc đau bụng trên, đau bụng dưới, hoặc đau trước ngực, đau sau lưng, có khi vì gan, vì dạ dày, vì phổi, nên uống TÀ KIM HOÀN (46), hay BÌNH VỊ TÁN (47).

Huyết thống thì có hòn có cục trong bụng, nên uống ĐÀO NHÂN THANG (48), hay THẮT TIỀU TÁN (49).

Quý thống thì khi đau cho nắn bóp vào bụng, nên uống LÝ TRUNG THANG (25), hay DIỆU HƯƠNG TÁN (50).

Thực thống khi đau thì không dám cho nắn bóp vào bụng mà còn phát sốt, nên uống THỪA KHÍ THANG (8), hay BÌNH LANG HOÀN (51).

Âm thống thì khi đau thò ra nước trong, dưới hốc bụng lại nghe có tiếng nước rót ống óc, nên uống NHỊ TRẦN THANG (21), nếu đau nặng uống THẬP TÁO THANG (52).

Còn Lãnh thống và Nhiệt thống thì uống 2 phương thuốc kè trên trong mục Tâm phúc thống ở sách này.

Phó tiên sinh chép sách này, bỏ những câu phiền hà, mà viết những lời giản yếu, có ý vì những người ở làng xa, những xóm nhỏ mà đặt ra những chương mục đẽ dẽ tìm hiểu hòng dùng trong những khi ốm đau cần kíp khỏi bị những tay Dung y ngộ nhận...



麻 木

## 20. MA MỘC (53)



手 麻 木

THỦ MA, MỘC

(Da thịt tê cứng)

Da thịt tay bị tê cứng, cầm nắm không ngứa không đau, bởi khí hư mà hàn thấp xâm nhập. Nếu không trị, 3 năm sau ắt trúng đại phong. Nên dùng :

白 木	BẠCH TRUẬT	5 đồng, sao
黃 茂	HOÀNG KỲ	5 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phân.
桂 枝	QUẾ CHI	5 —
甘 草	CAM THẢO	1 lạng

Lấy nước sắc uống.

手 麻

THỦ MA

( Tay bị tê )

Mười ngón tay đều bị tê, mặt mày thắt sắc. Đó cũng là « khí hư ». Phép trị nên dùng BỘ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia MỘC HƯƠNG, MẠCH ĐÔNG, KHƯƠNG HOẠT, HƯƠNG PHỤ, Ô DƯỢC, PHÒNG PHÒNG, uống 3 tháng có thể khỏi.

手 足 麻 木

THỦ TÚC MA MỘC

( Tay và chân tê, cứng )

Cả tay và chân tê, cứng, uống TƯ VẬT THANG (19) gia NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT, PHỤC LINH, TRẦN

BÌ, BÁN HẠ, QUẾ CHI, SÀI HỒ, KHƯƠNG HOẠT, PHÒNG PHONG, TẦN GIAO, NGƯU TẮT, CHÍCH THẢO. KHƯƠNG, TÁO, lấy nước sắc uống, uống 4 thang khỏi.

木  
MỘC

(Da thịt cứng như cây)

Mộc là da thịt cứng, cấu cào không đau, không ngứa, không tê. Phàm những bệnh ấy là «thấp đàm và tử huyết». Nên dùng TỬ VẬT THANG (19) gia TRẦN BÌ, BÁN HẠ, PHỤC LINH, ĐÀO NHAN, HỒNG HOA, BẠCH GIỚI TỬ, CAM THẢO, TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẤP (54). Lấy nước sắc uống.

腿 麻 木  
THOÁI MA MỘC  
(Đùi bị tê cứng)

Đùi bị tê cứng. Nên dùng :

ĐẠO KHÍ TÂN 導 氣 散

黃 茜	HOÀNG KỲ	2 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 — 5 phân
青 皮	THÀNH BÌ	1 —
升 麻	THĂNG MA	5 phân
柴 胡	SÀI HỒ	5 —
歸 尾	QUY VĨ	5 —
澤 濕	TRẠCH TÀ	5 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	31 hạt
陳 皮	TRẦN BÌ	8 phân
紅 花	HỒNG HOA	3 —

Lấy nước sắc uống nóng rất hay.

兩 手 麻 困 僥 嘴 卧  
**LƯỞNG THỦ MA KHÓN QUYỆN THỊ NGỌA**  
*(Hai tay bị té mỏi mệt muốn nằm)*

Hai tay bị té cả làm cho mỏi mệt chỉ muốn nằm.  
Đó là « nhiệt thương nguyên khí ». Nên dùng :

**ÍCH KHÍ THANG 益 氣 湯**

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
甘 草	CAM THẢO	1 —
黃 茜	HOÀNG KÝ	2 —
五 味 子	NGŨ VỊ TỬ	30 hạt
紫 胡	SÀI HỒ	7 phần
白 苓	BẠCH THƯỢC	7 —

Sinh khương 3 phiến, đại táo 2 quả, lấy nước sắc uống nó

渾 身 麻 木  
**HÒN THÂN MA MỘC**  
*(Khắp mình té cứng)*

Phàm những người toàn thân thè ma mộc bất nhẫn (53) té cứng thái quá, 2 mắt đau, sợ nắng sợ sáng, dấp dinh khó mở, nhìn ra ngoài tối om mà lấp lánh như đom đóm. Nên dùng :

**THÂN HIỆU HOÀNG KÝ THANG 神 效 黃 茜 湯**

黃 茜	HOÀNG KÝ	1 đồng
白 苓	BẠCH THƯỢC	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 phần
人 参	NHÂN SÂM	3 —

火 草 CHÍCH THẢO 4 phần  
蔓 刺 子 MÀN KINH TỬ 2 —

Lấy nước sắc uống. Nếu có nhiệt gia HOÀNG BÀ 3 phần.

麻 木 痛  
MA MỘC THỐNG  
(Tê cứng đau nhức)

Phong, hàn, thấp 3 khi hợp lại nương náu ở khoảng lồng da thịt hoặc làm đau nhức, hoặc làm tê cứng. Nên dùng :

牛 膝 膜 NGƯU TẤT GIAO 2 lạng  
南 星 NAM TINH 5 đồng  
薑 汁 KHƯƠNG TRẤP (nước gừng tự nhiên) nửa chén

Cùng nấu thành keo, phết dàn vào chỗ đau, hoặc gia KHƯƠNG HOẠT, NHŨ HƯƠNG MỘT ĐƯỢC nữa càng hay. Dàn cao rồi, lấy để giày cũ hơi nóng mà chườm lên trên,

足 痛  
TÚC NHƯỢC  
(Yếu chân)

Bệnh yếu 2 chân khò thè nhắc bước đi lại. Người ta bảo bởi « thận thủy hư » Ai biết đó bởi « khí hư » mà không thè vận động được. Nên dùng BỘ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia :

牛 膝 NGƯU TẤT 3 đồng  
金 石 解 KIM THẠCH HỌC 5 —  
人 参 NHÂN SÂM (4) bội dung lên 3 đồng.

黃 茜 HOÀNG KỲ      bột dùng lên 1 lạng  
Lấy nước sắc uống.

荔 緩  
**CÂN TÚC**  
(*Gân co rút*)

Phản gân và mạch trong thận thè người ta, không thè cò bệnh. Nếu có bệnh thì gân co lại mà đau mình, mạch sáp lại mà nặng mình. Nhưng gân mà được thư thái bởi nhờ huyết hòa, mạch được bình hòa bởi khí đủ. Cho nên trị gân phải trị huyết trước, trị mạch phải trị khí trước.

Nay những người gân bị co rút, khùm lúm không đứng thẳng lên được đều là bệnh tại huyết. Nên dùng :

當 彙	ĐƯƠNG QUY	1 lạng
白 苓	BẠCH THƯỢC	5 đồng, sao
茲 芪 仁	Ý DĨ NHÂN	5 — sao
生 地	SINH ĐỊA	5 —
元 参	NGUYỄN SÂM	5 —
柴 胡	SÀI HỒ	1 —

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này hay bôi dùng một vị SÀI HỒ vào trong phương thuốc bô.

Hỏi rằng : gân có bệnh là bởi huyết thiếu/ nay dùng thuốc bô huyết để trị bệnh gân là phải lắm rồi. Tại sao lại còn dùng SÀI HỒ ? — Bởi gan là chủ của gân, thi gân là huyết dứ của gan, gân co lại tuy bô can huyết mà cũng bởi can khí không thuận nên co lại. Nay dùng SÀI HỒ để thư tán uất khí cho gan. Uất khí đã trừ mà thêm vào đại tê để bô huyết thì gân được nuôi dưỡng. hẳn là gân thư thái.

Xét rằng : Tay chân bị ma mộc là cái điềm phát trúng phong mà làm cho người khô khao, lệch về bên tả hay lệch về bên hữu, đều bởi đã té bại từ ngón chân cái hay ngón tay cái trước. Vì rằng :

Kinh mạch ở thủ Thái âm Phế đi ra ngón tay cái, Phế tàng khí mà đi xuống phía tay phải, nay khí phận bị hư thì bệnh phong lệch về bên phải.

Khí mạch ở túc Quyết âm Can đi ra ngón chân cái, Can tàng huyết mà đi lên phía tay trái, nay huyết phận bị hư thì bệnh phong lệch về bên trái.

Cho nên tay chân mà bị ma mộc, hẳn là phải bồ khí, bồ huyết, mà phải đề phòng có thể «sẽ phát trúng phong mà chưa phát» đó.



腸 痛

## 21. HIÉP THỐNG

(Đau hốc bụng)



兩 腸 有 捲

### LƯƠNG HIÉP HỮU KHỐI

(Hai bên hốc bụng đau có kết hòn)

Hốc bụng bên trái đau có kết hòn là « tử huyết »,  
hốc bụng bên phải đau có kết hòn là « thực tích »,  
khắp mình đau nhức mà gân xương khó phần co duỗi,  
miệng khát, mắt đỏ, đầu váng, đàm đầy cồ, bụng không  
thông lợi, tiêu tiện sền mà đỏ, bệnh trạng đêm nặng  
hơn ngày, mà khắp mình ngứa lăn tăn như sâu bò,  
Người ta cho là « phong », Ai biết đó bởi « Thận khí  
suy mà nhiệt ». Phép trị nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG  
THANG (9) gia CHI TỦ, SÀI HỒ mới là phép trị đúng  
đắn. Uống 3 thang kiến hiệu.

左 腸 痛

### TÀ HIÉP THỐNG

(Đau hốc bên trái)

Hốc bụng bên tay trái mà đau là « Can kinh thụ tà »  
Nên dung :

黃 連 HOÀNG LIỀN 2 đồng, nấu nước NGÔ THÙ  
tầm sao.

柴 胡 SÀI HỒ 1 —

當 彌 ĐƯƠNG QUY 1 —

青 皮 THANH BÌ 1 —

桃 仁 ĐÀO NHÂN 1 — sao, bỏ vỏ, nghiên nát.

川 芒 XUYÊN KHUNG 8 phần  
红 花 HỒNG HOA 5 —

Lấy nước sắc uống, uống vào lúc đói. Nếu có  
đàm gia TRẦN BÌ, BÁN HẠ.

右 腸 痛  
**HỮU HIẾP THỐNG**  
(Đau hốc bên phải)

Hốc bụng bên tay phải mà đau là « Phế kinh  
thụ tà ». Nên dùng :

片 姜 黄	PHIẾN KHƯƠNG HOÀNG	2 đồng
枳壳	CHỈ XÁC	2 —
桂 心	QUẾ TÂM	2 phần
艾 草	CHÍCH THẢO	5 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 —
半 夏	BÁN HẠ	5 — chẽ

Lấy nước sắc uống. Nếu muốn uống nhiều thì thêm  
số lượng.

左 右 腸 俱 痛  
**TÀ HỮU HIẾP CÂU THỐNG**  
(Hai bên tả hữu hốc bụng đều đau)

Hai hốc bụng bên tả bên hữu đều đau. Nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	1 đồng
青 皮	THANH BÌ	1 —
香 附	HƯƠNG PHỤ	1 —
龍 胆 草	LONG ĐÀM THẢO	1 — sao thật cháy.
當 彙	ĐƯƠNG QUY	1 —
川 芒	XUYÊN KHUNG	8 phần
枳壳	CHỈ XÁC	8 —

甘草	CAM THẢO	3 phần
砂仁	SA NHÂN	5 —
木香	MỘC HƯƠNG	5 —

Thêm gừng 3 phiến. Lấy nước sắc uống.

### 兩 腸 走 注

#### LUỐNG HIẾP TẦU CHÚ (A)

(Hai hốc bụng chạy thông nhau cùng đau)

Hai bên hốc bụng cùug đau, đau chỗ này chạy chỗ kia, khi chạy có tiếng kêu như nước rót ọc ạch rò rỉ. Đó là bởi « đậm ». Nên dùng: NHỊ TRẦN THANG (21) bỏ CAM THẢO, gia CHỈ XÁC, SA NHÂN, QUẢNG MỘC HƯƠNG, XUYÊN KHUNG, THANH BÌ, THƯƠNG TRUẬT, HƯƠNG PHỤ, HỒI HƯƠNG. Lấy nước sắc uống.

### 腸 痛 身 热

#### HIẾP THÓNG THÂN NHIỆT (B)

(Hốc bụng đau, mình nóng)

Hốc bụng đau mà thân mình da thịt nóng, đó là » lao ». Nên dùng: BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) gia XUYÊN KHUNG, BẠCH THƯỢC, THANH BÌ, SA NHÂN, CHỈ XÁC, HỒI HƯƠNG, bỏ HOÀNG Kỳ. Lấy nước sắc uống.

Xét rằng: Thường thường những người đau trướng hốc bụng mà lại khạc ra máu, đó là kinh huyết út trệ ở dưới hốc bụng. Hai phương thuốc (A và B) này khi dùng nên thêm ĐÀO NHÂN 7 nhán, KINH GIỚI TUỆ sao 8 phần càng hay.

腸 痛

**HIÉP THỐNG**

(Đau hốc bụng)

Bệnh đau hốc bụng này thuộc bệnh « gan », cho nên trị bệnh đau hốc bụng ắt phải bình Can, mà bình Can ắt phải bò Thận. Vì Thận thủy có đủ thì Can khi mới được nuôi dưỡng. Như vậy bắt tất phải trị hiếp thống mà hiếp thống tự nhiên bình. Nên dùng :

**CAN THẬN KIÈM TƯ THANG 肝腎兼資湯**

熟 地	THỤC ĐỊA	1 lạng (12)
當 蘭	ĐƯƠNG QUY	1 —
白 苓	BẠCH THƯỢC	2 đồng, sao
山 桂	SƠN CHI	1 — sao đen
山 茄	SƠN THÙ	5 —
白 枸 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 — sao
甘 草	CAM THẢO	3 —

Lấy nước sắc uống.

腸 痛 咳 喘

**HIÉP THỐNG KHÁI THẦU**

(Hốc bụng đau lại ho)

Hốc bụng đau mà lại ho, thở gấp rút, mạch hoạt sáu là « đậm » kết lại làm đau.

瓜 葫 仁	QUA LÂU NHÂN	2 đồng, bỏ vỏ, sao
枳 先	CHỈ XÁC	2 —
青 皮	THANH BÌ	1 —
茴 香	HỒI HƯƠNG	5 phần
白 枸 子	BẠCH GIỚI TỬ	3 đồng

Lấy nước sắc uống.

渴 淋

## 22. TRỌC LÂM

(Bệnh đái ra mù, đái rắt)



二 渴 五 淋 痘

### NHỊ TRỌC NGŨ LÂM BIỆN

(Phân tách 2 bệnh trọc, 5 bệnh lâm)

TRỌC (55) = đái ra mù. LÂM (56) = đái rắt, trọc và làm nước đái đều đỏ, nhưng khác nhau bởi, bệnh trọc phần nhiều thuộc hư mà đái không đau buốt, bệnh lâm phần nhiều thuộc thực mà đái thì đau buốt.

Trọc và lâm đều thuộc nhiệt chứng. Trọc đái không đau buốt, đại khái bởi cảm thấp bị hâm ở dưới hiệp với tinh khí thoát ra. Lâm đái đau buốt đại khái bởi cảm dục quá độ, hỏa động lên rồi bại tinh đứng lại mà ra. Lâm và trọc phải trị riêng biệt không thể hỗn hợp mà trị được.

淋 痘

### LÂM CHỨNG

(Bệnh đái rắt)

Bệnh đái rắt nên dùng: NGŨ LÂM TÂN 五 淋 散

淡竹葉	DÂM TRÚC DIỂP	1 đồng
赤茯苓	XÍCH PHỤC LINH	1 —
荆芥穗	KINH GIỚI TUÈ	1 —
燈心	DÂNG TÂM	1 —
車前子	XÃ TIỀN TỬ	5 —

Lấy nước sắc uống.

渴 症  
**TRỌC CHỨNG**  
*(Bệnh dài ra mủ)*

Bệnh dài ra mủ nên dùng :

THANH TÂM LIÊN TỬ ÂM 清 心 蓮 子 飲	
石 莲 子 THẠCH LIÊN TỬ	2 đồng, 5 phần
人 参 NHÂN SÂM	2 — 5 phần (4)
火 草 CHÍCH THẢO	2 —
赤 茄 苓 XÍCH PHỤC LINH	2 —
参 冬 MẠCH ĐÔNG	1 — 5 phần, khứ tâm
黄 茜 HOÀNG KÝ	1 — 5 phần
地 骨 皮 ĐỊA CỐT BÌ	1 — 5 phần
半 前 子 XA TIỀN TỬ	1 — 5 phần
甘 草 CAM THẢO	5 phần

Lấy nước sắc uống.

陽 強 不 倒  
**DƯƠNG CƯỜNG BẤT ĐÀO**  
*(Dương vật cường không ngã)*

Dương vật cứ cường, không mềm ngả xuống được. Đó là bởi hư hỏa bốc lên mà Phế khí thi không thể hạ hành để sinh thủy được, cho nên không mềm ngã. Nếu dùng TRI MAU, HOÀNG BÁ sắc mà uống thi sự cường đó tiêu tán tức thi. Nhưng từ đó, hàng năm cũng không thể làm sao cường khởi được nữa. Như vậy không phải là phép khéo trị. Nên dùng :

元 参 NGUYỄN SÂM	3 lạng
參 冬 MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
肉 桂 NHỤC QUẾ	3 phần

Lấy nước sắc uống. Phương thuốc này rất khéo bởi dùng NGUYỄN SÀM dè tà Thận hỏa mà NHỤC QUẾ dẫn ngay vào, MẠCH ĐÔNG trợ giúp Phế kim dẫn khi thanh hỏa đi xuống dè sinh Thận thủy. Khi thủy đủ, tự nhiên hỏa tắt, hỏa tắt dương tự nhiên ngã.

陽 痘 不 表  
**DƯƠNG NUY BẤT CỨ**  
(*Dương vật yếu không cứ*)

Dương vật mềm yếu không thể cường được. Đó là bởi lúc bình nhạt quá ư phóng túng, hằng ngày thoát tiết cái thủy ở trong Thận mà cái hỏa trong Thận cũng theo đó tiêu vong đi, vì thủy tiết thì hỏa cũng tiết là lẽ tất nhiên. Ví dụ : việc nấu ăn, hẳn rằng nồi soong trong bếp phải có nước rồi mới đem than lửa nấu cơm. Nếu không có nước, cứ dun nấu nồi soong không làm sao nó sôi. Như vậy nên dùng :

熟 地	THỰC ĐỊA	1 lạng (12)
山 茄	SƠN THÙ	4 đồng
遠 志	VIÊN CHÍ	1 —
巴 戟	BA KÍCH	1 — bỏ xương
肉 莪 蒙	NHỤC THUNG DUNG	1 —
杜 仲	ĐÔ TRỌNG	1 — sao
肉 桂	NHỤC QUẾ	2 —
茯 神	PHỤC THẦN	2 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
人 参	NHÂN SÀM	3 — (4)

Lấy nước sắc uống.

尿 血 又 便 血

TÝ HUYẾT HƯU TIỆN HUYẾT

(Tiêu ra máu và đại ra máu)

Đại tiện ra máu thì máu ra đường hậu âm, tiêu tiện ra máu thì máu ra đường tiền âm, 2 bệnh cùng phát một lúc rất khó điều trị. Nhưng tóm lại máu đều ra ở phần dưới. Nên dùng :

生 地 SINH ĐỊA	1 lạng
地 榆 ĐỊA DU	3 đồng

Lấy nước sắc uống. Cả 2 bệnh nhất tè đều khỏi. Bởi đại tiện, tiêu tiện tuy đều có kinh lạc riêng, nhưng chứng bệnh đều bởi Bàng quang nhiệt, SINH ĐỊA, ĐỊA DU đều hay thanh nhiệt ở Bàng quang, một phương thuốc mà trị được cả 2 bệnh, vì trong sự phân chia có sự hợp nhất.

疝 氣

SÁN KHI (57)

(Thấp khi làm đau hòn dài)

Bệnh cảm thấp khi làm đau nhức hòn dài kéo lên giây trăng. Nên dùng KHÙ LINH HOÀN : 去 鈴 丸

大 苗 香 ĐẠI HỒI HƯƠNG 1 cân.

生 蛇 自 然 汗 NUỐC GÜNG TỰ NHIÊN 1 cân.

Đem nước gừng làm HỒI HƯƠNG 1 đem phơi khô lấy THANH DIỆM 2 lạng, trộn chung cùng sao vàng, tán nhỏ, lấy rượu luyện làm hoàn, to bằng hạt ngô, mỗi lần uống 30 hoàn, uống với rượu hay nước cháo.

腎 疼

THẬN TỬ THỐNG

(Quá ngoại thận đau)

Quá ngoại thận đau nên dùng :

澤 濕 TRẠCH TÀ	1 đồng
陳 皮 TRẦN BÌ	5 --

赤 杏	XÍCH LINH	1 đồng
丹 皮	ĐƠN BÌ	3 —
小 苗 香	TIỀU HỒI HƯƠNG	3 —
枳 柚	CHỈ THỰC	3 —
吳 茶	NGÔ THÙ	5 phần
蒼 木	THƯƠNG TRUẬT	5 —
山 竹	SƠN TRÀ	4 —
蘇 枝	TÔ NGẠNH	4 —

Thêm SINH KHƯƠNG 3 phiến, lấy nước sắc uống.

\* Lại một phương trị đau ngoại thận :

ĐẠI HỒI HƯƠNG tẩm rượu sao, TIỀU HỒI HƯƠNG tẩm rượu sao, XÍCH THẠCH CHI đốt chín, QUẢNG MỘC HƯƠNG. Tất cả 4 vị (cân lượng bằng nhau, tùy ý nhiều ít) tán nhỏ. Lấy thịt Ô-MAI nghiền nát trộn thuốc tán làm hoàn, to bằng hạt ngô, mỗi lần uống 15 hoàn, uống vào lúc đói, uống với rượu, rất hay

偏 疾

THIÊN TRUY

(Một hòn dài sưng to sa xuống)

Bệnh sưng một hòn dài sa xuống, hòn không sưng leo rút lên nên dùng TIỀU HỒI HƯƠNG, TRƯ LINH (cân lượng bằng nhau, tùy ý nhiều ít) tán nhỏ. Mỗi lần uống 2 đồng, uống với chút nước muối pha lỏng, uống lúc đói. Hay lấy muối rang thật nóng, lấy khăn gói lại mà chườm, cũng hay tắm. (Thuốc trị bệnh sưng hòn dài này bất luận sưng bên nào cũng đều hay cả).



雜 方

## 23. TẬP PHƯƠNG

(Những phương thuốc lặt vặt)



病 在 上 而 求 諸 下

### BỆNH TẠI THƯỢNG NHI CẦU CHƯ HẠ

(Bệnh ở trên mà tìm cách trị ở dưới)

Nhức đầu, đau mắt, đỏ tai, sưng má, nhất thiết những chứng ấy đều thuộc Thượng tiêu (3). Trừ những cách trị đúng phép như thuốc thanh lương, thuốc phát tán ra ngoài, người ta đều thúc thủ không có cách gì dễ trị, mà không biết còn có 3 phép trị sau đây. Ví dụ:

1. Đại - tiễn táo kết, mạch trầm thực dùng ngay ĐẠI HOÀNG 3 đồng cùn, tẩm rượu sao, lấy nước sắc uống để cho hơi hạ (xõ nhẹ). Đó là phép « vū đê trừu tàn » nghĩa là rút củi ra khi nồi nước trên bếp đang sôi mạnh.

2. Tiết tả, mạch trầm, lạnh chân, nên dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia NGƯU TẤT, XA TIỀN NHỰC QUẾ, nếu lạnh chân quá gia PHỤ TỦ. Vì dưới lạnh quá thì thúc bách cho hỏa bốc lên. Đó là phép « Đạo long nhập hải » nghĩa là dẫn rồng xuống biển.

3. Đại tiễn như thường mà mạch vô lực, dùng LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG (9) gia NGƯU TẤT, XA TIỀN, cho uống để dẫn xuống. Đó là phép « dẫn hỏa quy nguyên » nghĩa là dẫn lửa về với nguồn gốc của nó.

病 在 下 而 求 諸 上

### BỆNH TẠI HẠ NHI CẦU CHƯ THƯỢNG

(Bệnh ở dưới mà tìm cách trị ở trên)

Phàm trị những bệnh ở Hạ tiêu (3) đã dùng đúng

thuốc trị Hạ tiêu mà trị không khỏi, nên theo phép trị Thượng tiêu mà trị. Ví dụ :

Chân sưng đau, mềm yếu vô lực, ống chân đầu gối phá lở đỏ sưng, đã dùng những MỘC QUA, NGƯU TẮT, Ý DĨ, PHÒNG KỶ, THƯƠNG TRUẬT, HOÀNG BÁ, mà không khỏi thì chắc là trung khí bị hạ hầm, thấp nhiệt chảy xuống, nên dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) dễ thăng dễ.

Chân mềm yếu không đi được mà ăn lại vẫn ăn được. Đó là « nuy chứng » (mềm yếu bùn rùn) bởi thận suy nên thanh Phế nhiệt.

Bệnh tiết tả đã dùng những thuốc thực Tỳ lợi thủy mà không khỏi cũng nên dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (23) bỏ ĐỦƠNC QUY, gia BÀO KHƯƠNG, THƯƠNG TRUẬT. Mạch tri gia NHỤC ĐẬU KHẨU, PHÂ CỎ CHỈ.

Đái ra máu đã dùng những thuốc lương huyết lợi thủy mà không khỏi. Nên dùng THANH TÂM LIỀN TỬ ÂM (38). Nếu chưa chỉ được gia THẮNG MA, SÀI HỒ.

Đại tiện ra máu đã dùng những thuốc chỉ huyết sáp huyết mà không khỏi. hoặc còn kiêm cả tiết tả thì phải nhận xét ở mạch. Nếu mạch quan tay tả nhỏ (vi) hay là sác đại vô lực, đó là Tỳ hư không nierp huyết, nên dùng LỤC QUÂN TỬ THANG (24) gia BÀO KHƯƠNG. Nếu mạch quan tay hữu trầm khàn, đó là âm thực thương Tỳ mà không nierp huyết thì cũng LỤC QUÂN TỬ THANG (24) gia BÀO KHƯƠNG và TRẦM HƯƠNG 2 phần. Nếu mạch tay hữu hồng sác, đó là thực nhiệt tai Phế nên thanh Phế như mấy vị MẠCH ĐÔNG, THIỀN HOA PHẤN, NGUYỄN SÂM, KHÔ CẦM, CÁT CÁNH, NGŨ VỊ, CHỈ XÁC.

### 瘡 痘

THƯƠNG ĐỘC = Bệnh lở ngứa làm độc. Nên dùng NHỰ THẦN THANG: NGÂN HOA, ĐƯƠNG QUY, BỒ CÔNG ANH mỗi thứ một lượng, KINH GIỚI, LIỀN KIỀU, mỗi thứ 1 đồng, CAM THẢO 3 đồng. Lấy nước sắc uống.

### 頭 面 上 瘡

ĐẦU DIỆN THƯƠNG THƯƠNG = Bệnh lở trên đầu trên mặt. Nên dùng NGÂN HOA 2 lang, ĐƯƠNG QUY 1 lượng, XUYÈN KHUNG, CAM THẢO mỗi thứ 5 đồng, CÁT CÀNH, BỒ CÔNG ANH mỗi thứ 3 đồng. HOÀNG CẦM 1 đồng. lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi hoàn toàn. Nên nhớ rằng bệnh lở đầu không thể dùng thuốc thang dễ, chỉ nên dùng thuốc giáng hỏa.

### 身 上 手 足 之 瘡 瘡

THẦN THƯƠNG THỦ TÚC CHI THƯƠNG THƯ = Bệnh phát mụn lở ngứa khắp trên mình và tay chân, nên dùng NGÂN HOA, CAM THẢO, BỒ CÔNG ANH mỗi thứ 3 đồng, ĐƯƠNG QUY 1 lượng, NGƯU BÀNG TỬ 2 đồng, THIỀN HOA PHẤN 5 đồng, PHÙ DUNG DIỆP 7 lá (không có lá dùng gốc rễ), lấy nước sắc uống.

### 統 治 諸 瘡

THỐNG TRỊ CHỮ THƯƠNG = Thuốc trị tất cả các loại bệnh lở ngứa: THIỀN HOA PHẤN, CAM THẢO, BỒ CÔNG ANH, NGÂN HOA, tùy dùng nhiều ít, lấy nước sắc uống, uống 2 thang khỏi. Phương thuốc này là thuốc tiêu độc rất hay, tất cả các chứng ung thư bất luận ở bộ vị nào đều dùng được cả.

### 黃 水 瘡

HOÀNG THỦY THƯƠNG = Bệnh lở ngứa chảy nước vàng, nên dùng HÙNG HOÀNG, PHÒNG PHONG, nấu lấy nước mà rửa, mau khỏi.

### 手 汗

THỦ HĂN = Bệnh ra bồ hôi tay, dùng HOÀNG KỲ, CAN CẮT mỗi thứ 1 lạng, KINH GIỚI, PHÒNG PHONG mỗi thứ 3 đồng, lấy nước sắc xông 2 bàn tay, khi gần nguội đỗ ra ngâm rửa, vài ba lần khỏi.

### 欬 咳 噎

ÂM PHÈ ĐỘC = Ăn uống phải độc dược NHÂN NGÔN, dùng CAM THẢO SỐNG 3 lạng, sắc lấy 1 chén nước, hòa vào nửa chén tiết dè, quấy đều mà uống, thò ngay ra được là khỏi. Nếu không thò phải dùng ngay ĐẠI HOÀNG 2 lạng, CAM THẢO 5 đồng, BẠCH PHẦN 1 lạng, ĐƯƠNG QUY 3 lạng, lấy nước sắc lấy vài chén mà uống, uống vào đại tả ngay ra được là sống.

### 嚏 噴 法

XÍ PHÙN PHÁP = Phép dùng thuốc hắt hơi để trị bệnh trúng phong không nói được. Lấy BẢN HẠ sống tán nhỏ, lấy nước làm hoàn, hoàn nhỏ bằng hạt đậu xanh, nhét vào lỗ mũi, sẽ hắt hơi luôn luôn không ngừng là khỏi. Khi không muốn hắt hơi nữa, uống một vài miếng nước, sẽ thôi,

### 破 傷

PHÁ THƯƠNG = Nhàn bị thương rách thịt gây xương chảy máu rồi mà phong hay vi trùng nhàn chỗ hở ấy lọt vào làm méo mó mòn xéch mắt, co giật tay chân, tựa như trúng phong, gọi là phá thương phong. Dùng THUYỀN THOÁI (bồ đào, chân, đất, cho thật sạch) 5 đồng, tán nhỏ, lấy 3 chén rượu dun nóng lên, hòa thuốc tán vào, quấy đều mà uống sẽ khỏi.

### 瘋 狗 咬 傷

PHONG CẦU GIÀO THƯƠNG = Thuốc trị bệnh chó điên cắn, cắt móng tay, sẩy vàng, tán nhỏ, hòa với rượu nóng mà uống, ra được bồ hôi, sẽ khỏi. Cấm việc phòng dục 100 ngày.

小兒科  
**TIỀU NHI KHOA**  
(Khoa trị bệnh trẻ em)



## 小兒科

### 24. TIỀU NHI KHOA

(Khoa trị bệnh trẻ em)

Xem rằng: Khoa TIỀU NHI từ xưa không có đặt riêng một khoa. Kè từ đời Đường có Tôn - Chơn - Nhân làm sách Thiên - Kim - Phương tuy lấy việc trị bệnh Phụ - Nhân và Tiều Nhi làm trọng, mà phương trị bệnh TIỀU NHI vẫn chép ở phần cuối. Đời nay một số người dám chép ẤU KHOA DANH MỤC, hễ động nói bệnh gì cũng rằng kinh phong, rồi bán phần làm về thuốc khư phong khắc phạt, bán phần làm về cách chườm bóp châm cứu. Nay Phó Tiên Sinh ra đời, so với Tôn - Chơn - Nhân xưa, cách nhau ngàn đời mà sự sắp đặt cùng một đường lối. Sách Nữ - Khoa, Tiên Sinh chép đã đầy đủ, rồi mới chép đến Khoa Tiều - Nhi. Khoa Tiều - Nhi này chỉ có mấy phương, tuy ý nghĩa giản lược mà lời nói bao gồm, đủ đẽ gìn giữ sức khỏe trẻ thơ. Chỉ có mỗi một điều nói về cấp kinh và mản kinh thì Ngu này không dám bình luận.

**2. SẮC = XEM SẮC MẶT** – Xem sắc mặt tiều nhi, chỗ trên sống mũi, khoảng giữa 2 con mắt:

Sắc đỏ hồng là Tâm nhiệt.

Gân đỏ băng ngang hay chạy dọc hiện ra chỗ trên sống mũi cũng đều là Tâm - nhiệt.

Sắc tím tím là Tâm nhiệt cực mà Phế cũng nhiệt.

Sắc xanh là Gan có phong.

Gân xanh hiện ra ngang dọc là Can nhiệt (chạy dọc là phong thượng hành, chạy ngang là phong hạ hành).

Sắc đen là phong nhiều mà trong Thận lạnh.

Sắc trắng là Phổi có đàm.

Sắc vàng là Tỷ Vị hư hay làm ỉa chảy.

Nhất nhát cứ xem sắc mặt mà biết được bệnh trẻ em.

**脉 MẠCH** = *XEM MẠCH* — Xem mạch trẻ em khác với xem mạch người lớn.

Mạch người lớn xem 3 bộ: Thối, Quan, Xích. Xem mạch trẻ em thì không thể, chỉ để đọc một ngón trỏ của mình vào « thốn khẩu » (34) của trẻ em, xem tồng quát về sáu hay không sáu mà thôi. Sáu phần nhiều thi nhiệt, không sáu thi hàn. Trong sáu mà phù là thuộc phong, trầm là thuộc hàn, hoãn là thuộc thấp, sáp là thuộc nhiệt tà, hoạt là có đàm, đang chạy mà có cái ngưng là đau bụng. Xem mạch trẻ em chỉ thể mà thôi, ngoài ra bắt tất phải bàn thêm.

**三關 TAM QUAN** = *XEM BA BẮC CHỈ TAY* — Trẻ em khi có bệnh xem chỉ tay, nhiều người nói xem HỒ KHẨU. Xem Hồ khẩu trẻ em ở ngón tay trỏ 2 tay (nam tả, nữ hữu). Ngón tay trỏ có đường chỉ nằm trong lân da, đường chỉ ấy trông sang phía ngón tay cái. 3 đốt ngón tay trỏ gọi là tam quan. Phong quan, Khi quan, Mạnh quan. Trong khi có bệnh, chỉ tay mọc lên tới phong quan (đốt trong) là bệnh thường, chỉ tay mọc lên tới khi quan (đốt giữa) là bệnh nặng, nếu chỉ tay mọc lên tới hết Mạnh quan (đốt ngoài cùng, trên đầu ngón tay) là bệnh nan trị. (xem chỉ tay tựa như xem hàn thử biếu). Nói về màu sắc chỉ tay: tim tím là nhiệt, hồng hồng là hàn, xanh là kinh phong, trắng là Can kinh phong, đen là tử chứng. Nếu không có bệnh gì mà vẫn khỏe mạnh, xem chỉ tay chẳng có gì cả, chỉ như chỗ thịt thường.

**不食乳 BẤT THỰC NHŨ** = *BỎ VỮ* — Trẻ em không chịu ăn sữa tức là nó bỏ vữ. Bỏ vữ là tám nhiệt, lấy sữa cho vào chút hành đun sôi lên cho uống cũng hay. Nếu không lấy 3 phần HOÀNG LIÊN nấu nước cho uống, uống ít chút một, uống vài lần sẽ bú, rất là thần hiệu.

瘠不乾 TÈ BÁT CAN = RỐN KHÔNG KHÔ

— Trẻ thơ rốn ướt không khô sẽ lâu rụng, lâu rụng sợi làm bệnh tè phong. Lấy XA TIỀN TỬ sao cháy tàn nhòi, rắc vào rốn, sẽ mau khô.

山根 SƠN CĂN = XEM BỘ VỊ SƠN CĂN —

(Bộ vị sơn - căn ở chỗ gầy nơi sống mũi, khoé mắt bên này chạy sang khoé mắt bên kia).

Xem bộ vị Sơn căn :

Gân xanh nồi lên chạy dọc là « Can-nhiệt » nên dùng :

柴 胡	SÀI HỒ	3 phần
半 夏	BÁN HẠ	3 — chẽ
白 苓	BẠCH THƯỢC	1 đồng, sao
茯 苓	PHỤC LINH	1 — bỏ vỏ
當 彙	ĐƯƠNG QUÝ	5 phần
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — sao
山 竹	SƠN TRÀ	3 miếng, sao
甘 草	CAM THẢO	1 phần

Lấy nước sắc cho uống.

· Gân xanh hiện ra chạy ngang, cũng là « Can-nhiệt » (chạy dọc là phong thượng hành, chạy ngang là phong hạ hành) nên dùng nguyên phương kè trên, gia MẠCH NHA sao 1 đồng, CÀN KHƯƠNG 1 phần, SÀI HỒ bối lên 2 phần. Lấy nước sắc cho uống.

Gân đỏ hiện ra chạy dọc là « Tâm-nhiệt », cũng dùng nguyên phương kè trên, gia HOÀNG-LIỀN 1 phần, MẠCH ĐÔNG khứ tâm 5 phần, bỏ BÁN HẠ làm TANG BẠCH BÌ 2 phần, THIỀN HOA PHẤN 2 phần. Lấy nước sắc cho uống.

· Gân đỏ hiện ra chênh chêch, cũng là « Tâm-nhiệt » cũng dùng nguyên phương kè trên, gia HOÀNG-LIỀN 2

phân. Nếu nhận thấy có nhiệt tích ở trong bụng, bỏ BẢN HẠ, dùng TẮNG BẠCH BÌ 2 phần, THIỀN HOA PHẤN 2 phần. Lấy nước sắc cho uống.

\*Gân vàng hiện ra, bất luận ngang dọc, đều là bệnh ở «Tỷ Vị», hoặc làm thô, hoặc làm tả, đau bụng, không thèm ăn. Nên dùng :

白 木	BẠCH TRUẬT	5 phần, sao
白 苓	BẠCH LINH	5 —
陳 皮	TRẦN BÌ	2 —
人 参	NHÂN SÂM	2 — (4)
參 牙	MẠCH NHA	2 — sao
神 曲	THẦN KHÚC	1 — (1)
甘 草	CAM THẢO	1 — nước
淡 竹 筍	ĐẬM TRÚC DIỆP	7 —

Lấy nước sắc cho uống. Có đàm gia BẢN HẠ 1 phần, BẠCH GIỚI TỬ 2 phần. Khát nước mà nóng, gia MẠCH ĐÔNG khứ tâm 3 phần, HOÀNG CẦM sao 1 phần. Bụng lạnh gia CẨN KHƯƠNG 1 phần. Thô gia BẠCH ĐẬU KHẨU bỏ vỏ, 1 hạt. Tiết tả gia TRƯ LINH 2 phần. Đau bụng, lấy tay ấn vào bụng, khóc to lên là thương thực gia ĐẠI HOÀNG sao 3 phần, CHỈ THỤC 1 phần. Đau bụng lấy tay ấn vào bụng, nằm yên, không kêu khóc là hàn gia CẨN KHƯƠNG 3 phần. Nếu rờ đầu mình có phát sốt nóng, không thè cho uống phương thuốc này.

女 热 PHÁT NHIỆT = BỆNH PHÁT NÓNG — Trẻ em phát nóng sốt bất luận sớm chiều, đều nên dùng :

VĂN TOÀN THANG : 女 全 湯

女 朝	SÀI HỒ	3 phần
女 木	BẠCH TRUẬT	3 — sao
女 韭	HOÀNG CẦM	3 — sao

神 曲	THẦN KHÚC	3 phần (1)
白 苓	BẠCH THƯỢC	3 đồng, sao
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
當 归	ĐƯƠNG QUY	5 phần
白 苓	BẠCH LINH	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
蘇 葉	TÔ DIỆP	1 —
山 檀	SƠN TRÀ	3 miếng

Lấy nước sắc cho uống. Về mùa đông gia MA HOÀNG 1 phần, mùa hạ gia THẠCH CAO 3 phần, mùa Xuân gia THANH CAO (2) 3 phần, mùa thu gia CÁT CÁNH 3 phần. Thương thực gia CHỈ XÁC 3 phần. Có đàm gia BẠCH GIỚI TỬ 3 phần. Thò gia BẠCH ĐẬU KHẤU bò vỏ 1 hạt. Tiết tả gia TRÙ LINH 1 đồng,

Bệnh nóng sốt của trẻ em, chẳng qua chỉ dùng thế mà thôi, không thể lấy thuốc kinh phong mà trị được. Nếu thật có kinh phong, gia NHÂN SÂM 5 phần, rất hay như thần.

Phèm trẻ em nóng sốt có cơn trào, hay là như nóng sốt rét, hay là tích nhiệt ở trong bụng, đều bởi «ty tích». Đều nên dùng SÀI HỒ, NHÂN SÂM, HOÀNG CẨM, TÀN GIAO, CAM HÀO, THANH CAO (2) mỗi thứ 1 phần, SINH ĐỊA 1 miếng nhỏ, tắm nước đồng tiện phơi khô, BẠC HÀ 2 lá, LÊ sống 1 miếng nhỏ, NGÓ SEN một phiến, lấy nước sắc cho uống rất hay.

**感 冒 風 寒 CẨM MẠO PHONG HÀN = CẨM PHÀI GIÓ LẠNH** — Trẻ em cảm gió lạnh nên dùng SÀI HỒ 5 phần, BẠCH TRUẬT 1 đồng, sao, BẠCH THƯỢC 1 đồng, sao, BẠCH LINH 3 phần, CAM THẢO nướng 3 phần, BÁN HA chế 3 phần, TRẦN BÌ 2 phần, ĐƯƠNG QUY 8 phần. Lấy nước sắc cho uống.

**驚 風 KINH PHONG**

Bệnh kinh sú làm phong. Người đời hễ động thấy trẻ em mày miệng, mày mắt, co giật tay chân liền bảo ngay là kinh phong. Nào có hay trẻ em chỉ có bệnh kinh, không có bệnh phong. Vì trẻ em là thê chất thuần dương, dương vượng thì nội nhiệt, nội nhiệt thì sinh đàm hỏa, đàm hỏa mạnh quá thì sinh phong (méo miệng, xéch mắt, ưỡn mình, lắc đầu, co tay giật chân). Cái phong ấy là nội phong, không phải ngoại phong. Bệnh nội phong mà dùng thuốc ngoại phong đè trị là mau đến chõ chết. Nên dùng :

**THANH HỎA TÁN PHONG THANG 清火散風湯**

白 木	BẠCH TRUẬT	3 phần, sao
梔 子	CHI TỬ	3 — sao đen
白 苓	BẠCH LINH	2 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	1 phần
甘 草	CAM THẢO	1 —
半 夏	BẢN HẠ	1 — ché
白 芎	BẠCH THƯỢC	1 đồng, sao
柴 胡	SÀI HỒ	5 phần

Lấy nước sắc cho uống. Phương thuốc này là thuốc thanh đè bình Can kiện Tỳ. Can mà bình thì hỏa tán, Tỳ mà kiện thì phong diệt. Nhất quyết không thể đem phong dược mà phát tán được.

Phàm những loại kinh phong đều thuộc khí hư, nên dùng AP PHONG THANG : 壓風湯

人 参	NHÂN SÂM	5 phần (4)
白 木	BẠCH TRUẬT	5 — sao
神 曲	THẦN KHÚC	5 — (1)
甘 草	CAM THẢO	3 —

半 夏	BÁN HẠ	3 phần ché
硃 砂	CHU SA	3 —
茯 神	PHỤC THẦN	1 đồng
砂 仁	SA NHÀN NHỰC	3 phần.
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —

Đè CHU SA ra ngoài. Lấy nước sắc, khi được mài CHU SA vào thuốc cho uống. Phương thuốc này nếu trị cảm kinh phong thì gia HOÀNG KÝ 5 phần.

痢 痘 LY TẬT = BỆNH LY — Trẻ em mắc bệnh ly nên dùng :

當 彙	ĐƯỜNG QUÝ	1 đồng
白 苓	BẠCH THƯỢC	1 — sao
黃 連	HOÀNG LIỀN	2 phần
枳 柑	CHỈ XÁC	5 —
梔 枳	BINH LANG	5 —
甘 草	CAM THẢO	3 —

Lấy nước sắc, đè âm ấm cho uống. Nếu hồng ly bội HOÀNG LIỀN Bạch ly gia TRẠCH TẨ 3 phần, đau bụng bội CAM THẢO, BẠCH THƯỢC, nước tiểu đờm gia MỘC THÔNG 3 phần, ly ra như nước đàu gia BÀI TRUẬT 1 đồng. Thường thực gia SƠN TRÀ 3 phần, MẠCH NHÀ sao 3 phần, khi húi gia NHÀN SÀM 3 phần.

熱 瀉 NHIỆT TẨ = BỆNH TẨ THUỐC NHIỆT — Trẻ em ỉa chảy, mình nóng như lửa, miệng khát lưỡi khô, cho nước lạnh thì uống mà nước nóng thì sợ. Nên dùng :

TẨ HỎA CHỈ TẨ THANG : 瀉 火 止 瀉 湯

半 夏 子	XA TIỀN TỬ	2 đồng, sao
白 苓	BẠCH LINH	1 —

白 苓	BẠCH THƯỢC	1 đồng, sao
參 茅	MẠCH NHA	1 — sao
黃 連	HOÀNG LIÊN	3 phân, sao
猪 荸	THƯ LINH	3 —
澤 瀉	TRẠCH TÀ	5 —
枳 柚	CHỈ XÁC	2 —

Lấy nước sắc uống.

### 寒瀉 HÀN TÀ = BỆNH TÀ THUỘC HÀN —

Bệnh tà thuộc hàn lạnh này hẳn là có đau bụng mà muốn nắn bóp vào bụng, miệng không khát, mà lưỡi nhuần, cho nước nóng thi uống mà nước nguội thi sợ. Nên dùng :

### TÂN HÀN CHỈ TÀ THANG 散 寒 止瀉湯

人 參	NHÂN SÂM	1 đồng (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
白 苓	BẠCH LINH	2 —
肉 桂	NHỤC QUẾ	2 phân
乾 姜	CÀN KHƯƠNG	2 —
甘 草	CAM THẢO	1 —
砂 仁 肉	SA NHÂN NHỤC	1 —
神 肉	THẦN KHÚC	5 — (1)

Lấy nước sắc cho uống.

### 吐 痘 THO BỆNH = BỆNH THỒ — Trẻ em mắc

bệnh ưa mửa, tuy bởi « vị khí yếu » nhưng cũng với « tỳ khí hư ». Trẻ em khi ăn chưa biết gìn giữ, gấp thức ăn ngọt, ăn đến no quá, không thể tiêu hóa kịp, lâu rồi xung lên thực quản mà thò ra. Nên dùng :

### CHỈ THỒ TỐC HIỆU THANG 止 吐 速 效湯

人 參	NHÂN SÂM	1 đồng. (4)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao

砂 仁 肉	SA NHÂN NHỤC	1 đồng
白 苓	BẠCH LINH	1 — sao
陳 皮	TRẦN BÌ	2 phân
麥 芽	MẠCH NHA	5 — sao
半 夏	BÁN HẠ	1 —
乾 姜	CÀN KHƯƠNG	1 —
山 紫	SƠN TRÀ	1 — sao

Lấy nước sắc cho uống.

**咳 咳 KHÁI THẤU = BỆNH HO** — (Khái = ho khan. Thấu = ho có đàm) Trẻ em ho, nên dùng TÔ DIỆP 5 phần, CẮT CÀNH 1 đồng, CAM THẢO 1 đồng, lấy nước sắc cho uống. Nếu có đàm gia BẠCH GIỚI TỬ sao 5 phần rất hay.

**疳 症 CAM CHỨNG = BỆNH CAM** — Trẻ em bị bệnh cam là bởi «Tỳ nhiệt» mà cũng bởi «Tâm nhiệt» làm cho miệng chảy dài. Phép trị nếu không bình Tâm hỏa thì Tỳ hỏa càng vượng, Tỳ hỏa vượng thì thấp nhiệt càng nung nấu mà bốc lên, nước dài càng chảy ra không chỉ được. Nên dùng :

桑 白 皮	TANG BẠCH BÌ	1 đồng
黃 連	HOÀNG LIÊN	3 phân
薄 荷	BẠC HÀ	3 —
半 夏	BÁN HẠ	3 —
茯 苓	PHỤC LINH	2 đồng
甘 草	CAM THẢO	1 phân

Lấy nước sắc cho uống. Phương thuốc này là thuốc thính để thanh Tâm thanh Tỳ, Thanh Tâm Tỳ tức là dẫn hỏa hạ hành thì bệnh cam sẽ hết.

口 痘 流 水, 口 痘 神 方

**KHẨU CAM LƯU THỦY, KHẨU LẠN THẦN  
PHƯƠNG = PHƯƠNG THUỐC THẦN TRỊ MIỆNG CHÁY**

**DÃI, LỐ MIỆNG** — Phương thuốc thần trị bệnh trẻ em bị cam miệng chảy dài, chảy tối đau, lở tối đó. Dùng HOÀNG BÀ 2 đồng, NHÂN SÂM (4) 1 đồng, 2 thứ tán nhỏ, bồi trong miệng, mỗi ngày vài lần súc khôi. Phương thuốc này HOÀNG BÀ khử hỏa, NHÂN SÂM kiện tỳ. Người lớn mắc bệnh này dùng cũng hay.

疳 痘 疮 痘，眼 障 神 效 方

**CAM CHỨNG TÀ LY, NHÂN CHƯƠNG THẦN HIỆU PHƯƠNG** = *PHƯƠNG THUỐC THẦN HIỆU TRỊ BỆNH CAM LÀM TÀ LY, CỘM MẮT* — Trẻ em cam làm ta chảy, làm kiết ly, làm cộm mắt. Dùng :

石 汁 明	THẠCH QUYẾT MINH	1 lạng, tăm giấm, đốt
葛 會	LÒ HỘI	1 đồng
川 茅	XUYÊN KHUNG	5 —
白 疾	BẠCH TẬT LÈ	5 — sao, bỏ gai
胡 黃 連	HỒ HOÀNG LIỀN	5 —
五 犀 脂	NGŨ LINH CHI	5 — sao
細 辛	TẾ TÂN	1 —
教 楠 草	CỐC TINH THẢO	5 —
甘 草	CAM THẢO	3 —
菊 花	CÚC HOA	4 —

Tất cả tán nhỏ, dùng một miếng gan heo, luộc chín, bỏ giàn, giã nát, trộn thuốc làm hoàn, hoàn bằng hạt ngô, sấy khô, mỗi lần uống vài chục hoàn, uống với nước cháo. Uống lúc nào cũng được. Thuốc này trị cam rất thần hiệu.

**瘧 痘 NGƯỢC TẬT** = *BỆNH SỐT RÉT* (làm cũ)

Bệnh sốt rét (lạnh một lúc rồi nóng) nên dùng :

紫 胡	SÀI HỒ	6 phân
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 đồng, sao

白 苞	BẠCH LINH	1 đồng
歸 身	QUY THÂN	1 —
白 苒	BẠCH THƯỢC	1 — 5 phần, sao
半 夏	BÁN HẠ	5 phần
青 皮	THANH BÌ	5 —
厚 朴	HẬU PHÁC	5 —

Lấy nước sắc, khi được, đem nước thuốc phơi sương  
một đêm, sờm mai, đun nóng lên, cho uống.

Nếu nóng nhiều hơn lạnh gia NHÂN SÂM, HOÀNG KÝ  
mỗi thứ 5 phần. Lạnh nhiều hơn nóng gia CÀN KHƯƠNG  
3 phần. Lắm đàm gia BẠCH GIỚI TỪ 1 đồng. Nóng về  
đêm gia HÀ THỦ Ô, THỰC ĐỊA mỗi thứ 2 đồng, đau  
bụng gia BINH LANG 3 phần.

**便 暈 TIỆN TRÙNG = BỆNH ĐẠI TIỆN RA  
GIUN** — Trẻ em đại tiện ra giun. Dùng PHỈ TỪ 5 quả.  
bỏ vỏ sao khô, CAM THẢO 3 phần, tán nhỏ, luyện với  
hồ làm hoàn, hoàn to bằng hạt ngô, ngày uống 2 lần,  
trẻ em 2 tuổi mỗi lần 3 hoàn, 6 tuổi mỗi lần 10 hoàn,  
Uống với nước cháo. Uống lâu ngày trùng hòa ra nước  
theo đại tiện ra hết.

**積 暈 TÍCH TRÙNG = TRONG BỤNG TÍCH GIUN**  
— Trẻ em to bụng có những giun tích tụ ở trong,  
nên dùng SỦ QUẦN TỪ 10 phần, sao bỏ màng, PHỈ TỪ  
10 nhân, sao bỏ vỏ, BINH LANG, CAM THẢO mỗi thứ  
1 đồng, tán nhỏ, luyện với hồ làm hoàn, hoàn bằng  
hạt ngô, sấy khô, mỗi lần uống 10 hoàn, uống 2 ngày,  
giun ra, uống 5 ngày khỏi hoàn toàn.

### 痘 痘 回 毒 或 疔 肿

**ĐÂU CHỨNG HÒI ĐỘC HOẶC ĐINH THÙNG**  
— **BỆNH ĐÂU ĐÃ BAY RỒI, LÊN UNG HAY LÊN  
ĐINH** — Trẻ em mọc tráy, tráy đã bay rồi, lên ung

độc và sưng đinh. Nên dùng NGÂN HOÀ 5 đồng, NHÂN SÂM 2 đồng, CAM THẢO, NGUYÊN SÂM mỗi thứ 2 đồng, lấy nước sắc cho uống.

痘瘡壞症已黑

**ĐẬU THƯƠNG HOẠI CHỨNG DỊ HÁC = MỤN ĐẬU PHÁ LỞ, MỤN LỞ ĐÃ ĐEN** — Trẻ em lên trái, lúc trái bay đã hết, có những mụn phá thành mụn lở loét mà đã đen cả lại, còn sinh ra lấm chung bệnh khá sợ nữa. Người ta đã toan bỏ không dám trị. Vậy mà cho uống phương thuốc sau đây, thuốc xuống khỏi cò lại sống :

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (4)
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
荆 芥 花	KINH GIỚI HOA	1 —
蟬 退	THIỀN THOÁI	5 phân
元 参	NGUYỄN SÂM	2 đồng
當 彙	ĐƯƠNG QUY	2 —

Lấy nước sắc cho uống. Bệnh này bởi nguyên khí suy nhược mà hỏa không thể phát việt ra được, cho nên dùng NHÂN SÂM để bồi nguyên khí, NGUYỄN SÂM để khử cái hỏa phù du, TRẦN BÌ để khử đàm khai vị thì SÂM không làm trở ngại mà lại tương đắc, KINH GIỚI để phát việt và dẫn hỏa quy kinh. ĐƯƠNG QUY để tiêu ứ huyết, thay huyết cũ, sinh huyết mới, THIỀN THOÁI để giải độc trừ phong. Người đời sao biết diệu pháp ấy. Thuốc này khi trái mới phát không uống được, chỉ những khi hoại chứng như trên mới uống được.

**急慢風 CẤP, MÀN PHONG = THUỐC TRỊ BỆNH CẤP KINH PHONG, MÀN KINH PHONG** (cấp kinh phong = kinh sơ làm phong cấp kỳ. Màn kinh phong = kinh sơ làm phong chậm). Thuốc này trị cấp kinh, màn kinh đã 3, 6, 9 ngày và nhất thiết các chứng phong đều trị được cả.

陳 星	TRẦN ĐÀM TINH	3 đồng
雄 黃	HÙNG HOÀNG	3 —
珠 砂	CHU SA	3 —
人 参	NHÂN SÂM	3 —
茯 苓	PHỤC LINH	3 —
天 兰	THIÊN TRÚC HOÀNG	3 —
勾 藤	CẨU ĐẮNG	3 —
牛 黄	NGƯU HOÀNG	1 —
麝 香	XÁ HƯƠNG	1 —
鬱 金	UẤT KIM	3 —
柴 胡	SÀI HỒ	3 —
青 皮	THANH BÌ	2 —
甘 草	CAM THẢO	2 —

Trừ HÙNG HOÀNG, CHU SA, NGƯU HOÀNG, XÁ HƯƠNG 4 vị đều tán riêng, tán nhỏ, xong đê riêng. Còn các vị kia cũng tán chung, tán nhỏ, xong, đổ vào xoong, cho chút nước, bắc lên bếp, đun nhỏ lửa, sào cho chín, cho dẻo đều, đem ra trộn 4 vị thuốc tán trên vào, luyện thành keo mà hoàn, hoàn nhỏ hơn hạt đậu xanh, lấy tờ giấy trắng vàng thật làm áo, Phơi trong chỗ hơi có nắng mà không có gió, để khỏi bay hương thuốc. Mỗi khi uống, nấu nước bạc hà, mài 10 hay 15 hoàn cho uống.

### 治 大 丹 神 方

**TRỊ HỎA ĐƠN THẦN PHƯƠNG = PHƯƠNG THUỐC THẦN TRỊ BỆNH ĐƠN NÓNG** — Trẻ em phát nóng, phát ban đỏ tưng quăng, nóng, khó chịu, gọi là bệnh đơn độc. Nên uống :

TY QUA TỬ, NGUYÊN SÂM mỗi thứ 1 lạng, SÀI HỒ, THẮNG MA mỗi thứ 1 đồng, ĐƯƠNG QUY 5 đồng, lấy nước sắc cho uống.

♦ Lại một phương, cũng trị bệnh trên:

THẮNG MA, THANH CAO (2), HOÀNG KỲ mỗi thứ  
3 đồng, NGUYỄN SAM 1 lạng, CAN CÁT 3 lạng, lấy  
nước sắc cho uống,

---

Xét rằng: 2 phương thuốc này trị hỏa đơn cho người  
lớn, đã chép nơi mục hỏa chứng ở trên. Nay lại chép ở đây  
vì trẻ em uống cũng hay, nên mới chép nữa. Nhưng trẻ  
em nên bớt cân lượng.

Phương thuốc này hay bởi dùng THANH CAO đè bình  
cả Can hỏa và Vị hỏa, lại nhờ có mấy vị thuốc kia đè thanh  
nhiệt mà vị nào cũng dùng nhiều thì hỏa làm sao mà không  
diệt hết.

• HẾT •

附 註 男 科  
PHỤ CHÚ NAM KHOA

của  
*DỊCH GIÁ*



# PHỤ CHÚ NAM KHOA

của

DỊCH GIÁ



- 1 — THẦN KHÚC
- 2 — THANH CAO
- 3 — THƯỢNG TIÊU
- 4 — NHÂN SÂM
- 5 — QUYẾT NGHỊCH
- 6 — TẠM HOÀNG THANG
- 7 — BÁT VỊ THANG
- 8 — ĐẠI THÙA KHÍ THANG
- 9 — LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG
- 10 — DŨNG TUYỀN HUYỆT
- 11 — THIẾU THƯỢNG HUYỆT
- 12 — THỤC ĐỊA
- 13 — ĐƠN ĐỘC
- 14 — SA CHẦN
- 15 — TIỀU SÀI HỒ THANG
- 16 — QUAN CÁCH
- 17 — LAO SÁI
- 18 — BÁT TRẦN THANG
- 19 — TÚ VẬT THANG
- 20 — VONG DƯƠNG
- 21 — NHỊ TRẦN THANG
- 22 — KÝ TẾ
- 23 — BÒ TRUNG ỈCH KHÍ THANG
- 24 — LỤC QUÂN TÚ THANG
- 25 — NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT, PHỤ TÚ THANG
- 26 — TÚ QUÂN TÚ THANG
- 27 — QUY TỲ THANG
- 28 — SINH MẠCH THANG

- 29 — ĐỘC SÂM THANG
- 30 — XẠ CAN THANG
- 31 — TIÊU DAO TÂN
- 32 — TÚ MA THANG
- 33 — TÚ THẮT THANG
- 34 — THỐN KHÀU
- 35 — NGŨ BÌ TÂN
- 36 — NGŨ LINH TÂN
- 37 — BIỀU LÝ
- 38 — MẠCH NHÂM, MẠCH XUNG
- 39 — MẠCH ĐỐC
- 40 — BẠCH HỒ THANG
- 41 — CHINH XUNG KINH QUÝ
- 42 — ÔN ĐÂM THANG
- 43 — KHÓNG DIÊN ĐƠN
- 44 — Ô MAI HOÀN
- 45 — TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN
- 46 — TÀ KIM HOÀN
- 47 — BÌNH VỊ TÂN
- 48 — ĐÀO NHÂN THANG
- 49 — THẮT TIẾU TÂN
- 50 — DIỆU HƯƠNG TÂN
- 51 — BINH LANG HOÀN
- 52 — THẬP TÁO THANG
- 53 — MA, MỘC, BẤT NHÂN, BẤT DỤNG
- 54 — TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP
- 55 — TRỌC
- 56 — LÂM
- 57 — SÂN KHÍ
- 58 — THANH TÂM LIÊN TỬ ÂM
- 59 — ĐỊA LẠT PHẨN

# PHỤ CHÚ NAM KHOA

CỦA  
DỊCH - GIẢ



1. **THẦN KHÚC** — (Xem số 23 ở phụ chú Nữ-Khoa).
  2. **THANH CAO** — (Xem số 36 ở phụ chú Nữ - Khoa)
  3. **THƯỢNG TIÊU** 上 魚 — Thượng tiêu là 1 trong Tam tiêu. Tam tiêu không có hình thê riêng biệt, chỉ là một đường khi đạo vô hình để dẫn thủy đạo cho toàn thân. Tam tiêu có Thượng tiêu, Trung tiêu và Hạ tiêu. Thượng tiêu ở trên vị quản, chỉ có việc thu vào mà không dẫn ra. Trung tiêu ở giữa vị hoan chủ về việc làm chín nát thức ăn. Hạ tiêu ở đầu cuống trên của Bàng quang, chỉ có việc tiết ra mà không thu vào. Tóm lại : Thượng tiêu chủ về dẫn khí ; Trung tiêu chủ về tiêu thực ; Hạ tiêu chủ về lợi tiện.
  4. **NHÂN SÂM** — (Xem số 13 ở phụ chú Nữ - Khoa).
  5. **QUYẾT NGHỊCH** — (Xem số 50 ở phụ chú Nữ - Khoa).
  6. **TAM HOÀNG THANG** 三 黃 湯 — HOÀNG LIÊN, HOÀNG CẦM, ĐẠI HOÀNG 3 vị cân lượng bằng nhau, (dùng ít, dùng nhiều tùy theo bệnh nặng nhẹ) chủ trị tích nhiệt ở tạng phủ làm cho đại tiện bí kết.
  7. **BÁT VỊ THANG** 八 味 湯 :
- |                            |                 |
|----------------------------|-----------------|
| THỰC ĐỊA                   | 8 đồng,         |
| HOÀI SƠN                   | 4 đồng,         |
| SƠN THÙ                    | 4 đồng,         |
| PHỤC LINH, KIẾN TÀ, ĐƠN BÌ | 3 đồng, mỗi thứ |
| NHỤC QUẾ                   | 1 đồng,         |
| PHỤ TỬ                     | 1 đồng.         |

Lấy nước sắc uống (nếu làm hoàn thì mỗi vị đều làm gấp 2 gấp 3 hay nhiều nữa tùy ý). Trị bệnh thủy

hỏa đều thiếu, thận hư, thở mệt, hạ bộ hàn lạnh, đau lưng mỏi gối, dai đêm nhiều. Bài thuốc này tức bài LỤC VỊ THANG gia quế, phụ.

8. ĐẠI THỪA KHÍ THANG (Xem số 49 ở phu chú Nữ-Khoa).

9. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG 六味地黃湯:

THỤC ĐỊA	8 đồng
HOÀI SƠN	4 —
SƠN THỦ	4 —

PHỤC LINH, KIẾN TÀ, ĐƠN BÌ 3 — mỗi thứ

Lấy nước sắc uống (nếu làm hoàn thì mỗi vị đều làm gấp 2 gấp 3 lần hay nhiều hơn tùy ý). Trị bệnh những người tuổi còn trẻ mà chân thủy thiếu, chân hỏa vượng làm ra gầy ốm, nóng âm, bồ hôi trộm, di tinh tiện huyết và làm, lậu, bạch trọc.

10. DŨNG TUYỀN HUYỆT 湧泉穴 = Huyệt Dũng Tuyền ở giữa chỗ trũng trong lòng bàn chân, thuộc kinh Túc thiểu âm, Thận.

11. THIẾU THƯƠNG HUYỆT 少商穴 = Huyệt Thiếu Thương ở phía trong đầu ngón tay cái, chỗ thịt trắng trắng cách móng tay như cái lá hẹ, thuộc kinh Thủ thái âm, Phế.

12. THỤC ĐỊA – (Xem số 3 ở phu chú Nữ-Khoa).

13. ĐƠN ĐỘC 升毒 – Đơn độc, đan độc cùng một âm. Cái độc đó còn gọi là thiên hỏa = hỏa độc của trời, lại gọi là xích du = cái phong chạy đến đâu đến đấy. Bệnh này thuộc loại truyền nhiễm, bởi những khí thấp nhiệt xâm lấn vào người làm cho hỏa ở tim nóng quá rồi hỏa độc và máu chống đối nhau, khi đó gió nhiễm vào làm ra những quầng sưng đỏ, quầng lớn quầng nhỏ, chạy khắp thân thể, đầu mặt, chân tay, lưng mình đều có cả, phát ra chiết này lại

chay chõ khac, khong ở yem định một chõ nào, làm cho người ta phát nóng sốt, đau nhức, buồn phiền đầy chướng. Nếu không trị gấp sẽ nguy.

14. **SA CHÂN 痘 疮** — Sa chân cũng như Ma chân. Sa là hạt cát, ma là hạt vừng, chân là ần ần hiện hiện ở trong làn da. Nghĩa là nó mọc những mụn nhỏ như hạt cát hạt vừng, chỉ hơi nhu nhu những cái đầu nhọn ra một tí ở những kẽ chân lông khắp mình, mà ần hiện ở trong làn da, chờ không lộ hẳn ra ngoài cho lấm. Tục gọi là bệnh « SỎI », có nơi gọi bệnh « BẢN ». Bệnh này là loại do độc truyền nhiễm, hay phát vào khoảng tháng 3 và tháng 12 âm lịch. Khi độc ấy đã nhiễm thì vào phổi, dạ dày trước, làm cho nóng lạnh, ho, chảy nước mũi, 5, 6 ngày mọc ra những mụn đỏ ở đầu mặt trước, rồi dần dần 2, 3 ngày mọc xuống mình và chân. Nhưng nó vừa mọc vừa bay, nghĩa là mọc xuống mình thì ở đầu mặt bay, mọc xuống chân thì ở mình bay. Phép trị, cứ trị cái nóng ở phổi, dạ dày để cho mọc ra được là hay, nếu không mọc ra được sẽ biến chứng. Nếu lại trị không cho mọc ra sẽ thành bệnh suối bại. Nếu những mụn mọc ra đỏ mà mọc xuôi, từ đầu xuống mình, mình xuống chân là thuận, dễ trị. Nếu đỏ mà mọc ngược, từ chân lên mình, mình lên đầu là nghịch, khó trị. Nếu những mụn mọc biến ra sắc đen, mà người phát nóng dữ lên, da thịt khô, khát nước, nói nhảm, mè man là bệnh nặng lấm.

15. **TIẾU SÀI HỒ THANG 小 萩 汤 :**

SÀI HỒ	3 đồng
HOÀNG CẦM	2 —
NHÂN SAM	1 —
BÁN HẠ	1 —

CAM THẢO	4 phần
SINH KHƯƠNG	3 phiến
ĐẠI TÁO	2 quả

Lấy nước sắc uống.

Trị bệnh thuộc kinh Thiếu dương trong thời gian bán biến bán lý làm ra nóng lạnh vãng lai, nhức đầu, đau mình, hoặc có ói mửa, khát nước, ho, hoặc có đầy tức trong bụng. Nghĩa là thấy bệnh đáng phải cho hàn, cho thô, cho hạ mà không dám cho, thì dùng phương này rất khéo hòa giải.

16. QUAN, CÁCH 關絡 — Quan là dương khí không đi xuống làm cho hàn khí bể tắc ở trong bụng, muốn dài mà dài không ga. Cách là âm khí không đi lên làm cho nhiệt khí bể tắc ở Hạ tiêu, bắt thở mà không thở ra được. Nó ngăn cách chướng ngại ở chỗ Hoành cách mô, trên dưới không thông, Tam tiêu (3) rối loạn, âm dương không hòa hợp, nên đã quan lại cách, Nói về mạch: Mạch ở Nhân nghinh lớn hơn Khi khâu vài ba lần là cách, mạch ở Khi khâu lớn hơn Nhân nghinh 4 lần là quan. Bệnh quan, cách rất dễ chết, nhưng chỉ trị ở Hạ tiêu mới có thể khỏi.
17. LAO SÁI — (Xem số 39 ở phụ chú Nữ-Khoa);.
18. BÁT TRÂN THANG — (Xem số 77 ở phụ chú Nữ-Khoa).
19. TỨ VẬT THANG — (Xem số 58 ở phụ chú Nữ-Khoa).
20. VONG DƯƠNG — (Xem số 38 ở phụ chú Nữ-Khoa).
21. NHỊ TRÂN THANG 二陳湯:

TRÂN BÌ	2 đồng
BẢN HẠ	1 —
BẠCH LINH	8 phần
CAM THẢO	4 —
SINH KHƯƠNG	3 phiến

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này trị tất cả các bệnh đàm, chỉ có  
tửu đàm và táo đàm không nên uống.

22. KÝ TẾ — (Xem số 2 ở phụ chú Nữ-Khoa).
23. BÓ TRUNG ÍCH KHÍ THANG — (Xem số 53 ở phụ chú Nữ-Khoa).
24. LỤC QUÂN TỬ THANG — (Xem số 55 ở phụ chú Nữ-Khoa).
25. NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT PHỤ TỬ THANG  
人參白朮附子湯 tức là bài PHỤ TỬ LÝ  
TRUNG THANG:

NHÂN SÂM	2 đồng
BẠCH TRUẬT	2 —
CÀN KHƯƠNG	2 —
PHỤ TỬ	2 —
CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống, chủ đề ôn trung khí, bồ khí  
hư, tán hàn tà. (Bài LÝ TRUNG THANG không có  
PHỤ TỬ).

26. TÚ QUÂN TỬ THANG — (Xem số 55 ở phụ chú Nữ-Khoa).
27. QUY TỲ THANG — (Xem số 54 ở phụ chú Nữ-Khoa),
28. SINH MẠCH THANG — (Xem số 69 ở phụ chú Nữ-Khoa).
29. ĐỘC SÂM THANG 独參湯:

NHÂN SÂM	2 lạng
ĐẠI TÁO	2 quả

Lấy nước sắc uống, chủ bồ phế hư, đại bồ  
nguyễn khí.

30. XẠ CAN THANG 射干湯:

XẠ CAN, THẮNG MA mỗi thứ 2 đồng cát.

MÃ NHA TIỀU, MÃ BỘT mỗi thứ 1 đồng 4 phần.

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh phong nhiệt làm  
cả họng sưng đau.

31. TIÊU DAO TÁN 遠 遣 = BẠCH TRUẬT, BẠCH THƯỢC, BẠCH LINH, SÀI HỒ, ĐƯƠNG QUY, cân lạng mỗi thứ bằng nhau, nhiều ít tùy ý. CAM THẢO dùng phần nửa, BẠC HÀ 5 phần, gừng nướng 5 phần. Lấy nước sắc uống, Chủ trị huyết hư mà nhiệt.

32 TÚ MA THANG 四 瘡 湯 = NHÂN SAM, BINH LANG, TRẦM HƯƠNG, Ô DƯỢC mỗi thứ một ít, bằng nhau, đều mài vào một chén nứớc, rồi đun sôi lên vài phút, uống lúc đói. Trị bệnh cảm thương đến chính khí làm cho thở suyễn gấp rút, trong bụng buồn bực, không an.

33. TÚ THẤT THANG 四 七 湯 :

HẬU PHÁC	1 đồng, 5 phần
BẢN HẠ	2 — 5 phần
TRẦM BÌ	2 —
TÔ TỬ	1 — thêm gừng, táo,

Lấy nước sắc uống.

Trị bệnh đưa hơi ngược thở suyễn. Bài thuốc này có 4 vị cộng là 7 đồng cân, nên gọi tú thất.

34. THỐN KHẨU + 口 = Huyệt Thốn - khâu còn gọi là huyệt Khi - khâu và huyệt Thủ - thái - âm Phè. Huyệt Thốn khâu là nơi mạch chuyển động của Thủ - thái âm. — Huyệt Thốn khâu ở nơi cổ tay giáp với bàn tay, chỗ cạnh ngón tay cái thẳng xuống tới chỗ mắt cá tay, lệch về phía sau lưng cổ tay, có một đường thẳng chỗ hơi trũng xuống. Đó là huyệt Thốn-khâu, 2 tay đều thế.

35. NGŨ BÌ TÁY 五 皮 脈 = ĐẠI PHÚC BÌ, TANG BẠCH BÌ, PHÚC LINH BÌ, QUẤT BÌ, SINH KHƯƠNG BÌ, các vị cân lượng bằng nhau, nhiều ít tùy theo, lấy nước sắc uống nóng. Trị bệnh phong thấp ngưng

trẻ ở Tỵ, làm cho đầu mặt từ chi phủ thũng, trong bụng hành trường, hơi thở nhọc mệt. Cử ăn đồ sống lạnh, mỡ dầu và chất đặc, chất rắn v.v... .

36. **NGŨ LINH TÁN** — (Xem số 56 ở phu chú *Nữ-Khoa*)

37. **BIEU LY 表 裏** = Biểu là ngoài, lý là trong. Bệnh ngoại cảm nóng lạnh, nhức đầu, đau minh là BIỂU CHỨNG nên phát tán. Bệnh ngoại cảm ấy không trị đe chạy vào trong làm khát nước, đau bụng, tả, lý, nôn mè v.v.. là LÝ CHỨNG nên thông giải.

Biểu lý là trong ngoài cũng nghĩa như anh em tương quan với nhau, tức là tạng phủ tương quan với nhau. Nghĩa là một tạng với một phủ nào đó tương quan với nhau là biểu lý, khi mạch tương thông, hễ tạng ấy có bệnh thì phủ kia cũng thụ bệnh, hễ trị bệnh tạng ấy thì phủ kia cũng đồng trị, ngược lại cũng vậy. Ví dụ : Phế với đại trướng là biểu lý, tâm với tiêu trướng là biểu lý, Thận với Bàng quang là biểu lý v.v... Muốn mát đại trướng thì thanh phế, muốn lợi Bàng quang thì thông Thận v.v... .

38. **MẠCH NHÂM MẠCH XUNG** (Xem số 10 ở phu chú *Nữ-Khoa*).

39. **MẠCH ĐÓC** (Xem số 24 ở phu chú *Nữ-Khoa*).

40. **BẠCH HỘ THANG 白 虎 汤 :**

TRI MÀU	2 đồng
THẠCH CAO	5 — nóng quá dùng 7 đồng
CAM THẢO	6 —
GẠO TÈ	nửa chén con.

Lấy nước sắc uống nóng.

Trị bệnh cảm nắng (thứ) phiền khát và trị bệnh thương hàn phát nóng, đã cho phát hàn rồi mà mạch còn hồng đại, còn phát khát, trong ngoài đều nóng mà chưa nhập lý, Nên dùng thuốc này mà hòa giải.

41. CHINH XUNG, KINH QUÝ 鼓 胃 痛 KINH = sọ, Quý = run. Chinh = bàng hoàng không chủ đích. Xung = lo ngay ngày không yên.

Trái tim đập mạnh, sợ hãi hồi hộp, đó là kinh quý. Kinh quý lâu ngày sinh ra run run khiếp sợ, thảng thốt nghi ngờ như có người tới bắt, phải di trốn lùi vào nơi vắng tối, thành ra chinh xung. Bệnh này bởi « Tâm kinh ít máu, thiếu tinh-thần, không đủ thanh khí mà đàm hóa và trọc khí thượng cõng ».

42. ÔN ĐÀM THANG 暖 滋 汤 :

BẢN HẠ, CHÌ THỰC	1 đồng, mỗi thứ
TRẦN BÌ	1 —
PHỤC LINH	5 phần rưỡi
CAM THẢO	4 phần
TRÚC NHIU	1 nắm nhỏ
SINH KHƯƠNG	7 phiến
ĐẠI TÁO,	1 quả.

Lấy nước sắc uống.

Trị bệnh hư phiền không ngủ, khí mạnh không hòa, tâm đàm sợ hãi.

43. KHÔNG DIÊN ĐƠN 振 先 升 :

CAM TOẠI (chọn củ nào da hơi đỏ, thịt trắng mà chắc, lấy cám sao chung, vàng vàng là được, sao rồi bỏ cám đi).

ĐẠI KÍCH (rửa sạch đất, sao qua) :

BẠCH GIỚI TỬ (sao vàng chín) mỗi vị, 1 hay 2 đồng bằng nhau, nhiều ít tùy ý, lấy nước sắc uống, hay tán nhỏ, lấy hòm hoàn cũng được, uống với chút nước gừng, uống vào lúc cơm chiều rồi, sắp đi ngủ.

Trị bệnh đau nhức lưng mình, vai cò, tay chân, gân xương co rút, khi đau chỗ này, lúc chạy chỗ khác. Đó là bởi đàm dãi kết ở trên dưới bụng và Hoàn cách mỏ mà làm khô sờ như thê. — Nếu đau quá gia TOÀN YẾT. Có đàm vì hay rượu gia TOÀN YẾT HÙNG HOÀNG. Đàm khí két thành khói gia XUYÊN SƠN GIÁP, BIẾT GIÁP, NGA TRUẬT, HUYỀN HỒ SÁCH. Đau cánh tay gia MỘC BIẾT TỬ, QUẾ TAM. Đàm nóng gia PHÁC TIÊU. Đàm lạnh gia ĐINH HƯƠNG, HỒ TIÊU, NHỤC QUẾ. Thuốc này đàn bà có thai không uống được và trong ngày uống thuốc này cầm chỉ không được ăn uống thứ gì có tính chất CAM THẢO.

#### 44. Ô MAI HOÀN 馬 梅 元:

CÀN KHƯƠNG	1 đồng
HOÀNG LIÊN	1 — 5 phần
TẾ TÂN	
PHỤ TỬ,	
QUẾ CHI,	
HOÀNG BA	
NHÂN SÂM,	6 phần, mỗi thứ
ĐƯƠNG QUY	
XUYÊN TIÊU	4 phần, mỗi thứ

Tất cả tán nhỏ lấy nửa chén giấm làm 10 quả Ô MAI nấu chín nhừ đem ra cạo lấy thịt Ô MAI (bỏ hạt đi) nghiền nát, hòa thuốc đã tán trên vào làm hoàn, mỗi hoàn to bằng hạt ngô, mỗi ngày 3 lần uống, càng hay. Chủ trị bệnh lạnh bụng, giun bị lạnh bò ngược lên cò, hễ ăn vào một chút là mửa ra, khi tĩnh, khi phiền. Cứ ăn đồ ngọt, sống, lạnh.

45. TÔ HỢP HƯƠNG HOÀN 丹 合 丸 :

XẠ HƯƠNG	chọn thứ chính
TRẦM HƯƠNG	
ĐINH HƯƠNG	
BẠCH ĐÀN HƯƠNG	
HƯƠNG PHỤ	
TẤT BÁT	
BẠCH TRUẬT	
KHA TỬ	nướng bỏ hột
CHU SA	lấy nước phi
THANH MỘC HƯƠNG	
TÊ GIÁC	2 lạng mỗi thứ
HUÂN LỤC HƯƠNG	
LONG NÃO	1 lạng mỗi thứ

Tất cả những vị kè trên, dè XẠ HƯƠNG, LONG NÃO ra ngoài, còn đem tán nhỏ. Xong lấy AN TỨC HƯƠNG 2 lạng, trộn vào nước rượu mộng, trộn long lồng, chưng lên cho chín thành keo, xong hòa vào 2 lạng dầu TÔ HỢP, và thêm chút mật, quấy cho thật đều, đem thuốc đã tán nhỏ và cả XẠ HƯƠNG, LONG NÃO đồ chung vào dầu và mật ấy mà luyện. Cứ mỗi lạng cắt thành 10 hoàn (nếu bao sáp được càng hay) mỗi lần uống 1 hoàn, uống với nước nóng, ngày uống 3 lần cũng được. Chủ trị bệnh trúng khí hay là tự nhiên khi nghịch lèu rất mạnh làm đau tim. Thuốc này kỵ thai.

46. TÀ KIM HOÀN 左 金 丸 — HOÀNG LIỀN 6 lạng, sao, NGÓ THỦ 1 lạng lấy nước đun sôi lên vài ba sấp, đồ ra, sấy khô. 2 vị tán nhỏ, nấu hồ luyện làm hoàn, nhỏ bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống vài chục hoàn, nấu nước BẠCH TRUẬT, TRẦN BÌ mà uống xuồng. Chủ trị bệnh vi Can hỏa làm hóng hiếp đau sỏi, có khi phát nóng lạnh, có khi làm nhức đầu, dài rất, bí ịa, hay ịa chảy, tất cả những chứng bệnh thuộc về can hỏa.

47. BÌNH VỊ TÁN 千 胃 滋 :

THƯƠNG TRUẬT	8 lạng, tẩm nước gạo, sao
TRẦN BÌ	5 — sao
HẬU PHÁC	5 — tẩm nước gừng, sao
CAM THẢO	3 — nướng than chín,

Tất cả tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cát, lấy 3 phiến gừng sống, 2 trái táo, nấu nước uống xuống.

Chủ trị bệnh Tỳ vị bất hòa, không thiết ăn uống, đau bụng, đầy bụng, ợ chua, ỉa chảy.

48. ĐÀO NHÂN THANG 桃 仁 汤 :

ĐÀO NHÂN	1 lạng, sao khô bỏ vỏ.
ĐẠI HOÀNG	1 — sao
MẠNH TRÙNG	5 đồng, sao đen.
PHÁC TIỀU	1 lạng.

Đem 3 vị trên tán nhỏ, đẽ sẵn đầy, lấy 1 chén giấm ngọt đồ vào siêu, đun cạn còn độ 5 phân, đoạn cho 3 vị thuốc đã tán đó vào siêu (siêu vẫn đẽ trên bếp nhỏ lửa) lấy muỗng quấy mãi, cho dẻo, có thể hoàn được, đem ra, cho PHÁC TIỀU vào lại quấy mãi cho thật đều, rồi hoàn to bằng hạt ngô.

Chủ trị bệnh « huyết hà ». Hôm nào định uống, thì hôm ấy dừng ăn cơm chiều, đẽ cho đợi 4, 5 giờ sáng dậy lấy rượu uống xuống 5 hoàn, sáng mai cũng dừng ăn chất đặc, nhịn được càng hay. Đến 13, 14 giờ sẽ tă ra những vật ở uế chưa từng thấy. Khi đã sờ ra được rồi thì uống thuốc bò đẽ điều hòa khí huyết (phương thuốc này ở mục công trận, trong cò phương bát trận, quyển Cảnh-Nhạc).

49. THÁT TIÊU TÁN = (Xem số 79 ở phụ chú Nữ-Khoa).

**50. DIỆU HƯƠNG TÁN 香 棘 :**

CHÍNH XẠ HƯƠNG	1 đồng
SƠN DƯỢC	1 lang
PHỤC LINH	1 —
PHỤC THẦN	1 —
HOÀNG KỲ	1 —
VIÊN CHÍ	1 —
NHÂN SÂM	5 đồng
CẨM THẢO	5 —
CÁT CÁNH	5 —
MỘC HƯƠNG	2 — rươi
THẦN SA	3 —

Tất cả tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, uống với rượu.

Trị bệnh đòn ông, đòn bà, tám khi bất túc, tinh thần hoảng hốt, hư phiền, ít ngủ, lâm bầm hôi trộm, thường uống đều đều bồ khí huyết, an tâm thần.

**51. BINH LANG HOÀN 檀 林 丸 :**

BINH LANG	1 lang.
HOÀNG CẨM	1 —
ĐẠI HOÀNG	1 —
BẠCH CHỈ	1 —
CHỈ XÁC	1 —
KHƯƠNG HOẠT	1 —
KHIỀN NGƯU	1 —
MA NHÂN	1 —
HÀNH NHÂN	1 —
NHÂN SÂM	5 đồng;

Tất cả tán nhỏ luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 5 đồng uống với rượu, vào lúc đói.

Trị bệnh đại trường thấp nhiệt không thông, lồng bụng đầy trường, đại tiện bí kết.

52. THẬP TÁO THANG — + 湯 : NGUYÊN HOA, CAM TOẠI, ĐẠI KÍCH mỗi thứ 3 đồng tán nhỏ. Lấy 10 trái táo, đồ 1 chén nước, sắc lấy mía phân. Lấy nước táo uống với 5 phần thuốc tán (người gầy ốm chỉ uống 2 phần). Uống rồi, sẽ xò ra thuần nước. Khi xò rồi, ăn chút cháo lỏng lấy sức lại. Trị bệnh thương phong thuộc Thái dương kinh, ịa chảy ợ ngược, dày dấp bỗn hồi, nhức đầu, bụng dưới đầy cứng, ụa khan, hơi thở ngắn, không sợ lạnh, trong bụng những nước, (minh mát mới nên uống). Uống thuốc này cứ ăn những chất có Cam thảo. Thuốc này kỳ thai.

53. MA, MỘC, BẤT NHÂN BẤT DỤNG 麻木不用 — Ma : da thịt tê tê, cao cấu không biết đau, biết ngứa, nhưng còn cảm thấy cái khi nó còn chút hành ở trong, khác nào như chỗ bị trói buộc thật chặt vừa mới cởi ra nó tê tê rần rần. Mạch phủ hoàn là thuốc thấp.

Mộc : cứng như gỗ, đã chẳng biết đau ngứa, lại không cảm thấy tê tê rần rần. Mạch sáp mà không là tử huyết (máu ở chỗ đó như đã chết).

Bất nhân : ma mộc lâu ngày xâm nhập thận thè làm cho kinh lạc ngưng trệ, khí huyết không lưu thông, không đau, không ngứa, không còn màu da. Tóm lại bởi 3 khí phong, hàn, thấp hợp lại mà xâm nhập làm cho thận thè người ta mất sự tri giác đê vận động, nghĩa là khí hư thành ma, huyết hư thành mộc, ma mộc lâu ngày thành bất nhân, bất nhân lâu ngày thành bất dụng.

54. TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRÁP — (Xem số 68 ở phần chép Nur-Khoa).

55. TRỌC 湧 = Mủ vẫn đục. Vì Tỵ Vị bị thấp nhiệt trung tiêu không thanh sạch, trọc khí thẩm vào Bàng quang, rỉ rả theo đường tiêu tiện chảy ra những chất nhựa chất mủ như nhựa cây. Trọc có 2 loại :

Xích và bạch. Xích thuộc huyết, thấp nhiệt, Bạch thuộc khí, hàn thấp (Bệnh này nam nữ cùng một phép trị).

56. **LÂM** 涼 = làm dàm thành thót chảy ra. Khi đi dài buốt xót, muôn dài không dài được, không dài được rồi lại bắt dài, khi một vài giọt mà dài không hết. Lâm có 5 loại : 1) Khí lâm : dài buốt, rit, một vài giọt không dài hết. 2) Huyết lâm : dài buốt, xót nóng, 3) Thạch lâm : dài ra có cát có sạn, ngọc hành cứng đau. 4) Cao lâm : dài ra như mù. 5) Lao-lâm : dài khó khăn, đau xóc lên bụng, đau chẳng sang cả giang môn.
57. **SÂN KHÍ** 痘 痘 — Nói chung : đau DỊCH HOÀN (hòn dài) có thè gọi là đau giày trắng. Nói riêng : Sán có thấp nhiệt là gốc (bản), có hàn thấp là ngọn (tiêu). Đại khái : Thấp nhiệt gấp nhiệt khi thì phát, tiêu tiện đở buốt, đại tiện táo, bụng dưới và giang mông đều nóng, bầu ngoại thận sa xuống làm đau 2 hòn dài.

Hàn thấp gấp hàn khí thì phát, đại tiêu tiện thông lợi, trong bụng lạnh, ngoại thận săn co lại. Còn có khi cả hàn và nhiệt giao công, làm cho ngoại thận và bụng khi nóng khi lạnh, đại tiêu tiện khi bế khi thông.

Tóm lại bởi ăn uống no say quá, làm việc khó nhọc quá, phòng dục quá độ, bức giận quá mức làm cho hỏa động, hỏa động lâu ngày sinh thấp, thấp biến làm nước làm dàm, ứ két lại chảy vào Can kinh, Can kinh tinh nóng này lại bị khí lạnh bên ngoài bọc giữ lại không thoát mà làm đau.

58. **THANH TÂM LIÊN TỬ ÂM** = 清 心 運 子 水 :

LIÊN TỬ 7 phân ruồi,  
XÍCH PHỤC LINH 7 -

NHÂN SÂM	7 phần rưỡi
HOÀNG KỲ	7 —
HOÀNG CẦM	5 phần
CAM THẢO	5 —
XA TIỀN,	5 —
MẠCH ĐÔNG,	5 —
ĐỊA CỐT BÌ	5 —

Lấy nước sắc uống nóng.

Trị bệnh Hạ tiêu húi, Thượng tiêu thịnh, Tâm hỏa bốc lên làm đắng miệng khó cắn, phiền khát, nước dài đỏ, muốn làm bệnh làm.

59. **ĐỊA LẬT PHÁN** = Củ cây địa lật, giã lọc lấy bột.  
Cây ĐỊA LẬT 地 莖 – Theo Tự điển Tứ Hải : thuộc loại thảo, hay mọc nơi bờ ao, bờ ruộng, cây có ống cao lên độ 6, 70 phần tâv, không có cành lá, háng năm về mùa thu chồ bông (mỗi cây chỉ có một bông ở giữa) bông xù ra như đầu ngọn bút, rễ chùm, có củ, hình củ TÙ CÔ, sắc đen, chất ngọt dùng dễ ăn. Cây này chép trong Bản Thảo Cương Mục ; ĐỊA LẬT tức là cây BỘT TỀ, cây Ô VU. Trong sách Thực Vật của Nhật-Bản cũng chép như vậy.

Theo Y học nhập môn : Cây xanh, bông xù ra như cây Long-Tu, củ đen to bằng ngón tay cái, vỏ dày có lông, mùi vị ngọt, ăn ngon, có công năng giải độc. Nhưng nếu làm ra bột mà ăn lâu ngày dày ruột không biết đói mà sinh bệnh lở ngứa, trẻ em ăn vào đau bụng, đàn bà có thai ăn vào động thai.



# MỤC LỤC NAM KHOA

## 1 MỤC THƯƠNG HÀN

	<i>Số Trang</i>
● Nói về khi mới phát bệnh	25
● Thương phong	25
● Thương hàn	26
● Ngoại cảm	27
● Thương thực	28
● Bệnh sốt rét	28
● Bệnh cảm nắng	29
● Bệnh dày trường	29
● Thuốc cho ra bồ hôi	30
● Phản tách, chán hàn, giả hàn, chán nhiệt, giả nhiệt	31
● Biện luận về bệnh, 1 thoáng lại nóng, 1 thoáng lại lạnh	31
● Bệnh thật nhiệt	32
● Bệnh thật hàn	33
● Bệnh giả nhiệt	33
● Bệnh giả hàn	34
● Bệnh thật nhiệt mà có giả hàn	35
● Bệnh thật hàn mà có giả nhiệt	36
● Bệnh trên nóng dưới lạnh	36
● Bệnh 2 tay làn áo, nắm băng không	37
● Âm huyết hư, mọc 2 con kén trong cò họng	37
● Bệnh kết ở bụng	38
● Phù chính tán tà thang	38

## 2. MỤC HỎA CHỨNG

● Tả hỏa thang tòng phương	40
● Bệnh thuộc hỏa	40

● Bệnh hỏa vượt lên	41
● Bệnh nóng ráo	42
● Phương thuốc thản trị bệnh ban nóng	42
● Bệnh ăn mau tiêu	42
● Bệnh gân thịt co rủn	43

### **3. MỤC UẤT KẾT**

● Khai thông khí nóng uất	45
● Bệnh quan, cách	46

### **4. MỤC HƯ LAO**

● Phân biện bệnh hư tồn và bệnh lao	47
● Bệnh nội thương phát nóng	47
● Chưa thành bệnh lao mới sắp thành bệnh lao	48
● Dương khí hư, bị hâm ở dưới	48
● Âm huyết hư, bị hâm ở dưới	49
● Âm hư, hỏa động, đêm nóng ngày lạnh	50
● Khó nhọc quá	52
● Bệnh ngày nặng đêm nhẹ	52
● Bệnh đêm nặng ngày nhẹ	53
● Âm tà và dương tà	54
● Khi huyết đều hư	55
● Khi hư và vị hư	56
● Khi hư, ăn uống không tiêu	57
● Huyết hư, sắc mặt vàng ốm	58
● Phế, tỳ cả hai khuy tồn	58
● Can, thận cả hai hư nhược	59
● Tâm, thận không giao với nhau	60
● Hoạt tình, mộng tình, di tình	62
● Đêm nằm mộng di tình	63
● Di tình và hay quên	64
● Bụng no đầy đưa ngược lên	65

• Yếu đã lâu nên bò dần dần	65
• Thuốc bò khí	66
• Thuốc bò huyết	67
• Bệnh ra bồ hôi	68
• Bệnh lao	68

### **5. MỤC ĐÀM THẨU**

• Bệnh đàm mới phát	70
• Bệnh đàm đã hiện thành	71
• Bệnh đàm đã lâu	72
• Bệnh trẻ đàm	73
• Bệnh thấp đàm	73
• Bệnh hàn đàm	74
• Bệnh nhiệt đàm	75
• Bệnh lão đàm	75
• Bệnh ngoan đàm	76
• Nước ở thận rãy lên làm đàm	76
• Trúng khí và trúng đàm	77
• Bệnh ho thuộc thấp	78
• Bệnh ho đã lâu	78
• Trị phổi ho và bò thận suy	80

### **6. MỤC SUYỄN CHỨNG**

• Phép trị khí	81
• Khi suyễn	82
• Thực suyễn	84
• Hư suyễn	84
• Hơi thở ngắn tựa như suyễn	85
• Suyễn nặng quá, gò vai lại	86
• Thận lạnh làm suyễn	87
• Thận hỏa giúp cho can hỏa xung lên	87
• Giả nhiệt, hơi thở suyễn lên thò ra đàm	88

• Ho suyễn	88
• Trịnh nguyên âm	89

## 7. MỤC THỒ HUYẾT

• Bệnh thồ huyết thuộc dương	90
• Giận quá thồ ra huyết	91
• Bệnh thồ huyết	92
• Bệnh thồ ra huyết trắng	93
• Huyết không về với kinh	94
• Tam hắc thần kỳ âm	95

## 8. MỤC ÂU THỒ

• Biện chứng bệnh âu thồ bởi tỳ hay vị	96
• Dạ dày đờ ngược thồ rất mạnh	96
• Gió lạnh cảm vào thận, thồ rất mạnh	97
• Ưa mưa	98
• Bệnh thồ thuộc hỏa	98
• Bệnh thồ thuộc hàn	99
• Bệnh thồ bởi dạ dày	99
• Ăn vào dạ dày thồ ngược ngay ra	100
• Bệnh dạ dày lạnh	101
• Thận hàn làm thồ tả, tâm hàn làm vị nhược	102

## 9. MỤC CỎ CHỨNG

• Bệnh thủy cỏ	104
• Bệnh khí cỏ	105
• Bệnh trùng cỏ	106
• Bệnh huyết cỏ	107

## **10. MỤC THỦY CHỨNG**

• Bệnh phù nước	108
• Bệnh nấc ngược	108
• Bệnh nước kết & Bàng quang	109

## **11. MỤC THẤP CHỨNG**

• Bệnh phát vàng	110
• Bệnh đơn	110
• Bệnh cảm thấp	111
• Bệnh cước khí	112

## **12. MỤC TIẾT TÀ**

• Bệnh tả rất nặng	113
• Bệnh tả thuộc hỏa	114
• Bệnh tả thuộc thủy	115
• Bệnh tiết tả và ợ chua	116

## **13. MỤC LY TẬT**

• Phân biện hỏa tà ly, nội thương ly	117
• Bệnh ly	117
• Bệnh ly thuộc huyết	119
• Bệnh ly thuộc hàn	119

## **14. MỤC ĐẠI TIỀU TIỆN**

• Đại tiện không thông	120
• Đại tiện không thông thuộc thực chứng	121
• Đại tiện không thông thuộc hư chứng	121
• Tiêu tiện không thông	122
• Đại tiêu tiện không thông	123

## **15. MỤC QUYẾT CHỨNG, TRÚNG PHONG, GIẢN CHỨNG.**

• Bệnh Quyết thuộc hàn	124
• Bệnh Quyết thuộc nhiệt	124
• Bệnh quyết như thấy ma	125
• Bệnh quyết lanh	126
• Khi hư tự nhiên ngã lăn	127
• Âm hư tự nhiên ngã lăn	128
• Dương hư tự nhiên ngã lăn	128
• Thận hư tự nhiên ngã lăn	130
• Giận quá tự nhiên ngã lăn	130
• Trúng phong không nói được	131
• Méo mồm xếch mắt	132
• Bán thân bất toại	134
• Bệnh kinh giản	135

## **16. MỤC ĐIÊN CUỒNG**

• Bệnh điên cuồng	137
• Phát cuồng thấy ma quỷ	138
• Phát cuồng không thấy ma quỷ	138
• Bệnh cuồng	139
• Bệnh cuồng bởi hàn	140

## **17. MỤC CHINH XUNG KINH QUÝ**

• Run sợ không ngủ	141
• Trong tâm kinh sợ không yên, đêm nằm không ngủ	142
• Sợ sét	143
• Thần khi không yên	144

## **18. MỤC YÊU THOÁI KIÊN TÝ, THỦ TÚC ĐÔNG THỐNG**

• Khắp mình đều đau	146
• Lưng đau vì thấp	147
• Lưng đau vì phong hàn	147
• Lưng đau lâu ngày	148
• Lưng dùi gân xương đau	148
• Lưng đau, chân cẳng đau	149
• Đau nhức bắp dùi	150
• Hai cánh tay bả vai đau	150
• Chân tay đau nhức	151
• Bụng sườn chân tay cò gáy lưng gối đau nhức	152
• Xương lưng đau	152
• Đau lưng và đau đầu	153

## **19. MỤC TÂM PHÚC THỐNG**

• Biện luận về bệnh đau tim. Hàn thống, nhiệt thống	154
• Bệnh đau tim lâu ngày, Hàn tà nhiệt tà	155
• Bệnh đau bụng	156
• Đau hơi trong dạ dày	157

## **20 MỤC MA MỘC**

• Tay té, cứng	160
• Tay bị té	160
• Tay và chân té, cứng	160
• Da thịt cứng	161
• Dùi bị té cứng	161
• 2 tay té mỏi mệt muốn nãm	162
• Khắp mình té, cứng	162
• Té cứng đau nhức	163

• Yếu chân	163
• Gân co rút	164

## 21. MỤC HIẾP THÔNG

• Hai bên hốc bụng đau có kết hòn	166
• Đau hốc bên trái	166
• Đau hốc bên phải	167
• 2 bên tả hữu hốc bụng đều đau	167
• 2 hốc bụng chạy thông nhau cùng đau	168
• Hốc bụng đau, minh nóng	168
• Đau hốc bụng	169
• Hốc bụng đau lại ho	169

## 22. MỤC TRỌC, LÂM

• Phân tách 2 bệnh trọc, 5 bệnh lâm	170
• Bệnh dài rất	170
• Bệnh dài ra mù	171
• Dương vật cường không ngá	171
• Dương vật yếu không cường	172
• Tiêu ra máu và đại ra máu	173
• Thấp khí làm đau hòn dài	173
• Quả ngoại thận đau	173
• Thiên trụy	174

## 23. MỤC TẠP PHƯƠNG

• Bệnh ở trên tim cách trị ở dưới	175
• Bệnh ở dưới tim cách trị ở trên	175
• Bệnh lở ngứa	177
• Bệnh lở trên đầu, trên mặt	177
• Bệnh lở khắp minh và tay chân	177
• Thuốc trị tất cả các bệnh lở	177
• Bệnh lở ngứa chảy nước vàng	177

• Bệnh ra bồ hôi tay	178
• Bệnh uống làm phải độc Nhân ngôn	178
• Thuốc hắt hơi trị trúng phong	177
• Bệnh phá thương phong	188
• Thuốc chó điên cắn	178

#### **24. MỤC TIỀU NHI KHOA**

• Xem sắc mặt	180
• Xem mạch	181
• Xem 3 bậc chỉ tay	181
• Bệnh bỏ vú	181
• Rối không khô	182
• Xem bộ vị sơn căn	182
• Bệnh phát nóng	183
• Bệnh cảm gió lạnh	184
• Bệnh kinh phong	185
• Bệnh ly	186
• Bệnh tả thuộc nhiệt	186
• Bệnh tả thuộc hàn	187
• Bệnh thò	187
• Bệnh l.o	188
• Bệnh cam	188
• Miệng chảy dài lở miệng	188
• Bệnh cam làm tả, ly, cộm mắt	189
• Bệnh sốt rét	189
• Bệnh đại tiện ra giun	190
• Trong bụng tích giun	190
• Bệnh đậu đᾶ bay rồi, lên ung độc và đinh	190
• Bệnh đậu phá lở đᾶ đen	191
• Thuốc trị bệnh, cấp kinh phong, màn kinh phong	191
• Trị hỏa đơn thần phương	192

#### **25. MỤC PHỤ CHÚ NAM KHOA của Dịch giả 194**

DỊCH GIÁ  
ĐỊNH NINH + LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主女科

**PHÓ THANH CHỦ NỮ KHOA**

KHOA CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ

của

Tác giả PHÓ THANH CHỦ

---

TRẦN - TU - VIÊN nói rằng : « Ông có trích 15 bài thuốc ở quyển  
NỮ KHOA này chép vào quyển PHỤ KHOA TẬP CHỨNG của ông ».

DỊCH GIẢ  
ĐINH NINH \* LÊ ĐỨC THIẾP

傅青主女科

PHÓ THANH CHỦ NỮ KHOA

KHOA CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ

của

Tác giả PHÓ THANH CHỦ

---

TRẦN-TU-VIÊN nói rằng : « Ông có trích 15 bài thuốc ở quyển  
NỮ KHOA này chép vào quyển PHỤ KHOA TẬP CHỨNG của ông ».

## Lời dặn

Trong phần phiên dịch của Dịch-giả : **Quyền NAM KHOA và NỮ KHOA**, mọi quyền vào đoạn cuối đều có thêm phần :

**PHỤ CHÚ** về { **NAM KHOA**  
**NỮ KHOA**

đề chủ thích những câu có chữ về danh từ Y-học, Dược-học và Bệnh danh. Mỗi câu đều có đánh số 1, 2, 3, v. v...

Vậy khi đọc thấy những chữ số ở trong dấu ngoặc đơn như (1), (2), (3), v.v... xin xem trong bài phụ chú.

*Dịch - giả*

DỊCH GIÁ: ĐỊNH NINH - LÊ ĐỨC THIẾP

# PHÓ THANH CHỦ • NỮ KHOA



調 經

## 1. ĐIỀU KINH



經 水 先 期

KINH THỦY TIÊN KỲ

(Hành kinh trước ngày định kỳ)

Đàn bà có người hành kinh trước ngày định kỳ mà lại ra rất nhiều. Người ta cho là bởi chân huyết thiên về phần nhiệt (chỉ có huyết nóng, khí không nóng) mà ra trước kỳ và ra nhiều. Ôi, ai biết đó là bởi cả thủy và hỏa ở trong Thận đều vượng cả đầu !

Hỏa mà vượng quá thì huyết nhiệt, thủy mà vượng quá thì huyết nhiều, thế là bởi « thủy hỏa hữu dư » chứ không phải « bất túc ». Như thế có thể không phải uống thuốc. Nhưng nếu quá ứ hữu dư, thì tử-cung nóng quá, cũng khó phân thụ thai. Cho nên cái sự quá ấy ta phải bớt đi, mới là cái đạo « ký tế » (2).

Vậy thì hỏa không có thể chịu được sự hữu dư, mà hẳn rằng thủy cũng không có thể để cho bất túc.

Phép trị bệnh này chỉ nên cho thanh nhiệt nhẹ nhàng, chứ bất tất phải bài tiết cả chân thủy.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THANH KINH THANG 清經湯

甘草 THANH CAO 2 đồng cùn (bông, lá, gốc, rễ).  
4 thứ đó dùng thứ nào chỉ  
dùng 1 thứ, đừng dùng lần lợn).

黃柏 HOÀNG BÀ	5 phần, tầm nước muối sao.
地骨皮 ĐỊA CỐT BÌ	(bò xương) 2 đồng cân.
白芍 BẠCH THƯỢC	3 đồng cân, tầm rượu sao.
熟地 THỰC ĐỊA (3)	3 đồng cân.
升皮 ĐƠN BÌ	3 đồng cân.
白芩 BẠCH LINH	1 đồng cân.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang, hỏa tự nhiên bình.

Bài thuốc này tuy là những phàm vật thanh hỏa, nhưng mà là những vị có tính chất thiêm Thủy. Như thế thì Hỏa tiết đi, mà Thủy không phải tiết đi cùng với Hỏa. Đó là tòn Hỏa mà ích Thủy.

oOo

Lại có người hành kinh trước ngày định kỳ mà chỉ có một, hai giọt, nghĩa là thấy ít. Người ta cho là huyết nhiệt cực, chứ ai biết rằng: hỏa trong thận vượng mà làm cho âm thủy phải thiểu đi.

Ôi, cũng là thấy trước định kỳ, phải làm sao phân biệt được kẻ hư, người thực, mà lại chứng nghiệm được rằng: thấy trước định kỳ là bởi hỏa khí, mà kẻ nhiều người ít là bởi thủy khí.

Nghĩa là thấy trước kỳ mà thấy nhiều là hỏa nhiệt mà thủy hưu dư, thấy trước kỳ mà thấy ít là hỏa nhiệt mà thủy thi bất túc. Nếu đều cho là bởi hỏa nhiệt hưu dư, rồi chỉ tiết hỏa mà không bồ thủy, hay là lại tiết cả thủy và hỏa, thì cái bệnh lại càng nặng thêm mà thôi!

Phép trị đều không nên tiết hỏa, mà chỉ nên chuyên bồ thủy. Khi thủy đã đủ thì hỏa tự nhiên tiêu. Ấy cũng là cái đạo «ký tế» (2).

Phương thuốc (1) này gọi là:

### LƯƠNG ĐỊA THANG — 两 地 汤

- 生 地 SINH ĐỊA 1 lạng, tẩm rượu sao.  
地 骨 皮 ĐỊA CỐT BÌ 3 đồng cân.  
白 苓 BẠCH THƯỢC 5 đồng cân, tẩm rượu sao.  
玄 参 HUYỀN SÂM 1 lạng.  
木 丹 MẠCH MÔN 5 đồng cân (khứa tẩm).  
阿 膜 A GIAO 3 đồng cân, sao chín.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang thì kinh nguyệt điểu.

Bài thuốc này dùng ĐỊA CỐT, SINH ĐỊA là vì 2 vị này hay thanh được cái nhiệt ở trong xương. Xương nóng là bởi Thận nhiệt. Khi đã thanh được cái nhiệt, ở xương tuy thì Thận khí tự nhiên cũng được thanh, mà lại không thương tồn đến Vị khí. Thế là khéo trị. Vả chăng những vị thuốc dùng ở đây lại thuận là những vị bồ thủy, thủy mà thịnh thì hỏa tự nhiên bình.

Nên tham khảo với bài trên mà phân biệt một bệnh là thực, một bệnh là hư, thì trị bệnh ắt không bị lầm.

oOo

### 經 水 後 期

### KINH THỦY HẬU KỲ

(*Hành kinh sau ngày định kỳ*)

Có người hành kinh sau ngày định kỳ mà lại thấy nhiều. Người ta cho là bệnh huyết hư. Ôi, ai biết rằng không phải bệnh huyết hư mà là huyết hữu dư! Bởi vì thấy kinh sau ngày định kỳ thì cổ nhiên là thuộc hư, nhưng kẻ thấy nhiều, kẻ thấy ít rất khác nhau: kẻ thấy ít là huyết hàn mà bất túc; kẻ thấy nhiều cũng là huyết hàn mà lại hữu dư.

Nghĩa là kinh thủy gốc từ Thận, mà sự lưu thông thì huyết ở ngũ tạng, lục phủ đều quy cả về đây. Cho nên đương cái lúc kinh nó hành, cái bào mòn đã mở ra rồi, không đóng ngay lại được, thì các đường kinh huyết đều

chảy đến mà phụ thêm vào, rồi cứ nhân cái chỗ hở ấy mà chảy ra, thành ra huyết hữu dư. Nhưng huyết đã đều chảy ra thì cái sự hữu dư ấy cũng thành ra bất túc. Thế là huyết hư.

Nếu tìm phép trị thì chỉ nên bò, mà trong phần bò đó có thêm phần ôn huyết, tán hàn, chứ không thể bảo rằng: « những người thấy kinh quá ngày định kỳ, hết thấy là bởi huyết bất túc được ».

Phương thuốc (1) này gọi là :

**ÔN KINH NHIẾP HUYẾT THANG** 溫經驥血湯

熟地 THỤC ĐỊA 1 lạng (3)

白芍 BẠCH THƯỢC 1 lạng, kèm rượu sao.

五味子 NGŨ VỊ TỬ 3 phần.

續斷 TỤC HÒAAN 1 đồng cát.

川芎 XUYÊN KHUNG 5 đồng cát, kèm rượu.

白朮 BẠCH TRUẬT 5 đồng cát, kèm hoàng thò sao (4).

肉桂 NHỰC QUẾ 5 phần, cao sạch vỏ.

柴胡 SÀI HỒ 5 phần.

Lấy nước sắc uống, uống ba thang, kinh nguyệt được điều.

Bài thuốc này đại bò tinh và huyết ở Can, Tỵ. Thận mà gia NHỰC QUẾ để khử hàn, SÀI HỒ để giải uất. Thế là trong bò có tán; mà tán không bị háo khí; trong bò có tiết, mà tiết không bị tồn ứn.

Thật là điều kinh diệu dược, nghiệp huyết tiên đơn.

Phàm những người « kinh lai hậu kỳ » ấy đều có thể dùng, nếu nguyên khí bất túc thì dùng thêm SÂM.

Bệnh này nếu bảo là vì huyết nhiệt mà nó chảy ra nhiều rồi dùng ngay thuốc han lương cho uống thì làm lần rất lớn.

經水先後無定期  
**KINH THỦY TIÊN HẬU VÔ ĐỊNH KỲ**  
(Kinh nguyệt trồi sụt không đúng kỳ)

Lại có người kinh nguyệt khi hết rồi lại có, hay là khi trồi, khi sụt không đúng kỳ. Người ta cho là bởi khí huyết đều hư. Ôi, ai biết là bởi uất khí ở CAN, THẬN.

Bởi vì kinh thủy phát xuất từ Thận mà Can là con của Thận (Thận thuộc thủy, Can thuộc mộc. Thủy sinh mộc). Can bị uất thì Thận cũng bị uất.

Nay khi trồi, khi sụt, khi hết, khi có, chính là bởi cái khí ở Can khi bế, khi thông vậy.

Can Khí đã khi bế, khi thông, bất thường thì Thận Khí cũng không thông. Đó là cái lý đương nhiên. Con với mẹ là chỗ tương quan. Khi con có bệnh thì mẹ cũng có bệnh, chứ lại còn ngờ gì nữa.

Phép trị phải thư cái uất ở Can, tức là khai được cái uất ở Thận.

Ất với Quý (5) đồng trị tức là Can với Thận đồng trị, mà rồi kinh nguyệt được đúng kỳ. Cho nên sự sơ thông Can Khí càng nên gấp vậy.

Phương thuốc (1) này gọi là :

**ĐỊNH KINH THANG 定經湯**

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	1 lạng, làm rượu sao.
熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng cân (3)
元絲子	THỎ TY TỬ	1 lạng, làm rượu sao.
懷山	HOÀI SƠN	5 đồng cân, sao vàng.
茯苓	PHỤC LINH	3 đồng cân
荆芥穗	KINH GIỚI TUẾ	2 đồng, sao cháy
柴胡	SÀI HỒ	5 phần

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang thì kinh thủy sạch, uống 4 thang thì kinh đúng kỳ.

Bài thuốc này cho thư cái khí ở Can Thận không phải là thuốc thông kinh; cho bồ cái tinh ở Can Thận, không phải là thuốc lợi thủy. Bởi vì cái khí ở Can Thận mà được thư thì tự nhiên cái tinh được thông; cái tinh ở Can Thận mà được vượng thì tự nhiên chân thủy được lợi. Thế là không phải trị bệnh mà là trị bệnh mới là khéo trị bệnh.

oOo

經水忽斷，忽來，寒熱往來  
**KINH THỦY HÓT ĐOẠN, HÓT LAI,**  
**HÀN NHIỆT VĂNG LAI**

(Kinh thủy đang có, một thoảng đã hết, một thoảng lại eo,  
và còn có cơn nóng cơn lạnh vãng lai)

Có người kinh thủy đang có, một thoảng lại hết, đã hết một thoảng lại có, lại còn làm cho trong bụng lúc đau lúc không (đau từng cơn) và cơn nóng cơn lạnh vãng lai. Người ta cho thế là bệnh huyết ngưng. Ôi, ai biết bởi CAN KHÍ không được thư thái.

Bởi vì Can thuộc mộc mà tàng huyết, rất sợ gió lạnh. Đàn bà đương cái lúc hành kinh, ô máu mở rộng, chợt gặp cơn gió thổi, khí lạnh tập vào, thì Can Khi vì vậy bế tắc, mà đường kinh nguyệt cũng theo đấy bế tắc luôn, rồi lâu ngày làm cho làn da, thịt và các kinh lạc cũng đều bế tắc. Bởi vậy sinh ra cái bệnh « hàn nhiệt vãng lai ». Hễ cái Can Khi ấy hành ứ dương phận thì phát nóng, mà hành ứ âm phận thì phát lạnh, cái nóng lạnh quanh quẩn vãng lai như thế là còn cầm nhẹ đó.

Nếu cái cảm gió lạnh bên ngoài đã nhiều, lại tiếp ứng với cái nhiệt khí bên trong cũng không ít, thì cái sức nóng ấy thấm nhiễm vào ô máu (Nhiệt nhập huyết thất) có thể biến ra bệnh như điên như cuồng.

Phép trị nên nhầm ngay cái lúc nội nhiệt chưa tăng, ngoại hàn còn nhẹ, mà tức thời bồ huyết cho Can và thông uất nhiệt mà tán phong hàn. Như thế là « huyết hành, phong tự diệt » nghĩa là hễ huyết mà hành thì phong tự nhiên tiêu diệt. Đó là hay đê nhất.

Phương thuốc (1) này dùng :

TÚ VẬT THANG GIA VỊ 四物湯加味：

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3).
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng tần rượu sao.
川芎	XUYÊN KHUNG	3 — lấy rượu rửa.
柴胡	SÀI HỒ	1 —
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tần rượu sao.
粉丹皮	PHẤN ĐƠN BÌ	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tần hoàng thò sao (4)
延胡索	DIỆN HỒ SÁCH	1 — tần giấm sao.

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này dùng TÚ VẬT để kiềm âm huyết cho Tỳ Thận; dùng SÀI HỒ, BẠCH THƯỢC, ĐƠN BÌ để thông hòa cái phong nát ở Can Kinh; dùng CAM THẢO, BẠCH TRUẬT, DIỆN HỒ, để thuận lợi cho lung với rốn mà thông hòa bệnh đau bụng. Tất cả dân vào cái khoảng giữa biều với lý và thông hoạt vào trong các kinh lạc. Dùng thuốc mà đúng lúc và phải lẽ như thế thì tự nhiên thu được công hiệu nhanh như tiếng vang.

oOo

經水行後復行

KINH THỦY HÀNH HẬU PHỤC HÀNH

(Kinh thủy trong một tháng đã hành rồi lại hành nữa)

Đàn bà có người khi hành kinh ra quá nhiều mà có tháng hành kinh rồi lại hành nữa (một tháng 2 lần),

làm cho thân thè mỏi mệt, sắc mặt vàng ốm. Người ta cho là bởi huyết nhiệt hữu dư, chứ ai biết đó là huyết hư (ít mà lạnh) nó chẳng quy kinh (chẳng trở về chỗ thường của nó).

Hoặc có người bảo rằng : « huyết vượng thì kinh nhiều. huyết hư thì kinh ít ». Nay kinh ra nhiều mà lại bảo là huyết hư, thì phải có lý do chính đáng vậy.

Bởi chữ « Kinh » nghĩa là thường, thì việc của Kinh thường là giữ huyết. Kinh đã giữ huyết thì dù huyết vượng, huyết cũng chỉ ra có chừng. Nếu huyết không về với kinh để kinh giữ thì dù huyết hư, huyết cũng vẫn ra nhiều. Chứ không như người đời hễ thấy nói « huyết ra nhiều » thì liền bảo ngay là bệnh huyết vượng mà trị bệnh vượng. Như thế là lầm lẫn rất nhiều.

Ôi ! nếu nói hẳn rằng : kinh ra nhiều là huyết vượng thì con người phải khoẻ mạnh, mà đã hành kinh rồi thì tinh thần khí sức phải như thường, sao đến nỗi thấy kinh rồi lại thấy nữa mà còn lan man không thu giữ lại được. Thế không phải một bằng chứng rõ ràng là bởi huyết hư sao :

Huyết hư thì khí nhược, âm hư thì hại đến dương, bởi vậy cái sự mỏi mệt nó đem đến cho cơ thè ; huyết thiếu thì tinh bị tán, tinh tán thì xương không có túy, bởi vậy cái vẻ đẹp không đem lên mặt.

Phép trị nên đại bỏ huyết mà dẫn huyết về kinh.

Phương này dùng TỨ VẬT THANG GIA VI :

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3).
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rữa.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — tẩm rượu sao.
川芎	XUYÊN KHUNG	2 — lấy rượu nửa.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tẩm hoàng thò sao (4)
山茱萸肉	SƠN THÙ NHỰC	3 — sao.
黑芥穗	HẮC GIỚI TUÈ	3 —
絲斷	TỤC ĐOẠN	1 —
甘草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 4 thang, huyết dẫn về kinh uống 10 thang nữa, rồi lại uống 10 thang nữa, mỗi thang thêm SÂM 3 đồng cát, tháng sau hành kinh tự nhiên thấy vừa phải mà rồi dứt vậy.

Bài này dùng TÚ YẬT là một thàn được đè bồ huyết; BẠCH TRUẬT, KINH GIỚI là đè bồ huyết mà trong đó có phần thông huyết; SƠN THỦ, TỤC ĐOẠN là đè chỉ huyết mà trong đó có phần hành huyết; gia CAM THẢO đè điều hòa mọi thứ cho đều được đúng đợt. Như thế là huyết được đủ đè dẫn huyết về kinh, dẫn về kinh thì huyết được yên tĩnh.

oOo

經水數月一行  
**KINH THỦY SỐ NGUYỆT NHẤT HÀNH**  
(Kinh thủy vài ba tháng một lần hành)

Đàn bà có người vài ba tháng một lần hành kinh, sức khoẻ vẫn như thường, vì tuy có cái bệnh khi trời, khi sụt, nhưng không có cái nạn tháng nhiều, tháng ít, chính người đó chẳng lấy gì là lạ trong người mà sao mình lại lấy làm lạ. Bởi vì con người mà vô bệnh thì khí và huyết cả hai đều đầy đủ, không bị hao tòn, nên vẫn như thường.

Khí và huyết cả hai đều không bị suy kém mà kinh thủy lại vài tháng mới một lần hành là tại sao? Thật bởi cái chán khí của âm huyết đã được ấp ú bèn trong, lại cái chán dương của thận thủy không bị hao tòn. Còn người ấy ở trong giới phụ nữ là người có cái tiền cốt (xương tiên) trời cho, nên kinh thủy cứ mỗi tháng quý (một năm có 4 tháng quý: xuân quý, hạ quý, thu quý, đông quý) một lần hành. Bởi đã lấy tháng quý làm chuẩn đích thì tháng thừa, tháng thiếu cũng như trăng dày, trăng khuyết bất luận nữa. Nếu con người ấy mà lại được thêm phép luyện hình (6) thì trong một năm có thể bay lên cao một cách dễ dàng.

Biết như thế, chứ không như người đời không biết  
hãy thấy trong một tháng mà không có kinh thủy, nhận  
định ngay là có bệnh rồi bèn cho uống thuốc. Thật vốn  
là vô bệnh mà lại trị bệnh để thành có bệnh. Trị bệnh  
như thế, trái lại không bằng chẳng trị.

Điều đó, SƠN (tên tác-giả Phó-Thanh-Chủ) này được  
nghe bắc Dị Nhàn truyền dạy rất là mở rộng mà rõ ràng,  
để bảo cho người đời, hãy thấy những người hành kinh  
này vậy thì bất tất phải suy nghĩ hồ đồ để trị liệu, tin  
chắc cả vạn phần chứ không ngờ là khí huyết bất túc  
mà bảo là phải thông kinh cho nó xa vời.

Tuy nhiên, cái người mà có cái tiền cốt trời cho  
đó rất là ít, chứ những người vì nhân sự, hoàn cảnh riêng  
mà làm cho khí huyết bị hao tàn thì lại rất nhiều. Nên  
không thể không lập một phép trị liệu để cứu giúp. Phép  
trị bệnh đó, rõ ràng là trị bệnh mà thông trị cho cả  
những người vô bệnh.

Phương thuốc (1) ấy đặc biệt gọi là :

TRỌ TIỀN ĐƠN 胡 “ 斧 :

白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	5	n
陳皮	TRẦN BÌ	5	-
白朮	BẠCH TRUẬT	3	-
白芍	BẠCH THƯỢC	3	-
山藥	SƠN DƯỢC	3	-
羌絲子	THỎ TÝ TỬ	2	-
杜仲	ĐÔ TRỌNG	1	-
甘草	CAM THẢO	1	-

Lấy nước sắc uống 4 thang mà kinh nguyệt trở lại  
bình thường.

Bài thuốc này trong phần bình bồ, thật có cái lý  
thần diệu, kiện Tỳ, ích Thận mà không trì trệ, giải uất  
thanhs đàm mà không lợi tiết, chẳng làm hao tàn cái khí  
huyết thiên nhiên. Thật là một đại pháp để điều kinh, hàn  
tất phải dùng những thuốc khác để thông kinh.

經未來，腹先疼

KINH VỊ LAI, PHÚC TIÊN ĐÔNG

(Kinh chưa hành, đã đau bụng)

Có người trước khi hành kinh, đau bụng vài ba ngày rồi mới hành kinh, mà kinh ra nhiều những cục đen đen tím tím. Người ta cho là hàn cực mà thế. Ôi, ai biết đó là nhiệt cực mà hỏa bất hỏa. Bởi Can thuộc Mộc, mà trong Mộc có hỏa, cho nên Can Mộc có thư thái thì hỏa mới tuyên thông. Nếu Can Mộc mà uất kết thì hỏa chẳng bồng lên được. Nay kinh thủy muộn hành mà Can Mộc bị uất kết không tiếp ứng được thì hỏa khí bị ngăn, bị ép mà làm ra đau bụng. Đến khi kinh thủy đã đầy rồi, không thể chữa đựng được ở trong nữa phải tiết ra thì uất hỏa cũng theo cơn bức bởi ấy mà tiết ra, cho nên khi tiết ra thì kinh thủy đã kết thành hòn cục đen tím. Vậy những màu sắc đen tím ấy là cái hình tượng « thủy hỏa lưỡng chiển ; » cái hòn cục ấy là trạng thái bị hỏa un đúc mà úr kết lại, thì hẳn là cái sự đau bụng vài ngày rồi mới hành kinh chính là bởi cái hỏa uất ở trong đoạt mất cái quyền chỉ đạo của Can Mộc.

Phép trị nên sơ tiết cái hỏa ở Can Mộc cho thật mạnh. Nhưng nếu tiết hỏa mà không giải uất trước thì chỉ mới khứ được cái hư nhiệt mà chưa trừ được cái thực nhiệt, cũng chẳng ích gì !

Phương thuốc (1) này gọi là :

TUYỀN UẤT THÔNG KINH THANG 宜藥通經湯；

當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — làm rượu, sao.
柴胡	SÀI HỒ	1 —
升皮	ĐƠN BÌ	5 —
山楂	SƠN CHI	1 —
白芥子	BẠCH GIỚI TỬ	2 — sao, giã nát
香附	HƯƠNG PHỤ	1 — lấy rượu rửa
鬱金	UẤT KIM	1 — làm giãm, sao.
黃芩	HOÀNG CẨM	1 — làm rượu, sao.
甘草	CAM THẢO	1 — dùng sống.

Lấy nước sắc uống, uống liền 4 thang, tháng sau hành kinh hẳn là không bị đau bụng trước khi hành.

Phương thuốc này bò can huyết mà giải can uất ; lợi can khí mà giáng can hỏa, có như thế mới thu công được mau chóng.

oOo

### 經後小腹疼痛

#### KINH HÂU, TIỂU PHÚC ĐÔNG THỐNG

(Sau khi hành kinh rồi, đau bụng dưới)

Lại có người sau khi hành kinh rồi, mà đau bụng dưới. Người ta vẫn biết đó là bởi khí huyết hư. Ôi, ai biết đó là bởi Thận Khi bị khô khan.

Kinh thủy là thứ nước gốc của Thiên Nhất (Thận) (7), hễ mà đầy thì nó tràn ra mà voi thì nó đóng lại, đó là lệ thường. Sao nay kinh thủy đã hành là đã voi đi rồi mà còn có thể làm đau bụng ? Bởi Thận Khi một khi đã hư rồi thì Thận Thủy không còn đủ tươi bón cho Can Mộc, tất nhiên Can Mộc phải đòi hỏi ở Tỵ Thồ. Bụng dưới là bộ vị của THÁI ÂM (8) (Tỵ thồ) tranh nhau với Can Mộc thì cái khi nó nghịch lên rồi nó khua động, nó thúc đầy mà làm đau.

Phép trị : chủ yếu là Thư Can và thêm vị đê bò Thận, Thận Thủy đủ thì Can Mộc được Thận Thủy tư dưỡng, Can Mộc đã bình thì Tỵ Thồ không bị Can Mộc bách hại nữa. Như vậy « nghịch mà đã cho thuận » thì làm sao còn có thể đau bụng được.

Phương thuốc (1) này dùng :

#### ĐIỀU CAN THANG 調肝湯 :

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — làm rượu, sao.
阿膠	A GIAO	3 — sao chín.
山藥	SƠN DƯỢC	5 — sao.

山萸肉 SƠN DU NHỤC 3 đồng  
巴戟肉 BA KÍCH NHỤC 1 — tẩm nước muối, sao  
甘草 CAM THẢO 1 —

Lấy nước sắc uống. Bài thuốc này bình hòa Can Khi, đã hay chuyên xuôi được cái nghịch khí, lại hay khai thông được cái uất thống. Những chứng bệnh sau khi hành kinh dùng phương thuốc này mà điều lý rất tốt, bất tất phải trị đến bệnh đau bụng.

oOo

### 經水將來臍下先疼痛

### KINH THỦY TƯƠNG LAI, TÈ HẠ TIÊN ĐÔNG THÓNG

(Trước ngày sắp hành kinh, dưới rốn quặn đau)

Lại có người trước ngày sắp hành kinh năm, ba ngày, dưới rốn quặn đau như dao cắt, có khi còn làm cho nóng lạnh rồi nó mới hành kinh mà ra như nước đậu đen. Người ta ai biết đó là Hàn Thấp nó lẩn lộn trong máu làm cho trì trệ.

Đàn bà có mạch Xung và mạch Nhâm ở Hạ tiêu, rất sợ hàn thấp. Mạch Xung (10) là huyết hải (bè máu), mạch Nhâm (10) là huyết thất (bào thai), kinh thủy theo 2 đường mạch ấy mà chảy ra ngoài.

Nay hàn và thấp đầy cả 2 kinh mạch ấy, cả 2 tranh nhau làm loạn ở bên trong cho nên phát đau. Hàn quá thì sinh ra vẫn đục mà chảy ra như nước đậu đen. Cái nước đen ấy rõ là màu sắc của « bắc phương hàn thủy » (9) (Thận), thè là bệnh thuộc hàn.

Như thế là tà khí càng thịnh, thì chính khí càng suy.

Phép trị nên lợi thấp, ôn hàn để cho 2 mạch Xung Nhâm không bị tà khí xâm lấn thì tự nhiên dưới rốn không bị quặn đau.

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÔN HỎA TRỊ THẤP THANG 溫火治濕湯

白术	BẠCH TRUẬT	1 lạng, tầm hoảng thđ, sao(4)
巴戟肉	BA KÍCH NHỰC	5 đồng, tầm nứorc muối, sao.
白芍	BẠCH QUÀ	10 quả, bở vỏ sao, giã nát.
扁豆	BIỀN ĐẬU	3 đồng, sao giã nát, bở vỏ,
建莲子	KIỀN LIỀN TỬ	30 hạt, không bở tầm.
山楂	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao.
白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	3 đồng.

Lấy nứorc sắc uống, uống 4 thang khứ được tà khí, kinh thủy điều, mà lại có thể sanh đẻ. Thuốc này nên uống khoảng 10 ngày trước khi có kinh.

Bài thuốc này dùng BẠCH TRUẬT làm quân là để hoạt lợi cái khí ở lưng và rốn; dùng BA KÍCH, BẠCH QUÀ, làm tá là để thông cái khí ở mạch Nhâm, BIỀN ĐẬU, SƠN DƯỢC, LIỀN TỬ là để bảo vệ cái khí ở mạch Xung; PHỤC LINH làm sứ để trợ khí mà thấm thấp. Bởi vậy bệnh Hàn Thấp được tảo trừ mà điều kinh mà thụ thai. Nếu chỉ nhận định đại khái mà bảo ở Xung và Nhâm bị lạnh. Khi Xung, Nhâm đã bị lạnh thì Huyết hải biến thành băng hải, Huyết thất biến thành băng thất, đã vậy còn nói gì đến chuyện sanh sản và trị bệnh đau bụng cho hết được

oOo

### 經前吐血

### KINH TIỀN THỔ HUYẾT

(Trước ngày hành kinh, thò ra huyết)

Trước ngày hành kinh một, hai ngày. Có người hốt nhiên đau bụng mà rồi thò ra huyết. Ôi ! huyết không hạ mà lại nghịch thượng, làm sao đảo lộn đường kinh như thế ? Người ta cho là bởi hỏa nhiệt cực, ai biết đó là cái khí ở Can nó nghịch lên.

Bảo rằng tại Can Khi nó ngược lên. Bởi vì tính của Can là cái tính rất gấp, chỉ ưa thuận mà không ưa nghịch. Hễ thuận thi Can Khi yên, mà nghịch thi Can Khi động.

Như vậy kinh mà thuận hành là bởi huyết chứ không phải bởi Can Khí. Nay kinh mà nghịch hành thì tại Can Khí chứ không phải tại huyết.

Hay là bảo rằng: « Kinh nghịch hành là tại Thận không phải tại Can ». Vậy nay huyết nghịch hành theo đường miệng mà ra thì cái lối ấy bởi Can không chịu chứa đựng huyết hay là bởi Thận không thâu nạp khi đê dần xuống mà đến thế chăng ?

Ôi ! cái hỏa ở THIẾU ÂM (11) (Thận) nó gấp như ngựa chạy, lại được Can Hỏa trực xung lên thì cái thế nghịch của nó càng nhanh chóng, nó xoay đường kinh làm cho huyết nghịch thương rất dễ dàng.

Tóm lại, tuy bởi Can không giữ huyết, thực bởi Thận không nạp khí. Nhưng cái sự khiến nó vọt lên như thế thì bởi Can Khí làm chủ động.

Cho nên phép trị nên thuận khi đê bình Can, bắt tất phải thiêm tinh đê bò Thận. Nhưng kinh huyết mà điên đảo, phản phúc như thế, thì Thận khi cũng không tránh khỏi cái sự tồn thương, cho nên trong cái phần thuận khí cho Can cũng nên thêm phần nạp khí cho Thận.

Phương thuốc (1) này gọi là

THUẬN NẠP THANG 順納湯 :

當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3).
白芍	BẠCH THƯỢC	2 — tăm rượu sao.
丹皮	ĐƠN BÌ	5 —
白茯苓	BẠCH PHỤC LINH	3 —
沙參	SA SÂM	3 —
黑芥穗	HẮC GIỚI TUE	3 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang mà bệnh đỡ huyết chỉ; uống 2 thang mà đường kinh thuận, uống 10 thang không tái phát.

Bài thuốc này trong phần điều kinh hòa huyết, có ngũ ý dần huyết từ ngược về xuôi. Khi Can Khi đã không nghịch mà Thận Khi đã thuận, thì làm sao lại còn có cái thè « Kinh nghịch hành » được.

oOo

經 前 大 便 下 血

**KINH TIỀN, ĐẠI TIỆN HẠ HUYẾT**

(Trước ngày hành kinh, đại tiện ra máu)

Lại có người trước khi hành kinh một, hai ngày, kinh chưa hành mà đại tiện đã ra máu. Người ta cho rằng dần dần sẽ thành bệnh băng huyết (12). Nhưng ai biết đó là kinh thủy chảy vào Đại trường chăng ?

Ôi ! Đại trường là cái đường đi đại tiện với cái đường hành kinh, hai đường đều khác biệt nhau, thì làm sao huyết có thè vào cái khoảng hối-trường (khúc ruột già bao quanh) mà chạy thẳng xuống hậu-âm (lỗ ia) được.

Há chẳng biết cái giày của bào thai, trên thông lên Tâm, dưới thông xuống Thận — Tâm thuộc hỏa, Thận thuộc thủy, thủy hỏa phải giao với nhau thì kinh thủy mới hành đúng đường của nó — Nếu Tâm Hỏa, Thận Thủy mà bất giao, thi cái huyết ở bào thai không có gì kiềm soát, không có gì kim giữ lại được. Không kiềm soát, kim giữ lại được thì nó chẳng chảy xuống Tiêu trường (ruột non), nó chảy xuống Đại trường (ruột già) mà đại tiện ra huyết.

Xem người bị bệnh tiểu tả kia. Khi mà đi tả thì tuyệt nhiên không có đi tiêu tiện. Một khi đã phân lợi được rồi thi tiêu tiện mới đi theo đường cũ của nó. Vậy có thè biết rằng : huyết đã chảy sang Đại trường mà đại tiện ra thi không có thè cũng theo đường ấy hay đồng thời bởi tiền âm (âm hộ) ra mà làm băng được.

Phép trị : Nếu chỉ cầm cái huyết ở Đại trường mà không hề khiến cho thủy hỏa tương tế (tâm hỏa, thận thủy giúp sức cho nhau) thi huyết làm sao tuần hành cho không sai đường được.

Phương thuốc (1) này gọi là

THUẬN KINH LUÔNG AN THANG 順經兩安湯:

人参 NHÂN SÂM 3 đồng (13)

參冬 MẠCH ĐÔNG 5 — khứ tâm.

熟地 THỰC ĐỊA 5 — (3).

山萸肉 SƠN DU NHỤC 3 — sao.

巴戟肉 BA KÍCH NHỤC 1 — lấy nước muối rửa.

當歸 ĐƯƠNG QUY 5 — lấy rượu rửa.

白芍 BẠCH THUỢC 5 — tẩm rượu, sao

白朮 BẠCH TRUẬT 5 — tẩm hoàng thò, sao.(4)

黑芥穗 HẮC GIỚI TUỆ 2 —

升麻 THĂNG MA 4 phần.

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang chỉ được cái huyết chảy sang Đại trường mà kinh thủy nó hành theo đường cũ. Uống 3 thang kinh thủy sạch mà lại có thè thụ thai.

Phương thuốc này là thuốc đại bồ Tâm, Can, Thận, 3 kinh, hoàn toàn không phải hỏi gì đến bào thai, mà tự nhiên có huyết về với bào thai. Bởi cái khí của Tâm, Thận nó đã giao với nhau.

Nếu Tâm Thận mà hư thì cái khí nó phân chia nhau chứ không tương giao, nay Tâm Thận đã dù thi cái khí hợp lại mà tương giao, thế thi cái khí ở bào thai cũng phải nghe theo cái quyền kìm giữ của 2 kinh Tâm và Thận.

Như vậy, bệnh này chỉ bởi Tâm Thận bất giao, thi cứ cho thuốc bồ Tâm Thận được rồi, hà tất phải bồ cả Can. Ôi ! không biết Can là con Thận (thủy sinh mộc) mà cũng là mẹ của Tâm (mộc sinh hỏa). Nay bồ Can thi cái Can Khí vãng lai ở cái khoảng Tâm và Thận, tự nhiên Can dẫn khí lên Tâm mà lại xuống Thận, dẫn khí xuống Thận mà lại lên Tâm, như có sự giới thiệu giúp nhau. Đó là một đại môn pháp để giao thông giữa Tâm và Thận, bất tất phải đặt ra vấn đề điều kinh.

經 前 澄 水  
**KINH TIỀN, TIẾT THỦY**  
(Trước ngày hành kinh, ỉa chảy)

Đàn bà có người trước ngày hành kinh, cứ bị ỉa chảy ra như nước, một, hai ngày rồi mới hành kinh. Người ta cho đó là bởi huyết vượng. Nhưng ai biết đó là bởi Tỳ Khi hư.

Bởi vì công việc của Tỳ là giữ huyết, Tỳ mà hư thì không thể cầm giữ được huyết. Trực thuộc của Tỳ là thò Tỳ mà hư thì tất nhiên thò không thực (khô ráo, chán rãnh) thò không thực thì bệnh thấp càng nặng. (thò thuộc thấp).

Khi kinh thủy sắp chuyền động đè hành, Tỳ đã không được khoẻ rồi, nên cái huyết mà Tỳ giữ đó muốn đem rót xuống huyết hải (14) đè hành kinh đã bị cái « thấp » nó xâm lấn tới. Bởi vậy ỉa chảy cho hết cái thấp trước rồi mới hành kinh.

Phép điều kinh: muốn trị thấp thủy phải điều huyết trước, muốn điều huyết phải bồ khí trước: Khi đã vượng thi thấp tự nhiên trừ, huyết tự nhiên đầy đủ, kinh tự nhiên điều.

Phương thuốc (1) này gọi là

KIỆN CỔ THANG 健 固湯:

人 参 NHÀM SÂM 5 đồng (13)

白 朮 BẠCH TRUẬT 1 lượng, tần hoàng thò, sao (4).

茲 茯 仁 Ý DĨ NHÂN 3 đồng sao.

茯 苓 PHỤC LINH 3 —

巴 戟 肉 BA KÍCH NHỰC 3 — tần nước muối.

Lấy nước sắc uống. Uống 10 thang hết bệnh ỉa chảy trước ngày hành kinh.

Bài thuốc này kiện Tỳ Khi đè cổ Tỳ Huyết thì huyết yên ở trong khí. Tỳ Khi ngày ngày mạnh thi thấp tự nhiên tiêu; thấp khi đã tiêu tan hết thi kinh tự nhiên điều. Như thế thi làm sao lại con có cái bệnh « kinh tiền, tiết thủy » nữa.

年老，經水復行  
**NIÊN LÃO, KINH THỦY PHỤC HÀNH**  
(Tuổi đã già, còn hành kinh trở lại)

Đàn bà có người năm, sáu mươi tuổi, kinh thủy hết  
đã lâu, hốt nhiên lại hành kinh, người thì ra những hòn  
cục đen đen, tim tim, người thì ra huyết đỏ mà giảm giè,  
rỉ rả. Có kẻ bảo thế là cái triệu chứng dần dần sẽ băng  
huyết (12).

Đàn bà, ngoài cái tuổi 7 tuần 7 ( $7 \times 7 = 49$ ) nước Thiên  
Quỷ (15) (Thận) đã hết, lại không có thèm phép luyện hình  
(6), thì làm sao có thè đầy đủ tinh huyết mà hành kinh  
như người thiếu phụ được. Như vậy nếu không phải bởi  
Can không tàng huyết, hẳn là bởi Tỵ không nghiệp huyết.

Huyết không nghiệp, tinh không tàng thì tinh huyết tiết  
ra mà cái hỏa ở Mạch Môn nó động lên, rồi cái khí uất lên  
mà sức nóng ở Long Lối (16) phát ra. Hai cái hỏa ấy giao  
nhau hun đốt thì huyết bồn taraf chảy ra, tựa hồ như hành  
kinh mà thật không phải là hành kinh.

Những chứng ấy nếu không đại họ khi huyết cho Can  
Tỵ, thì làm sao mà cầm ngay được cái huyết. Nếu không  
cầm được thì sợ rằng huyết thoát thì khí cũng thoát.  
Khi huyết cùng thoát có thè nguy hại.

Phương thuốc (1).này gọi là **AN LÃO THANG**: 安老湯

人參	NHÂN SÂM	1 lạng. (13)
生黃芪	SINH HOÀNG KỲ	1 lạng.
熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng. (3)
山萸肉	SƠN DU NHỰC	5 đồng cân, sao.
阿膠	A GIAO	1 đồng cân, sao chín.
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	1 đồng cân.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng cân, lấy rượu rửa.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng cân, làm hoàng thò, sao. (4)

甘草 CAM THẢO	1 đồng cát.
香附 HƯƠNG PHỤ	5 phần, tần rượu, sao.
水耳 MỘC NHĨ	1 đồng cát, sao cháy

Lấy nước sắc uống. Uống một, hai thang bớt, uống bốn thang bớt nhiều, uống mười thang hết hẳn.

Phương thuốc này đã hay bồ ích cho cái khí ở Can Tỳ, cái khí mà dù thì tự nhiên cầm máu, lại hay dai bồ Thận Thủy, thủy mà dù thì Can Khi tự nhiên thư thái, Can được thư thái thì Tỳ được tư dưỡng. Như vậy thì Can tàng huyết, Tỳ nghiệp huyết, làm sao còn có bệnh tiết (17), bệnh lậu (18), làm sao còn phải lo sợ có bệnh băng (12), bệnh làm (19) nữa.

oOo

年未老經水斷  
NIÊN VỊ LÃO, KINH THỦY ĐOẠN  
(Tuổi chưa già, kinh thủy đã hết)

Theo luật thiên nhiên, cái tuổi của phụ nữ cứ 7 tuần 7 ( $7 \times 7 = 49$ ) thì nước Thiên Quý (Thận) (15) hết, tức là hết đường kinh thủy, thế mà có người chưa tới cái tuổi 49 ấy đã hết kinh thủy trước tuổi của mình. Người ta cho đó là huyết khô quá độ. Nhưng ai biết đó là cái khí ở Tam Can Tỳ nó bị uất. Nếu cái huyết mà khô thật thì làm sao còn sống ở đời? Người đời hễ thấy nói « kinh thủy bất hành » thì cứ nói với ngay là « huyết khô », nhưng thật không phải « huyết khô » mà là « kinh bế ».

Ôi! kinh vốn không phải là huyết. Kinh là cái nước Thiên Nhất (7) từ trong Thận chảy ra. Kinh có cái « tinh » chí âm, lại có cái « khí » chí dương mà màu sắc đỏ. Thế thì tinh là âm, khí là dương; nước là âm, màu đỏ là dương, tức là trong âm có dương vậy.

Thánh Hiền ngày xưa sở dĩ lập ra cái danh từ « kinh thủy » : Kinh là thận kinh, thủy là nước. Kinh thủy là cái nước ở Nhâm Quý Thủy (Thận) (15) nó hóa ra, mà trong cái sự hóa ấy có dương sinh, âm hóa, mà âm dương sinh hóa thì tự nó thường thường có kinh mỗi tháng một lần. Cho nên kinh-thủy còn gọi là nước Thiên Quý (15).

Không như người đời cứ theo thói quen gọi là huyết, không suy nghĩ gì ý nghĩa cả. Cho là màu đỏ như máu, thì bèn lấy chữ huyết mà gọi. Thật là cai lầm ngàn đời, không thể nào phá vỡ ra được.

Nếu thật nó là huyết, thì sao không gọi ngay là huyết, mà lại gọi là thủy ? Nếu huyết ra thường thì huyết ở đâu ra mà gọi là kinh ?

Người đàn bà một khi đã có thai, bèn lấy nước ấy nuôi thai, mà không có kinh nguyệt nữa ; một khi đã sanh con thì nước ấy hóa sữa nuôi con mà nhiều tháng không có kinh nguyệt nữa. Nước sữa màu trắng, nước trong bao y (cái nhau) cũng màu trắng mà đều có thể gọi là huyết sao ?

Tuổi đến 49 mà nước Thiên Quý (15) hết, tức là hết nước Nhâm Quý Thủy (Thận) (15). Hết nước Nhâm Quý Thủy tức là hết kinh thủy, hết kinh thủy thì hết hành kinh.

Vậy thì kinh thủy là nước ở Thận Kinh, không phải là huyết, nếu mà là huyết, thì sao cái huyết lưu hành trong thân thè con người không thấy nó thiếu. Thế thì kinh mà hết sớm cứ nên trách vào một Thận Thủy.

Đã nói là kinh hết sớm cứ nên trách vào một Thận Thủy mà ta lại bảo là tại cái « khí » ở Tâm Can Tý, 3 kinh ấy nó uất lên là tại sao ?

Tại vì, tuy là chủ ở Thận Thủy, nhưng dưới Thận Thủy còn có cái khí của Tỳ Thò, dưới Tỳ Thò còn có cái khí của Can Mộc ; dưới Tâm Hỏa lại có cái khí của Thận Thủy, nghĩa là Tâm Can Tý đều có tương quan với Thận Thủy. Nếu 3 kinh ấy mà có một kinh bị uất, tức thì cái khí ấy không

nhập Thận, thì Thận Khí cũng vì vậy mà không thông. Huống chi nay cả 3 kinh đều bị uất, mà Thận Khí vốn đã hư rồi thì không thể tràn đầy mà hóa kinh được. Cho nên bế tắc lại mà không hành kinh theo đúng thời kỳ, dù rằng cái tuổi chưa tới 49.

Phép trị tất phải tán cát uất khí ở Tâm Can Tỷ, mà đại bộ cái chán khí của Tâm Can Tỷ thì tinh khí ở Thận tràn đầy mà kinh thủy tự nhiên hành.

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÍCH KINH THANG 益經湯:

人參	NHÂN SÂM (13)	2 đồng.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa.
生棗仁	SINH TÁO NHÂN	3 — giã nát.
丹皮	ĐƠN BÌ	2 —
沙參	SA SÂM	3 —
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — tắm rượu, sao (4).
柴胡	SÀI HỒ	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, tắm hoàng thò sao(4)
熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3).
杜仲	ĐÔ TRỌNG	1 đồng, sao đen.
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao.

Lấy nước sắc uống. Uống 8 thang mà thông kinh, uống thêm, uống đến khi kinh không hể nữa, lại có thể thụ thai.

Phương thuốc này kiêm trị cả 4 kinh : Tâm, Can, Tỷ, Thận. Rất hay ở cái chỗ bồ mà dễ thông, tán mà dễ khai. Nếu chỉ bồ mà không thông thì không khai được uất mà sinh hỏa, nếu chỉ tán mà không khai thì càng hao khí mà lại thương tinh. Nếu lại đặt ra vấn đề dùng thuốc công phật để khai phá, dùng thuốc tán nhiệt để lâu tán, thì càng nguy vây.

種子

## 2. CHỦNG TỬ

(Trồng giống cầu con)



身瘦不孕

THÂN SÁU BẤT DỤNG

(Người gầy không thụ thai)

Đàn bà có người thân thể gầy còm, lâu năm không mang thai sanh đẻ, hễ mỗi lần giao cảm với nhau, tức thì bầm ngoài thân thể bị mệt nhọc. Người ta cho là bởi « khí hư » chứ ai biết đó là bởi « huyết hư ».

Bảo rằng : « huyết » tàng ở Can, « tinh » chứa ở Thận, tinh huyết đầy đủ, mỗi khi giao cảm, tinh huyết bèn tiết ra. Đó là lẽ thường.

Nếu Thận Tinh và Can Huyết đều hư cả, thì tại sao mà hư ? và đã hư thì lấy gì mà tiết ?

Hà chẳng biết rằng : Can Khi mà không dẫn xuống thì Thận Tinh không thể tiết ra. Vậy thì Thận Tinh mà tiết ra là bởi nhờ có Can Khi dẫn xuống. Một khi Can Khi dẫn xuống, Thận Tinh đã tiết ra rồi, thì Can bị khô, không còn được chịu sự tưới mát của Thận nữa. Bởi Thận là mẹ của Can, (Thận thủy sinh Can mộc) mẹ đã bị tiết tinh đi thì không còn nước để phân chia mà tưới bón nuôi con được.

Như thế thì cây khô là bởi thiếu nước. Đã khô mà lại thiếu nước tất sinh hỏa, mà cái hỏa ấy cứ khuấy động âm thầm để đốt cái tinh khí của Thận cho khô cạn. Bởi vậy, Thận Tinh hư thì Can Huyết cũng hư.

Huống chi. Người gầy đã mang sẵn cái tinh chất « da hỏa » trong con người. Nay lại tiết mất cái tinh đi thì nước càng thiếu. Nước đã càng thiếu mà lửa lại càng cháy, thế là cái hình tượng « vị tế » (20) « hỏa ở trên thủy », nghĩa là hỏa nhiều hơn thủy, thì thủy cạn dần.

Tóm lại chỉ bởi người gầy, huyết ít thì càng hay động hỏa, hỏa động mạnh càng dễ lâu tiết chân tinh. Cái hỏa đã húi lại táo ấy làm cho huyết húi, nên không hay sinh sản.

Phép trị nên đại bồ thận thủy mà bình can mộc, thủy vượng thì huyết vượng, huyết vượng thì hỏa tiêu. Thế mới thành cái hình tượng « Ký tể » (2) « thủy ở trên hỏa » nghĩa là thủy nhiều hơn hỏa thì hỏa phải tắt.

Phương thuốc (1) này gọi là :

### DƯỠNG TINH CHỦNG NGỌC THANG 養精種玉湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3)
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 đồng cát, sao chín.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng cát, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng cát, tầm rượu sao.

Lấy nước sắc uống, uống mỗi ngày một thang trong 3 tháng, có thể khoẻ mạnh mà thụ thai.

Phương thuốc này chẳng những bồ huyết mà nhất là hay bồi đắp chân tinh. Âm tính mà đầy đủ thì tử cung mới dễ chiêu nạp dương tính, bởi nó là đồng loại dễ theo với nhau. Âm huyết mà đầy đủ thì tử cung mới dễ cầm giữ dương tính, bởi nó là đồng phong dễ cảm với nhau. Uống thuốc này nên tiết dục (ít động phong) 3 tháng để tâm hồn yên tĩnh, tinh thần thanh sáng thì không có lý nào mà không mang thai. Nếu kẻ luôn luôn tham dục (đa dâm) thì chắc là không hiệu nghiệm.

oOo

### 體肥不孕 THẾ PHI BẤT DỤNG (Người béo không thụ thai)

Lại có người thân thế béo tốt tuyệt nhiên không ốm đau gì mà chẳng thụ thai. Người ta cho kẻ ấy là khi huyết qua tròng đầy đủ, chứ ai biết người đó bởi bệnh thấp nhiều mà chân khí hư.

Ôi ! người ta nói cảm thấp là cảm cái thấp khí ở ngoài (ngoại thấp) mà người béo này là sẵn có thấp khí ở trong người (nội thấp), bởi Tỳ Thò đã tự có bệnh thấp vậy.

Ta thường thấy những người mắc bệnh thấp rất nặng ấy phần nhiều là người béo, mà người béo thì phần nhiều là lấm đàm lấm dãi, bè ngoài coi khoẻ mạnh mà bè trong thật là yếu ớt.

Trong đã yếu thi chán khí suy, khí suy thi thấp khí càng không lưu hành. Thấp khí không lưu hành đi, thế tất nhiên nó ở lại mà thấm vào trong bào thai, lâu ngày, nhiều tháng, bào thai sẽ thành một cái hang đầy đầy những nước.

Và chẳng người đàn bà mà béo, trong bụng ắt đầy những thịt và mỡ làm cho tử cung bị che lấp, bị ngăn cách không thể chịu lấy dương tính, lại thêm cái bệnh thủy thấp nặng quá càng dễ biến hóa cái tính ấy ra nước.

Phép trị tất nhiên phải « tiết thủy, hóa đàm » làm chủ. Nhưng nếu chỉ tiết thủy hóa đàm mà không cấp bù tỳ vị thì dương khí không vượng lên mà thấp đàm cũng chẳng tiêu đi.

Nếu chỉ giảm tồn bệnh đàm bệnh thấp mà không bù ích con tỳ con vị thì ta thấy là chưa được.

Phương thuốc (1) này dùng :

BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA VỊ 补中益氣湯加味：

人参 NHÂN SÂM 3 đồng (13)

黃芪 HOÀNG KỲ 3 — dùng sống.

白朮 BẠCH TRUẬT 2 lạng, tẩm hoàng thò, sao (4).

當歸 ĐƯƠNG QUY 3 đồng, lấy rượu rửa.

甘草 CAM THẢO 1 —

柴胡 SÀI HỒ 1 —

升麻 THĂNG MA 4 phần.

陳皮 TRÂN BÌ 5 phần.

茯苓 PHỤC LINH 5 đồng  
半夏製 BẢN HẠ CHẾ 3 đồng.

Lấy nước sắc uống, uống 8 thang, đàm dãi tiêu hết, lai uống 10 thang, thủy thấp ở bào thai thông lợi ra, thì tử cung khô ráo dễ chịu lấy dương tinh mà có thai.

Phương thuốc này rất hay. Hay ở chỗ nàng Tỳ khí đưa ngược lên trên đè làm mày mưa thì thấp thủy sẽ trở xuống dưới mà thông lợi ra; giúp Vị khí thông tiêu ở dưới đè sinh tan dịch thi đàm dãi sẽ chuyển lên trên mà tiêu hóa đi. Bất tất phải dùng đến những vị thuốc mà gọt đè giảm súc béo, mà súc béo vẫn không trở ngại; bất tất phải dùng đến những vị thuốc khai phá đè lợi thai khiếu, mà thai khiếu vẫn hay thông lợi. Như thế thì dương khí đầy đủ, thấp đàm tiêu tán, tự nhiên hay nhận lãnh hạt giống thì còn lo gì là không thụ thai.

○○○

怯弱不孕  
**KHIẾP NHƯỢC BẤT DỤNG**  
(Nhút nhát yếu đuối không thụ thai)

Đàn bà có người khí sức yếu hèn, ăn uống ít ỏi, đã lâu không thụ thai. Người ta cho là chán khí của Tỳ Vị hư, chứ ai biết đó là chán khí của Thận thiếu.

Ôi! Thận khí ắt phải dẫn lên, mới hay làm cho Tỳ Vị dễ tiêu hóa. Nếu Thận khí bị hâm ở dưới, không dẫn lên, làm cho người ta kém phần dinh dưỡng của thủy cốc, thì tinh thần sẽ sinh ra khiếp nhược.

Như thế tựa hồ bệnh ở Tỳ Vị, nhưng cái khí của Tỳ Vị, thật sinh ra bởi Thận. Bởi vì không có cái thủy khí ở trong Thận thi Vị khí không thể thăng, đẳng; không có cái hỏa khí ở trong Thận thi Tỳ khí không thể vận hóa. Thế thi muốn bồ Tỳ Vị, há không cần bồ cái khí của lưỡng Thận sao:

Phép trị : Bò Thận mà kiêm bồ cả Tỳ Vị thì 2 kg  
thủy hỏa ở trong Thận sẽ thăng-dè khi chi-dương lên.

Phương thuốc (1) này gọi là :

**THĂNG ĐỀ THANG 升提湯:**

熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3).
山萸肉	SƠN DƯ NHỤC	3 đồng, sao,
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	1 lạng, làm nước muối.
枸杞子	CÀU KỲ TÚ	2 đồng.
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, làm hoàng thổ, sao (4)
人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13).
生黃芪	SINH HOÀNG KỲ	5 đồng.
柴胡	SÀI HỒ	5 phần

Lấy nước sắc uống, (uống mỗi ngày một thang) uống  
trong thời gian 3 tháng thì Thận khí đại vượng, uống  
thêm tháng nữa, tất nhiên thụ thai.

Phương thuốc này là thuốc bò Khi mà da số là bò  
Tinh, tựa hồ chỉ chủ về bò Tỳ Vị, chẳng chủ ý đến Thận  
khi. Thế nhưng không biết rằng : Tỳ Vị khỏe thì tự nhiên  
để sinh tinh, là vì bò khí và huyết của Tỳ Vị, chính là  
bò tinh và nước của Thận. Huống hồ lại lấy những được  
phàm bò tinh làm quân, bò khi làm thần, quân thần tương  
xứng, tức là âm dương thủy hỏa giao hòa thì mỗi lúc « sờ  
ngộ » sẽ đều là bộ máy sinh hóa cả, làm sao có thể  
không sanh đẻ được.

oo

虛寒不孕

**HƯ HẦN BẤT DỤNG**

(*Hư nhược, hàn lạnh không thụ thai*)

Lại có người ăn uống không vận hóa, trong bụng  
ngắn cách, đầy trướng, nhiều khi còn phát bệnh ối mửa,  
ia chảy, làm cho đã lâu không thụ thai. Người ta cho là  
bởi cái ăn định tích, cái khi ngưng trệ, chứ ai biết đó  
là Tỳ Vị hư hàn.

Tỳ Vị mà hư hàn là bởi Tâm Thận; Vị Thò (con Vị thuộc thò) mà không có Tâm Hỏa thì không sinh hóa, Tỳ Thò mà không có Thận Hỏa cũng không sinh hóa. Nếu Tâm Thận Hỏa mà suy thì Tỳ Vị Thò mất sinh khí. Tỳ Vị Thò mà mất sinh khí đã không thể tiêu hóa cơm nước để chuyên vận tinh vi thì tự nhiên không có tân dịch để tưới bón thấm nhuần cho bào thai.

Vậy Tỳ Vị không khỏe, tất nhiên mạch Đái (21) vô lực. Mạch Đái mà vô lực thi có thụ thai cũng vẫn sợ cái thai có thể truy hạ.

Phép trị: Nên bồ hỏa cho Thận, Mạnh-môn và Tâm-bào-lạc để ôn cái hỏa cho 2 kinh Tỳ Vị. Vì Thận, Mạnh-môn và Tâm-bào-lạc là mẹ của Tỳ Vị (hỏa sinh thò). Mẹ mà khỏe át con không yếu, mẹ mà giàu át con không nghèo. Đó là ý nghĩa « con có bệnh thi chừa mẹ ».

Phương thuốc (1) này gọi là :

ÔN THÒ DỤC LÀN (22) THANG 溫土毓鱗湯:

巴戟肉 BA KÍCH NHỰC 1 lạng, tầm rượu.

懷山 HOÀI SƠN 5 đồng, sao.

蘆金子 PHÚ BỒN TỬ 1 lạng, tầm rượu, sao.

白朮 BẠCH TRUẬT 5 đồng, tầm hoàng thò sao (4)

人參 NHÂN SÂM 3 — (13).

神曲 THẦN KHÚC 1 — (23).

Lấy nước sắc uống, uống mỗi ngày một thang. Uống trong thời gian một tháng có thể gieo giống cầu con.

Phương thuốc này không phải dùng nhiều vị mà trị cả 4 kinh. (Mạnh Môn, Tâm Bào Lạc, Tỳ, Vị). Muốn bồ Tỳ Vị phải bồ hỏa ở Mạnh Môn, Tâm Bào Lạc trước thi Tỳ Vị không còn phải lo rằng hàn lãnh. Đó là làm cho mẹ con (tầm hỏa sinh Tỳ thò) nhận nhau hòa hợp một nhà mà khí huyết vượng mới hay khiếu cho mạch Đái hữu lực. Mạch Đái đã hữu lực thi còn lo gì cái thai nó truy hạ.

腰痠腹脹不孕  
**YÊU TOAN, PHÚC TRƯỚNG BẤT DỤNG**  
(Lưng đau, bụng trương không thụ thai)

Đàn bà có người ngang thắt lưng, dọc xương sống đau ê buốt, lại đau giây trăng, bụng đầy trướng có hòn, không thể ngồi, đứng lâu, xoay trăm kẽ đê cầu tự không được. Người ta cho là quả thận và ngang lưng hư hàn. Ai biết đó là mạch Nhâm (10), mạch Đốc (24) bị bệnh.

Nghĩa là mạch Nhâm đi raձằng trước mình, mạch Đốc đi raձằng sau mình, 2 mạch đều từ mạch Đái (21) mà đi lên đi xuống.

Mạch Nhâm mà hư thì mạch Đái trục xuống phía trước, mạch Đốc mà hư thì mạch Đái trục xuống phía sau. Mạch Nhâm, mạch Đốc mà hư cả, ắt là phát ra chứng Sán, Hà (25).

Sán, Hà làm trở ngại cho bào thai mà bên ngoài phát trướng thì bào thai co lại ở trong Sán Hà.

Bào thai co lại, dầu có luân luân cấy tinh trùng vào cũng không hấp thụ hay dầu có ăn đến ngọc-yến tầm bồ cũng chẳng ích gì.

Phép trị nên khứ Sán Hà trước rồi bò ngay cho mạch Nhâm, mạch Đốc thì ngoài không chướng ngại, tự nhiên trong có thể dung nạp.

Như vậy sự vui mừng là có «dục lân» (22) chẳng phải chờ đợi bao lâu.

Phương thuốc (1) này dùng :

THÄNG ĐÄI THANG 升 大 汤 :

白术	BẠCH TRUẬT	1 lạng, làm hoàng thổ, sao (4)
人参	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
半夏	BÁN HẠ CHÉ	1 —
神曲	THẦN KHÚC	1 —
沙参	SA SÂM	5 —

肉桂	NHỤC QUẾ	1	— cao sạch vỏ.
茯苓	PHỤC LINH	3	—
李子粉	BỘT TÈ PHẤN	3	— (Xem phụ chú Nam Khoa)
鳖甲	BIẾT GIÁP	3	— sao.

Lấy nước sắc uống, uống một thời gian dài, thì cái khí mạch Nhâm, mạch Độc được vượng.

Phương thuốc này hoạt lợi cho lung và rốn túc là để dẫn cái khí của Nhâm và Độc lên. Cái khí của Nhâm và Độc lên, tự nhiên bệnh Sản hàn không có cái thể tồn tại, huống chi lại có NHỤC QUẾ để tán hàn; PHỤC LINH để lợi thấp; BỘT TÈ để khứ tích; BIẾT GIÁP để đánh tan chất cứng, thế thì 8 mạch (26) đã thông hòa mà kỵ-kinh (27) không có bệnh.

oOo

便 滋，腹 脹，足 浮 膨 不 孕  
**TIỆN SÁP, PHÚC TRƯỜNG, TÚC PHÙ THÜNG BẤT DỤNG**  
(Đái gắt, bụng đầy, chân phù thũng, không mang thai)

Lại có người tiêu tiều gắt rit khó khăn, trong bụng đầy trướng, chân phù thũng, không thụ thai. Người ta cho là nhiệt ở tiêu trường. Ai biết đó là cái khí ở Bang-quang không phân hóa.

Bởi vì cái khí thủy thấp trong con người át phải chạy xuống Bang-quang rồi phân hóa mà tái ra. Nếu Bang-quang không thể tự phân hóa được thì phải nhờ Thận Khi tương thông mới có thể hóa ra nước mà tái ra.

Nay bang-quang không nhờ được Thận Khi tương thông thì thủy thấp không phân hóa mà thẩm vào trong bào thai, làm cho bào thai biến thành như mảnh ruộng lèn láng những nước làm sao mà sinh vật được. (Biết rằng Bang-quang và bào thai gần nhau, Bang-quang có bệnh thì bào thai cũng có bệnh).

Phép trị: Cho mạnh Thận Thủy để hóa cái thấp ở Bào thai; cho tăng Thận Hỏa để tiêu cái thủy ở Bàng-quang. Như vậy Tiên Thiên (Thận) (28) mà đã mạnh, thủy thấp tự nhiên trừ, Bàng-quang đã lợi, bào thai đã ấm, không có lẽ gieo hạt giống mà không được gặt.

Phương thuốc (1) này gọi là:

**HÓA THỦY CHỦNG TỬ THANG 化水種子湯:**

巴戟	BA KÍCH	1 lạng, bò xương, tẩm nước muối
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, sao vàng.
人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
菟絲子	THỎ TY-TỦ	5 — thứ thiệt.
芡實	KHIẾM THỰC	5 —
茯苓	PHỤC LINH	5 —
半夏子	XÀ TIỀN TỦ	2 — tẩm rượu sao.
肉桂	NHỤC QUẾ	1 — cạo sạch vỏ.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang mà hóa được cái khí ở Bàng-quang, uống 1 thang mà trừ được chứng dài gắt, lại uống 10 thang mà tiêu được cái bệnh đầy trướng sưng phù; lại uống một thời gian dài nữa mà Thận Khi khỏe mạnh, bào thai ấm áp, ăn là dễ thụ thai.

Phương thuốc này hoàn toàn bò cái khí ở trong Thận mà thông lợi cho Bàng-quang: hoàn toàn cho mạnh cái hỏa ở trong Thận mà là làm ấm cho bào thai. Rất hay ở chỗ bò hỏa mà không lo rằng nóng ráo; bò thủy mà không phải dùng vị thuốc nhu nhuyễn, chỉ lấy vài vị thông lợi làm tá, không cần phải xối xả hay gạn lọc. Thật là thêm phần dinh dưỡng tốt tươi này nở cùng.

o()o

骨蒸，夜熱不寐

**CỐT CHUNG, DẠ NHIỆT BẤT DỤNG**

(Trong xương hun nấu lại nóng về đêm không thụ thai)

Đàn bà có người trong xương nung nấu nóng hầm.

lai phát nóng về đêm, khắp mình như lửa, miệng khói khào, ho hắng nhót dãi, khò mà có con. Người ta cho là « thực hỏa, nên cho tả », nhưng ai biết đó là « hư hỏa nên cho bồ » đâu !

Ôi ! đất ướt lạnh, cây không mọc lên được mà ruộng khô cháy, cày cũng không lợn lên được. vậy trong xương tủy mà nóng thì bào thai bị trở ngại,

(Nói về bào thai, trên liên hệ đến Tâm bào, Tâm bào thông vào Tâm, Tâm là dương thuộc hỏa ; dưới liên hệ đến Mạnh-môn, giày Mạnh-môn thông vào Thận, Thận là âm thuộc thủy. Thế là bào thai liên hệ đến cả Tâm hỏa và Thận thủy).

Bởi vì bào thai đã thông vào Thận, mà xương tủy phải nhờ Thận thủy tư hóa. Nay Thận thủy không đủ tư hóa cho xương tủy, thì xương tủy nóng quá, thành ra trong xương rỗng không, chỉ còn cái sức nóng cháy của Tâm hỏa, lấy gì mà tư dưỡng cho bào thai. Vậy bào thai không được sự tư dưỡng của xương tủy, làm sao bào thai không nóng.

Phép trị cần phải thanh nhiệt ở trong xương, mà nhiệt ấy là bởi Thận thiếu nước. Vậy phải bò Thận thủy trước thi cái bệnh nóng trong xương mới có thể hết.

Ý nghĩa . Đất khô mà không lo cháy cả cánh đồng bởi vì đã có mưa móc thì hẳn là mìng được sự thấm nhuần tưới mát. Vương-Thái-Bộc (45) rằng : « TRẮNG THỦY CHI CHỦ, DĨ CHẾ DƯƠNG QUANG » nghĩa là phải mạnh phần bò thủy để trị hỏa, chứ không phải tả hỏa để trị bệnh này.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THANH CỐT TƯ THẬN THANG 清骨滋腎湯 :

地骨皮 ĐỊA CỐT BÌ	1 lạng, lấy rượu rửa.
升皮 BƠN BÌ	5 đồng.

石斛	THẠCH HỘC	2 đồng
麦冬	MẠCH ĐÔNG	5 — bỏ tim.
元参	NGUYỄN SÀM	5 — lấy rượu rửa.
沙参	SA SÀM	5 —
五味子	NGŨ VỊ TỦ	5 phần, sao, giã nát.
白术	BẠCH TRUẬT	3 đồng, làm hoàng thổ sao (4).

Lấy nước sắc uống, uống đến khi bệnh nóng trong xương hết, lại uống tiếp tự nhiên có thể thụ thai.

Phương thuốc này bồi tinh ở trong Thận, thanh nhiệt ở trong xương, không cần thanh nhiệt ở bào thai, mà tự nhiên bào thai không có bệnh đại nhiệt.

Bệnh này gốc bởi xương tủy nóng quá, hấp thụ dương tinh bao nhiêu cũng đều khô ráo hết cả, nên khó sanh đẻ. Thật chẳng phải là bệnh bào thai suy yếu không thể hấp thụ dương tinh đâu vậy. Cho nên phải sớm bồi Thận thủy để giảm phần hỏa hưu dù mà tăng phần thủy bất túc, mới dễ gieo hạt giống vậy.

oOo

小腹急迫不孕  
**TIẾU PHÚC CẤP BÁCH BẤT DỤNG**  
(Bụng dưới gắt bức, không thụ thai)

Đàn bà có người tư cảm thấy trong khoảng bụng dưới rút gò lại làm gắt gắp bức bối không khoan khoái tự nhiên mà không hay sanh sản. Người ta chẳng biết tại sao? — Nhưng ai biết đó là tại mạch Đái (21) nó gò chặt lại.

Bởi vì cái giày của mạch Đái ở trong khoảng vòng quanh lưng và rốn, bao giờ cũng nén nới ra thong thả không nên gò chặt lại. Nay khí ở Tỵ Vị thiểu thì khí ở lưng rốn không hoạt lợi. Khi ở lưng rốn không hoạt lợi ắt kéo gò mạch Đái lại, luôn tiện chuyển động kéo gò cả bào thai vào. Bào thai đã thu hẹp lại, hẳn rằng dương

tinh trực xạ vào bào thai, cũng có thể tạm thâu nạp, nhưng cái sức chịu đựng có phần khó khăn, thế tất nhiên bào thai rung động, rồi lại còn không chịu giảm bớt sự phòng dục thì làm sao mà giữ được cái sự « mỗi lần thụ thai là mỗi lần bị hư », Như thế là bởi mạch Đái gò lại mà không hay sanh đẻ.

Phép trị: Vẫn biết rằng: Nên cởi mở sự gò bó cho mạch Đái nhưng mà mạch Đái không thể cởi mở ngay được: nên hoạt lợi cái khí cho lung rỗn nhưng mà lung rỗn cũng không thể hoạt lợi ngay được, át phải đợi bò cả khí và huyết cho Tỳ Vị dễ cho lung rỗn hoạt lợi, mạch Đái khoan hòa, tự nhiên có cái sức duy trì ràng buộc lại.

Phương thuốc (1) này gọi là :

KHOAN ĐÁI THANG 宽带湯:

人参	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm.
五味	NGŨ VỊ	3 phân, sao.
熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng (3)
建蓮子	KIẾN LIỀN TỬ	20 hạt, không khứ tâm.
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 — tâm rượu, sao.
杜仲	ĐÔ TRỌNG	3 — sao gần cháy.
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	3 — lấy rượu rửa.
肉蓯客	NHỤC THUNG DUNG	3 — rửa sạch đất.
補骨脂	BÒ CỐT CHÍ	1 — tâm nước muối sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lượng tâm hoàng thổ sao(4).

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang bụng dưới không còn cái tình trạng gò thắt nữa, chỉ uống trong thời gian một tháng tức là thụ thai.

Phương thuốc này bò cả Tỳ và Thận lại hoạt lợi cái khí cho lung rỗn, tự nhiên mạch Đái khoan hòa thư thái.

Nếu ngờ rằng: « đã muốn cởi mở cho mạch Đái, mà thuốc còn dùng đến NGŨ VỊ, BẠCH THƯỢC là chất toan

thu, thì không tránh khỏi cái sự làm cho mạch Đái thêm phần co rút ». Vậy phải biết rằng: Mạch Đái mà gắt gấp là bởi khí và huyết hư, huyết hư thì mạch Đái co lại không nở ra, khi hư thì mạch Đái sít lại không thông đạt. Nay dùng BẠCH THUỐC có chất chua là đê bình Can mộc thì Can mộc không khắc Tỳ thò, dùng NGŨ VỊ, có chất chua là đê sinh Thận thủy, thi Thận thủy thêm nước cho mạch Đái. Như vậy tựa hồ tương phản mà thật là tương tế cho nhau thì còn có ngờ gì!

oOo

### 下部寒冷不孕

#### HẠ BỘ HÀN LÃNH BẤT DỤNG

(Hạ bộ hàn lạnh không thụ thai)

Đàn bà có người thân hình giá lạnh, không có lửa sưởi không thể ấm được, đã vậy trong lúc giao cảm, trong âm bộ tuyệt nhiên không có cái khi ấm nóng. Người ta cho là bạc nhược từ lúc bẩm sinh. Ai biết đó là bởi bào thai hàn cực.

Từ xưa, những chỗ đất lạnh cứng thành chai (khí đất bể tắc) thảo mộc không sống được; những vực sâu thăm u thẳm thẳm (không có ánh dương) ngư long không thể lớn được. Nay bào thai đã lạnh, làm sao có thể sản sanh.

Ôi! cũng là bào thai cả mà độc nhất cái bào thai này lại lạnh đến thế, không phải là trời phú cho một bắc chất sao? Nhưng mà không biết là không phải thế. Bởi vì bào thai ở trong cái khoảng Tâm và Thận. Bào thai mà lạnh là vì 2 chân hỏa của Tâm Thận suy kém. Cho nên trị bệnh lạnh cho bào thai, át phải bỏ cả 2 chân hỏa cho Tâm Thận, mà khi dùng thuốc nhất thiết chờ dùng những vị thuốc có tính chất nóng ráo, chỉ nên dùng những vị thuốc có cái khi ấm hòa của ngày xuân để cho 2 khi âm dương hòa hợp bao bọc lấy nhau, hun đúc mà biến hóa nên.

Phương thuốc (1) này gọi là ÔN BÀO ÂM 溫胞飲:	
白 木 BẠCH TRUẬT	1 lạng, tầm hoàng thò, sao (4)
己 戟 肉 BA KÍCH NHỤC	1 lạng, tầm nước muối.
人 参 NHÂN SÂM	3 đồng (13).
山 莖 SON DƯỢC	3 — sao.
艾 芒 KHIẾM THỰC	3 — sao.
製 附 子 CHẾ PHỤ TỬ	3 phần.
杜 仲 ĐÔ TRỌNG	3 đồng, sao cháy.
補 骨 脂 BÒ CỐI CHI	2 — tầm nước mìnđi, sao.
元 緣 子 THỎ TY TỬ	3 — tầm rượu, sao.
肉 桂 NHỤC QUẾ	2 — cao sạch vỏ.

Lấy nước sắc uống (mỗi ngày một thang), uống một tháng, bào thai ấm lại.

Phương thuốc này hay ở chỗ bồ Tâm tức là bồ Thân, ôn Thận tức là ôn Tâm. Khi Tâm Thận đã vượng hàn là hỏa tự nhiên sinh, bào thai hấp thụ được sự ấp ủ dầm ấm của Tâm Thận hàn là hàn lạnh tự nhiên tan mất, thi còn có lẽ nào thụ tinh mà chẳng thụ thai.

Phương thuốc này không uống thuốc thang, đòi làm thuốc hoàn để uống sớm chiều mỗi ngày, càng tốt.

oOo

### 嫉 妒 不 孕 TẬT ĐÓ BẤT DỤNG (Ghen ghét không thụ thai)

Đàn bà có người vẫn cứ ôm bế trong lòng một cá tính hay ghen ghét mà đưa đến sự hiềm hoi không có con. Người ta cho là kẻ ấy bị lòng trời ruồng bỏ. Ai biết đó là bởi Can Khi uất kết.

Ôi! mạch của người có thai, mạch Thốn tay tà phải lưu loát mà hoạt lợi, mạch Quan tay hữu phải thư thả mà khoan hòa, 2 mạch Xích phải hoạt đại mà đầm mạnh lên ngón tay người coi mạch, chứ chưa có ai cả

3 bộ mạch ấy đều mất hết mà lại hay có con được. Bởi vì 3 bộ mạch ấy mà mất hết đều là bởi Can mộc, vì Can mộc không thư thái, tất thị làm cho Tâm hỏa và Thận thủy không giao thông với nhau rồi lại xuống xung khắc với Tỵ thì cái sức của lung rỗn yếu đi, cái khí của mạch Nhâm (10), mạch Đái (21) bể tắc lại mà cái cửa bào thai cũng vì vậy bể tắc luôn.

Phép trị : Giải Can uất để thông khí cho 3 kinh (Tâm, Can, Thận) thì khí huyết điều mà tinh tinh cũng hòa vui, trong tâm trí cũng đầy những khí xuân dương ôn hòa, thanh sáng.

Phương thuốc (1) này gọi là :

KHAI UẤT CHỦNG NGỌC THANG 開鬱種玉湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THƯỢC	1 lượng, tắm rượu, sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tắm hoàng thò, sao(4).
白芩	BẠCH LINH	3 — bỏ vỏ.
升皮	ĐƠN BÌ	3 — lấy rượu rửa.
天花粉	THIỀN HOA PHẦN	2 —
香附	HƯƠNG PHỤ	3 — tắm rượu, sao.

Lấy nước sắc uống (mỗi ngày 1 thang), uống 30 thang trong 1 tháng, Can mộc thư thái; uất kết thanh giải; Tâm khí hòa bình. 2 bên vui vẻ hòa hợp với nhau, tự nhiên kết thai trong khoảnh khắc.

Phương thuốc này rất hay. Hay ở chỗ chỉ chuyên giải Can uất, không cần phải trị giật giày sang các kinh khác mà Tỵ khí thông hòa, Tâm Thận giao, lung rỗn hoạt lợi, mạch Nhâm, mạch Đái thông hòa, cửa bào thai mở. Thật là một bí quyết để gieo hạt giống cầu con, lệ như nấu chín nồi canh có đủ 5 mùi mà điều hòa hương vị.

崩 漏

### 3. BĂNG, LẬU

Băng huyết (12) lậu huyết (18)



血 崩 漏 章

#### HUYẾT BĂNG HÔN VỰNG

(Bị băng huyết làm đầu mắt mờ tối)

Đàn bà có người bất thản một lúc bị băng huyết làm hai mắt tối om, đầu mặt vùng vừng quay cuồng như muỗi ngã xuống đất, chẳng biết nhân sự là gì. Người ta vẫn biết đó bởi « hỏa thịnh quá nên động huyết ». Nhưng hỏa ấy không phải « thực hỏa » mà là « hư hỏa ».

Người đài mỗi khi thấy ai bị băng huyết, luôn luôn vội vàng cho dùng thuốc ngưng huyết, cầm huyết. Tuy cũng có công hiệu trong nhất thời, nhưng nếu không uống thuốc bồ âm huyết đè cho hư hỏa xuống thì đầu rǎng bẩy giờ có chỉ huyết đầy, nhưng rồi lúc khác lại cũng băng mà cho đến nhiều tháng lâu năm cũng không có thể lành mạnh hoàn toàn được. Cho nên trong thuốc bồ âm huyết đã có phép chỉ băng, bất tất phải chuyên chû sáp huyết mà tự nhiên huyết chỉ.

Phương thuốc (1) này dùng :

CỐ BẢN CHỈ BĂNG THANG 固本止崩湯:

熟地 THỰC ĐỊA 1 lạng (3).

白朮 BẠCH TRUẬT 1 lạng, tám hoàng thò, sao (4).

生黃芪 SINH HOÀNG KÝ 3 đồng.

當歸 ĐƯƠNG QUY 5 — lấy rượu rửa.

黑姜 HẮC KHƯƠNG 2 —

人參 NHÂN SÂM 3 — (13).

Lấy nước sắc uống, uống một thang mà băng huyết định chỉ. Uống 10 thang không tái phát.

Phương thuốc này hay ở chỗ hoàn toàn không nghĩ tới chỉ huyết mà cứ chuyên bồ huyết, lại chẳng những bồ khí mà còn bồ hỏa. Bởi vì huyết băng mà đã đến đầu mặt tối om, xay xầm, thì huyết ra đã quá nhiều, chừng chỉ còn một khí-tuyến vậy. Cho nên bồ huyết phải bồ cả khí. Nếu chỉ bồ huyết mà không cấp bồ khí thì cái huyết lưu hình không có khí không thể sanh ra mau chóng, và cái khí vô hình không có huyết cũng đến tan biến hết, vì khí huyết phải nương tựa nhau. Bởi vậy, bồ huyết phải bồ khí trước, bồ khí phải bồ hỏa trước.

Phương thuốc này dùng HẮC KHƯƠNG là dễ dẫn huyết về kinh. Thế là trong phép bồ có cái ý nghĩa thu liêm, cho nên nói rằng trị băng huyết bắt tất chỉ huyết, sáp huyết.

oOo

燙結血崩  
**UẤT KẾT HUYẾT BĂNG**  
(Uất nhiệt kết lại làm băng huyết)

Đàn bà có người ôm bế trong lòng những sự bức giận, nóng nảy rồi nó kết lại làm cho lưỡi khô, miệng khát, ưa mửa ợ chua, mà sinh ra băng huyết. Người ta đều cho là bởi Hỏa rồi trị Hỏa. thế mà có khi công hiệu, khi không công hiệu là tại sao ? Bởi không biết đó là Can Khi Uất Kết.

Nếu còn ngờ mà bảo rằng : Can chủ về tàng huyết. Can mà có uất thi Huyết phải uất, nay cho là Can Khi uất mà lại đi đến làm băng lâu sao ?

Bởi vì Can có tính cấp táo, Can Khi mà uất kết thi cái tính cấp táo càng cấp táo hơn Can Khi đã quá ứ cấp táo thi không tàng huyết mà huyết chảy xuống.

Phép trị vẫn lấy « khai uất » làm chủ, nhưng nếu chỉ khai uất mà không biết bình Can mộc thi Can khí mở rộng, Can Hỏa càng đốt cháy, cũng không thể chỉ được huyết.

Phương thuốc (1) này dùng :

BÌNH CAN, KHAI UẤT, CHỈ HUYẾT THANG 平肝開導止血湯：

白芍	BẠCH THƯỢC	1 lạng, làm giảm sao.
柴胡	SÀI HỒ	1 đồng.
白朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng, làm hoàng thò sao(4)
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	2 đồng sao cháy.
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —
生地	SINH ĐỊA	3 — làm rượu rửa.
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu sao,
三七根	TAM THẤT CĂN	3 đồng nghiền nhỏ.
甘草	CAM THẢO	2 —

Lấy nước sắc uống. Uống một thang hết ụa mửa, uống 2 thang hết khô miệng khát nước, uống 4 thang hết băng huyết.

Phương thuốc này hay bởi có BẠCH THƯỢC để bình Can, SÀI HỒ giải uất. BẠCH TRUẬT hoạt lợi cho lồng rốn thi không lo là huyết đinh kết, KINH GIỚI thông hòa cho kinh lạc thi có cái mừng là huyết trở và kinh, lại có ĐƠN BÌ để thanh nhiệt trong xương tủy, SINH ĐỊA để thanh hóa trong các tạng phủ, ĐƯƠNG QUY, TAM THẤT ở trong thuốc bồ huyết lại còn làm việc chỉ huyết nữa. Như thế tự nhiên tan được uất kết, chỉ được huyết băng.

oOo

脚跌血崩

SIÊM ĐIỆT, HUYẾT BĂNG

(Bị đánh đòn, bị té ngã làm băng huyết)

Đàn bà có người nhân lúc trèo cao bị té ngã hay bị đánh đòn làm đau nhức mệt mỏi đến nỗi huyết xấu chảy xuống, có vẻ như băng huyết. Rồi bao là băng thật mà dùng những thuốc bồ huyết, sáp huyết để trị băng thì cũng như đóng cửa lại mà bắt giặc, tất nhiên giặc sẽ phá ở trong.

Phải biết rằng: bệnh trạng ấy, khi lấy tay ấn xuống bụng dưới mà bệnh nhân sợ đau không cho ấn xuống tức là thuộc « thực chứng » không phải « hư chứng ».

Thực chứng mà đè lâu không trị thì sắc mặt vàng sạm, thân hình khô khao, đó là bởi huyết út lại làm hại, không phải như những bệnh « băng huyết bởi khí hư » đâu.

Vậy bệnh này là út huyết, là thực chứng.

Nếu chẳng biết giải thực nhiệt, trực út huyết mà vội dùng ngay thuốc bồ sát thì út huyết ở lại nội cung, sẽ làm đau vô thời hạn, mà huyết cũ không hóa đi, huyết mới không sinh ra.

Phép trị nên cho hành huyết đè thay đổi những huyết còn út lại, nên cho hoạt huyết (29) đè trị hết đau bởi huyết không thông lợi.

Phương thuốc (1) này dùng :

- TRỰC Ủ CHỈ HUYẾT THANG 遂瘻止血湯 :

生地	SINH ĐỊA	1 lạng, tầm rượu sao.
大黃	ĐẠI HOÀNG	3 đồng.
赤芍	XÍCH THUỐC	3 --
丹皮	ĐƠN BÌ	1 --
當歸尾	ĐƯƠNG QUY VĨ	5 --
枳壳	CHỈ XÁC	5 -- sao.
龜板	QUY BẢN (yếm rùa)	3 -- tầm giấm sao.
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, bóc vỏ, sao, giã nát.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang còn đau nhẹ, uống 2 thang hết đau, uống 3 thang huyết chỉ hàn, bắt tất phải uống nữa.

Phương thuốc này rất hay, hay ở chỗ trong bài thuốc lấy hoạt huyết làm chủ, lại nhờ có vị thuốc đè tiệt hạ những chất đinh trệ làm tá. Chỗ nên trực út huyết như thế tảo thành mà chỉ huyết băng như thế thần thành.

Hoặc giả ngờ rằng, bệnh đau nhức gân xương thần thè vì đòn, vì té là bệnh bởi ngoại thương làm đau đến trong người thành có nội thương. Như vậy suy ra nội thương không nặng, nhưng đã đến băng huyết thì nội thương cũng không phải là nhẹ, làm sao chỉ trị ứ huyết là bệnh « ngọn » mà không hỏi gì đến chân khí là « gốc ».

Bởi chặng biết bệnh này, thực ra ngoại thương đã nặng mà nội thương còn nhẹ, thì lý tất nhiên bệnh nặng trị trước, bệnh nhẹ trị sau, cũng như trị một bạo bệnh, nguyên khí của kẻ ấy là « gốc » chưa bị suy yếu thì cái gốc ấy chưa phải nghĩ lối, mà hãy dẹp bỏ ngay cái bạo bệnh là « ngọn » trước, là được rồi. Cho nên « cấp tắc trị kỳ tiêu ». Nhưng cũng có thè nói rằng « hoãn tắc trị kỳ tiêu ». (30) vậy.

oOo

血海大熱血崩  
**HUYẾT HẢI ĐẠI NHIỆT HUYẾT BĂNG**  
(*Huyết hải nóng quá, băng huyết*)  
(*Huyết hải túc mạch Xung (to)*)

Đàn bà có người mỗi khi làm việc « phòng dục » (theo đường lối chung của nhân loại) thi kinh thủy liền chảy ra, mỗi lần chảy ra đều như băng huyết. Người ta cho là trong bào thai có thương tích, cho nên dụng chạm vào thi động đến huyết nén huyết chảy ra. Ai biết đó là tử cung và huyết hải nóng quá không giữ lại được mà chảy ra.

Ôi ! tử cung ở dưới bào thai mà huyết hải lại ở trên bào thai. Huyết hải túc mạch Xung, mạch Xung lạnh thi huyết thiểu. mạch Xung nóng thi huyết vọt ra. Vậy bệnh băng huyết này chính là bởi mạch Xung nóng quá.

Nhưng mạch Xung mà nóng thi thường thường bị băng không có khi ngừng mới là phải, sao lại cứ mỗi lần động phòng mới phát, hẳn là có liên hệ gì đến Can và Tý hứa chăng ?

Ôi, Tỵ khỏe thì hay giữ huyết, Can bình thì bay tàng huyết, đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng khi mà người ta chưa nhập phong thì Quản Hỏa (Tâm) Tướng Hỏa (Can) hai con hỏa ấy yên nhiên bất động. Hỏa mà bất động thì dầu rằng chỉ có một mạch Xung là nóng quá, huyết cũng không đến nỗi chảy ra ngoài. Đến khi người ta nhập phong thì sự cầm hưng làm cho tử cung mở rộng, Quản hỏa, Tướng hỏa khởi lên khuấy động buồng trứng, bởi vậy huyết hải đã tràn đầy không còn có cái thế nào mà cản ngăn cầm giữ được. Khi ấy Can muốn tàng huyết không được mà Tỵ muốn giữ huyết cũng không thể được, cho nên kinh thủy theo ngay lúc giao cảm mà chảy ra. Thế là chỉ bởi Hỏa làm ra bệnh,

Phép trị nên « tư âm, giáng hỏa » để thanh huyết hải mà điều hòa tử cung, thì cái bệnh « trọn đời phải lo âu » ấy có thể nửa năm trút hết, nhưng phải « tuyệt dục » 3 tháng mới có thể được.

Phương thuốc (1) này dùng :

THANH HẢI HOÀN 清海丸:

熟地	THỰC ĐỊA	1 cân (3).
山桑	SƠN DƯỢC	10 lạng, sao.
山萸肉	SƠN DU NHỤC	10 — sao chín,
丹皮	ĐBVN BÌ	10 —
五味	NGŨ VỊ	2 — sao.
參冬肉	MẠCH ĐÔNG NHỤC	10 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 cân tằm hoàng thò sao(4)
白芍	BẠCH THƯỢC	1 cân, tằm rượu, sao.
龍骨	LONG CỐT	2 lạng.
地骨皮	ĐỊA CỐT BÌ	10 —
茺朮葉	CAN TANG DIỆP	10 — (lá dâu khô).
元參	NGUYỄN SÂM	1 cân
沙參	SA SÂM	10 lạng.
石斛	THẠCH HỘC	10 —

Cộng 14 vị, những vị âm uớt phải phơi hay sao khô, tất cả hợp lại, rồi đem tán nhỏ, luyện mật làm thuốc hoàn, mỗi hoàn bằng hạt ngô lớn. Mỗi ngày uống 2 lần — sớm và tối — mỗi lần uống 5 đồng cát, uống xuống bằng nước lâ dun sôi. Uống trong thời gian 6 tháng hết bệnh hoàn toàn.

Bài thuốc này bồ âm huyết mà không lọ có tính chất chàyen động bốc lên, cầm huyết mà không dùng đến chất đắng hàn lương. Uống như vậy kể ngày thì chả được bao nhiêu, nhưng hàng tháng thì đã được nhiều, nhờ thuốc thầm lặng chàyen xoay làm cho tử cung mát mẻ, tự nhiên huyết hải chắc chắn, vững vàng.

Trị bệnh nếu không tìm cái gốc để trị mà chỉ tìm cái ngọn để cắt sửa cho đều. Như bệnh này mà chỉ dùng những PHÁT HỒI (tóc đốt cháy), BẠCH PHẦN, HOÀNG LIÊN THÂN, NGŨ BỘI TỬ tán nhỏ để trị những u ẩn ở ngoài cho vit lại, thì sợ rằng càng sáp lại, càng chảy ra, rồi cuộc cưng đến bại vong. Trị bệnh như thế có phải là TRỊ BỆNH TẤT CẦU KỲ BẢN chăng?

oOo

交感出血  
**GIAO CẨM XUẤT HUYẾT**  
(Giao cảm với nhau, ra máu)

Đàn bà có người mỗi lần giao cảm với nhau thì huyết đỏ chảy ra. Tuy không đến nỗi tệ như băng huyết, nhưng không tránh khỏi sự tồn thương đến cả khí và huyết. Như vậy không trị dè lâu sơ có thể làm ra bệnh « huyết khô, kinh bế ».

Bệnh này bởi vì giao hợp với nhau dung vào cái lúc kinh thủy sắp hành, dương tinh bắn vào huyết quản, nên xảy ra. Nghĩa là dương cái lúc kinh thủy vượng,

huyết dương muốn vọt ra, mà dương tinh bắn vào thì cái số huyết muốn chảy ra lại thu rút vào. Như vậy đã không chịu được dương tinh đè làm thai, thế tất nhiên lại thâu thập cái dương tinh ấy lại mà hóa ra huyết.

Lần sau gấp lúc giao cảm, dàm khi xúc động vào cái dương tinh lần trước thì nó tương cảm nhau, muốn kéo nhau ra, vì vậy huyết cũng theo mà thẩm ra.

Phép trị nên thông khí cho bào thai để đem dương tinh hòm trước ra ngoài mà gia tăng những thuốc bồ khí, bồ tinh vào thi sự tồn thương huyết quản đã được bồi bồ chu toàn, không còn phải lo gì nữa.

Phương thuốc (1) này dùng.

DAN TINH CHỈ HUYẾT THANG 引精止血湯:

人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13).
白朮	BẠCH RUẬT	1 lạng tám hoàng thô sao(4).
茯苓	PHỤC LINH	3 đồng.
熟地	THỤC ĐỊA	1 lạng (3).
山萸肉	SƠN DƯ NHỰC	5 đồng.
黑茂	HẮC KHƯƠNG	1 —
黃柏	HOÀNG BÁ	5 phần.
菟絲子	KINH GIỚI TUỆ	3 đồng.
車前子	XA TIỀN TỬ	3 —

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang hết, uống 10 thang không tái phát.

Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT để bồ khí, THỤC ĐỊA, SƠN THỦ để bồ tinh, tinh khí vượng thi huyết quản lưu thông. Thêm vào đây có PHỤC LINH, XA TIỀN để lợi thủy, thủy đã lợi thi huyết quản cũng lợi, lại thêm có HOÀNG BÁ làm tá sứ để chạy thẳng vào trong huyết quản mà dẫn cái tinh cũ ra ngoài huyết quản. KINH GIỚI TUỆ cũng dẫn những bài huyết ở trong huyết quản ra, HẮC KHƯƠNG cầm giữ đầu ống huyết quản.

Trong một phương thuốc như thế thật là khéo điều  
định khúc chiết cho nên hay trừ bỏ được mọi bệnh cũ.  
Nhưng phải cần thận giữ kín phòng the 3 tháng, ngõ hầu  
như chỗ rách không rách thêm, chỗ dã vá không phải  
vá lại. Nếu không thể, chẳng qua chỉ thu dường được  
cái công hiệu nhẫn tiền mà thôi. Nên cần thận.

oOo

年老血崩  
**NIÊN LÃO HUYẾT BĂNG**  
(Tuổi già, còn băng huyết)

Đàn bà có người tuổi đã già mà còn băng huyết,  
rồi hai mắt tối sầm, đầu mặt vừng vừng như muỗi ngã  
xuống đất, chẳng còn biết việc đời là gì. Người ta chỉ  
biết cho là tuổi già huyết hư. Nhưng biết đâu bởi cái chấn  
phong the không cần thận chẳng?

Ôi! đàn bà ngoài cái tuổi 49 đã hết hành kinh  
thì hẳn là nước Thiên Quý (15) đã cạn. Nước Thiên Quý  
là nước của Thận tuy đã cạn, nhưng cái hỏa của Thận  
có khi nó còn hừng động tăm bậy thì huyết thất mở  
rộng ra. Huyết thất mà mở rộng ra quá độ, ắt chảy ra  
mà làm lậu, làm băng.

Phương thuốc (1) này dùng :

**GIA GIẢM ĐƯƠNG QUY BỒ HUYẾT THANG 加減當歸補血湯**

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu rửa
生黃芪	SINH HOÀNG KỲ	1 —
三七根	TAM THẤT CÀN	3 đồng nghiên nhỏ.
桑葉	TANG DIỆP	14 lá.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang huyết chỉ còn ra  
ít, uống 4 thang không tái phát. Nhưng nếu không biết  
tự giữ mình cần thận cũng chưa dã chắc tránh được  
tái phát trọng bệnh.

Ôi ! BỎ HUYẾT THANG này là thần phương đè bồ cả khí và huyết, TAM THẤT CĂN là thánh được đè chỉ huyết, thêm vào đó có TANG DIỆP đè bồ âm cho thận và có cái công thu liêm rất hay.

Uống thuốc này mà chỉ được cái lậu huyết tạm thời như thế, thực ra cũng đã có kỳ công. Nhưng không nên trách rằng : Sao không trị cho hết hẳn, cũng là một cái công điều trị. Bởi vì âm tinh vẫn đã thiếu mà thuốc này những được phầm bồ tinh còn ít.

Nếu muốn được khỏi vĩnh viễn, sau khi uống 4 thang kè trên, lại nguyên phương ấy thêm vào mấy vị sau đây :

白术	BẠCH TRUẬT	5 đồng, tẩm hoàng thò sao(4)
熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3),
山藥	SƠN DƯỢC	4 đồng. sao vàng.
參冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khử tàm.
五味	NGŨ VỊ	1 — sao, giã nát.

Uống liên tục hàng trăm tháng thì trừ bệnh băng lậu đến tuyệt căn.

oOo

### 少婦血崩

### THIẾU PHỤ HUYẾT BĂNG

(Người thiếu phụ bị băng huyết)

Thiếu phụ có người mới mang thai 3 tháng, bèn bị băng huyết mà cái thai cũng theo ra luôn. Người ta cho là bị thương bởi té hay bị đòn mà thế. Ai biết đó là cái lỗi bởi buồng the không càn thận.

Ôi ! người thiếu phụ mà có cái chuyện buồng the với nhau, kè cũng là sự thường, làm sao mà đến băng huyết được.

Bởi vì khí đã nhược, thì tinh dẽ tiết ra, tinh tiết ra nhiều quá thì càng động mạnh mà huyết không giữ

vững lại được. Huyết không giữ được thì chảy ra, huyết chảy ra, bào thai không còn chỗ nương nhở, thì phát ra băng huyết và hư thai là phải.

Phép trị theo lẽ tự nhiên nên cho « bồ khí » làm chủ mà thêm một ít những được phàm « bồ huyết » là được.

Phương thuốc (1) này dùng CỐ KHÍ THANG 固氣湯:

人參	NHÂN SÀM	1 lạng (13).
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng tẩm hoàng thổ, sao (4)
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3).
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 — lấy rượu rửa.
茯苓	PHỤC LINH	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —
杜仲	ĐỒ TRỌNG	3 — sao gần cháy.
山萸肉	SƠN DU NHỰC	2 — sao chín.
遠志	VIỄN CHÍ	1 — khử tẩm.
五味子	NGŨ VI TỬ	10 hạt, sao.

Lấy nước sắc uống, uống một thang chỉ huyết, uống liên tục 10 thang nữa, hết hoàn toàn.

Phương thuốc này giữ chân khí kiêm bồ chân huyết thì cái huyết sắp thoát đi giữ lại được hết, và cái huyết đã mất đi mau bù đắp lại.

Phàm những bệnh vì Khí hư mà làm băng lâu ấy phương thuốc này thông trị được hết thảy. Đặc biệt trị cái bệnh băng mà làm ra tiêu sản (đẻ non) ấy rất hay là vì không phải nghĩ gì tới chỉ huyết mà những ý vị chỉ huyết nó hám súc cả ở trong phương thuốc bồ khí.

帶 下

## 4. ĐÁI HẠ

(Nước ở mạch Đái (21) chảy xuống)

(Những bài thuốc trị những bệnh đái hụt này, Đức Trần Tu Viện Người công nhận là hay, nên Người đã trích ra chép vào quyển Nữ Khoa của Người)



白 帶 下

## BẠCH ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái chảy xuống trắng)

Bệnh Đái-hạ tất cả đều thuộc Thấp.

Gọi bệnh Đái ấy là vì nước ở mạch Đái chảy ra, nên lấy chữ Đái mà gọi tên (nay người ta gọi nôm là huyết trắng, là khí hư. Chữ Đái còn đọc là « đời » nên gọi bệnh bạch đới thì cũng thế).

Giây mạch Đái để giữ buộc lấp bào thai, mạch bào thai thông với mạch Nhâm (10), mạch Đốc (24). Mạch Nhâm, mạch Đốc mà có bệnh thì mạch Đái vô lực. Mạch Đái vô lực thì khó mà giữ buộc được bào thai, bào thai bị lồng léo không chắt thì sẽ trượt xuống. Cho nên hễ mạch Đái mà yếu thì bào thai dễ bị trượt xuống.

Còn như tình khí nếu chẳng đồng hóa với kinh thủy để hành mà ứ đọng lại sẽ thành bệnh Đái Hụt. Và Tỳ khí hư. Can khí uất, thấp nhiệt xâm lấn đều làm ra bệnh Đái hụt, không trị để lâu năm nhiều tháng nó chảy xuống những chất trắng như bột như mủi, thậm chí còn có mùi hôi nữa. đó là « bạch đái ».

Bệnh Đái Hụt có nhiều loại: Bạch Đái, Thanh Đái, Hoàng Đái, Hắc Đái và Xích Đái, nhưng Bạch Đái nhiều hơn.

Bạch Đái nhiều hơn bởi Can Mộc uất nhiệt xâm lấn Tỳ Thò, làm cho Tỳ thò không giữ được tình khí, không hóa được vịnh huyết để làm kinh thủy, thì cái khí thấp thò của Tỳ bị hâm ở dưới mà làm ra bạch đái.

Phép trị nên đại bồ Can khí làm quẩn mà thêm những được phàm thư Can làm tá sứ, đè Can mộc không bị bế tắc ở dưới đất (tức tỳ thò) thì tự nhiên khí đất bốc lên trên trời. Thế là chân khí mạnh, bệnh thấp trứ, tự nhiên không có bệnh bạch đái nữa.

Phương thuốc (1) này gọi là HOÀN ĐÁI THẮNG 完帶湯

白术	BẠCH TRUẬT	1 lạng, làm hoàng thò, sao(4)
山藥	SƠN DƯỢC	1 lạng, sao.
人參	NHÂN SÂM	2 đồng (13).
白芍	BẠCH THƯỢC	4 — làm rượu, sao.
牛前子	XA TIỀN TỬ	3 — làm rượu, sao.
柏木	THƯƠNG TRUẬT	3 — sao.
甘草	CAM THẢO	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	5 phần.
黑京芥	HẮC KINH GIỚI	5 —
芥胡	SÀI HÒ	6 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang bệnh đã nhẹ, uống 4 thang bệnh đái đã chỉ, uống 6 thang bạch đái khỏi hoàn toàn.

Thuốc này là phép đồng trị cả 3 kinh (tỳ, vị, can) trong một phương, tán thấp mà ngũ ý bồ thò, thăng khí mà ngũ ý tiêu thủy, đè; khai đè cái « khí » cho Can Mộc thì Can huyết không bị khô nữa, làm gì còn phải xuống mà xung khắc với Tỳ thò; bồ ích « nguyên khí » cho Tỳ Thò thì Tỳ Khí không bị thấp nữa, làm gì mà không phân tiêu được thủy khí.

Còn như bồ Tỳ mà có kiêm cả phần bồ Vị nữa là vì từ Lý mà đạt đến Biểu (tỳ vị là biểu lý với nhau) bởi vì nếu Vị Khí không mạnh thì Tỳ Khí không vượng, cho nên bồ Vị chính là đè bồ Tỳ.

青帝下

THANH ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái (sát) chảy xuống xanh)

Nước ở mạch Đái chảy xuống có khi màu xanh mà nặng hơn thì ra như màu lục, màu lục xanh xanh, vàng vàng, vẫn đặc như nước đậu xanh, nó keo lại deo deo, dinh dinh mà mùi thì hôi tanh. Đó là thanh đái. Sở dĩ gọi là Thanh Đái ấy bởi Can kinh bị thấp nhiệt mà làm cho nước ở mạch Đái chảy xuống như nước đậu xanh. Thật rõ ràng là bệnh thuộc Can Mộc, vì Can thuộc mộc, mộc sắc thanh.

Kẻ nói rằng : « Can thuộc mộc, mộc là cây, cây vẫn thích được tưới nước. Vậy thấp cũng là một thứ nước để tưới cho cây, thì làm sao cây lại bị bệnh ? » — Bởi chẳng biết : « Can mộc vẫn thích nước, nhưng Can mộc ghét cái thấp, vì thấp là khí của đất không phải thật là nước ». Cái sự ghét ấy hợp với sự sở thích kia, tất nhiên nó trái với bản tính của Can. Bản tính của Can mà bị trái, thì khí của Can nghịch lên.

Khi của Can muốn nghịch lên mà thấp khi muốn hạ giáng, 2 dạng chống đối nhau không cho đi lên mà cũng không đi xuống được, nó định tích lại ở trung tiêu, rồi chảy xuống mạch Đái mà tiết ra thứ nước màu xanh, màu lục. Nước đó rõ là khí của Can hóa ra mà chảy xuống.

Khi ấy nghịch lên mà nhẹ là nhiệt khí ít thi ra nước màu xanh; khi ấy nghịch lên mà nặng là nhiệt khí nhiều thi ra nước màu lục. Sự nặng nhẹ ấy không phân chia là trị xanh (nhẹ) thi dễ mà trị lục (nặng) thi khó. Nghĩa là tất cả đều phải giải cái hỏa cho Can mộc, lợi cái thủy cho Bàng quang thi bệnh Đái dù thanh, dù lục cũng đều trừ hết.

Phương thuốc (1) này dùng :

TIỀU DAO TÂN GIA GIẢM 遊遠散加減

茯 苓	PHỤC LINH	5 đồng.
白 苕	BẠCH THƯỢC	5 — lấy rượu rửa.
甘 草	CAM THÀO	5 — dùng sống.
紫 胡	SÀI HỒ	1 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
茵 陳	NHÀN TRẦN	3 —
桔 子	CHÍ TÚ	3 — sao.

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang máu đã lọc, uống 4 thang máu lọc hết hẳn, bất tặt phải uống thêm.

Ôi ! lập ra phương « tiêu daø tân » này là để giải uất nhiệt cho Can, làm sao mà lại trị « thanh đái » hay như thán vậy ? Bởi thấp nhiệt lưu ở Can kinh là vì khí ở Can bị uất, mà uất thì tất thi nó nghịch lên, nó nghịch lên, chỉ TIÊU DAO TÂN là hay giải được uất nghịch làm cho Can được thông thả thênh thang, lại thêm có NHÀN TRẦN để lợi thấp, CHÍ TÚ để thanh nhiệt. Uất nghịch đã giải rồi thì Can Khi được thanh, thấp nhiệt tự nhiên hết. Phương thuốc này thật là kỳ diệu và thần tốc. Nếu chỉ lợi thấp thanh nhiệt để trị Đái mà không hỏi gì đến Can Khi, thì làm sao mà chỉ được bệnh Đái.

oOo

黃 帶 下  
**HOÀNG ĐẠI HẠ**  
(Nước mạch Đái (2x) chảy xuống vàng)

Nước ở mạch Đái chảy xuống có khi màu vàng, vàng in như nước trà đặc mà mùi hơi tanh. Đó là hoàng đái. Sở dĩ gọi hoàng đái ấy là bởi mạch Nhâm (10) bị Thấp Nhiệt sanh ra.

Mạch Nhâm (10) vốn không có thể dung nạp thủy thấp, làm sao thủy thấp vào được mà hóa ra hoàng đái ?

Bởi vì mạch Đái đi ngang, đi vòng quanh lưng rốn rồi mới thông với mạch Nhâm. Mạch Nhâm chạy thẳng lên môi và răng, môi răng là nơi vẫn có một mạch nước không bao giờ hết. Nước ấy chảy thông suốt xuống mạch Nhâm để hóa ra tinh. Nhưng mạch Nhâm có nhiệt khi quấy nhiễu thì nước màu ở bào thai, không hóa ra tinh mà hóa ra thấp.

Thấp là thò khí bởi thủy làm nên, Nhiệt là hỏa khí bởi mộc sinh ra, thủy thi sắc đen, hỏa thi sắc hồng. Nay thấp với nhiệt hợp lại với nhau rồi, hỏa muốn hóa sắc hồng không được mà thủy muốn trở lại màu đen cũng không được nữa, bèn đúc kết lại nung nấu biến thành một thứ nước vàng, không theo bản sắc của thủy hóa mà hóa, lại theo thấp khí mà hóa. Bởi vậy mạch Đái chảy ra nước vàng.

Phép trị nên bồ hù cho mạch Nhâm, mà thanh nhiệt cho Thận. Nếu coi thường không suy xét, mà cho sắc vàng là sắc của Tỳ thò, hoàng đái là bệnh bởi Tỳ thò, rồi cứ đan trị Tỳ thò thì làm sao mà trị hết.

Phương thuốc (1) này gọi là:

DỊCH HOÀNG THANG 易黃湯 :

山藥	SƠN DƯỢC	1 lạng.
芡實	KHIẾM THỰC	1 lạng.
白蘿	BẠCH QUẢ	10 quả, bỏ vỏ, bỏ mang.
黃柏	HOÀNG BÀ	2 đồng.
車前子	XA TIỀN TỬ	1 đồng.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang, không có thể không hết bệnh hoàn toàn.

Phương thuốc này không những chỉ trị một bệnh hoàng đái mà bệnh đái khác cũng đều trị được, nhưng trị bệnh hoàng đái thì công hiệu thần kỳ hơn. Bởi SƠN DƯỢC, KHIẾM PHỤC đã chuyên bồ hù cho mạch Nhâm lại hay lợi thủy, thêm vào đó có BẠCH QUẢ dẫn thuốc vào mạch Nhâm càng mau chóng, mà lại còn có XA TIỀN, HOÀNG BÀ để thanh hỏa cho Thận, giải nhiệt cho mạch Nhâm.

黑 带 下  
HẮC ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái (21) chảy xuống đen)

Nước ở mạch Đái chảy ra mầu đen, bệnh mà nặng thì ra như nước đậu đen, xông hơi ra cũng có mùi tanh. Đó là hắc đái. Sở dĩ gọi là hắc đái ấy là bởi « hỏa nhiệt cực ».

Nếu còn ngờ mà bảo rằng : « hỏa nhiệt cực thi hỏa vẫn là sắc đỏ, sao lại thành đen được, hay là « hàn hàn cực » thi mới đen, vì hàn sắc hắc ».

Nào có hay « hỏa sắc đỏ là bản sắc của nó, nhưng nó mà nhiệt cực thi nó có một giã tượng tựa như thủy ». Nay xem những người ấy có những chứng bệnh : trong bụng thi đầy, mà mỗi khi tiêu tiện lại buốt như giao cắt; âm mòn thi phát thũng; sắc mặt thi đỏ; lâu ngày, thân thè gầy ốm phát vàng; dưới trái tim phiền táo; trong miệng thi nóng khát. Khát phải uống nước mát mới thấy hơi khoan khoái. Ấy là hỏa ở Vị quá vượng hiệp với hỏa Mạnh Mòn, Bàng quang, Tam tiêu mà hun nấu, hun nấu đến khô mà biến sắc ra, chứ chẳng có một chút hàn khí nào cả.

Những chứng bệnh như thế mà không đến nỗi phát cuồng là hoàn toàn còn nhờ có Thận Thủ và Phế Kim vô bệnh. nuôi cho những khí chất sinh sinh bất tức đề nhuận tâm, thanh vị mà cứu vớt lại.

Tóm lại, sở dĩ thành chứng bệnh Hắc Đái ấy là bởi hỏa kêt ở dưới mà chẳng bốc lên đốt ở trên.

Phép trị chỉ nên chủ ý về tiết hỏa, thi nhiệt thoái mà thấp tự nhiên trừ.

Phương thuốc (1) này gọi là LỢI HỎA THANG 利火湯

黃連 HOÀNG LIÊN

3 đồng sao vàng.

石炭 THẠCH CAO

5 — đốt chín.

火子	CHI TỬ	3 đồng sao cháy
劉哥	LƯU KÝ NÔ	3 —
知母	TRI MÃU	2 — sao vàng
大黃	ĐẠI HOÀNG	2 — sao vàng
王不留行	VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH	3 —
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — tám hoàng thò sao (4).
茯苓	PHỤC LINH	3 —
車前子	XÀ TIỀN TỬ	3 — tám rượu sao.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang tiêu tiện thông lợi mà hết đau buốt, uống 2 thang hắc đái đòi ra bạch đái, uống 3 thang bạch đái bớt dần, lại uống thêm 3 thang nữa hoàn toàn hết bệnh.

Nếu ai bảo rằng phương thuốc này quá mạnh về phần thông lợi, thì kẻ đó chẳng biết rằng: cái phép dùng thuốc để trị cái hỏa lúc dương thịnh không được khiêm tri. Vì như chữa cháy, mà lại chữa thông thã, hời hợi thì thế lửa mạnh có thể cháy cả cánh đồng.

Nay dùng HOÀNG LIỀN, THẠCH CAO, CHI TỬ, TRI MÃU là cùng một loại dược phẩm hàn lương hiệp vào với ĐẠI HOÀNG thì tảo trừ rất mau chóng, mà lại được VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH và LƯU KÝ NÔ lợi thấp cũng rất mau, lại có những vị tá như BẠCH TRUẬT bò thò, PHỤC LINH thẩm thấp, XÀ TIỀN lợi thủy thì thấp nhiệt không còn có cái cơ định trú lại, thế là « hỏa thi thoái mà thủy thi tiến ».

oOo

### 赤帶下 XÍCH ĐÁI HẠ

(Nước mạch Đái (x) chảy xuống đở)

Nước mạch Đái có khi chảy xuống nó hồng lụa như huyết mà không phải là huyết cứ rỉ rỉ giảm dần không hết dứt. Đó là xích dài.

Xích Đái cũng là bệnh thuộc thấp. Thấp là bởi khí « đất » mà đất thì phải là màu vàng pha trắng (vàng lợt) sao nay không vàng trắng mà lại đỏ. Bởi vì đỏ là thuộc nhiệt, nhiệt thuộc hỏa, hỏa màu đỏ, cho nên mạch Đái chảy ra đỏ.

Hỏa nhiệt ấy không phải chỉ có một cái hỏa ở Mạnh-môn nó quấy nhiễu mà ra thế đâu. Mạch Đái còn thông với Thận. Thận khí còn thông với Can. Đàm bà tru tư lầm thì thương Tỳ, lại uất nộ nhiều thì thương Can. Hỏa ở Can mà cháy mạnh thi xung khắc với Tỳ-thò. (mộc khắc thô) Tỳ thò bị khắc thi ăn uống không vận hóa sinh ra thấp nhiệt, cái khí thấp nhiệt ấy nó bị hâm ở khoảng mạch Đái. Về phần Can cũng không tàng huyết, huyết ấy cũng thẩm vào mạch Đái. Thế là thấp nhiệt ở Tỳ và huyết ở Can, hai thứ trộn với nhau, chảy ra màu sắc do đỏ như huyết mà không phải là huyết. Như vậy ai bảo xích đái thuộc hỏa là lầm.

Phép trị nên thanh Can Hỏa mà trợ Tỳ Khí.

Phương thuốc (1) này gọi là :

THANH CAN CHỈ LÂM THANG 清肝止淋湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THUỐC	1 lạng, tầm giấm sao.
生地	SINH ĐỊA	5 đồng, tầm rượu sao
阿膠	A GIAO	3 — lấy bạch miến sao
丹皮	ĐƠN BÌ	3 —
黃柏	HOÀNG BÁ	2 —
香附	HƯƠNG PHỤ	1 — tầm rượu sao
牛膝	NGƯU TẮ	2 —
紅棗	HỒNG TÁO	10 quả.
小黑豆	HẮC ĐẬU (nhỏ)	1 lạng sao.

Lấy nước sắc uống. Uống một hai thang bớt dần dần, uống 4 thang hết hẳn, uống 10 thang không tái phát.

Phương thuốc này chỉ chuyên bò Can Huyết, hoàn toàn không có thông lợi Tỵ Thấp. Bởi vì bệnh xích dài, thuộc hỏa, hỏa nặng hơn thấp.

Hỏa vượng là bởi huyết suy, cho nên bò huyết tức là đè đè nén hỏa xuống mà thêm một chút phần thanh hỏa, chứ không phải lợi thấp. Nếu nhất thiết lợi thấp thì thành ra dẫn hỏa hạ hành, làm cho bệnh chuyển sang phần khác, mà trị khó có công hiệu mau chóng.

Có người nói rằng: « Trong phép trị kè trên, Tiên Sinh nói nên « trợ tỳ khí » nay lại bảo chỉ « bò can huyết » là thế nào? — Bởi chẳng biết rằng: dùng THƯỢC DƯỢC đè bình Can, thì Can khí tự nhiên được thư thái, Can khí đã thư thái tự nhiên không khắc Tỵ thò, Tỵ thò không bị khắc thì Tỵ thò tự nhiên đã được vượng. Thế là bình Can huyết chính là đè trợ Tỵ khí, mà trợ Tỵ khí không phải nhờ đến được phẩm SÂM TRUẬT.



妊娠  
**5. NHÂM THÂN**  
(*Mang thai*)



妊娠惡阻  
**NHÂM THÂN Ố TRỞ**

(*Khi mang thai, tức ngực, nặng tim trở ngại không cho ăn*)  
(*Thai nghén*)

Đàn bà khi có thai rồi, trong tim tức tối, thấy cơm gồm sơ, mà ăn vào thì ụa mửa, thèm của chua, muốn uống nước, mỏi mệt muốn nằm. Người ta không phân biệt rõ ràng, gọi chung ngay là « ố trở », mà cũng chẳng biết đó là chỉ bởi có một Can Huyết bị nóng ráo.

Ôi ! người đàn bà mà thụ thai là nhờ có cái gốc bời thận khí vượng. Thận khi vượng cho nên hay cầm giữ được dương tinh.

Nhưng thận một khi đã chịu lấy dương tinh để thành thai rồi thì thận thủy phải nuôi dưỡng cái thai, không đủ phần tư nhuận để phân hóa đi cả ngũ tạng.

Trong ngũ tạng có Can là con Thận, Can hăng ngày phải nhờ hơi mẹ (Thận) để được thư thái, nếu trong một ngày mà không có cái nước tan dịch đem nuôi Can thì Can bị khô ráo. Can mà bị khô ráo thì phải đi tìm tòi mà cầu cứu đến mẹ là Thận thủy.

Nếu mẹ lại không đáp ứng thì Can có tính cấp, (nóng-nảy muốn làm ngay) cấp thì hỏa động mà khi nghịch lên Can khi đã nghịch lên thì làm ra chứng ụa mửa, nhấm nhòi trong tim.

Chứng ụa mửa tuy không đến nỗi phương hại lắm, nhưng ụa mửa mãi cũng có một phần tốn thương chán khi. Khi mà đã bị tốn thương thì can huyết càng hao tòn.

Bài TÚ VẬT THANG (Xuyên khung, xuyên quy thận, thục địa, bạch thược) chính là bài thuốc để trị các chứng bệnh trong khi mang thai đẻ sinh huyết bò Can, cho Can khỏi bị khô.

Ôi ! bò Can đẻ sinh huyết cho Can như thế không phải là không tốt. Nhưng nếu chỉ sinh huyết mà không biết sinh khí thì khí ở Tỳ Vị suy yếu. Tỳ Vị mà bị suy yếu thì càng làm cho ụa mửa thêm.

Ưa mửa nhiều thì chán Khí hư, Khí hư thì sợ rằng có uống TÚ VẬT THANG để bò huyết cũng khó mà sinh được huyết. Cho nên trong phần bò Can huyết át phải thêm phần « kiện Tỳ khai Vị » để bò khí thì rời « khí năng sinh huyết » mà cài thai cũng được tư dưỡng.

Hoặc giả còn ngờ rằng : « Khi đã nghịch mà lại còn dùng thuốc bò khí thì có giúp ích cho sự khí nghịch ấy chăng ? »

Bởi chẳng biết : Người mang thai mà ố trở là bởi Can huyết táo làm cho khí nghịch, nhưng khí nghịch không hại lâm. Vả chăng cài nghịch ấy là bởi « nội hư » mà nghịch, chứ không phải bởi « ngoại tà » mà nghịch.

Ngoại tà mà làm nghịch, nếu trợ khí thi bệnh nghịch càng tăng ; nội hư mà làm nghịch, được bò khí thi bệnh nghịch chuyển xuôi. Huống chi nay bò khí ở trong phần bò huyết thi âm huyết đủ để chế ngự dương khí còn có lo gì thượng nghịch nữa.

Phương thuốc (1) này dùng :

THUẬN CAN ÍCH KHÍ THANG 順肝益氣湯

人參	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
白朮	BẠC JI TRUẬT	3 dĩng, tầm hoàng thò sao (4)
茯苓	PHỤC LINH	2 —
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3)
當歸	ĐƯƠNG QUÝ	1 lạng, lấy rượu rửa.
白芍	BẠCH THUỐC	3 — lấy rượu rửa.

木冬 MẠCH ĐÔNG . 3 đồng, khứ tâm  
陳皮 TRẦN BÌ 3 phần  
砂仁肉 SA NHÀN NHỰC 1 — sao, giã nát  
正歸子 TÔ TỬ (chính) 1 — sao, giã nát  
神曲 THẦN KHÚC 1 — sao (23)

Lấy nước sắc uống. Uống một thang bệnh đã nhẹ, uống 2 thang bình thường, uống 3 thang bệnh khỏi hoàn toàn.

Phương thuốc này bình Can, thì Can khi không nghịch nữa ; bồ thận thì Can huyết không háo nữa, bởi vì bồ khí thì huyết dê sinh.

Phàm những bệnh ố trở trong khi có thai đều nên lấy phương Thuận Can Ích Khi này mà uống, uống rất hay, ai uống cũng khỏi cả. Công hiệu của nó còn hay hơn TÚ VẬT THANG.

oOo

妊娠口乾咽痛  
**NHÂM THẦN KHẨU CAN YẾT THỐNG**  
(Có thai khô miệng, đau cuồng họng)

Đàn bà có người khi mang thai ba bốn tháng, tự nhiên thấy miệng lưỡi khô ráo, cổ họng đau đớn, không có nước miếng thấm nhuần mà cái thai lại chuyền động, không được yên. Có khi bệnh nặng còn ra huyết như hành kinh. Người ta cho là « hỏa động », ai biết đó là « thủy suy ».

Ôi ! nói cái thai thì cái thai nào cũng vẫn là phải nhờ có « Tinh và huyết » cùng kết lại với nhau mà thành thai rồi hàng tháng nuôi thai.

Còn nhân tuy phản ra mỗi tháng thuộc mỗi kinh lạc nhưng thực ra cũng không bỏ được cái căn bản là « Thận thủy dưỡng thai ». Cho nên Thận thủy mà đủ thì cái thai yên, Thận thủy mà thiếu thì cái thai động.

Như vậy, nếu kẻ nói rằng : « Thận thủy » làm sao có thể động được thai, chỉ « Thận hỏa » mà động thì cái thai mới bị động. Bởi chẳng biết : « hỏa » mà hữu dư là bởi « thủy » bất túc. Thủy bất túc thì hỏa làm dữ mà động thai, cho nên tất nhiên phải bò thủy mà cái thai được yên. Đó cũng là cái ý nghĩa « ký tế » (2). Chỉ có rằng bò thủy thì thủy không sinh ngay được, nên bò Thận thủy tất phải bò Phế kim trước, kim mà đã sinh thủy thì dễ dàng nén cái hỏa xuống. Trong khi bò thủy chế hỏa nên gia thêm một chút những được phàm thanh nhiệt thì cái thai không có cái lý gì mà không yên.

Phương thuốc (1) này dùng :

NHUẬN TÁO AN THAI THANG 潤燥安胎湯

熟地	THỰC ĐỊA	1 lang (3)
生地	SINH ĐỊA	3 đồng
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 —
麥冬	MẠCH ĐÓNG	5 — khử tâm
五味	NGŨ VỊ	2 — sáo
阿膠	A GIAO	2 — lấy cáp phẩn sao
黃芩	HOÀNG CẨM	2 — tẩm rượu sao
益母	ICH MẦU	2 —

Lấy nước sắc uống, uống 2 thang hết bệnh nóng rát, uống 2 thang nữa cái thai yên, uống liên tục 10 thang nữa cái thai yên định như bàn thạch.

Phương thuốc này chuyên điều bù chân tinh cho Thận và kiềm bò Phế, nhưng bò Phế cũng chỉ là ý nghĩa đè bò Thận, đè Thận thủy viروong thì Thận không bị khô ráo mà Hỏa không còn đốt cái thai nữa thì làm sao có thể không yên thai được.

妊娠吐瀉腹痛

### NHÂM THẦN THỎ TÀ PHÚC THỐNG

(Khi mang thai đau bụng vừa thở vừa tả)

Đàn bà có người khi mang thai bị đau bụng cuồng quyt không thể chịu được, lại còn thương thở hả tả, mà cái thai thì động không yên. Thế mà người ta còn cho là nhiệt, chẳng biết đó là bởi « Tỳ Vị hư hàn thái quá ».

Ôi! nguyên khi ở Tỳ Vị mà bị hư thi bào thai vô lực, ắt sợ rằng sẽ có thể xảy ra băng huyết và hư thai. Huống chi lại trên thở dưới tả thi cái khí của Tỳ Vị đã hư, nhân vây lại càng hư thêm. Tỳ Vị đã hư cực mà muốn cho bào thai vô bệnh có thể được sao?

Nhưng bệnh tình như thế mà cái thai hãy còn không đến nỗi truy hạ là nhờ có cái Thận khí còn tốt mà nó giữ lại được. Tại sao vậy?

Bởi vì giây bào thai buộc vào Thận mà liên lạc với mạch Tim. Thế là Thận khí trên giao liên với Tim, dưới thông với bào thai, Thận khí còn tốt thi Thận khí giữ thai lại được. Cho nên bào thai có muôn truy hạ cũng không truy hạ được. Vả chăng Thận khí mà kiên cố thi Thận ắt đem « thiểu hỏa » (31) củ minh mà sinh trưởng cho Tỳ; Tâm khí mà thông khoái thi Tâm ắt đem « quán hỏa » của minh mà viện trợ cho Vị, thế thi Tỳ Vị tuy có bị hư nhưng chưa đến nỗi tuyệt, thi bào thai tuy có bị động cũng không đến nỗi truy hạ.

Vậy muốn giữ vững cái bào thai có lẽ nào mà không cắp bồ cho Tỳ Vị chăng?

Chỉ có rằng trong cái lúc khí của Tỳ Vị « có thể tuyệt mà chưa tuyệt », nếu chỉ bồ Tỳ Vị không thôi, thi Tỳ Vị sinh trưởng có phần chậm. Cho nên trong cái lúc bồ Tỳ Vị, nên bồ cả hỏa cho Tâm và Thận để cho hỏa sinh thở thi cả hai nỗi tiếp nhau sinh trưởng mà bảo vệ bào thai, bào thai mới được yêu định chắc chắn.

Phương thuốc (1) này dùng :

VIỆN THỒ CỐ THAI THANG 捩土固胎湯

人參	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — tần hoàng thò sao (4).
山藥	SƠN DƯỢC	1 — sao
山萸肉	SƠN DU NHỤC	1 lang sao chín
枸杞子	CẨU KỶ TỬ	3 đồng
菟絲子	THỒ TY TỬ	3 — tần rượu sao
杜仲	ĐÔ TRỌNG	3 — sao đen
續斷	TỤC ĐOẠN	3 —
炙草	CHÍCH THẢO	1 —
砂仁	SA NIÂN.	3 hạt, sao, giã nát.
附子製	PHỤ TỬ CHẾ	5 phần
肉桂	NHỤC QUẾ	2 phần cạo sạch vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống, uống một thang hết bệnh đi tả, uống 2 thang các bệnh đều hết cả.

Phương thuốc này cứu Tỳ Vị thò 8-10, mà trợ Tâm Thận hỏa 2/10. Thế là trợ hỏa nhẹ hơn phần cứu thò, vì thò muôn tuyệt mà hỏa chưa đến nỗi suy lâm. Có nghĩa là « nếu không trọng tề không thể cứu vớt được khi Thò muôn tuyệt, còn như Hỏa mà suy thì chỉ tiêu tề cũng đã đủ để cứu trợ ».

Người có thai dùng thuốc Lao giờ cũng cần dùng QUẾ, PHỤ vì sợ có hại đến cái thai. Gặp trường hợp bất đắc dĩ mà phải dùng cũng không nên dùng nhiều. Như trong phương thuốc này những vị hơi có chút nhiệt chỉ dùng đến số « đồng càn », mà vị đại nhiệt cũng chỉ dùng đến số « phần ». Dùng ít như thế chẳng qua là để dần hỏa chứ không phải dùng để tráng hỏa.

Nếu bệnh này bảo là « thai nhiệt » mà dùng HOÀNG CAM để thanh nhiệt lương thai thì làm lấn rất lớn.

妊娠小腹痛  
NHÂM THẦN THIẾU PHÚC THỐNG  
(Khi mang thai đau bụng dưới)

Dương khi mang thai đau bụng dưới làm cho cái thai động không được yên, như có tình trạng muốn truy hạ. Người ta chỉ biết đó là mạch Đái (21) vò lực, ai biết, đó là bởi Tỳ và Thận cả hai đều khuy tồn đau ?

Ôi ! bào thai tuy buộc vào mạch Đái, nhưng thực ra mạch Đái quan hệ đến Tỳ Thận. Nếu Tỳ Thận mà khuy tồn tức thị bào thai không còn nhờ vào đâu để chịu đựng đầm đang, cho nên phải bồ cả Tỳ và Thận thì bào thai mới có thể cõi thủ.

Người nào mà bảo rằng : « giày bào thai thông với Tâm Thận, không thông với Tỳ, thế thì bồ Thận được rồi, việc gì phải bồ Tỳ » ?

Bởi người ấy chẳng biết : Thận là gốc ở tiên thiên (28) Tỳ là gốc ở hậu-thiên (32), tiên-thiên, hậu-thiên coi thật khác xa, thế mà Tỳ không có cái khí của « tiên-thiên-thận » thì Tỳ không thể hóa, và Thận mà không có cái khí của « hậu thiền tỳ » thì Thận cũng không thể sanh. Bởi vậy nay bồ « hậu thiền tỳ » tức là bồ cả « tiên thiền thận », bồ cả tiên thiền, hậu thiền tức là bồi bồ cái khí huyết cho bào thai.

Biết rõ ràng như thế mà lại không lưỡng bồ cả Tỳ Thận sao !

Phương thuốc (1) này dùng :

AN ĐIỆN NHỊ THIỀN THANG 安寧二天湯:

人參	NHÂN SÂM	1 lạng (13).
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — tần hoàng thò sao (4).
扁豆	BIÊN ĐẬU	5 đồng sao, bỏ vỏ.
炙草	CHÍCH THẢO	1 đồng.
熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3).

山 森 SƠN DƯỢC 5 đồng sao.  
山 肉 SƠN DU NHỰC 5 — sao chín.  
杜 仲 ĐÔ TRỌNG 3 — sao đen.  
枸 杞 CÂU KỶ 2 —

Lấy nước sắc uống, uống một thang hết đau, uống 2 thang cái thai yên.

Ôi, cái bệnh động thai này tức là bởi Tỵ và Thận cả hai đều bị khuy tồn, theo lẽ tự nhiên, nếu chẳng đại dụng cả SÂM, TRUẬT, THỰC ĐỊA là được phàm bò dương bò âm thì chắc chắn không thể vẫn hồi được trong chốc lát.

Người đời mà sờ dùng SÂM, TRUẬT, hay có dùng cũng chỉ dùng ít rồi chờ đợi để thu công là bởi không thấy được chứng bệnh đích xác, cho nên ít có công hiệu.

Phương thuốc này mà hay chính là hay ở chỗ dám « dùng nhiều ».

oOo

妊娠浮腫  
**NHÂM THẦN PHÙ THỦNG**  
(*Khi mang thai phát phù thủng*)

Khi mang thai khoảng bốn, năm tháng, chân tay mình mẩy nhức mỏi, ăn uống không biêt ngon, trước sau 2 chân dần dần khắp mình và đầu mặt đều sưng phù. Người ta cho là bởi « thấp khí » mà thế. Ai biêt đó là bởi Tỵ Khi, Phế Khi đều bị hư.

Ôi! trong khi mang thai, tuy có tính từng tháng mà phần tách ra để dưỡng thai cho tháng nào hợp với kinh mạch tháng ấy. Nhưng thực ra cũng chẳng nên cầu nệ vào ngày tháng cho lắm. Tóm lại chỉ nên kiêng Tỵ, bò Phế làm đại cương.

Bởi vì: Cái thai không có khí thì không sinh, không có huyết thì không thành, mà Tỵ là đầu mối của huyết. Tỵ khoẻ thì huyết vượng mà ấp ú cái thai, Phế chủ về

Khi Phế thịnh thì khí vượng mà bồ ích cho con. Nếu Tỳ hư thì huyết thiếu, huyết thiếu thì không hay dẫn huyết ra chân tay mình mày; Phế suy thì khí thiểu, khí thiểu thì không hay dẫn khí ra ngoài bì phu.

Khi và huyết đều hư cả thì Tỳ Phế không làm việc sê sinh ra ăn uống khó tiêu, tinh vi không hóa, thế tất nhiên khi huyết bị hạ hâm không dẫn lên được thì thấp khí bèn nhàn cái chỗ sở hư ấy tụ lại mà thành ra bệnh phu thũng

Như vậy bệnh phù thũng này không phải bởi khí huyết hư sinh ra mà thế dù!

Phép trị nên bồ Tỳ huyết và Phế Khí, bất tất phải khử thấp mà tự nhiên trừ được.

Phương thuốc (1) này dùng:

GIA GIẢM BỒ TRUNG ÍCH THANG 加減補中益氣湯

人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13).
黃芪	HOÀNG KỲ	3 — dùng sống
柴胡	SÀI HỒ	1 —
甘草	CAM THẢO	1 phần,
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 đồng lấy rượu rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — làm hoàng thò sao(4).
茯苓	PHỤC LINH	1 lạng.
升麻	THĂNG MA	3 phần.
陳皮	TRẦN BÌ	3 phần.

Lấy nước sắc uống, uống 4 thang khởi, uống 10 thang không tái phát.

Ôi! lập ra phương BỒ TRUNG ÍCH KHÍ là chủ pháp để thăng đè cái khí của Tỳ Phế. Vậy thì tựa hồ chỉ chuyên có bồ khí mà không có bồ huyết sao?

Nhưng « huyết mà không có khí thì không fsinh ». Vậy thi nay bồ khí tức là đè sinh huyết. Xem như phương DƯƠNG

QUY BỒ HUYẾT THANG (33) mà lại lấy HOÀNG KỲ vi quân, thì biết cái công hiệu « bồ khí đê sinh huyết » rành rành vậy.

Huống chi trong khi Thấp Khi dương nhân cái lúc Tỵ Phế hư mà xâm lấn, chưa thuận tiện cho việc đại bồ huyết. Vì sợ rằng âm đã quá thịnh mà lại đại bồ huyết thì thành ra tăng mài phần âm. (Có nghĩa là nước đã nhiều lại còn rót mài nước vào). Vậy chỉ nên bồ khí mà lấy được phàm lợi thấp làm trợ tá, thì khi lên mà thủy càng dễ tiêu tan, tức thì huyết cũng theo đó mà sinh ra.

Nhưng trong phương thuốc này trọng dụng PHỤC LINH đến một lang, chẳng phải là lấy vị thuốc lợi thấp làm quân sao ? Chao ôi ! trị bệnh thấp của người có thai, nếu không lấy vị thuốc ấy làm quân thì còn lấy vị gì làm quân được. Huống chi trọng dụng PHỤC LINH ở trong thuốc bồ khí, thì tuy là thấm thấp mà thực là đê kiện Tỵ thanh Phế. Vả chăng, phàm những thuốc khác đê trị thấp phần nhiều là bị háo khí, mà chỉ PHỤC LINH hợp dụng với SÂM, TRUẬT đê trị thấp thì thật là phần bồ nhiều hơn phần thấm lợi. Bởi vậy, trọng dụng PHỤC LINH đê trị thấp mà tức là đê bồ khí huyết.

○○○

妊娠腰腹疼，汗，渴，躁狂  
NHÂM THẦN YÊU PHÚC ĐÔNG,  
HÃN, KHÁT, TÁO CUỒNG  
(Khi mang thai đau bụng, đau lưng,  
ra mồ hôi, khát nước, nóng này phát cuồng)

Khi mang thai có người ra mồ hôi nhiều, khát nước muốn uống rất nhiều nước lạnh, mà buồn phiền nóng này phát cuồng, lại đau lưng đau bụng mà cái thai như muốn trút ra. Người ta vẫn biết đó là « hỏa thịnh cực » nhưng chẳng biết hỏa ở kinh nào nó thịnh cực ?

Đó là Vị Hỏa đốt cháy, hun nấu cái nước ở bào thai, làm cho nước trong bào thai bị khô can, cái thai mất phàn dinh dưỡng, cho nên thai động không yên.

Ôi ! Vị là cái biến để chữa cơm nước, là cái kinh có  
nhiều khí, nhiều huyết, để phân dưỡng đi ngũ tạng, lục phủ  
(31). Cũng như vạn vật đều nhờ Thò khí (dất) để sống, Thò  
khí mà hau thì vạn vật mới sống, Thò khí mà bắc thì vạn  
vật tắt phải chết.

Nhưng Thò khí sở dĩ được hau là hoàn toàn nhờ có  
hỏa khi đê sinh ra. Nay Vị (Vị thuộc Thò) mà hay chữa dụng  
cơm nước cũng là nhờ có hỏa khi đê tiêu hóa đi.

Như vậy Thò phải nhờ có Hỏa, mà hỏa thịnh thì lại  
làm bệnh tai hại đến thế là tại sao ? — Bởi chẳng biết rằng :  
Nếu thò mà không có hỏa, thì thò khó phân sinh sản, nhưng  
thò mà lại nhiều hỏa quá cảng hay đốt cháy đến thủy. Tuy  
rằng trong thò phải có hỏa thì thò mới không chết, nhưng  
trong thò cũng phải có thủy thi thò mới không bị khô ráo.  
Nay Vị hỏa vượng quá tắt nhiên hun đốt Thận thủy đến khô  
cạn. Thận thủy đã bị khô cạn, thì Vị thò đã không có thủy  
để dù thăm nhuần cho chính Vị thò, thi Vị thò còn lấy gì  
mà phân chia thăm nhuần cho bào thai. Như vậy thi cái thể  
của hỏa nung nấu mạnh quá làm cho cái thai phải chịu sự  
bức bách, làm sao không hạ trụy cho được. Thật đúng ý  
nghĩa của Nội Kinh (35) dạy rằng : « Nhị dương chi bệnh phát  
tâm tỳ ». Nghĩa là Dương Kinh thứ 2 mà có bệnh là tự tâm  
hỏa và tỳ thò phát ra. (Nhị dương là Thủ dương minh đại  
trường và túc dương minh Vị. Nhưng nghĩa câu này chỉ nói  
Vị Kinh, không liên can đến đại-trường).

Phép trị ắt nên thêm nước, bớt lửa đê cho chân thủy  
được vượng thi cái thể mảnh hỏa tự nhiên bình. Hỏa đã  
bình thi bệnh cuồng táo của cái thai cũng tự nhiên yên định.

Phương thuốc (1) này dùng

TÚC PHÂN AN THAI THANG 息艾安胎湯

生地 SINH ĐỊA	1 lạng, tẩm rươi sao.
青蒿 THANH CAO	5 ống (36).
白朮 BẠCH TRƯẬT	5 – tẩm hoàng thò sao(4).

茯苓	PHỤC LINH	3 —
人參	NHÂN SÂM	3 — (13).
知母	TRI MÃU	2 — cao sachsen lóng.
天花粉	THIÊN HOA PHẤN	2 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang bệnh cuồng đã hơi yên, uống 2 thang bệnh cuồng thật yên, uống 3 thang cái hỏa đã thanh giải hết mà cái thai cũng yên định.

Phương thuốc này về dược liệu có phần nặng, làm cho có người lo rằng mạnh quá, không dám dùng cả. bởi chẳng biết rằng trong cái lúc mang thai mà cái hỏa nó mạnh như thế, nếu không dùng đại tể làm sao chữa được cháy. Nếu cái hỏa không tắt thì bệnh cuồng không hết, bệnh cuồng không hết thì cái thai yên làm sao được. Huống chi trong phương thuốc này những vị đề thêm nước đều dùng những vị có tính chất cam hàn, không có tính chất khô hàn, thì chớ có quá lo vây.

oOo

### 妊娠子懸脅痛

### NHÂM THẦN TỬ HUYỀN, HIẾP THỐNG

(Khi mang thai cái thai bị gǎng làm đau hai bên hông)

Khi mang thai, có người vẫn áp ủ trong lòng sự uất giận lo âu làm cho cái thai bị động không được yên, hai bên hông buồn bức đau nhức mà nó gǎng tức như giây cánh cung kéo thẳng. Người ta chỉ biết đó là bệnh « tử huyền » (cái thai nó gǎng ưỡn lên) Ai biết đó là « Can khi bất thông ».

Ôi ! Việc nuôi thai tuy rất quan hệ ở Thận thủy, nhưng nếu Thận thủy mà không có Can huyết tương trợ thì thật là Thận thủy bị kẹt vào cái thể độc lực khó phần chống đỡ. Cho nên việc bảo dưỡng cái thai tất nhiên là nhờ có Thận thủy, nhưng hẳn rằng cũng không có thể không nhìn vào Can huyết, tức là tuy nhờ có Thận thủy mà cũng cần phải có Can huyết tương trợ.

Nếu Can khí mà không bị bế, Can khí mà không bị uất, thì tất là Can huyết vượng. Can huyết vượng tự nhiên có đủ sức tươi bón cho bào thai. Như vậy Can huyết hợp với Thận thủy cùng hiệp lực bảo dưỡng bào thai.

Nay Can khí vì uất nhiệt mà bế lại thì Can huyết ít đi, cái thai không được đủ huyết để ấp ủ, cái thai tắt phải nhoi lên. Đó là bởi uất khí mà thế, chẳng nên vội nhận là tự ý cái thai nó nhoi lên mà dùng những dược phẩm đè thanh tiết cho cái thai mà lầm.

Phép trị cởi mở sự uất kết cho Can khí, thanh bô sự táo nhiệt cho Can huyết thì bệnh « tử huyền » tự nhiên yên định.

Phương thuốc (1) này dùng GIẢI UẤT THANG 解 暑 湯		
人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
白 朮	BẠCH TRUẬT	5 — tần hoàng thò sao(4)
白 茗 苓	BẠCH PHỤC LINH	3 —
當 彙 身	ĐƯƠNG QUY THẦN	1 lạng, lấy rượu rửa.
白 苕	BẠCH THƯỢC	1 lạng, tẩm rượu sao.
枳 光	CHÍ XÁC	5 phần, sao.
砂 仁	SA NHÂN	3 quả, bỏ vỏ, giã nát.
山 油	SƠN CHI	3 đồng sao.
薄 荷	BẠC HÀ	2 đồng.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang bệnh đau buốt trừ hết, uống 2 thang bệnh tử huyền yên định, uống 3 thang hoàn toàn an kiện. Sau đó, bỏ vị CHÍ TỬ đi, uống thêm nhiều thang nữa, thì bệnh ấy không tái phát được.

Đó là thành được đè bình Can khí, giải Can uất. Khi uất đã giải rồi thì Can mộc không khắc Tý thò nữa, khi khí đã bình rồi thì Tâm hỏa không vọng động nữa. Trong phương thuốc này lại còn có những dược phẩm kiện Tý, khai Vị, đè cho ăn uống được, tự nhiên có tính có máu phần đi từ phía thi Can và Thận đều có cái cơ được thăm nhuần tươi mát mà bào thai không có lo bị khó ráo, thì còn sợ gì bệnh « tử huyền » không khỏi.

妊娠子鳴，腰痛  
NHÂM THẦN TỬ MINH, YÊU THÓNG  
(Khi mang thai, con trong thai khóc, lưng đau)

Khi có thai đã được bảy, tám tháng, hốt nhiên đứa trẻ trong thai khóc, mà nơi ngang lưng cứ nhâm nhầm đau. Người ta cho là bởi « thai nhiệt ». Ai biết đó là bởi « phế khí hư » (thiếu hơi thở).

Ôi ! đứa, trẻ ở trong bào thai, hoàn toàn nhờ hơi thở của mẹ để sinh hóa nén, hễ mẹ thở ra thì con cũng thở ra, mẹ hít vào thì con cũng hít vào, chưa từng có một hơi thở nào mà mẹ con giãn đoạn nhau được.

Nay đến thời kỳ cái thai được bảy tám tháng thì hơi thở của mẹ hẳn đã thấm mệt, mà đứa trẻ đã mạnh không thế nào tùy thuộc hơi thở của mẹ để hù hấp nhịp độ được, thế tất nhiên nó bức bách đòi hỏi không chịu chờ đợi sự hơi thở chậm trễ của mẹ nó. Một khi nó đã mất hơi thở liên tục của mẹ nó thì nó khóc lên ở trong bụng. Như thế tưởng là lạ mà xét ra thì có gì là lạ.

Bệnh này gọi là bệnh TỬ MINH, vì KHÍ HƯ là rất phải. (con khóc trong thai là vì thiếu hơi thở).

Phép trị nên đại bò khí đè hơi thở của mẹ và hơi thở của con hòa nhịp với nhau thì bệnh khóc tự nhiên hết.

Phương thuốc (1) này dùng

PHÙ KHÍ CHỈ ĐÈ THANG 扶氣止嘯湯

人參	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
黃芪	HOÀNG KỲ	1 — dùng sống
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tâm.
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng càn, lấy rượu rửa.
橘紅皮	QUẤT HỒNG BÌ	5 phần
甘草	CAM THẢO	1 đồng
天花粉	THIỀN HOA PHẤN	1 đồng

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang ngưng tiếng khóc, uống 2 thang không khóc nữa.

Phương thuốc này dùng SÂM, KỲ, MẠCH ĐÔNG để bò phế khí, phế khí mà vượng thì cái khí ở bào thai cũng được vượng. Như thế mà bảo rằng hơi thở của đứa con trong bào thai không theo hơi thở của mẹ để làm nhịp độ ho hấp cho đều, thì không thể nghe được.

-oOo

妊娠小便下血，病名胎漏  
NHÀM THẦN TIỀU TIỆN HẠ HUYẾT,  
BỆNH DANH THAI LẬU

(Khi mang thai tiểu tiện ra huyết, gọi là bệnh « thai lậu »)

Khi mang thai, cái thai vẫn yên không bị động và bụng cũng vẫn thường không đau, thế mà trong lúc đi tiểu tiện có khi ra huyết. Người ta chỉ biết thế là « huyết hư, thai lậu ». Ai biết đó là « dương khí bất túc » làm cho xúc động đường kinh mà huyết chảy ra.

Ôi ! Huyết là đề mát thái, mà cái huyết mát ở trong thai ấy phải nhờ có Khi để bảo vệ. Nếu Khi mà hư thì bị hâm lại không di lên được, tất phải di xuống. Khi di xuống thì cái Huyết mát thai ấy cũng theo mà di xuống.

Bởi vì Khi là đề bảo vệ cho Huyết, Khi đã hư thì Huyết không nơi nương tựa. Huyết đã không nơi nương tựa, tất nhiên táo cǎp mà sinh ra nhiệt tà. Huyết đã nhiệt thì nó động (nếu huyết mát thì nó tĩnh) mà đã động thì nó chảy ra ngoài không thể ngăn lại. Như thế thì làm sao mà bảo rằng huyết chẳng chảy xuống ư !

Phép trị nên bò cái huyết bất túc mà tả cái hỏa hưu dư thi huyết tự nhiên chỉ.

Phương thuốc (1) này dùng

TRỢ KHI BỎ LẬU THIANG 助氣補漏湯

人參	NHÂN SÂM	1 lang (13).
白芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng tăm rượu, sao.
黃芩	HOÀNG CẨM	3 — tăm rượu, sao đen.
生地	SINH ĐỊA	3 — tăm rượu, sao.
益母草	ÍCH MÃU THẢO	1 —
續斷	TỤC ĐOẠN	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà huyết ngưng, uống 2 thang không bị lâu trở lại.

Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM để bồi dương khí, khí vượng thì huyết có chỗ nương tựa mà không kẽ hở nào có thể thấm lâu ra được; dùng HOÀNG CẨM để tiết âm hỏa, hỏa tiết đi thì huyết không nhiệt mà không có cái cơ muộn động nữa. Khi và huyết đã hòa hiệp thì huyết quy kinh mà đều được yên nơi, yên chỗ cả, làm sao còn có cái lo tiết lâu nữa.

oo

妊娠跌損  
NHÂM THẦN ĐIỆT TỒN  
(Khi mang thai té ngã bị thương)

Khi mang thai, có người lỡ chân té ngã bị tồn thương, làm tồn thương đến cả cái thai, rồi chuyền đau trong bụng, tình thế của cái thai như muốn trụt ra. Người ta chỉ biết đó là bệnh « ngoại thương » (đau đớn nhức nhói ngoài thân thể). Ai biết đó là bởi « nội thương » (khi huyết suy tồn từ bên trong).

Nói chung : Người mang thai, trong mình không có bệnh gì cả, mà cái thai lại khỏe mạnh chắc chắn, nếu có ngã nhiều bị nghiêng ngã té què ra chẳng nữa, cái thai vẫn còn có thể là vô sự. Nay chỉ bởi khi huyết bên

trong đã suy yếu sẵn, cho nên hơi có dụng chạm chuyền động đến thận thề là cái thai bèn có vẻ không được yên.

Nếu chỉ làm những phép nắn bò, xoa bóp, đè trị ngoại thương thì hẳn là đã khó có công hiệu lại còn có thể bởi trị ngoại thương mà đi đến hư thai đó. Không thể không cần thận.

Vậy tất nhiên phải đợi bò khi huyết mà thêm một chút thuốc có tính cách lưu hành cai ú huyết, thì ú huyết tan mà cái thai được yên. Nhưng trong phần đợi bò khí, đợi bò huyết đó, nên cho thuốc bò huyết nhiều hơn thuốc bò khí, ấy là được.

Phương thuốc (1) này dùng :

CỨU TỒN AN THAI THANG 救損安胎湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, làm rượu, sao.
白芍	BẠCH THƯỢC	3 đồng làm rượu, sao,
生地	SINH ĐỊA	1 lạng làm rượu sao.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng làm hoàng thổ sao(4)
炙草	CHÍCH THẢO	1 —
人參	NHAN SÂM	1 — (13).
麻木	TÔ MỘC	3 — chè nhỏ.
乳香	NHŨ HƯƠNG	1 —
沒藥	MỘT DƯỢC	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hết đau nhức, uống 2 thang cái thai yên không có cái thề truy hạ, bắt tất phải uống đến 3 thang.

Phương thuốc này rất thần diệu ở chỗ đã đánh tan được ú huyết mà không phương hại đến cái thai, lại hay bò khí bò huyết mà không bị ngưng trệ, thật là thông khí lợi huyết mà không hại gì, lại khỏi cả bệnh đau nhức vì té ngã. Nói ngay, cả những người không có thai mà bị té ngã làm đau buốt nhức nhối cũng có thể dùng phương thuốc này.

妊娠多怒血胎

NHÂM THẦN ĐA NỘ NGÀ THAI

(Khi mang thai nóng giận nhiều quá, hư thai)

Đàn bà, có người sau khi có thai — bất luận là thai đã thành hình hay chưa thành hình — cái thai cứ thường bị hư ấy. Người ta đều bảo là bởi « khí huyết suy yếu quá, không thể giữ vững được cái thai ». Ai biết đó là bởi « cái tinh nóng này, hay tức giận nhiều làm cho Can hỏa động lên quá mức » mà sinh ra.

Ôi ! Can vốn là đề chứa đựng huyết, một khi nóng giận thì Can đã không chứa huyết lại còn khó giữ huyết lại.

Bởi vì Can tuy là thuộc mộc, mà thực ra Can giữ một chức vị tướng hỏa. Cái tinh tướng hỏa của Can muốn yên tĩnh mà lại rất khó làm cho yên tĩnh, không muốn động mà lại rất dễ gày nên động.

Như vậy là Can không chứa huyết mà tướng hỏa của Can muốn động, lại thêm nóng giận quá thì cái khí nó phi việt lên không thể sinh hòa khí sức cho cái thai, ắt chuyền đi xâm phạm đến tinh khí. Tinh khí bị tồn thương thì cái thai không được nuôi dưỡng, thế tất nhiên nó trụy hạ. Đúng như ý nghĩa Nội Kinh (35) nói rằng : « Tráng hỏa thực khí » nghĩa là hỏa mạnh quá thì tiêu tán cái khí.

Phép trị nên bình Can hỏa, hoạt lợi cho cái khí ở lồng và rốn, để khi sinh ra huyết mà huyết mát cho hỏa thì ngõ hầu có thể được.

Phương thuốc (1) này dùng :

LỢI KHÍ TIẾT HỎA THANG 利氣洩火湯 :

人参 NHÂN SÂM 3 đồng (13).

白朮 BẠCH TRUẬT 1 lạng lầm hoàng thô, sao(4)

七草 CAM THAO 1 đồng

- 熟地 THỰC ĐỊA 5 — thứ cửu chung rất tốt (37)  
當歸 ĐƯỢNG QUY 3 — lấy rượu rửa.  
白芍 BẠCH THƯỢC 5 — tắm rượu, sao.  
艾實 KHIẾM THỰC 8 — sao.  
黃芩 HOÀNG CẨM 2 — tắm rượu, sao.

Lấy nước sắc uống. Uống sáu bát thang cái thai được yên vậy.

Phương thuốc này cái danh tuy là lợi khí, mà thực là bồ khí. Nhưng bồ khí mà không thêm vị thuốc để tiết hỏa thì khí vượng mà hỏa không thè bluh, thành ra lại hại đến khí, cho nên gia HOÀNG CẨM ở trong thuốc bồ khí để tiết hỏa, lại có THỰC ĐỊA, QUY, THƯỢC để mát gan mà mạnh chân thủy thì huyết không khô ráo mà khí được điều hòa, nóng giận hết mà hỏa tự nhiên bình, bất tất phải lợi khí mà khí tự nhiên lợi.

ooo

妊娠中惡  
**NHÂM THẦN TRÚNG ÁC**  
(*Khi mang thai trúng ác khí*)

Đàn bà có người khi mang thai trong mình, hay khạc nhò nhiều đàm dãi. Hốt nhiên gấp phải luồng hơi nồng nặc, lạnh lẽo như có tà ma tấp vào người, tức thì trong bụng đau mà cái thai cứ nhoi đầu lên. Người ta nghi là bệnh « tử huyền » (cái thai ưỡn người lên đạp vào hông). Ai biết đó là bệnh trúng khí độc mà cái thai không yên.

Phàm những cái khí bất chính (tức tà khí) rất dễ làm cho thai bị cảm. Cho nên người đàn bà khi có thai, hẳn rằng, không nên vào dâng hương nơi miếu mạo và đến những chỗ âm thanh, cảnh vắng, đèn sâu, động cồ. Những nơi tịch mịch đó có nhiều những tung tích tà ma, rất dễ xúc phạm đến cái thai. Huống chi người có thai thường hay lầm đàm dãi, mà vì đàm dãi ấy làm cho đầu mặt dễ bị xâm, thậm

chỉ có khi còn nhìn không thật, nói không đúng. Cố ngữ có câu : « quái bệnh đa sinh ư đàm », nghĩa là những bệnh quái dị sinh ra phần nhiều bởi đàm. Thật đúng vậy ư !

Phép trị, theo lẽ tự nhiên, nên chủ về trị đàm. Nhưng trị đàm nhiều tắt nhiên đi đến hao khí. Khi mà hao hao đi thì đàm càng khó tiêu, thai càng hay máy động. Vậy tắt nhiên phải bò khí để sinh huyết, bò huyết để hóa đàm, mà trong đó thêm một ít vị thuốc để thanh đàm nữa thì khí huyết đầy đủ mà đàm cũng dễ tiêu hóa đi.

Phương thuốc (1) này dùng

TIÈU ÁC AN THAI THANG 消惡安胎湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu rửa
白芍	BẠCH THƯỢC	1 lạng, làm rượu ; sao
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng, làm hoàng thô, sao (4)
茯苓	PHỤC LINH	5 —
人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13).
甘草	CAM THẢO	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	5 phần.
天花粉	THIỀN HOA PHẤN	3 đồng
蘇葉	TÔ DIỆP	1 đồng
沉香	TRẦM HƯƠNG	1 đồng, giã nhỏ nát.

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này đại bò khí và huyết, có nghĩa là cứ bò chính tự nhiên trừ tà. Nếu ai kia dùng những chất kim thạch để hóa đàm đều là người « lập dị, hiếu kỳ » ý muốn có công hiệu mau chóng, nhưng không biết là nó hao tốn chán nguyễn khí của người ta một cách âm thầm đó. Nên cần thận coi chừng.

小產

## 6. TIỀU SẢN

(Đè non, đẻ thiếu tháng)



畏寒腹疼小產

### ÚY HÀN PHÚC ĐÔNG TIỀU SẢN

(Sợ lạnh, đau bụng, đẻ non)

Đàn bà, khi mang thai, có người vì sợ lạnh, rồi đau bụng, mà hư thai. Người ta chỉ biết đó là « hạ bộ bị lạnh quá ». Ai biết đó là vì « chán khi hư không giữ được thai ».

Ôi ! bào thai đã kết thai được là nhờ có chân hỏa của Tiên thiên (28) — Chân hỏa của Tiên Thiên tức là chân khí của Tiên thiên — Vậy thì thành được thai là nhờ có khí, mà giữ được thai cũng nhờ có khí. Hết khi mà vượng thì thai khỏe mạnh chắc chắn, nếu khí mà suy thì thai hư.

Cái thai một ngày một lớn mà cái khí một ngày một kém đi, nay lại bị gió lạnh ở ngoài nhiễm vào thì hỏa khí ở trong càng kém đi. Hỏa khí đã suy kém thì cái thai không còn được nhờ để trưởng dưỡng. Bởi vậy, những cái thai như thế nhiều khi bị hư.

Nếu đương cái lúc đau bụng, tức thì dùng ngay loại NHÂN SAM, CÀN KHƯƠNG để khử hàn bồ khí thì hết đau bụng mà yên thai. Nhưng như người ta câu nệ rằng, thuốc cho người có thai cấm không dám dùng những loại thuốc đó. Ấy bởi vậy mà đến nỗi hư thai, tình thế chỉ còn một hơi thở thoi thóp, trở thành không cứu vãn được, có phải là oan uồng không ?

Phương thuốc (1) này dùng :

HOÀNG KỲ BỒ KHÍ THANG 黃芪補氣湯:

生黃芪 SANH HOÀNG KỲ 2 lạng.

當歸 DƯƠNG QUY 1 lượng, lấy rượu rửa.

肉桂 NHỤC QUẾ 5 phần cao sachsen vỏ, cắt nhỏ

Lấy nước sắc uống. Uống 5 thang khỏi.

Bệnh này nếu nhận định là « hàn », rồi dùng những loại thuốc cay nóng khô ráo mà hoàn toàn không nói gì đến bò khí bò huyết thì sợ rằng sẽ đến vong dương (38) mà biến ra nguy chứng.

oOo

大便乾結小產  
ĐẠI TIỆN CAN KẾT TIỀU SẢN,  
(Đại tiện khô kết, đẻ non)

Đàn bà khi mang thai có người trong mình nóng rát nuồn bức, miệng khô khát nước, lưỡi lở loét, 2 môi sưng bứt nẻ, đại tiện khô kết lại vài ba ngày mà không thông lợi được rồi đến đau bụng mà đẻ non. Người ta đều bảo bởi « thực hỏa ở đại trướng ». Ai biết đó là bởi « huyết nóng làm tiêu tước cái thai ».

Ôi ! Cái thai phải nhờ có huyết để nuôi dưỡng. Huyết mà ôn hòa thì thai mạnh lớn. Nếu huyết mà nóng quá thì thai bị hao mòn.

Nay cái huyết mà để tưới mát cho cái thai thì huyết ấy vốn đã bị hư hao. Âm huyết mà hư hao, tất thị trong huyết có hỏa ; âm huyết mà hư hao, tất thị dương khí sinh hỏa nhiệt. Dương hỏa và âm hỏa 2 cái hỏa xùm vào mà đốt thì cái thai bị bức bách không chịu được, dù nó muốn ở yên mà không trụy hạ cũng không được.

Phép trị nên « thanh » cái hỏa ở trong bào thai mà bò thủy bò tinh cho Thận.

Phương thuốc (1) này dùng :

GIA GIẢM TỬ VẬT THANG 加減四物湯

熟地 THỰC ĐỊA 5 đồng (3).

白芍	BẠCH THƯỢC	3 đồng dùng sống.
黨歸	ĐƯƠNG QUY	1 lang, tẩm rượu, sao
川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
山梔	SƠN CHI	1 — sao.
山萸肉	SƠN DU NHỰC	2 — sao chín.
山藥	SƠN DƯỢC	3 — sao.
丹皮	BƠN BÌ	3 —

Lấy nước sắc uống, Uống bốn năm tháng khỏi hoàn toàn.

Bởi cái hỏa ấy là hư hỏa thì chỉ nên thanh, mà thanh nó ở trong phần thuốc bò, chứ không phải là thực hỏa mà có thể tả nó được.

Nếu chỉ dùng một vị thuốc có tính chất thanh lương để giáng hỏa mà không hỏi gì đến bào thai, (xem rằng bào thai bệnh này là hư hỏa hay thực hỏa) thế tất nhiên càng giội cho lạnh thì sức nóng càng tăng mà sinh khí của con Vị cũng tan biến vậy.

Bởi vì Vị là nhờ cả hai dương kinh (Tâm hỏa, Tỵ Vị hỏa) để tư dưỡng cho ngũ tạng (34). Nếu Vị dương mà không sinh thì không thể tiêu hóa đến tinh vi để lấy chất máu mà sinh ra âm huyết. Như vậy mà bảo rằng : không dần dần biến thành « lao sai » (39), thì có lẽ ít lầm

oOo

大怒小產  
ĐẠI NỘ TIẾU SẢN  
(Giận quá, đẻ non)

Đàn bà mang thai có người sau một cơn tức giận quá, hốt nhiên đau bụng thô ra huyết, nhân vây rồi mà bị hư thai. Lại sau khi bị hư thai rồi mà vẫn còn đau bụng chưa hết. Người ta cho là « cái hỏa ở cơn giận của Cơn chưa người ». Ai biết đó là bởi « huyết không về kinh », của nó mà đến thế.

Ôi ! Bản vị của Can là chửa huyết (huyết thuộc âm) mà cái tính của Can lại rất cấp táo. Khi nóng giận lên huyết không thể chửa ở giây bào thai mà thông với Tâm Thận, tất thị Can huyết xung trở lại mà đoạn tuyệt con đường về với Tâm Thận, làm cho bào thai mất sự nuôi dưỡng của thủy hỏa (thận thủy, tâm hỏa) bởi vậy hư thai.

Còn như cái thai đã bị hư rồi mà hãy còn đau bụng như khi thai chưa bị hư, đó là bởi mất sự viện trợ của Tâm Thận rồi, Can khí muốn về với Tâm, Tâm không chịu, muốn về với Thận, Thận không nhận, cho nên huyết vẫn còn động, khó phân yên tĩnh mà cái bệnh đau bụng chưa hết.

Phép trị nên dẫn huyết của Can về với Can. Nhưng nếu chỉ dẫn Can huyết mà không dẫn Can khí thì khí nghịch lên không chuyên xuống tức thị huyết cũng nghịch lên không trở về dễ dàng được.

Phương thuốc (!) này dùng :

DÂN KHÍ QUY HUYẾT THANG 引氣歸血湯:

白芍	BẠCH THUỐC	5 đồng	tầm rượu, sao.
當歸	ĐƯƠNG QUÝ	5	— lấy rượu rửa.
白朮	BẠCH TRUẬT	3	— tầm hoàng thò, sao (4).
甘草	CAM THẢO	1	—
黑芥穗	HẮC GIÓI TUE	3	—
丹皮	ĐƠN BÌ	3	—
炭姜	THÀN KHƯƠNG	5	phản.
香附	HƯƠNG PHỤ	5	—
參冬	MẠCH ĐÔNG	3	đồng khứ tâm.
羚羊	UẤT KIM	1	— tầm giấm, sao.

Lấy nước sắc uống.

Phương thuốc này cái danh là dẫn khí mà thực ra là để dẫn huyết, mà dẫn huyết cũng là để dẫn khí. Khi về với Can, huyết cũng về với Can, khí huyết đều về với Can cả thì hết đau bụng.

跌 閃 小 產  
**ĐIỆT SIÉM TIỀU SẢN**  
*(Té ngã đau nhức, đẻ non)*

Đàn bà khi mang thai có người lỡ chân té ngã đau đớn nhức nhối rồi sảy ra tiêu sản mà huyết chảy ra, những hòn cục tim tim đầu mặt quay cuồng choáng váng tối om như muỗi đứt hơi thở. Người ta đều bảo « huyết ứ đọng lại làm bệnh ». Ai biết bởi « huyết thất » (ồ máu) bị tồn thương.

Oi! huyết thất với bào thai, 2 dạng liên kết với nhau. Té ngã mà đau đến bào thai thì huyết thất cũng bị đau. Nhưng bào thai đau mà ra huyết thì đau ít, huyết thất đau mà ra huyết thì đau nhiều. Vì đau ít là đau ở bụng, đau nhiều thì xung lên tới Tim. Tuy cùng là một sự tồn thương mà khi chưa bị tiêu sản và khi đã bị tiêu sản rồi, sự trị bệnh của hai trường hợp ấy đều khác nhau.

Khi chưa bị tiêu sản mà cái thai không yên thì nên lưu ý vào cái thai chứ không thể coi thường mà « khứ huyết ».

Khi đã bị tiêu sản tức là huyết đã bị băng mất nhiều rồi thì nên tán ứ huyết nhưng chờ có nặng về mặt « phat khí ».

Bởi vì thai đã bị hư rồi, huyết cũng đã bị thoát rồi thì huyết thất trống rỗng, chỉ còn lại có chân khí mà thôi. Nếu khi ấy mà lại làm tồn thương chân khí nữa thì làm sao mà giữ cho chân khí không bị thoát được. Cho nên phải bồi khí để sanh huyết, khi huyết mới đã sanh ra rồi thì huyết ứ tự nhiên tan biến.

Phương thuốc (1) này dùng

LÝ KHÍ TÂN Ủ THANG 理氣散寒湯

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
生 黄 茜	SANH HOÀNG KÝ	1 lạng
當 归	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu rửa.
沒 芬	PHỤC LINH	2 —

紅花 HỒNG HOA	1 —
丹皮 ĐƠN BÌ	3 —
炭姜 THÂN KHƯƠNG	5 phần

Lấy nước sắc uống Uống 1 thang chỉ huyết, uống 2 thang hết quay cuồng, uống 3 thang hoàn toàn yên định.

Phương thuốc này, dùng NHÂN SÂM, HOÀNG KỲ để bồi khí, khi vượng thì huyết có thể thu nhiếp; ĐƯƠNG QUY, ĐƠN BÌ để sanh huyết, huyết sanh thì ít huyết khó mà lưu lại; HỒNG HOA, THÂN KHƯƠNG để hoạt huyết, huyết hoạt thì bệnh quay cuồng có thể hết; lại thêm PHỤC LINH để lợi thủy, thủy lợi thì huyết tự nhiên về với kinh của nó.

oOo

行 房 小 產  
**HÀNH PHÒNG TIỀU SẢN**  
(Làm truyện « khoái » trong phòng, đẻ non)

Đàn bà có người khi đã mang thai, còn say mê điên cuồng sự khoái lạc trong phòng, đẻ sau đó xảy ra « tiêu sản » rồi lại « băng huyết » không ngừng nữa. Người ta cho là « hỏa động quá cực ». Ai biết đó là bởi « khí thoát ».

Nói chung: Tất cả những người đàn bà mà có thai được, là hoàn toàn nhờ có Thận thủy để tưới mát cho cái thai. Nếu cái nguồn Thận thủy ấy mà thiếu thì Tường hỏa càng đẽ sôi sục lên. Hỏa đã sôi sục lên mà lại còn ham phòng dục thì hỏa động lên, tinh tiết ra, làm cho Thận thủy bị khô cạn. Thận thủy đã khô cạn thì Tường hỏa càng đốt cháy. Thế là Thận thủy và Tường hỏa cùng giao nhau làm bệnh thì cái thai không ở yên được phải trụt ra.

Khi thai đã bị trụt ra rồi mà hỏa hãy còn làm dữ, chưa dập tắt đi được, cho nên huyết theo cái hỏa ấy chảy ra thành băng, khó có cái thể cầm giữ lại được. Như vậy người ta bảo là « hỏa động quá cực » vẫn không phải là làm

đầu. Nhưng huyết mà băng là gốc bởi khí hư, hỏa mà thịnh là gốc bởi thận thủy thiếu. Thận thủy đã thiếu thì nguồn sống của khí can đi. Nguồn sống của khí đã bị cạn thì khí làm sao có thể không bị thoát được.

Như vậy, bệnh hỏa động làm băng huyết là thuộc « tiêu » (ngọn) mà bệnh khí thoát làm hư thai là thuộc « bản » (gốc). (tiêu, bản (30)).

Nếu điều trị chỉ chăm cầm cầm giữ chân huyết là cái ngọn mà không mau mau cố định cho chân khí là cái gốc, thì khí bị tán không thể thu hồi mau chóng được. Khi không thu hồi ngày được thì huyết làm sao mà sanh ra được.

Nếu chẳng đợi bồ khí là bồi bồ cho cái gốc thi thận thủy khô cạn không thể lớn mau được, tất thị Tường hỏa càng đốt cháy. Cũng như việc trồng cây chẳng chăm lo cái gốc mà chỉ điều chỉnh cái ngọn thì kết quả không có thể tốt lên được.

Phương thuốc (1) này dùng :

CỐ KHÍ ĐIỀN KINH THANG 固氣填經湯 :

人参	NHÂN SÂM	1 lạng (13).
黃芪	HOÀNG KỲ	1 lạng. dùng sống.
白朮	BẠCH TRUẬT	5 đồng tầm hoàng thò sao (4).
熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng.
當歸	ƯƠNG QUY	5 đồng lấy rượu rửa.
三七	TAM THẤT	3 — nghiền nát.
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —

Lấy nước sắc uống. Uống một thang cầm huyết, uống hai thang thận thè bình yên, uống 4 thang khỏi hoàn toàn.

Phương thuốc này hay ở chỗ bắt tất phải thanh hỏa mà chỉ bồ khí và bồ tinh, cho nên công hiệu độc nhất như thần. Nghĩa là chỉ lấy những chất thuốc ôn nhuận để trừ đại nhiệt, bởi vì cái bệnh nhiệt này vì khí huyết hư mà sinh ra cho nên chỉ bồ hư để tả hỏa. Đó là ý nghĩa điều trị ở phần gốc vây.

## 痢 疾

### 13. LÝ TẬT

(Bệnh lý)

Xét rằng: Trị bệnh lý thì điều hòa thông đạt khí huyết làm chủ, mà môn thuốc trị lý thì lấy THƯỢC DƯỢC THANG làm tòng phương, nhưng THƯỢC DƯỢC thì lại thiên về lương dược, mà dùng thì thường không công hiệu. Máy phương thuốc sau đây, tuy dùng QUY, THƯỢC, MỘC HƯƠNG nhưng phân loại mà dùng CẨM, LIÊN, không dùng ĐẠI HOÀNG. Thật là tận thiện, tận mỹ.

#### 火 邪 內 陽 辨

#### HỎA TÀ NỘI THƯƠNG BIỆN

(Phân biện hỏa tà lý, nội thương lý)

Bệnh lý bởi ngoại cảm nhiệt tà (hỏa tà) mà lý ra máu, thì máu hắn là đỏ tươi; mạch hắn là hồng mà hoãn; miệng hắn là khát mà muốn uống nước lạnh; tiêu tiện hắn là buốt mà đỏ đục.

Bệnh lý bởi nội thương mà lý ra máu thì máu không đỏ tươi mà tím bầm hay là hơi đỏ và trắng lạt; mạch hắn là tế mà trì hay phù sắc mà không; miệng hắn là không khát, mà có khát thì muốn uống nước nóng; tiêu tiện hắn là không đỏ, không buốt mà có đỏ thì không đục không nóng.

Đó là một bi quyết phân tách rõ ràng.

## 痢 疾

### LÝ TẬT

(Bệnh lý)

Bệnh lý bởi cảm « thấp nhiệt » (âm ướt mà lại nóng) mà sinh ra, khi lý ra thấy vừa đỏ vừa trắng, như

臨產

## 7. LÂM SẢN<sup>?</sup>

(Tới ngày sanh)



血虛難產

HUYẾT HU NAN SẢN

(Thiếu máu khó sanh)

Đàn bà mang thai có người tới ngày sanh mà còn đau bụng vài ba ngày không sanh ngay ra được. Người ta đều bảo rằng : « Khi sức suy yếu » không thể rặn ra được. Ai biết đó là trong bào thai ít huyết mà huyết lại keo rít đúra trẻ khó trở mình choai ra.

Ôi ! cái thai mà thành được là nhờ có tinh khí ở Thận, cái thai mà nuôi dưỡng được là nhờ có huyết ở ngũ tạng lục phủ (34), huyết mà vượng thì dễ sanh, huyết mà suy thì khó sanh. Cho nên trước khi sanh nên uống thuốc bò huyết, nếu bò huyết mà không thấy sanh huyết ngay được thì phải dùng thuốc bò khí. Nhưng nếu chỉ thuần bò khí thì sợ rằng, khí vượng hơn huyết (dương vượng hơn âm) tức là khi thừa huyết thiếu sẽ làm lệch cản cản thăng bằng thì cũng có hại.

Bởi vậy, chỉ nên bò cả khí và huyết, đề khí có sức đun đầy ra mà huyết thì dồi dào cũng giúp sức vào, tức thị đúra trẻ ở trong đó tự nhiên cuồn cuộn chuyên mình mà ra dễ dàng. Như thế thì còn có lo gì cái sự khó cạn keo rít nữa.

Phương thuốc (l) này dùng TỔNG TỬ ĐƠN 送子丹:

生黃芪	SANH HOÀNG KÝ	1 lang.
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 — lấy rượu rửa.
參冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khử tàm.
熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng (3).
川芎	XUYÊN KHUNG	3 —

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang là sanh ra đè dàng mà hẳn rằng không có cái nạn sanh ngang, đè ngược.

Phương thuốc này chỉ một vị HOÀNG KÝ là đè bò khi còn những vị kia là đè bò huyết. Thế thì huyết vương mà khi được trường dưỡng, khí vương mà huyết được nương nhở, cả khí và huyết đầy đủ làm cho bào thai có máu mờ tròn tru, tự nhiên dễ sanh.

Vì như con thuyền gặp lúc nước cạn, tuy có dùng đến nhiều nhân lực cũng khó mà đun đầy đi được. Nhưng ngẫu nhiên gặp được lúc nước thủy triều (huyết) dâng lên đầy dây thì con thuyền nhẹ nhàng hoạt bát trên mặt nước, lại được lúc thuận gió (khí) đưa đi, tất thị đi nhanh mà không chậm trễ.

oOo

交 骨 不 開  
**GIAO CỐT BẤT KHAI**  
(2 xương giao nhau, không mở ra)

Đàn bà có người khi sanh đứa trẻ ra đến cửa âm mông, rồi mà nó không ra nữa, lúc đó là lúc một mất một còn, rất nguy cấp. Người ta bảo tại bọc nước vỡ trước, nước ở trong chảy ra hết, làm khô cạn, không còn đủ máu nhốt cho đứa trẻ ra, mà đến tết. Ai biết đó là bởi « giao cốt bất khai ».

Giao cốt bất khai: phía trên âm mông có 2 cái xương ở 2 bên, 2 đầu xương phía trên có cái khớp nối liền với nhau. 2 đầu xương phía dưới thì mở ra 2 bên, gọi là giao cốt. Khi chưa sanh thì xương ấy khép lại, đến lúc sanh thì xương ấy tự động mở ra. Bởi vì cái thịt ở chỗ cửa âm mông nó mọc chênh chêch mà cái bị nó lại mọc có bề ngang và bề dài, làm cho chỗ cửa có thè co giãn, hoặc mở to rộng ra, hoặc khép nhỏ hẹp lại, đè mình đứa trẻ tuy to nó vẫn ra được. Khi đứa trẻ vừa ra khỏi, cái xương ở cửa ấy chưa đóng lại, có thè thò tay vào thăm dò mà lấy bao y (nhau) ra. Có khi cái xương ấy không đóng lái, thì ruột có thè cũng sa xuống luôn.

Như vậy, càng thấy rõ là cái xương giao cốt ấy mà không mở ra, thì đứa trẻ thật khó mà sanh ra.

Nhưng sở dĩ cái xương ấy mà hay mở ra khép lại được là nhờ có « khí và huyết » làm chủ. Nghĩa là: huyết vượng mà khi suy thì đứa trẻ dù có quay đầu xuống, cái cửa ấy cũng không mở ra. Khi vượng mà huyết suy, thi cái cửa ấy có mở ra, đứa trẻ cũng khó quay đầu xuống.

Bởi vậy, nhờ có khí để mở giao cốt, nhờ có huyết để đứa trẻ trở mình.

Cho nên muốn sanh cho thuận cho dễ mà không đại bò cả khí và huyết thì không thể được; muốn giao cốt mở ra mà không thêm thuốc khai cốt vào trong phương thuốc bò khí huyết để hợp trị cả hai thì không thể được. Dùng như vậy là bất tất phải dùng thuốc « thời sanh » (40) mà tự nhiên đứa trẻ cũng được sanh ra mau chóng. Thế là mẹ con đều được vuông tròn.

Phương thuốc (1) này dùng GIÁNG TỬ THANG 隆子湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng
人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13)
川芎	XUYÊN KHUNG	5 —
紅花	HỒNG HOA	1 — sao
川牛膝	XUYÊN NGƯU TẤT	3 —
梔木枝	TẠC MỘC CHI	1 lạng.

Lấy nước sắc uống. Uống một thang ắt giao cốt mở ra mà đứa trẻ được sanh ra.

Phương thuốc này dùng NHÂN SÂM để bò khí; KHUNG, QUY để bò huyết; HỒNG HOA để hoạt huyết; NGƯU TẤT để dẫn xuống; TẠC MỘC CHI để mở giao cốt cho rộng cửa. Sở dĩ như vậy mà thu được công hiệu như trên là chỉ vì dùng thuốc khai ở trong thuốc bò. Nếu chỉ dùng có một vị TẠC MỘC để mở rộng giao cốt thì phải chờ khi đầu đứa trẻ tới cửa săn mòn sẽ dùng, nhất thiết không thể dùng sớm được.

氣逆產血  
**KHÍ NGHỊCH NAN SẢN**  
(*Hơi đưa ngược khó sanh*)

Khi đi sanh, có người lên xuống bàn đẻ, chờ chực đến vài ba ngày mà cái thai không xuống, rồi uống thuốc thải sanh (40) cũng chẳng có công hiệu gì. Người ta cho là bởi giao cốt (xem bài trên) không mở ra. Ai biết đó là bởi « khí nghịch lên, chẳng thuận hành ».

Ôi! Giao cốt mà không mở ra, cố nhiên là khó sanh. Nhưng nếu thật vậy thì phải thấy đầu đứa trẻ ở ngay cửa chở giao cốt mà nó không thể ra được thì mới đúng là bởi giao cốt bắt khai.

Nhưng nếu đầu đứa trẻ chưa đến cửa chở sanh thì không phải bởi giao cốt bắt khai mà là bởi khí nghịch không thuận hành, làm cho đứa trẻ khó xoay mình mà ra.

Nếu đầu đứa trẻ chưa đến cửa chở sanh mà cho uống thuốc mở giao cốt vội quá, huyết sẽ ra trước mà biến sinh nhiều chứng bệnh phi thường. Như thế thì cái cửa chở sanh chờ có coi thường mà mở ra, thật là vạn phầu cầm thận.

Nói chung, khi sanh sản, nhất định chờ có lên bàn đẻ sớm quá, và khi ấy đứa trẻ chưa chuyển đầu xuống thì khó mà sanh ngay ra được. Không sanh ngay ra được thì phải chờ đợi, mà người mẹ thấy phải chờ đợi lâu không sanh, thì trong lòng không tránh khỏi sự sợ hãi. Sự hãi thì tinh thần khiếp nhược Tinh thần khiếp nhược thì khi đi xuống, không đi lên được. Khi không đi lên được thì nó quay ngược lên Thượng tiều mà làm ra đầy trường. Khi đã bị đầy trường thì khí khó lưu hành, khí không được thư thái, cho nên cái thai không xuống được, vì khi càng nghịch lên thì càng bế tắc.

Phương thuốc (1) này dùng THỤ KHÍ THANG 舒氣湯:

人 参	NHÂN SÂM	1 lang (13)
當 彌	ĐƯƠNG QUY	1 lang, lấy rượu rửa
川 芍	XUYÊN KHUNG	5 đồng
白 苓	BẠCH THƯỢC	5 — lấy rượu, rửa
紫 莖 梗	TÙ TÔ NGÀNH	3 —
牛 膝	NGƯU TẤT	3 —
陳 皮	TRẦN BÌ	1 —
柴 胡	SÀI HỒ	8 phần.
葛 白	THÔNG BẠCH (củ hành)	7 củ (tươi khô cũng được)

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang nghịch khí chuyền xuống, dứa trẻ tức thì sanh ra.

Phương thuốc này lợi khí mà thật là bồ khí. Bởi vì khí mà nghịch lên là khí hư, mà khí hư là bởi sự sợ hãi. Nay bồ khí thì sự sợ hãi tự nhiên êm, sợ hãi đã êm thì nghịch khí tự nhiên chuyền xuôi, khí đã chuyền xuôi thì dứa trẻ tự nhiên thuận chiều mà ra. Hà tất phải dùng đến thuốc thời sanh, thuốc khai cốt cho nó đa sự

oOo

### 脚 手 先 下 CƯỚC THỦ TIỀN HẠ (Chân hay tay ra trước)

Trong khi sinh sản, có dứa bé không ra xuôi được, mà chân ra trước hay tay ra trước. Người ta bảo là « Hoành sanh đảo sản » == sanh ngang để ngược, cái triệu chứng rất nguy rất nghịch, mà không biết cái thuật để chuyền nghịch làm thuận, chuyền nguy ra an. »

Ôi, dứa bé khi ở trong bào thai nó ngồi ngay thẳng, mặt bé trai hướng về phía sau, mặt bé gái hướng ra phía trước. Đến khi sanh đầu nó ắt xoay chiều mà xuôi. Đó là sự kỳ diệu của thiền địa tạo hóa, sức người không

thì miễn cưỡng làm được, nhưng hẳn rằng phải nhờ có sức người giúp đỡ. Nói sức người dày không phải nói sản phụ phải cổ sức, mà nói sản phụ phải dày đủ khí huyết. Bởi khí huyết mà thiếu, tất thị cái thai ra ngược. Vì người mẹ đã yếu thì cái thai nó cũng yếu, nó muốn xoay đầu xuống mà sức yếu không xoay xuống được, cho nên chân tay thò ra trước. Thiệt không đáng lấy làm lạ.

Cần nhất lúc ấy nên yên lặng bình tĩnh, chờ làm gì tố ý lo sợ để cho người sản phụ phải lo sợ. Trước tiên lấy cái kim châm nhẹ vào tay vào chân đứa bé, tất nhiên đứa bé bị đau mà co lại, rồi lập tức dùng CHUYỀN THIỀN THANG để chờ sanh khi sanh huyết. Đó là giúp cho sức đun đầy ra thì nghịch tự nhiên thuận, nguy tự nhiên an, còn có lo gì truyền sanh ngang để ngược.

CHUYỀN THIỀN THANG 轉天湯 :

人 参	NHÀN SÂM	2 lạng (13)
當 彙	ĐƯƠNG QUÝ	2 — lấy rượu rửa
川 茯	XUYÊN KHUNG	1 —
川 牛 蹄	XUYÊN NGƯU TẤT	3 đồng
升 林	THÀNG MA	4 phần
附 子 製	PHỤ TỬ CHẾ	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống một thang đứa trẻ chuyên mịnh, lại uống luôn thang nữa tự nhiên xoay xuống sanh ra.

Phương thuốc này rất hay, như dùng NHÀN SÂM để bồi khí, KHIUNG QUÝ để bồi huyết, người ta ai cũng biết. Nhưng mà dùng THÀNG MA, NGƯU TẤT thì sợ rằng có người chưa biết được cái hay đó. Nghĩa là đứa bé nằm nghiêng, nếu không dùng cách nàng lên thì đầu nó khó quay, đầu nó quay rồi mà không giúp sức dày xoay thì mình nó khó xuống. Bởi vậy đã dùng THÀNG MA để nàng lên, lại dùng NGƯU TẤT để kéo xuống, thêm vào đó có PHỤ TỬ là muốn cho tất cả các kinh mạch đều thông đạt để khí huyết đều mạnh thì sanh ra mau chóng.

子死腹亡  
TỬ TỬ SẢN MÔN  
(Cái thai chết ở sản môn)

Đàn bà mang thai, khi đi sanh có người ngồi bồn cỗ (lên bàn đẻ) ba, bốn ngày, đứa bé đã ra đến cửa âm mòn mà giao cốt không mở làm cho đứa bé không ra được, phải chết ngay ở đấy mà người sản phụ hãy còn sống, cho người sản phụ uống thuốc mở giao cốt cũng vô hiệu.

Dương cái lúc chỉ nguy phi thường ấy, may mà người sản phụ không chết, chính là vì cái thai ấy đã chết rồi thì bào thai trút xuống, mẹ con đã ly khai nhau, hơi thở của mẹ đã thu lại được, chưa đến nỗi với hơi thở của con cùng tuyệt một lúc.

Phép trị, hãy cứu ngay lấy mẹ, bất tất phải hỏi đến cái thai nữa. Nhưng mà cái thai nó nằm chết ở sản môn làm bế tắc mất cửa dưới, thì cũng có thể đưa người mẹ đến chỗ chết.

Lúc ấy công việc cứu nguy chỉ tranh nhau một chận tơ kẽ tóc, phải cấp dùng ngay phép tổng xuất. Nghĩa là bò huyết để sanh thủy, bò khi để sanh huyết, để cho khí huyết đều vượng cả, thì cái tử thai có thể ra mà sanh mạng của người mẹ có thể còn.

Nếu chỉ dùng thuốc giáng hạ để trực cái tử thai ra, vì tất cái tử thai đã ra mà hơi thở của người mẹ đã bị thoát trước khi ấy. Như vậy đâu phải là « thiện sách » (kế hoạch hay).

SƠN (tên tác giả) này đã dịch thành trạng chứng ấy thường cho dùng CỨU MÃU ĐƠN, cứu sống cho người đã được rất nhiều, cho nên ghi lại đây.

CỨU MÃU ĐƠN 救母丹:

人參 NHÂN SÂM	1 lạng (13)
當歸 ĐƯƠNG QUÝ	2 — lạy rượu rửa

川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
益母草	ÍCH MÃU THẢO	1 —
赤石脂	XÍCH THẠCH CHI	1 đồng
芥穗	GIỚI TUỆ	3 — sao đen.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà cái tử thai nó ra.

Phương thuốc này có KHUNG, QUY đê bò huyết, NHÀM SÂM đê bò khí, đê cho khí và huyết đều vượng cả thi trên dưới thăng giáng đều hòa, khí huyết trực tống mau chóng, huống chi lại có ÍCH MÃU THẢO hay hạ tử thai, XÍCH THẠCH CHI hay trừ ứ huyết, thì tự nhiên một mạch mà ra không một chút trở ngại hay trì trệ.

oOo

子死腹中  
**TỬ TỬ PHÚC TRUNG**  
(Cái thai chết trong bụng)

Đàn bà mang thai, có người tới nhà sanh, áo bọc nước đã vỡ sáu, bảy ngày rồi mà không thấy đứa bé ra. Người ta cho là cái tật « nan sản ». Ai biết đó là « cái thai đã chết ở trong bụng ».

Ôi, đứa bé, nó mà bị chết ở sản mòn thì dễ phân biệt, chứ nó mà bị chết ở trong bụng thì khó biết :

Bởi vì, dù đứa bé nếu đã ra đến sản mòn rồi mà nó bị chết, tất nhiên đầu nó bất động, dù lấy tay đùn đẩy nó cũng bất động như thường. Nếu bằng nó chưa chết, lấy tay dứt nhẹ tóc nó, tất nó thụt vào. Thế nên nói rằng : « dễ phân biệt »

Còn như đứa bé mà bị chết ở trong bụng, làm sao biết được. Nhưng thực ra cũng có thể phân biệt mà biết được

Phản cái thai đã bị chết ở trong bụng thì xem mặt mẹ nó mà vẫn tươi như cũ, không có màu sắc ám đen.

Đó là đứa bé đã chết mà mẹ nó còn có thể cứu vãn để sống. Nếu mặt mẹ nó đã có màu sắc thâm đen. Đó là đứa bé đã chết mà mẹ nó cũng không có thể cứu vãn để sống.

Cứ lấy diêm ấy mà phàn biệt tử sanh chắc là đúng phẩn pháp không sai.

Nhưng đã biết rằng, đứa bé đã chết ở trong bụng mà không dùng thuốc để lấy ra thì rất nguy. Nếu dùng thuốc mà lại dùng bá đạo (41) để hạ tiết ra, thì cũng lại rất nguy.

Bởi vì khi sanh sản đã chờ chực sáu bảy ngày hẳn là hơi sức của người mẹ yếu mệt, nếu con dùng bá đạo để làm mạnh mà trực cái tử thai, thì sợ rằng, cái tử thai có ra được thì mẹ nó cũng chết theo luôn.

Vậy tất nhiên nên bồi bò cho mẹ nó, để khí huyết của mẹ nó khỏe lên thì cái tử thai tự nhiên xuống.

Phương thuốc (1) này dùng LIỆU NHI TÂN 森兒散

人参	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 — lấy rượu rửa
牛膝	NGƯU TẮT	5 đồng
鬼臼	QUỶ CŨU	3 — nghiền nát.
乳香	NHŨ HƯƠNG	2 — ép hết dầu

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang, cái tử thai xuống mà người mẹ được sống.

Nói chung : Khi sanh mà người mẹ khoẻ mạnh thì đứa bé bao giờ cũng xoay chuyền cái đầu trước để xuống. Nhưng vì người mẹ thiếu sức khoẻ, để đến nỗi đứa bé không thể xoay chuyền cái đầu xuống, đã vậy, lại dùng thuốc thời sanh (40) làm cho hao tồn khí huyết của đứa bé, thi hơi sức của nó không thông đạt được, nó phải phát buồn mà chết ở trong bụng. Sự kiện ấy thật bởi « tay kè làm thầy thuốc tầm thường » giết nó.

Bởi vậy những người mắc bệnh « nan sản » hẳn rằng không thể dùng thuốc thôi sah, chỉ nên bò khí bồ huyết để mạnh sức cho người mẹ, vẹn toàn cho đứa con. Chính đó mới là vô cùng công hiệu, vì chỉ chăm chăm cứu bản. Như vậy, ai bảo rằng : « cứu bản không phải là để thôi sah ».

oOo

胞衣不下  
**BÀO Y BẤT HẠ**  
(Cái nhau không xuống)

Sản phụ có người đã sanh đứa bé ra rồi mà cái nhau còn sót lại ở trong bụng không ra được, làm cho tâm ý buồn phiền nóng nảy, có khi muốn xâm x瘅 tối tăm cả mày mặt. Người ta bảo tại « cái cuống nhau chưa nhả ra ». Ai biết đó là bởi « máu ít mà khô cạn làm cho cái nhau dính liền lại ở trong bụng.

Người ta hễ thấy cái nhau không xuống thì sợ nó xung lên tim, nhưng thật ra chỉ sợ rằng nhau không xuống thì cái ứ huyết nó không hành di có thể làm ra bệnh « huyết vựng » (máu vừng lên mặt làm u mê tăm tối) chứ nó không xung lên.

Phép trị nên đợi bò khí huyết, để khí sanh ra huyết, huyết nhiều thì nhuận hoạt để tống cái nhau ra mà ứ huyết cũng theo ra.

Phương thuốc (1) này dùng

TỔNG BÀO THANG 遂胞湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	2 lạng, lấy rượu rửa
川芎	XUYỀN KHUNG	5 đồng
益母草	ÍCH MÃU THẢO	1 lạng
乳香	NHŨ HƯƠNG	1 lạng, không phải ép dầu đi
沒藥	MỘT DƯỢC	1 — — — —
黑芥穗	HẮC GIỚI TUE	3 đồng

Lấy nước sắc, khi uống hòa XẠ HƯƠNG 5 ly vào thuốc nước cùng uống, uống xong cái nhau ra liền

Phương thuốc này KHUNG, QUY đè bồ khí huyết. KINH GIỚI đè dẫn huyết về kinh; những vị ÍCH MÃU, NHŪ HƯƠNG đè trực ứ huyết mà đầy cái nhau ra. Khi mà huyết mới đã sanh ra rồi thì huyết cũ khó định lại, thanh khí đã thượng thăng thì trọc khí và ứ huyết tự nhiên hạ giáng. Như vậy còn có lo gì sự định trệ nữa.

Tóm lại, nhau là một vật, chẳng nương tựa vào con, trực thị nương tựa vào mẹ. Con tuy đã ra rồi, nhưng cái khí sức ở cuống nhau vẫn chưa dã hết ngay, thế là chính nó còn có sanh khí, cho nên thường nó có thể ở lại đấy mà không thối nát.

Vậy có thể thấy rằng: cái nhau ở lại trong bụng mà không đến nỗi giết người thì cứ cho bồi bồ đi tự nhiên nó xuồng.

Nếu có người bảo rằng, cái nhau đã có sanh khí mà lại còn cho bồ khí bồ huyết thì cái nhau nó mạnh lên, nó bền chặt ở đấy sao?

Đó là chẳng biết: Khi con chưa ra mà bồ thi ích lợi cho con, ích lợi cho con thì cái khí của cái nhau nó liền kết lại. Khi con đã ra rồi mà bồ thi ích lợi cho mẹ, ích lợi cho mẹ thì khí của cái nhau nó thoát đi.

Bởi vậy, dùng thuốc bồ mà cái nhau lại phải ra.

oOo

Lại có người, khi đã sanh đứa bé năm sáu ngày rồi mà cái nhau vẫn còn ở lại trong bụng, dùng hàng trăm kẽ đè cho ra mà nó không ra, thế mà người sản phụ vẫn tuyệt nhiên không có tình trạng xày xầm nóng buồn. Người ta cho là bởi « ứ huyết làm dinh liền lại ». Ai biết đó là bởi « khí sức thiêu không đủ đè dun đầy ra »

Ôi ! Lấy cái lý mà nói; nếu trong bụng mà có ứ huyết  
tất nhiên xày xầm rồi phát ra những bệnh như có ma làm.  
Nay yên nhiên vô sự thì chắc là trong bụng không có ứ huyết

Trong bụng không có ứ huyết mà cái nhau nó ra, đó  
là thanh khí đưa lên mà trọc khi đưa xuống. Nay cái nhau  
không ra, thì rõ ràng là thanh khí bị hâm ở dưới, khó mà lên  
được thì trọc khí bốc lên cũng khó mà xuống được.

Nhưng trọc khí đã bốc lên thì phải phát ra phiền  
táo, thế mà nay cũng yên nhiên không phiền táo. Vậy  
thì thanh khí, trọc khí cả 2 cùng không bốc lên. Nay lại  
bỗn khí thì sẽ làm cho trọc khí bốc lên sao ?

Bởi chẳng biết, thanh khí đi lên, trọc khí đi xuống  
là cái lý nhất định, chưa có khi nào thanh khí đi lên  
mà trọc khí cũng đi lên.

Nếu ở trong phương bồ khí mà khéo phân ra 2  
đường thanh trọc, thì sự thăng thanh khí chính là để  
giảng trọc khí.

Phương thuốc (1) này dùng :

GIA VỊ BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG 加味補中益氣湯:

人参	NHÀN SÂM	3 đồng (13)
生黃芪	SINH HOÀNG KÝ	2 lạng
柴胡	SÀI HỒ	3 phàn
炙草	CHÍCH THẢO	2 --
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	5 phàn tam hoàng thò sao(4).
升麻	THĂNG MA	3 --
陳皮	TRẦN BÌ	2 --
葛根子	LAI BẮC TÚ	5 -- sao, dập nát

Lấy nước sắc uống Uống 1 thang mà cái nhau ra.

Ôi, phương thuốc BỒ TRUNG ÍCH KHÍ là phương  
thuốc để nâng cái khí lên, không phải là phương thuốc  
để trục ra, thì làm sao có thể đầy cái nhau ra được.

Bởi chẳng biết, trọc khí mà không xuống là vì thanh khí không lên, nay cho thuốc nâng lên thì thanh khí lên mà trọc khí tự nhiên xuống, bất tất phải dùng đến phép tống xuất, huống chi lại có mấy phần LAI BẶC TỦ để trị trọc khí thì thanh thăng trọc giáng, không đến nỗi 2 bên nô chổng cự nhau.

Thật là công hiệu thần kỳ có một.

oOo

氣虛血盜  
**KHÍ HƯ HUYẾT VỰNG**  
(Khí suy yếu, huyết vượng lên)

Đàn bà mang thai có người vừa mới sanh đứa bé ra, hốt nhiên hoa mắt tối xầm, ghê sợ muối ưa mửa, trong tâm không còn nhớ chủ đích, thần hồn hoang mang thoát việt ra ngoài. Người ta cho là bởi « ác huyết chạy vào Tim » Ai biết đó là bởi « khí súc suy hư muối thoát » mà đến thế.

Bởi vì người đàn bà khi mới sanh, hẳn là máu ra nhiều, thi ô máu bị vơi cạn, mà máu ở tim trước kia để tươi mát cho thai, nay thai ra thì máu ấy cũng theo ra, thế là tim không có máu để dưỡng, chỉ còn nhờ cậy có cái khí, mà cái khí rất nhỏ nhoi.

Nay khí lại suy hư muối thoát, thi thiên quản (tim) không có hỗ trợ, chỉ còn có chút tàn huyết muối chảy về đê cứu, mà huyết ấy lại không phải là chính huyết thi không thể về với bần kinh cho nên thành ra chứng « huyết vượng ».

Phép trị át nên đại bò cả khí và huyết, chứ nhất định không thể chỉ trị một bệnh huyết vượng được.

Nếu có kẻ còn ngù mà bảo rằng : « huyết vượng là bởi nhiệt huyết thương xung, mà lại còn bò huyết thì không tránh khỏi sự giúp thêm cho cái thể thương xung nó tăng lên »

Bởi kẻ ấy chẳng biết rằng : « huyết mới mà không sanh ra thì huyết cũ chẳng tiêu đi, cho nên việc bò huyết để sanh tàn huyết, chính là để sanh hoạt cho tàn huyết mà trực cựu huyết ».

Huyết là vật hữu tình, khó mà sinh ra được mau chóng (bò àm khó) Khi là vật vô hình, để làm cho mạnh lớn (bò dương dễ) vì vậy, bò khi để sanh huyết càng dễ hơn là bò huyết để sanh huyết.

Phương thuốc (1) này dùng :

**BÒ KHÍ GIẢI VƯỢNG THANG 补氣解暉湯:**

人參	NHÀN SÂM	1 lạng (13)
生黃芪	SANH HOÀNG KỲ	1 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, (không phải rửa rượu)
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	3 đồng
炭姜	THÀN KHƯƠNG	1 —

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà huyết thôi không vượng lên, uống 2 thang mà con Tâm yên định, uống 3 thang mà huyết mới sanh ra, uống 4 thang mà huyết vượng thì bệnh vượng huyết không tái phát.

Phương thuốc này là thuốc để giải trừ bệnh huyết vượng. Vì dùng SÂM, KỲ để bò khi là làm cho khí vượng mà sinh huyết; dùng ĐƯƠNG QUY để bò huyết là làm cho huyết vượng để dưỡng khí. Khi huyết cả 2 đều vượng thi con Tâm yên định; lại dùng HẮC GIỚI TUỆ để dẫn huyết quy kinh; dùng THÀN KHƯƠNG để dẫn dương khí hành ứ huyết thi ứ huyết tiêu đi mà chính huyết về, bắt tắt phải giải trừ bệnh vượng mà bệnh vượng tự nhiên giải trừ.

血 章 不 婕  
**HUYẾT VỰNG BẤT NGỮ**  
(*Huyết vựng lén, không nói được*)

Lại có người đàn bà khi vừa sanh đứa bé ra khỏi lòng, tức thì xày xầm tối tăm mà mắt rồi không nói được nữa. Đó là khi và huyết cả 2 cùng bị thoát. Thật là ở vào tình trạng « bất cứu » Nhưng cứu mà đúng phép thì may ra cũng còn có cơ sống được.

SƠN (tên tác giả) này nhận lãnh được bí quyết của KỲ THIỀN SƯ (Kỳ bá) sao dám rằng bí ẩn mà không tuyên bố nơi đây :

Nghĩa là ngay lúc ấy, lấy ngay cây kim bạc khêu vào giữa huyết my tâm (tức chỗ sống mũi thẳng lên chỗ 2 bên lồng mà giáp nhau), hễ có máu chảy ra, tức thi nói được. Kế đó lấy 1 lạng NHÂN SÂM sắc ngay cho uống đè cắp bồ sẽ sống được. Hay là hốt phương thuốc ĐƯƠNG QUY BỒ HUYẾT THANG (33) theo đúng nguyên phương mà HOÀNG KỲ làm bội gấp 5 lần, sắc ngay cho uống, cũng sẽ sống được.

Trong 2 phương thuốc ấy, thật không có thè gia thêm PHỤ TỬ, vì tính của PHỤ TỬ là hay tàu thi không có kinh mạch nào là không thông suốt, nếu uống vào sẽ lại dẫn những thuốc bồ khí bồ huyết ấy tàu tán đi mà không cõi thủ, thi không thè chuyên chủ rót chất thuốc bồ ấy vào trong bào thai. Không bằng dùng SÂM, QUÝ, KỲ cứu ngay cái khi huyết như muốn tuyệt kia được tụ lại mà không bị tán đi.

Bởi vì sản phụ mà bị xày xầm tối tăm, hoàn toàn bởi ó máu rỗng không. Ó máu rỗng không thi không có máu đè dưỡng Tâm. Cho nên lưỡi là đầu ngọn của Tâm, Tâm mà đã không có máu đè làm chủ thi lưỡi làm sao mà nói ra tiếng được.

Nói về huyết my tâm, trên thông với óc, dưới thông với lưỡi, cái đường giày của nó liên lạc với Tim. Nên khêu ở my tâm là làm cho óc với lưỡi thông với nhau thì thanh khi ở Tim bốc lên, tự nhiên ứ huyết đi xuống. Sau đó dùng SÂM, KỲ, ĐƯƠNG QUY để bò khí mà sinh huyết, thì khí và huyết cả hai cùng tiếp tục sinh hoạt lại, làm gì còn đến nỗi xâm x瘅 tối tăm nữa.

Nếu chỉ dùng có mỗi SÂM, QUY, KỲ không thôi, cũng có thể sống được, nhưng mà kết quả mau chóng không bằng khêu ở my tâm trước hay hơn. Người ta chỉ biết phương pháp châm cứu ở my tâm mà không biết rằng phương pháp khêu ở my tâm hay hơn là châm cứu. Vì cứu thi chậm, khêu thi nhanh, càng nhanh càng dễ « hồi sinh ».

(Mậu Tu rằng: trong phương thuốc này nếu thêm 3 phần BẠCH CHỈ tán nhỏ cũng có thể được).

oOo

腸 下  
TRƯỜNG - HẠ  
(Ruột sa xuống)

Sanh đẻ mà sa ruột ra cũng là một nguy chứng. Người ta cho là bởi « cái cửa nơi sanh không đóng lại ». Ai biết đó là bởi « khí sức suy yếu, bị hâm ở dưới, mà không thể thu lại được ».

Ôi ! Khi hư mà bị hâm, theo lẽ tự nhiên nên dùng thuốc thăng đè, đè thăng đè cho khí lên. Nhưng sợ rằng người mới sanh có ứ huyết ở trong, nếu cho thăng khí lên thi huyết cũng đi lên, sẽ lại xảy ra bệnh ứ huyết xung lên tim. Vậy thi không thể thăng đè khi lên được.

Rõ ràng là khí bị hâm mà không được thăng đè thi sẽ dùng phương pháp nào để trị ? — Thi cứ nghĩ xem :

Khi mà đã bị hạch hâm là khi đã suy hư. Vậy khí hư cứ cho bồ khí, đê khi vượng, sức khỏe, tự nhiên nên thăng thì nó thăng; nên giáng thì nó giáng. Như vậy chắc là ứ huyết xuống không đến nỗi thương nghịch, mà cũng bắn là ruột nó phải lên không đến nỗi sa xuống.

Phương thuốc (1) này dùng :

BỒ KHÍ THĂNG TRƯỜNG THANG 补氣升腸湯

人參 NHÂN SÂM 1 lạng (3).

生黃芪 SINH HOÀNG KỲ 1 —

當歸 ĐƯƠNG QUY 1 — lấy rượu, rửa

白朮 BẠCH TRUẬT 5 đồng, tẩm hoàng thổ sao (4)

川芎 XUYÊN KHUNG 5 — lấy rượu, rửa.

升麻 THĂNG MA 1 phần.

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang ruột lên.

Phương thuốc này chỉ thuận là bồ khí, không nghĩ gì đến việc đưa ruột lên, ngay như có dùng một phần THĂNG MA cũng chẳng qua là đê dẫn cho khí lên. Bởi vậy phải biết rằng : THĂNG MA mà dùng ít thì nó thăng khí, nếu dùng nhiều thì nó thăng huyết ».

Q Lại cũng còn một phương pháp ngoại trị làm cho ruột lên. Lấy 49 hạt TY MA NHÂN, đập cho thật nát nhò, nắn thành như cái bánh (tự nó có dầu dinh lại) đặt lên giữa đỉnh đầu đê nó nàng ruột lên. Khi ruột đã lên hết rồi, thì phải lấy ra rồi lau rửa dù tức khắc. Nếu đê lâu, sợ sẽ bị thò ra máu. (Ty Ma Nhân là hạt Thầu dầu).



產後  
**3. SẢN HẬU**  
(Sau khi sanh)



敗血攻心暈狂  
**BẠI HUYẾT CÔNG TÂM VỰNG CUỒNG**  
(Sanh rồi, máu xấu đánh vào tim làm cuồng vặng)

Đàn bà có người sau khi sanh hai, ba ngày rồi phát nóng, ác lợ (nước dơ) không chảy ra, máu đã thối, đánh vào tim làm cho kêu gào nói năng cuồng loạn, thậm chí lấy sức mạnh nhảy chồm lên chạy đi. Người ta cho là bởi « có tà nhiệt ở Vị kinh (dạ dày). Ai biết đó là bởi « huyết thiếu, không đủ đê dưỡng tim ».

Ôi, người ta khi đẻ rồi, huyết theo bào thai ra hết, thì 8 mạch (26) rỗng không, các tạng phủ đều bị thiếu thốn, chỉ còn một chút huyết ở Tâm bào để hỗ trợ cho Tâm quản.

Nay các tạng phủ kia, khi đã mất sự nuôi dưỡng thì đều muốn được Tâm cung cấp cho, mà Tâm đã không được sự hỗ trợ của huyết, chỉ còn nhờ cái huyết lực nhỏ nhặt của Tâm bào. Tâm bào cũng thiếu, đã không thể doái hoài đến nội Tâm, lại cũng không thể phân chia cấp phát ra các tạng phủ khác.

Bởi vậy, có cái bệnh trạng nóng ráo buồn phiền không thể tả, cái nóng ấy tựa hồ đại nhiệt mà thật ra chỉ là hư nhiệt.

Phép trị nên đại bồ huyết cho Tâm đê các tạng phủ khác cũng được chia xót phần nuôi dưỡng mà không quấy nhiễu đến Tâm quản, thì Tâm quản được an hòa thư thái.

Phương thuốc (1) này dùng AN TÂM THANG 安心湯:

當歸 ĐƯƠNG QUY 2 lạng  
川芎 XUYÊN KHUNG 1 lạng

生地	SINH ĐỊA	5 đồng, sao
升皮	ĐƠN BÌ	5 đồng
生蒲黃	SINH BỒ HOÀNG	2 —
乾荷葉	CẠN HÀ DIỆP (lá sen khô)	1 lá.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang mà bệnh cuồng yên định, nước dơ cũng bài tiết ra.

Phương thuốc này đã dùng KHUNG, QUÝ để dưỡng huyết mà lại còn dùng SINH ĐỊA, ĐƠN BÌ để mát huyết, thì phương thuốc này có thể rằng người mới sanh không nên dùng. Bởi chẳng biết rằng, chứng bệnh này nguyên nhân phạm vào cả « hưng » và « nhiệt » cho nên trong phương bồ hưng huyết phải có vị mát huyết, mà cái vị mát đó không làm hại gì, huống chi lại có HÀ DIỆP để cho 7 khiếu (42) cùng được thông lợi mà dẫn tà nhiệt ra ngoài. Thế thì chẳng những không hại đến Tâm mà lại còn có BỒ HOÀNG làm tá để phân giải cái nước dơ ra.

Tuy nhiên, phương thuốc này chỉ có thể cho dùng tam đè yên định bệnh cuồng vọng, chứ không có thể cho dùng nhiều mà mang tiếng chê trách. Nên cần thận.

oOo

少腹疼  
THIẾU PHÚC ĐÔNG  
(Sanh rồi, bụng dưới đau)

Sau khi sanh, bụng dưới đau cuồng quýt, đau quá kết thành một hòn, càng lấy tay ấn xuống càng đau. Người ta bảo là « Nhi châm thống » = đau chỗ đứa bé gối đầu. Ai biết đó là bởi « huyết ứ đọng lại làm đau ».

Ôi, người xưa bảo « nhi châm » là nơi đứa bé gối đầu. Vậy sao khi đứa bé còn ở trong thai, nó gối không đau, nay đã sanh rồi, đứa bé không gối nữa lại đau. Như vậy, có thể biết rằng, không phải đau ở chỗ nhi châm.

Đã không phải đau vì nhì chàm thì vì đâu mà đau?  
Vì huyết không tan đi, ứ kêt lại thành hòn cục mà đau.

Nếu người đàn bà khoẻ mạnh mà là người huyết hữu dư, không phải là người huyết bất túc thì cũng có thể dùng thuốc phá huyết để trực ứ mà không phương hại. Nhưng mà (huyết có thông hoạt thì ứ huyết mới hết, nếu huyết kêt lại không thông hoạt thì ứ huyết làm bệnh) không bò huyết để cho huyết thông hoạt mà trực ứ, lại phá huyết để huyết hao tốn đi mà trực ứ, thi dù cái huyết ứ kêt ấy có tiêu tan, kết quả cũng không tránh khỏi sự hao mòn.

Cho nên, chẳng bằng trong phương pháp bò huyết có phương pháp hành huyết trực ứ thi khí và huyết không hao tốn mà ứ huyết cũng tiêu tan bằng hết.

Phương thuốc (1) này dùng:

TÂN KẾT ĐỊNH ĐÔNG THANG 敗結定疼湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu rửa
川芎	XUYỀN KHUNG	5 đồng, lấy rượu rửa
丹皮	ĐƠN BÌ	2 —
益母草	ÍCH MÀU THẢO	3 —
乳香	NHŨ HƯƠNG	1 — ép bỏ dầu
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —
山楂	SƠN TRÀ	3 — sao cháy
桃仁	ĐÀO NHÂN	7 hạt, bỏ vỏ, sao, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hết đau, bắt tất phải uống thang thứ hai.

Phương thuốc này trực ứ huyết ở trong phần bò huyết; tiêu huyết hòn ở trong phần sinh huyết, thế là rất thần diệu ở chỗ không phải trị bệnh đau mà tự nhiên hết đau.

Còn như kẻ nào hề thấy nói đau nơi « nhì chàm » liền dùng ngay những loại DIÊN HỒ, TÔ MỘC, BỒ HOÀNG, LINH CHI để tiêu hóa cái huyết cục đi, không nói gì đến bò huyết. Kẻ ấy không đủ để nói truyện.

Lại có người sanh rồi cũng đau bụng dưới như vậy, nhưng lấy tay ăn xuống chỗ bụng thì bớt đau. Người ta cũng cho là « nhí chàm thống ». Ai biết đó là « huyết hư » mà thế.

Ôi, khi mà sanh rồi, máu ra quá nhiều, ô máu trống rỗng mà làm đau bụng, 10 người có đến 9 người sanh rồi cũng bị đau như thế. Đó là « hụt thống » không phải « thực thống ».

Nói chung: Hết người hụt thống đều nên cho bò, mà người sản hậu bị hụt thống thì lại càng nên cho bò lắm.

Nếu có người bảo rằng « bệnh đau về huyết hư, tất nhiên nên dùng thuốc bò huyết, nhưng mà những được phàm đè bò huyết, lại có nhiều chất nhuận hoạt, mà chất nhuận hoạt ấy uống vào sẽ làm chướng ngại cho đại trường ».

Nói như thế, không biết rằng: « sản hậu thi huyết hư, huyết hư thi đại trường bị khô ráo nhiều, khô ráo mà được nhuận hoạt thì đúng với sở cầu, chứ còn có chướng ngại gì ».

Phương thuốc (1) này dùng TRƯỜNG NINH THANG 胎甯湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, lấy rượu rửa
熟地	THỰC ĐỊA	1 — cửu chưng (37)
人參	NHÂN SÂM	3 đồng, (13)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
阿膠	A GIAO	3 — lấy cáp phẩn sao
山藥	SƠN DƯỢC	3 — sao
桔梗	TỤC ĐOẠN	2 —
甘草	CAM THẢO	1 —
肉桂	NHỤC QUẾ	3 phần, cạo sạch vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang bớt đau, uống 2 thang hết đau, uống được nhiều thang càng tốt.

Phương thuốc này, bò khi mà không lo quá bẽ tắc, bò huyết mà không lo quá trì trệ. Khi được bò mà khí huyết đã sanh ra thì bất tất phải trị đau, tự nhiên hết đau.

oOo

### 氣 喘

#### KHÍ SUYỄN

(*Sanh rỗi, lên cơn thở*)

Có người sanh rồi mà đến phát suyễn (hơi thở thiếu, gò rút ngực lai, ngắc cò lên, há mồm mà thở, thở ra hít vào có tiếng kêu khò khò, như vậy liên hồi) thật là một chứng bệnh chí nguy, nếu không cấp trị, chết ngay lập tức. Người ta chỉ biết thế là bởi « khi huyết đều suy yếu » mà không biết đó là « khi huyết đã sắp thoát đi hết ».

Ôi! khi huyết mà đã thoát, làm sao còn phát suyễn được. Bởi sanh rồi, huyết tuy đã thoát, nhưng may còn phần khí chưa thoát hết, phần chưa thoát hết ấy phải đòi hỏi hơi thở mà phát suyễn.

Nói chung tất cả mọi bệnh mà đã đến thoát thì khí bị thoát trước. Khi mà khí bị thoát thì vẫn chưa liên quan gì đến huyết. Nhưng người đàn bà sau khi sanh rồi mà bị thoát thì huyết thoát trước. Khi mà huyết đã bị thoát thì còn có cơ trong mong vào chân khí cho nên chứng bệnh tuy nguy cấp mà còn có chỗ « có thể cứu » đó là vì còn có khí mà phát suyễn.

Nghĩa là Phé chủ về khí. Khi khí phát suyễn lên, tựa hồ thực chứng mà quả là đã suy hư. Dương cái lúc nguy cấp ấy mà huyết lại muốn thoát nữa thì khó sống vana phần. Nay Phé bởi vì huyết thoát mà phát suyễn thì Phé cũng chỉ còn một chút hơi thở nhỏ nhỏ. Vậy phải cứu nguy cho khí. Nếu không cấp cứu ngay cho khí mà bảo rằng khi không cùng với huyết cùng thoát thì có lẽ ít lầm. Bởi vậy, sự cứu chân huyết còn có thể chờ mà sự bò cho chân khí phải cấp tốc.

Phương thuốc (1) này dùng :

CỨU THOÁT HOẠT MẪU THANG 救脫活母湯

人參	NHÂN SÂM	2 lạng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 — lấy rượu rửa
熟地	THỰC ĐỊA	1 —
枸杞子	CÀU KỲ TỬ	5 đồng
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 lạng, khứ tâm
阿膠	A GIAO	2 đồng, lấy cáp phẩn sao
肉桂	NHỤC QUẾ	1 — gọt sạch vỏ, nghiền nhão
黑芥穗	HẮC GIỚI TUỆ	2 —
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 — sao chín.

Lấy nước sắc uống. Uống một thang thở nhẹ, uống 2 thang thở đã bớt, uống 3 thang bệnh thở được yên bình, uống 4 thang bệnh khỏi hoàn toàn.

Phương thuốc này đã trọng dụng NHÂN SÂM để tiếp nối lấy cái khí nguyên dương, lại hẳn phải có những loại THỰC ĐỊA, SƠN DU, KỲ TỬ đại bồ tinh huyết cho Can Thận. Sở dĩ vậy, chính là sợ rằng, nếu quá ư bồ dương, vận nhất lở ra huyết cũng theo với dương mà chấn động lên để sanh thêm bệnh thì cũng không phải là kế sách kiện toàn. Cho nên bồ Thận trước mà từ từ bồ Phế khi sau, thi âm huyết được làm chủ để dương khí có chỗ thu hồi. Thế là « âm bình, dương bi » (= âm thủy thi an bình dương hòa thi tiêm tàng ấp ú) bệnh suyễn tự nhiên yên định. Nhưng lại sợ, sau khi đẻ mà dùng thuốc bồ âm thi chất béo chất trệ vào làm khó tiêu hóa, cho nên thêm NHỤC QUẾ để bồ hỏa ở Mạnh mòn, để hỏa khi có căn bản mà giúp cho NHÂN SÂM dễ sinh khí và vận hành. THỰC ĐỊA, SƠN DU để hóa tinh, sinh huyết, lại còn thêm có KINH GIỚI để dẫn huyết về với kinh của nó. Thế là âm dương khi huyết điều hòa mà trị bệnh có thể như thần.

血崩  
**HUYẾT BĂNG**  
(*Sanh ròi, băng huyết*)

Thiếu phụ có người sau khi sanh chừng nửa tháng bị băng huyết làm cho đầu mặt tối tăm quay cuồng, mắt nhìn như thấy cả thành thàn quỷ quái. Người ta đều cho là « ác huyết xung Tâm ». Ai biết đó là bởi cái nỗi « không gìn giữ nơi phòng the ».

Ôi, sau khi sanh chừng nửa tháng, khi huyết mới điều hòa, còn ở giai đoạn chưa phục hồi hoàn toàn, tức là đường huyết tuy đã sạch, nhưng sự tồn thương ở bào thai chưa khỏi dứt, thì hẳn là phải gia tăng phần cần thận nuôidưỡng.

Nếu khi huyết mới phục hồi mà đã đồng lòng tinh đường đâm dục, để đến nỗi băng huyết không ngừng mà tinh thần mờ tối, thấy nghe mơ màng, đó là cả 2 kinh Tâm và Thận cùng bị tồn thương, chứ không những cửa trong cửa ngoài của bào thai bị chấn động mà thôi. Những chứng bệnh ấy ở người sản hậu rất nguy.

Người điều trị có cho chỉ sáp hay cho thăng đê cũng đều không thể cứu. Nếu bỏ phương pháp đại bồ khi huyết thì chả còn phương pháp nào hơn.

Phương thuốc (1) này dùng :

CÚU BẠI CẦU SINH THANG 救敗求生湯 :

人参	NHÂN SÂM	2 lạng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 lạng, lấy rượu rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — tằm hoàng thò sao (4)
熟地	THỰC ĐỊA	1 — (3).
山萸肉	SƠN DU NHỤC	5 đồng, sao chín
山藥	SƠN DƯỢC	5 — sao
棗仁	TÁO NHÂN	5 — sao, đê sống
附子	PHỤ TỬ CHẾ	1 phần hay 1 đồng.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang tinh thần yên định, uống 2 thang hết quay cuồng xây xầm, uống 3 thang huyết chi. Nếu uống 1 thang thấy hiệu nghiệm, uống liên tiếp mấy thang nữa, giảm bớt được nửa phần, uống luôn mươi thang nữa, sẽ mừng được tái sinh.

Phương thuốc này bồ khi để phục hồi nguyên dương ở những đau đau trở về. Dương trở về mà cũng trở về tự nhiên có thể cầm huyết mà tinh thần minh mẫn; thiền tịnh mà bản mạnh trường sinh.

oOo

### 惡心嘔吐 Ó TÂM ÁU THÓ

(*Sanh rồi, trong bụng gòm sợ, ói mửa*)

Đàn bà có người sau khi sanh, Vị khi nghịch lên, trong bụng gòm sợ, muốn ói ụa, có khi làm cho thở. Người ta chỉ biết đó là « Vị hàn ». Ai biết đó là « cả Thận cung hàn ».

Ôi, Thận với Vị, khí mạch tương quan, Vị khí mà hàn thì Vị khí không vận hành vào Thận, Thận khí mà hàn thì Thận khí không lưu hành đến Vị. Thế là Thận với Vị cùng giao với nhau làm bệnh.

Vì rằng: sanh rồi, huyết ra quá nhiều thì nước ở trong Thận cũng cạn đi nhiều. Nước ở Thận cạn đi thì dù hịt hỏa cũng không sanh ngay được. Hỏa mà đã không sanh ra thì hiện tượng bệnh hàn tự nhiên phát xuất.

Phép trị thàt nên cho bồ hỏa vào trong Thận thủy. Hắn rằng trong Thận thủy mà có hỏa, tức có phần ôn cho Vị hỏa, thế là « thủy ở trên hỏa », thì rồi Thận thủy không lò sợi đại nhiệt mà Vị hỏa có cái vui mừng « ký tế » (2). Nếu hỏa mà không có thủy dưỡng thì « hỏa ở trên thủy » lại thuộc về « Vị té » (20).

Phương thuốc (1) này dùng

ON THẬN CHÌ ÀU THANG 溫腎止嘔湯:

熟地	THỰC ĐỊA	5 đồng
己 我 肉	BA KÍCH NHỤC	1 lạng, tầm nước muối, sao
人 参	NHÂN SÀM	3 đồng, (13)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 lạng tầm hoàng thò (4) sao
泡 姜	BÀO KHƯƠNG	1 đồng
山 莖 肉	SƠN DU NHỤC	5 — sao chín
茯 苓	PHỤC LINH	2 —
白 豆 瓣	BẠCH ĐẬU KHẨU	1 quả, bỏ vỏ, lấy nhân giã nát
橘 红	QUẤT HỒNG	5 phân, lấy nước gừng, rửa.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang hết ỏi mửa, uống 2 thang không tái phát, uống 4 thang khỏi hoàn toàn.

Phương này phần thuốc bò Thận nhiều hơn phần thuốc trị Vị, nhưng mà trị Thận vẫn là để trị Vị. Vì rằng Thận khi mà thăng đẳng thì bệnh Vị hàn tự nhiên giải tán, bất tất phải dùng đến thuốc đại nhiệt mà cũng « Ôn vị khứ hàn ».

oOo

惡 寒 身 頸  
Ó HÀN THÂN ĐẦN  
(Sanh rỗi, sợ lạnh run người)

Đàn bà có người sanh rỗi, phát nóng, sợ lạnh run cả người, cò khan, khát nước. Người ta cho là « sản hậu bị thương hàn ». Ai biết đó là « khí và huyết đều hư » tức là chính khí suy, không chống nổi với tà khí mà đến thế.

Nói chung: chính khí của con người mà được « thực » không bị « hư » thì hẳn là tà khí không thể xâm nhập được (nghĩa là người khoẻ mạnh thì không bị cảm mà người yếu thì hay bị cảm). Nay người sản phụ sau khi

sanh bị mất máu đã nhiều thì 8 mạch (26) đều bị hư, lỏng da trống trại không đủ sức đề bảo vệ, thì ta khi càng dễ xâm nhập tức là dễ bị cảm. Mà cái cảm ấy bắt tất phải là cái gió ở ngoài cửa lọt vào mà nhiễm tập thân thể, chỉ ngay trong buồng kin có một chút cử động sơ hở thì cũng nhân sức yếu ấy mà lọt vào làm ra cảm.

Nhưng người sản phụ dễ bị cảm mà cũng dễ hết cảm, cho nên nếu có bị ngoại cảm thì cũng nên điều trị nội thê, chứ quyết không thể cho uống những thứ thuốc phát tán hạy bạ được.

Bởi vì, cái bệnh sợ lạnh kia là cái lạnh trong mình sinh ra ; cái bệnh phát nóng kia là cái nóng bởi sức yếu sinh ra và cái bệnh lạnh run cả chân tay mình mày kia cũng là bởi chân khí suy yếu sinh ra.

Vậy cứ trị nội hàn thì ngoại hàn tự nhiên tiêu tán, cứ trị nội nhiệt thì ngoại nhiệt tự nhiên giải trừ ; cứ tráng nguyên dương thì bệnh lạnh run người tự nhiên an định.

Phương thuốc (1) này dùng :

THẬP TOÀN ĐẠI BỒ THANG 十全大補湯:

人參	NHÂN SÂM	. 3 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — tần hoàng thò (4) sao
茯苓	PHỤC LINH	3 —
甘草	CAM THÀO	1 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 — lấy rượu rửa
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 — lấy rượu rửa
熟地	THỰC ĐỊA	5 — (3)
白芍	BẠCH THƯỢC	2 — tần rượu, sao
黃芪	HOÀNG KỲ	1 — dùng sống
肉桂	NHỰC QUẾ	1 — cạo sạch vỏ, cắt nhỏ.

Lấy nước sắc uống. Uống 1 thang các bệnh khỏi hoàn toàn. Phương thuốc này chỉ bồi cái « hư » cho khí huyết mà

không phải nghĩ đến việc giải tán cái « thực » của phong tà. Nghĩa là chính khi mà đầy đủ thì tà khí tự nhiên tiêu trừ, chứ không phải tiêu trừ tà khí, bởi vì vẫn không có tà khí.

Ôi, người đời hễ thấy người sản phụ nóng mình, liền cho uống ngay thuốc phát tán mà không suy nghĩ gì, thật là dưa dến bại vong mau chóng.

oOo

### 喘 咳，四 肢 浮 膨

### SUYỄN THẤU, TỨ CHI PHÙ THÜNG

(Sanh rồi, ho suyễn, bốn tay chân phù thüng)

Đàn bà có người sanh rồi, 4 tay chân phù thüng, luôn luôn hết nóng lại lạnh, hết lạnh lại nóng hơi thở suyễn và ho, trong bụng bị ngăn cách không thông lợi, hai bên hông đau chướng, miệng ụa ra nước chua. Người ta bảo « bài huyết chảy vào các kinh lạc rồi thẩm ra tay chân mà khí nghịch lên ». Ai biết đó là « Can và Thận cả 2 đều hư mà àm khi chẳng ra được đê giao hóa với dương khí.

Ôi, sanh rồi, khi huyết bị hao tổn nhiều quá, lẽ tự nhiên làm cho THẬN THỦY thiếu đi, THẬN THỦY mà thiếu thi không thể dưỡng CAN làm cho huyết ở CAN (can thuộc kinh Túc quyết âm) bị khô cạn. Huyết ở CAN bị khô cạn thì CAN HỎA (tương hỏa) càng đốt cháy.

Bởi vậy, CAN HỎA: trên khắc Phé kim, Phé kim chịu sự hình phạt của CAN HỎA, sức Phé kim không thể chống nỗi CAN MỘC mà sinh ra bệnh ho suyễn đầy chướng; Dưới khắc Tỷ thò, Tỷ thò bị sự lấn ép của CAN MỘC, sức Tỷ thò không thể chống nổi với THẬN THỦY mà bệnh từ chi phù thüng sinh ra.

Nhưng cái sức vượng của Can Hỏa, chỉ là giả trạng chứ không phải thực trạng, mà cái sức giả trạng ấy tựa hồ hữu dư mà thực ra thì bất túc.

Cho nên khi cơn nóng, khi cơn lạnh, luôn luôn qua lại không nhất định. Đó là theo cái « khí » lúc thịnh lúc suy làm ra nóng lạnh, nóng đó không phải là chân nhiệt mà lạnh đó cũng không phải là chân hàn.

Bởi vậy, Can khí nghịch lên bụng lên cách và hiếp mà làm ra bất lợi, thì 2 bên hiếp là bộ vị của Can mà mùi chua là khí vị của Can. Thế thì ợ chua và đau 2 bên họng hiếp là trạng chứng bởi Can bị hư, vì không được Thận thủy nuôi dưỡng.

Phép trị, nên bồ huyết đè dưỡng Can, bồ tinh đè sinh huyết, tinh huyết mà dù thi khi tự nhiên thuận hành và những bệnh nóng lạnh, ho suyễn, phù thũng, hễ một bệnh mà hết thì các bệnh đều hết eà.

Phương thuốc (1) này dùng CHUYỀN KHÍ THANG 针灸湯:

人参	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
茯苓	PHỤC LINH	3 —
白术	BẠCH TRUẬT	3 — tằm hoàng thổ sao (4)
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 đồng, lấy rượu, rửa
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tằm rượu, sao.
熟地	THỰC ĐỊA	1 lạng (3)
山藥	SƠN DƯỢC	5 đồng, sao
柴胡	SAI HỒ	5 phần
羌活	KHIÉM THỰC	3 đồng, sao
故紙	CÓ CHỈ	1 — tằm nước muối, sao
山萸肉	SƠN DU NHỤC	3 — sao chín

Lấy nước sắc uống. Uống 3 thang kién hiệu, uống 10 thang khoẻ.

Phương thuốc này đều là được phàm đè bồ tinh bồ huyết, sao lại gọi tên là CHUYỀN KHÍ THANG ? Bởi chẳng biết « khí » mà nghịch lên là bởi khí hư nên nó nghịch mà khí hư ấy là khí ở Can Thận bị hư. Vậy hư

thì phải bò mà bò tinh huyết cho Can Thận, chính là bò khí cho Can Thận. Vì khi hư nó nghịch thì khí vượng nó thuận cho nên bò khí tức là chuyên khí. Khi mà chuyên xuôi thì các chứng đều hết, tức là âm ra với dương, tự nhiên không có cái lo âm dương ngăn cách nhau nữa.

oOo

氣血兩虛，乳汁不下  
**KHÍ HUYẾT LƯỞNG HƯ, NHŨ TRÁP BÁT HẠ**  
(Sinh rồi, khí và huyết đều hư, không có sữa)

Đàn bà có người, sau khi sanh rồi, tuyệt nhiên không có một giọt sữa. Người ta cho là « ống mạch sữa bị bể tắc ». Ai biết đó là bởi « khí huyết đều khô cạn ».

Ôi, nước sữa là bởi khí và huyết hóa ra thành sữa, không có huyết thì thực không thể sanh ra sữa mà không có khí cũng không thể sanh ra sữa. Nhưng trong 2 đường khí và huyết hóa ra sữa ấy thì huyết hóa ra sữa cũng không bằng khí hóa ra sữa mau chóng hơn.

Người sản phụ khi mới sanh, huyết đã bị thiếu đi quá nhiều, thì huyết tự hộ vệ cho huyết còn chẳng đủ, làm sao có thể hóa ra sữa được. vậy hoàn toàn chỉ nhờ có chàng khi còn đủ để cho huyết hành mà hóa ra sữa.

Sau khi sanh vài ba ngày mà không có giọt sữa nào thì có thể là « khí thi suy mà huyết thi thiếu ». Vì rằng khí mà vượng thì sữa nhiều, khí mà suy thì sữa ít, khí mà khô thi sữa cũng khô. đó là cái thể tất nhiên.

Người ta có kẻ không biết, thiếu sữa thi đại bò khí huyết là thàn diệu. Vì không có khí thi không thể hóa ra sữa mà không có huyết cũng không thể sanh ra sữa. mà lại đi tìm những vị thuốc để thông mạch sữa thi có khác nào rời kẻ đói mà xin ăn, rời kẻ nghèo mà đòi tiền, chăng !

Phép trị nên bò khí đè sanh huyết, bất tất phải khai khiếu để thông mạch sữa.

Phương thuốc (!) này gọi là SANH NHŨ ĐƠN 生乳丹:

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
黃 茜	HOÀNG KỲ	1 — dùng sống
當 彈	ĐƯƠNG QUY	2 -- lấy rượu, rửa.
參 冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng. khử tẩm.
木 通	MỘC THÔNG	3 phần
桔 梗	CÁT CÁNH	3 —

THẤT KHỒNG TRÙ ĐÈ (móng giò heo) 2 cái, nướng chín, cạo bỏ vỏ đen ngoài.

Lấy nước sắc uống. Uống 2 thang, sữa ra như suối chảy.

Phương thuốc này chuyên bò khí huyết đè sanh ra sữa, mà đúng là sữa sinh ra bởi khí huyết, vì rằng sanh rồi thì khí huyết bị khô cạn mà không có sữa, chứ không phải ống mạch sữa bể tắc mà không có sữa đâu.

Phương thuốc này gọi tên là SANH NHŨ chính là có đường lối đè sanh ra sữa, bất tất phải thông phải khai mà sữa tự nhiên chảy ra.

oOo

帶 結，乳 汁 不 通  
UẤT KẾT, NHŨ TRẤP BÁT THÔNG  
(Sanh rồi, ngực giận kết lại, mạch sữa không thông)

Đàn bà có người sau khi sanh đẻ, chợt có việc gì bất như ý, bèn làm cho hai bầu sữa đầy rực lên đau nhức mà mạch sữa thì tắc lại không thông nữa. Người ta cho là « cái hỏa ở Dương minh Vị kinh nóng quá ». Ai biết đó là bởi « Can khi uất kết ».

Ôi, Vị thuộc Dương minh kinh mà Vị là một phủ nhiều khí nhiều huyết, Việc mà hóa ra sữa vẫn thuộc về

Dương minh Vị kinh. Nhưng sau khi sanh tuy có thiếu huyết đi mà thật ra cái khí chưa suy giảm hết thì làm sao đến nỗi hoàn toàn không có huyết mà bảo rằng mạch sữa không thông là tại Vị hỏa thịnh cực.

Như vậy thì mạch sữa không thông chưa có thể bảo rằng tại Dương minh Vị hỏa hết thảy.

Bởi vì máu ở Vị thò, phải nhờ có máu ở Can mộc cùng thông hòa với nhau mới có thể hóa thành sữa. Nay người sản hậu 2 bầu sữa gắng lèn làm đau, không phải bởi không có sữa, rõ ràng là bởi Can mộc và Vị thò kết lại thì có muốn hóa thành sữa cũng không được, thế thì không bởi «Can khí uất kêt» là gì?

Phép trị nên thông hòa cái khí cho Can mộc rất nhiều để cho cái huyết ở Dương minh Vị được sanh hoạt đều thì mạch sữa tự nhiên thông, bắt tất phải chú ý đến việc thông mạch sữa.

Phương thuốc (1) này dùng :

THÔNG CAN SINH NHŨ THANG 通肝生乳湯:

白芍	BẠCH THƯỢC	5 đồng, tẩm giấm, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 — lấy rượu rửa
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tẩm hoàng thò, sao (4)
熟地	THỰC ĐỊA	3 — (3)
甘草	CAM THẢO	3 phần
木冬	MẠCH ĐÔNG	5 đồng, khứ tâm.
通草	THÔNG THẢO	1 —
柴胡	SÀI HỒ	1 —
遠志	VIỄN CHÍ	1 —

Lấy nước sắc uống, uống 1 thang thì mạch sữa thông, bắt tất phải uống thang thứ hai. Thật rất thần hiệu thay.

手 傷 虎 胎 淋 溢 不 止  
**THỦ THƯƠNG BÀO THAI LÂM LY BẤT CHỈ**  
*(Trong khi sanh, bị tay bà đỡ làm rách bào thai.  
 máu ra lâm ly không ngừng)*

Đàn bà có người, trong lúc đang đẻ, bị bà đỡ cho tay vào âm môn thăm dò làm rách bào thai, rồi mà máu cứ rỉ rì ra mãi không thôi, làm cho đau buốt, dù muốn nín yên trong chốc lát cũng không thể được. Người ta bảo « bào thai đã bị rách không thể vá lại được ». Ai biết rằng nói thế là không phải.

Ôi ! bị thương mà rách ở ngoài da đã có thể làm cho lành da được thì rách trong bụng lại không có thể trị liệu cho lành được sao ?

Nếu có kẻ bảo rằng : « rách ở ngoài da có thể ngoại trị đê lên da, chứ rách ở trong bụng thì dù có linh dơn cũng không thể vá lại được ». Vậy thì rách ở trong bụng mà ngoại trị, cỗ nhiên vô hiệu, tại sao nội trị lại có thể không công hiệu được.

Thứ nghĩ coi : Vì những chất độc làm cho lở ngứa ngoài da, làm cho ung thư trong trường vị, còn có thể uống thuốc đê lên da lên thịt. Huống chi việc này bất quá chỉ là bắt cần mà sảy ra vết thương nhỏ, chứ không phải tại ác độc mà thế, làm sao rách lại không vá được.

Phương thuốc (1) này dùng HOÀN BÀO ÂM 完虎飲:

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 — tăm hoàng thò (4) sao
茯 苓	PHỤC LINH	3 đồng
生 黄 茜	SANH HOÀNG KỲ	5 —
當 归	ĐƯƠNG QUY	1 lạng, tăm rượu, sao
川 芍	XUYÊN KHUNG	5 đồng

桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.
红花	HỒNG HOA	1 đồng
益母草	ÍCH MÃU THẢO	1 —
白芍	BẠCH CẨP	1 — tán nhỏ.

Lấy 2 cái dạ đẻ, một của heo và một của dê, luộc lên lấy nước, rồi lấy nước ấy mà sắc thuốc uống vào lúc đói. Uống 10 thang khỏi hoàn toàn.

Ôi, bào thai mà bị rách, thì nên dùng những dược phàm đẻ và bào thai, sao lại dùng những thuốc bò khi bò huyết ?

Bởi vì, cái người khi sanh đẻ mà đã đến nỗi phải thò tay thăm dò, rồi làm rách bào thai, thì người ấy là người sanh đẻ khó khăn. Mà sanh đẻ đã khó khăn thì tất là khi huyết hư. Đến khi đã sanh được rồi thì cái khi huyết vốn đã hư ấy lại bị hư thêm nữa.

Vậy thì, bởi « hư » mà bị « tồn » rồi lại bị « tồn » mà « hư » thêm. Hư tồn ấy nếu không bò khi bò huyết thì cái chỗ bào thai rách ấy làm sao lành lại như trước được.

Nay mà đại bò khí huyết, thì đúng như là đang đói mà cho ăn, đang khát mà cho uống, tất nhiên tinh thần khí huyết được tái tạo cho mạnh lớn lên. Tinh thần khí huyết đã mạnh lớn lên thì cái chỗ rách ở bào thai tự nhiên lành lặn, sự thành công chỉ trong tuần lě.

oOo

產後肝癟  
SẢN HẬU, CAN NUY  
(Sanh rồi, lđ. gan bùn: rún)

Đàn bà có người sau khi sanh rồi, trong âm hộ sa xuống một vật, hình như miếng lụa, hoặc có sừng, hoặc 2 nhánh. Người ta cho là « thuốc loại sanh đẻ khó khăn,

phải rặn quá sức mà lòi ra». Ai biết đó là bởi « Can nuy ». Nnhĩa là lá gan không tàng huyết, bùn rùn lười biếng không muốn làm việc mà thế.

Oi, sanh rồi làm sao có thể thành bệnh « Can nuy » được ?

Bởi vì, trước khi chưa sanh, trong thời gian mang thai, làm việc khó nhọc quá, lại có khi xúc động vì những sự bức giận quá烈 lại chăng ! đê đến nỗi Gan không tàng huyết, huyết thiếu đi quá nhiều, cho nên khi sanh rồi, màng mỏ của gan cũng theo huyết mà ra, hình nó như cái dạ con mà thực ra không phải dạ con. Nếu dạ con mà bị sa xuống thì hình nó như trái cà, mà nó chỉ ra đến chỗ sản môn chứ không thể lòi ra ngoài sản môn. Chỉ có màng mỏ của gan hễ mà bị lòi ra thì thường thường lòi ra ngoài sản môn 6 hay 7 phần tây.

Còn như có người nào mà bị nó lòi ra rồi dính vào quần hay vào chiếu mà khờ rụng đi một miếng như bàn tay. Đó là dạ con lòi ra mà rụng đi. Người ấy sẽ bị chết ngay, làm sao mà sống lại được.

Phép trị nên đợi bò khí huyết mà thêm chút ít được phàm đê thăng đê thì khí và huyết của gan được vượng sẽ dễ phần dưỡng nuôi sinh sống Gan mà đã được cái sức nuôi sống thì cái màng mỏ ày tự nhiên thu vào.

Phương thuốc (1) này dùng THU MỎ THANG 什摸湯:

生黃芪	SANH HOÀNG KỲ	1 lạng
人參	NHÂN SÂM	5 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	5 — tám hoàng thô (4) sao
白芍	BẠCH THƯỢC	5 — tám rượu, sao cháy.
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 — lấy rượu rửa.
升麻	THĂNG MA	1 — (thứ xanh).

Lấy nước sáo uống. Uống 1 thang thu vào tức khắc.

Nếu có người còn ngờ mà bảo rằng: « sản hậu cầm dùng BẠCH THƯỢC vì sợ rằng BẠCH THƯỢC phạt mất cẩn nguyên của sinh khí là làm.

Nghĩa là huyết bệnh thuộc Can thì càng phải dùng THUỐC, mà dùng THUỐC ở trong thuốc đại bò thì THUỐC cũng giảm cai tính toan thu đi rồi, làm sao lại không có thể dùng THUỐC.

Huống chi màng mỏ mà trút xuống chính là phải nhờ có cái sức toan thu của THUỐC để giúp cho THÀNG MA thăng đè khí huyết lên.

Như vậy muốn thu công mau chóng, không dùng THUỐC thì còn dùng gì ?

oOo

產後肉線出  
**SẢN HẬU, NHỤC TUYẾN XUẤT**  
(Sanh rỗi, lòi ra một sợi dây thịt)

Đàn bà có người, khi sanh rồi, chỗ đường đi tiểu tiện, lòi ra một sợi dây thịt dài 5 hay 10 phân tây, hễ đụng vào thì đau buốt muối chết. Người ta cho là « bào thai sa xuống ». Ai biết đó là « dây mạch Đái » (21) bị hư mà trút ra ».

Ôi ! Mạch Đái buộc vào ở khoảng mạch Nhâm (10) Mạch Đốc (21). Mạch Nhâm ở dâng trước, mạch Đốc ở dâng sau, 2 mạch ấy mà khoẻ thì mạch Đái được bền chặt, 2 mạch ấy mà yếu thì mạch Đái lỏng lẻo mà trút ra.

Người đàn bà, khi sanh rồi, bị mất máu quá nhiều, máu mít đi thì lấy gì mà nuôi mạch Nhâm, mạch Đốc. Mạch Nhâm, mạch Đốc không được nuôi dưỡng thì mạch Đái yếu đi không có sức mà thăng đè lên, cho nên khi tiểu tiện thì nó theo đường tiểu mà lòi ra.

Mạch Đái mà lỏng lẻo thường thường còn làm đau ở lưng chẳng sang rốn. Huống chi nó sa xuống mà lòi ra ngoài sản mòn thì mất cái sự điều khiển tự nhiên của nó, .. sao lại không bị đau như muối chết được.

Phương thuốc (1) này dùng LƯỞNG THU THANG 两壮湯:

人參	NHÀN SÂM	1 lạng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — tẩm hoàng thổ (4) sao
川芎	XUYÊN KHUNG	3 — lấy rượu, rửa
熟地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
山藥	SƠN DƯỢC	1 — sao
山萸肉	SƠN DU NHỤC	4 đồng, sao chín
芡實	KHIẾM THỰC	5 — sao
扁豆	BIÈN ĐẬU	5 — sao, bỏ vỏ
巴戟肉	BA KÍCH NHỤC	3 — tẩm nước muối, sao
杜仲	ĐÔ TRỌNG	5 — sao đen
白芍	BẠCH QUẢ	10 quả, bỏ vỏ, bỏ màng, đập nát

Lấy nước sắc uống. Uống một thang sợi giày thịt thu lại được một nửa, uống 2 thang thu vào hết.

Phương thuốc này bồi bò cho Nhâm, Đốc mà vẫn bồi bò cả cho lưng và rốn, bởi vì mạch Nhâm, Đốc liền với lưng rốn. Nếu chỉ bồi Nhâm, Đốc mà không bồi lưng rốn thì Nhâm, Đốc không được trợ lực, Mạch Đái nhờ cái gì mà thăng đè lên.

Bởi vậy, bồi bò cả 2, thì Nhâm, Đốc được •lưng rốn hỗ trợ và mạch Đái cũng nhờ cái sức của Nhâm, Đốc mà thu vào.



附 生 化 編  
**PHỤ SINH HÓA BIÊN**

(Mục « SINH HÓA BIÊN » này tuy nói là phụ  
thêm, nhưng nội dung nói kỹ như một quyển  
sách nói về « sắn hậu »)

# 附 生 化 編 PHỤ SINH HÓA BIÊN

(Phụ thêm bài nói về Sinh hóa)



## 新 產 治 法 TÂN SẢN TRỊ PHÁP (Phép trị bệnh cho người mới sanh)

Nói chung : Tất cả mọi bệnh mà phát ra, hầu hết đều bởi « khí huyết suy, Tỳ Vị hư », nhưng nói riêng về người đàn bà sau khi sanh mà có bệnh thì vẫn đề « khí huyết suy, Tỳ Vị hư » lại càng bị suy hư nhiều hơn.

Bởi vậy ĐÀN KHÈ (44) luận về bệnh sản hậu bảo rằng : « Người đàn bà mới sanh mà điều trị, hẳn là phải « đại bồi khí huyết » trước, dù có bệnh gì thì cũng sẽ trị sau ».

Lời nói ấy, thật đã nói lên hết cái ý chính về việc trị bệnh sản. Nói như vậy, thật không phải là đặt vấn đề trị bệnh cho người mới sanh vào sự « bắt ván » nghĩa là không cần hỏi đến đâu. Chỉ có ý bảo rằng « điều hòa khí huyết là phần gốc, mà trị bệnh chỉ là phần ngọn而已 ».

Ôi ! Người ta sau khi sanh rồi, phần nhiều hay sợ hãi, hao mòn, mệt mỏi mà khí huyết đã bị hư đi mất nhiều, cho nên có nhiều chứng bệnh nó hay nhầm cái lúc suy hư ấy mà xâm nhập rất dễ.

Ví dụ : Đại khái, có bệnh đầy hơi thì dùng chuyên dùng thuốc háo tán ; Có bệnh ăn không tiêu thì dùng chuyên dùng thuốc tiêu Dao ; Bệnh nhiệt không thể dùng HOÀNG CẨM, HOÀNG LIỀN, vì CẨM LIỀN lạnh quá thì bài huyết (máu cũ khi sanh chưa ra hết) nó định trệ lại ; Bệnh hàn không thể dùng QUAN QUẾ, PHỤ TÙ, vì QUẾ PHỤ nóng quá thì tàn huyết sẽ làm băng.

Còn như trung khí (Tỳ Vị Khí) suy hư mà bị ngoại cảm như: Thấy rõ là biểu chứng thuộc Thái dương kinh (46) nhiều, hầu như có thè cho phát hàn. Nhưng ở người mới sanh mà dùng MA HOÀNG (47) để phát hàn thì chán dương đã kiệt rồi, lại kiệt thêm.

Thấy rõ bệnh chứng thuộc Dương-minh kinh (48) nhiều, hầu như có thè cho hạ (xô). Nhưng ở người mới sanh mà dùng THÙA KHÍ (49) để cho hạ thi chán âm đã suy rồi, lại suy thêm.

Tai bị ủ điếc, hai bên họng bị đau là bởi Thận kinh suy yếu mà ác lò (nước dư của máu khi sanh) định chỉ lại, chờ dùng SÀI HỒ THANG (52).

Miệng nói làm nhảm; bồ hôi cứ toát ra; tựa hồ bệnh tà, là bởi nguyên khí suy nhược; chứ cũng không phải là đồng loại với bệnh « Vị khí thực nhiệt ».

Bệnh quyết nghịch (50) là bởi dương khí suy hư, bất luận nhiệt quyết hay hàn quyết, nếu không đại bồ dương khí thi không thể cứu được nghịch mà đem dương khí trở lại.

Bệnh kinh (51) gần thịt bị phong là bởi âm huyết thiếu, bất luận là cương kinh hay nhu kinh, nếu không tư bồ vịnh huyết thi không thể dãi dề các đường gần mà thông hoạt các đường giày kinh lạc.

Phát nóng lạnh, một thoáng lại nóng, một thoáng lai lạnh, không có định giờ; tựa hồ như bệnh ngược (sốt rét rùng) nếu đem thuốc trị bệnh ngược mà cho uống sẽ kéo dài liên miên khó trị hết.

Nói nǎng làm nhảm, tinh thần thẳng thớt, tựa hồ bệnh tà (ma). Nếu đem thuốc trị tà mà cho uống sẽ đến nguy vong.

Mất máu nhiều quá, máu khô cạn di làm cho đại tiện táo kết lại thi uống bài SINH HÓA THANG (xem mục « Sinh hóa Tông luận » trang dưới) mà gia NHỤC THUNG DUNG, chứ không thể đem NHUẬN TRƯỞNG, THÙA KHÍ (49) mà thông được.

Ra bồ hôi nhiều quá, tân dịch khô đi mà dai rất thì uống bài SINH HÓA THANG gia SÀM KỲ, tất nhiên sinh tân dịch mà thông dai.

GIA SÀM SINH HÓA THANG (xem mục «Sinh hóa tông luận» trang dưới) luôn luôn dùng, cứu được cái dương khí khi muộn tuyệt.

TRƯỞNG SINH HOẠT MỆNH ĐƠN (xem mục «thương thực» ở dưới) thường thường uống, tiễn thực cho Tỵ Vị lúc làm nguy.

Âm hộ sa xuống, sưng đau và đi tiêu lòi dom, phần nhiều bởi chân khí ở trên hư mà ở dưới bị hầm thì dùng BỘ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53).

Miệng cảm không nói được, gân tay co rút lại là bởi chân huyết nong rào làm ra tựa hồ trúng phong thì uống bài GIA SÀM SINH HÓA.

Trong lòng run run sợ hãi, uống bài SINH HÓA THANG chiêu thêm ĐỊNH CHỈ HOÀN (72).

Bên ngoài nhiều tà khí làm tâm thần hoảng hốt uống bài QUÝ TỲ THANG (54) chiêu thêm AN THẦN HOÀN (71).

Vì khí nghịch mà buồn trường lạnh dày, uống SINH HÓA THANG thêm vị MỘC HƯƠNG làm tá.

Vì thương thực mà ợ chua sợ cơm, uống LỤC QUÂN TỬ THANG (55) thêm vị MẠCH NHA, THẦN KHÚC rất hay.

Còn những vị như TỎ MỘC, NGA TRUẬT, THANH BÌ, CHỈ XÁC là loại thuốc làm cho háo khí, phà huyết và những phương pháp làm cho ra mồ hôi, cho hạ, cho tháo, chỉ có thể trị bệnh cho người mạnh khoẻ chứ không thể trị bệnh cho người mới sanh.

Đại khái, trị bệnh cho người mới sanh, trước phải hỏi ngay vấn đề «ác lợ» thế nào, đã ra hết chưa?

Nếu huyết kết lại thành hòn làm đau trong bụng chưa trừ đi được thì không thể với dùng SAM TRUẬT để bò.

Nếu trong bụng đã hết đau rồi thì còn nghi ngại gì mà không dùng BÒ TRUNG (53).

Đến như bệnh vong dương (38) làm toát bồ hôi; chán khi suy yếu làm lên cơn thở rít mà thường uống GIA SAM SINH HÓA THAN; cũng chỉ là « tòng quyền ».

Lại như bệnh vong âm làm bốc nóng và huyết bị băng làm lạnh tay chân, xày xầm mà uống ngay nguyên phương SINH HÓA THANG là lúc « cấp cứu ».

VƯƠNG THÁI BỘC (45) rằng : Trị bệnh ở hạ bộ, hay bồ cho hạ bộ, đều có cấp trị và hoãn trị. Hoãn trị thì các đường kinh thông đạt mà khí lực ít; cấp trị thì khí vị trọng hậu mà khí lực nhiều, cho nên :

Phép trị bệnh sản hậu nên tuân theo ĐAN KHÈ (44) mà cõi bản.

Việc uống thuốc nên bắt chước THÁI BỘC mà lần lần gia tăng.

Phàm đã nhận lấy trọng trách về vấn đề sinh tử mà người ta giao phó cho mình thì nên đề ý vào việc cứu vớt sự nguy nan cho người ta.

Muốn cầu được cái sự « cuí xuống không hò với đất, ngang lên không thẹn với trời » cho được đầy đủ thì phải đề lòng vào việc yêu thương người.

Như vậy việc điều trị các chứng bệnh về sản hậu, tuy chưa được tinh tường cho hết; nhưng khi gặp các chứng bệnh đều cứ vịn theo cách trị nghiệm của bạn « cận hương » (ở gần làng. Có ý nói Đan Khè và Thái Bộc) làm bằng cứ, thì cũng có phần bô ích nhỏ nhò chứ chưa hẳn là không.

# 生化總論

## SINH HÓA TỔNG LUẬN

(*Tổng luận về «sinh hóa»*)

Ôi ! Ta thấy người đời trị bệnh « Sản » :

Huyết hòn chưa tiêu hết thì dùng SINH ĐỊA, HỒNG HOA để hành huyết, TÔ MỘC, NGƯU TÁT để công phá huyết.

Hay là hư hàn đầy trường thì dùng Ô DƯỢC, HƯƠNG PHỤ để thuận khí, CHỈ XÁC, HẬU PHÁC để tiêu dẫn khí.

Thậm chí còn dùng THANH BÌ, CHỈ THỰC, NGA TRUẬT, TAM LĂNG để hạ khí mà yên định bệnh suyễn, HOÀNG CẦM, HOÀNG LIÊN, CHI TỬ, HOÀNG BÀ để thoái nhiệt mà trị bệnh phiền.

Đến như bệnh huyết bị kết đã quá nặng, còn dùng THỦA KHÍ THANG (49) cho hạ, để đến nỗi huyết đã kết rồi lại càng kết thêm.

Bồ hôi ra nhiều, tàn dịch cạn đi làm cho tiêu tièn bí sáp, còn dùng NGŨ LINH TÂN (56) cho thông dài, để đến nỗi tiêu tièn đã bí rồi lại càng bí thêm.

Thiên cẩn như vậy. Sao bằng SINH HÓA THANG (Xem trang dưới) là bài thuốc chủ chốt để trị bệnh huyết kết hòn kết cục.

Phàm những người mới sanh mà huyết hòn chưa tiêu hết hay lại có bệnh gì khác, tất cả đều lấy bài SINH HÓA THANG làm chủ chốt, rồi tùy theo chứng bệnh mà gia giảm và khi uống đừng suy tính rằng đã uống là bao nhiêu thang gì cả, nghĩa là một ngày một đêm cứ việc uống liên tiếp 3 hay 4 thang càng tốt, uống mãi, uống đến khi nào hết bệnh mới thôi.

Còn như người mới sanh rồi trong khoảng 1 hay 2 ngày huyết hòn chưa tiêu hết, mà khi huyết đã thoát đi mất nhiều thành ra hư chứng, hoặc làm ra hòn vựng

(đầu mặt xày xầm tối tăm) hoặc làm ra quyết nghịch (tay chân lạnh, khí nghịch lên) thậm chí bồ hơi ra như hạt châu (bồ hơi ra, không chảy đi, đọng lại ở mặt tròn tròn như hạt châu), hơi trong miệng thở ra lạnh dần dần, buồn phiền, khát nước, hơi thở suyên cấp, thì bất luận huyết kết hòn làm đau bụng đã hết hay chưa. Trong khi cấp cứu nên tông quyền mà dùng ngay nguyên phương SINH HÓA THANG thêm vào NHÂN SÂM 3 hay 4 chỉ cùng sắc uống ngay, uống đến khi thấy tình thế các bệnh đã hơi bớt thì giảm NHÂN SÂM đi mà cứ nguyên phương ấy uống thật nhiều.

Nếu huyết hòn đã tiêu đi hết rồi, mà thấy có những chứng bệnh như trên, thi cứ dùng ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem trang sau) đừng có nghĩ ngại rằng, thuốc có SÂM là bồ mà phải sợ vậy.

Phương thuốc này xử dụng mà được dùng bệnh dùng thuốc thi hẳn là không có một chút sai lầm.

Trời là Đất đại sinh, cũng là Đất đại hóa. Đại sinh, đại hóa có nghĩa là sinh sinh hóa hóa rất rộng lớn mà vô cùng. Nay lấy 2 chữ « sinh hóa » ấy mà đặt tên cho bài SINH HÓA THANG này, thật không lý gì mà bảo là không đúng vậy.

Trong nguyên phương SINH HÓA THANG của TIỀN THỊ (57) xưa có THỰC ĐỊA. Người đời thấy vậy, mỗi khi trị bệnh sản, dùng ngay TÚ VẬT (58). Nhưng trong TÚ VẬT, THỰC ĐỊA có tính hàn hay làm trệ huyết, THUỐC DƯỢC toan hàn không có chất bồ lại tồn thương sinh khí. Thật không phải là vạn toàn.

Nay được bài SINH HÓA này dè thay cho TÚ VẬT lại bỏ cả THỰC ĐỊA ở nguyên phương. Thuốc rất là bình ổn cho việc vừa trị sản, vừa trị bệnh mà uống vào công hiệu thấy ngay.

Ôi, chả còn có phải nghĩ gì về việc « trị sản thi trả ngai cho việc trị bệnh, hay trị bệnh thi trả ngai cho việc trị sản » cả.

SINH HÓA THANG 生化湯:

當歸	ĐƯƠNG QUY	8 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	3 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	14 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 phần
炙草	CHÍCH THẢO	5 —

Lấy rượu trắng và nước đồng tiện, 2 thứ bằng nhau (tùy theo nhiều ít) sắc uống nóng. (Nếu sợ rượu, sợ nước đồng tiện thì lấy nước lᾶ).

oOo

GIA SÂM SINH HÓA THANG 加參生化湯:

人參	NHÂN SÂM	3 đồng, có thể bội lên 5 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	2 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
炙草	CHÍCH THẢO	4 phần
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống nóng.

Nếu huyết kết hòn làm đau bụng thì gia NHỤC QUẾ 7 phần.

Khát nước thì gia MẠCH ĐÔNG (khứ tâm) 1 đồng cân, NGŨ VỊ TỬ 10 hạt.

Mồ hôi ra nhiều thì gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân.

Nếu huyết hòn hãy còn mà không đau bụng thì gia CHÍCH HOÀNG KÝ 1 đồng cân để chì hãm.

Thương thực vì cơm vi miến thì gia THẦN KHÚC, sao (23) 1 đồng cân, MẠCH NHA sao 5 phần. Thương thực vì thịt thì gia SƠN TRA 1 đồng, SA NHÂN NHỤC 4 phần, sao.

oOo

血 晕  
HUYẾT VỰNG  
(Máu xổng lên đầu mặt)

Người ta sau khi sanh con khỏi lòng rồi, mắt nhìn thấy những đóm đóm đen, đầu quay cuồng xây xầm tối om, không còn biết nhàn sự là gì. Bệnh ấy, nếu không phải bởi mệt khó nhọc quá mà chân khí suy kiệt, tinh thần hòn ám, tức là bởi huyết thoát quá nhiều mà chân khí suy như muốn tuyệt, cho nên tinh thần không tự chủ (cũng như chủ không giữ nhà) mà làm ra « vụng ». Nên uống ngày bài SINH HÓA THANG, khi uống cứ uống, đừng có kè là bao nhiêu thang, cốt ý chỉ ra công cứu vãn.

Nếu bảo là còn có huyết hòn ở trong bụng chưa tiêu hết mà tin hẳn vào cõi phương, rồi nhận định là ác huyết nó xung kích lên tim mà khinh thường dùng ngay thuốc hàn tán vỏ bồ; hay nhận định là đàm hỏa nó xông ngược lên đầu mà vội vàng dùng ngay thuốc tiêu giáng vỏ bồ. Thật là sai lầm không ít.

oOo

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯：

川芎	XUYÊN KHUNG	3 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	6 đồng
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.
炙草	CHÍCH THẢO	5 phần
荊芥穗	KINH GIỚI TUỆ	4 phần, sao đen
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả

Lấy nước sắc uống nóng.

Trị 3 loại bệnh- huyết vụng (lao vụng, hư vụng, đàm hỏa vụng) sau khi sanh.

Nói chung, những người mệt mỏi khó nhọc quá (lao vụng) mà làm vụng, và những người âm huyết thoát, dương

khi thoát, hân thoát (hư vựng) mà làm vựng ấy, đều nên liên tiếp uống phương thuốc này, đều gia NHÂN SÂM 3 hay 4 đồng, chắc chắn không phải nghi ngại SÂM là vị bồ mà sợ. Còn như đàm hỏa nhảm lúc suy hư (đàm hỏa vựng) mà bốc lên làm vựng ấy, cứ phương thuốc này thêm QUẤT HỒNG 4 phần, nếu suy yếu quá cũng nên gia NHÂN SÂM. Tất cả không thể dùng những loại thuốc như CHỈ XÁC, HÀU PHÁC để phá khí, TAM LĂNG, NGA TRUẬT để phá huyết, ngay như SƠN TRA là vị thuốc có tính chất hòa hoãn cũng có thể hại đến tính mạng chờ có chuyên dùng.

Nếu như trong bụng còn có huyết hòn mà làm lúi lẩy thì uống thêm İCH MÂU HOÀN (59) hay là LỘC GIÁC HỐI (60) hay là NGUYÊN HỒ TÂN (61) một chút ít.

Phàm những thuốc mà uống để cho tiêu huyết hòn huyết cực ấy, chỉ uống vào thấy bớt thi thoái, không thể uống nhiều, vì nó chỉ là tòng quyền trong lực cấp cứu vậy.

oOo

風 症  
QUYẾT CHỨNG  
(Bệnh phát lạnh (50)

Khi sanh rồi dùng sức quá nhiều, hao mòn mệt mỏi hại Tỳ, khi lạnh đưa lên mà phát quyết, dày bụng & ngược hơi thở ngắn và thiếu, phải lấy hơi mà thở tựa như bệnh suyễn. sự hô hấp khi thở khi ngừng, trái với mức độ thường. Người ta còn bảo đó là « Ác lộ chưa sạch cái máu dư khi sanh còn đọng lại bị thối » làm ra bệnh.

Không biết đó là bởi « hình thể đã thoát, khí mạch đã hư » sao ?

Bệnh ấy tất nhiên phải dùng GIA SÂM SINH HÓA THANG mà gia tăng phần lượng, uống 2 thang liên tiếp thì

khi huyết vượng mà tinh thần tự nhiên sinh, quyết nghịch tự nhiên hết. Chứ không thể dùng KHUNG, QUY trong số mấy đồng cản, CÀN KHƯƠNG trong số 5 hay 6 phần mà có thể hồi dương và phục thần được.

Nếu uống thuốc vào mà lại thấy khát nước thì dùng bài SINH MẠCH TÂN (26) hay bài ĐỘC SÂM THANG (có một vị SÂM) thay nước trà mà uống để cứu bệnh khó ráo cho các tạng..

Nếu từ chí nghịch lạnh kiêm cả đường tiết hay kiết ly tựa như thương hàn âm chứng thì cũng khó mà uống TỬ NGHỊCH THANG (63) được. Lại cũng chỉ dùng GIA SÂM SINH HOA THANG, bởi dụng SÂM, gia PHỤ TỬ một miếng để mạnh được lực cho SÂM, QUY mà chỉ quyết nghịch và hồi dương.

Lập 2 phương thuốc sau đây, phân chia ra phương uống trước, phương uống sau mà điều trị. Nghĩa là phương uống trước để trị bệnh khi huyết hòn hấy còn làm đau, phương thuốc sau để trị bệnh lúc huyết hòn đã hết không làm đau.

oOo

加 参 生 化 湯  
GIA SÂM SINH HÓA THANG  
(Xem mục Sinh hóa tòng luân)

Trị bệnh sản hàn phát quyết mà còn đau bụng vì huyết hòn chưa hết, đó là phương thuốc uống trước (dùng gia KỲ, TRUẬT).

oOo

TỬ VINH ÍCH KHÍ PHIẾU THẦN THANG 蔊榮益氣復神湯:

人 参	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
黃 茗	HOÀNG KỲ	1 — tăm mặt chích
白 木	BẠCH TRUẬT	1 — tăm hoàng thò (4) sào

當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
羌草	CHÍCH THẢO	4 phần
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	10 hạt
川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
熟地	THỰC ĐỊA	1 — sao chín khô.
麥芽	MẠCH NHA	1 —
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh sản hậu phát quyết mà bệnh huyết hòn làm đau bụng đã tri hết, đó là phương thuốc sau.

Nếu tay chân lạnh gia PHỤ TỬ 5 phần.

Bồ hòn nhiều gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân.  
TÁO NHÂN sao đen 1 đồng cân.

Miệng nói lâm nhảm, mắt thấy mơ hồ gia ÍCH TRÍ NHÂN, BÁ TỬ NHÂN, LONG NHÂN NHỤC mỗi thứ 1 đồng.

Đại tiện thực gia NHỤC THUNG DUNG 2 đồng cân.

Đại khái : Bệnh vựng, bệnh quyết trong thời gian sản hậu, 2 bệnh ấy cũng là đồng loại. Nhưng bệnh « vựng » phát ra từ lúc bắt đầu sanh, bệnh chứng tựa hồ gấp hơn bệnh quyết, mà bệnh « quyết » thực ra bởi « vựng », biến chứng sinh ra.

Nên biết rằng : Bệnh « vựng » là lúc còn có huyết hòn làm đau thì KỲ, TRUẬT không thể già thêm ; Bệnh « quyết » là lúc không còn có huyết hòn làm đau thì THỰC ĐỊA dùng không phải nghĩ ngai.

血崩  
**HUYẾT BĂNG**  
(*Huyết ra như trút xuống*)

Sanh rồi mà huyết ra nhiều quá thì phải xem xét cho rõ về màu sắc của huyết đó tươi hay tím bầm; hình sắc con người là hư hay thực.

Nếu máu tím mà có cục có hòn thì đó là « bã huyết đang ra » chờ cho hòn cục ấy ra hết, tự nhiên nó cầm lại, không phải nghĩ gì về « băng ».

Nếu huyết ra mà đỏ tươi thì đó là vì: sơ quá thương Tâm, Tâm không sinh huyết; giận quá thương Can, Can không tăng huyết; khó nhọc quá thương Tỳ, Tỳ không giữ huyết mà huyết không về với kinh của nó, nên làm băng thì phải trị băng.

Bài SINH HÓA THANG là thuốc hành huyết mà trong đó có bồ huyết. Nếu băng mà nhẹ thì cứ dùng nguyên phương cũng được.

Nhưng nếu bồ hôi ra nhiều mà hơi thở ngắn đi, thậm chí đến hình thè bị thoát thì nên uống bài GIA SÂM SINH HÓA THANG (Xem mục Sinh hóa tông luận) để bồ khí.

Nếu sanh rồi ngoài nửa tháng mới làm băng thì lại nên uống bài THẮNG CỨ ĐẠI BỒ THANG (ở dưới) để trị. Bệnh băng này là vì hư cực mà phát thì phải dùng thuốc bình ổn để bồi bồ từ từ, chứ chưa có thể công hiệu mau chóng, phải uống tới vài chục thang mới trừ hết được. Đầu cò thè dùng những loại dược lực nhỏ mọn như TÔNG LƯU BÌ hay DU BÌ đốt thành tro thành than mà uống, lại có thể trị được bệnh lớn đó chăng !

**SINH HUYẾT CHỈ BĂNG THANG 生血止崩湯:**

川芎 XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸 ĐƯƠNG QUY	4 —

黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
灸草	CHÍCH THẢO	5 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, bỏ vỏ, sao, giã nát
荆芥	KINH GIỚI	5 phần, sao đèn
烏梅肉	Ô MAI NHỤC	5 — đốt cháy
北蒲黃	BẮC BỒ HOÀNG	5 — sao cháy
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống. Cứ ăn đồ nóng như tiêu, gừng và đồ sống đồ lạnh.

oOo

### THĂNG CỦ ĐẠI BỒ THẮNG 升舉大補湯:

Uống để thêm vịnh huyết, bò vệ khi (Nếu có còn huyết cục làm đau bụng thì chỉ uống bài thuốc trên).

黃芪	HOÀNG KỲ	4 phần, dùng sống
白朮	BẠCH TRUẬT	4 — tẩm hoàng thò (4) sao
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
人參	NHÂN SÂM	2 đồng, (13)
灸草	CHÍCH THẢO	4 phần
升麻	THẮNG MA	4 —
當歸	ĐƯỜNG QUY	2 đồng
熟地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
白芷	BẠCH CHÍ	4 phần
黃連	HOÀNG LIÊN	3 — sao
荆芥穗	KINH GIỚI TUẾ	4 — sao cháy.

Lấy nước sắc uống nóng.

Nếu bồ hôi ra nhiều gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cùn, PHÙ TIỀU MẠCH sao 1 nắm nhỏ.

Đai tiễn bất thông gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng cùn, cẩm dùng ĐẠI HOANG.

Đầy hơi mà MỘC HƯƠNG 3 phần vào thuốc khi uống.

Có dàm gia BỐI MÂU 3 phần và 1 chút TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẤP (68).

Ho lạnh gia HẠNH NHÂN 10 hạt, CÁT CÁNH 5 phần, TRI MÂU sao 1 đồng cân.

Sợ sệt gia TÁO NHÂN sao cháy, BÁ TỦ NHÂN mỗi thứ 1 đồng.

Thương thực vì cơm gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA mỗi thứ 1 đồng (Nếu mẹ đẻ sữa nuôi con thì bỏ MẠCH NHA, vì Mạch Nha làm mất sữa).

Thương thực vì thịt, gia SƠN TRA, SA NHÂN NHỤC mỗi thứ 8 phần.

Mỗi Thang thuốc đều nên thêm ĐẠI TÁO 1 quả để dẫn thuốc.

oOo

氣短喘鳴

### KHÍ ĐOÀN TỰ SUYỄN

(Hơi thở ngắn tựa như suyễn)

Bệnh này bởi « huyết thoát » làm mệt nhọc quá, khí không nương tựa vào đầu, thành ra ho hắt, khi thở khi ngừng, trái với mức độ thường. Không thể nhận đó là bởi « dàm hỏa » mà lại dùng những phương thuốc đè tan khí, hóa dàm được.

Nên đại bò huyết làm chủ. Nếu không còn ra huyết hòn, nên uống ngay GIA SÀM SINH HÓA THANG mà dùng că KỲ, TRUẬT, và bỏ ĐÀO NHÂN gia THỰC ĐỊA. Lạnh chán gia PHỤ TỦ CHẾ 1 đồng cân. Rồi uống tiếp BÒ KHÍ DƯỠNG VINH THANG đè trị.

Trị bệnh hơi thở thiếu và ngắn, sau khi vừa mới sanh, uống liên tiếp vài ba thang rồi lại uống phương thuốc sau đây.

BỒ KHÍ DƯỠNG VINH THANG 相氣養榮湯：

Trị bệnh sau khi sanh, hơi thở rút ngắn và mệt,  
không ra huyết hòn, không đau bụng, nên uống:

黃芪	HOÀNG KỲ	1 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — làm hoàng thổ sao (4)
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
人參	NHÂN SÂM	3 — (13)
陳皮	TRẦN BÌ	4 phần
艾草	CHÍCH THẢO	4 —
熟地	THỰC ĐỊA	2 đồng (3)
川芎	XUYÊN KHUNG	2 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần.

Tay chân lạnh, gia PHỤ TỬ CHẾ 1 đồng cát.

Bồ hơi nhiều, gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng cát,  
PHÙ TIỀU MẠCH sao 1 nắm nhỏ.

Khát nước, gia MẠCH ĐÔNG khứ tâm 1 đồng cát,  
NGŨ VỊ TỬ 10 hạt.

Đại tiện bất thông, gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng  
cát; MA TỬ NHÂN 1 nắm nhỏ.

Thương thực vi miến vì cơm vì thịt, gia vị theo  
như phương thuốc trên.

oOo

寒熱  
**HÀN NHIỆT**  
(Nóng lạnh)

Nói chung: Tất cả những người mới sanh rồi thi  
vịnh huyết vệ khí đều hư hao, dễ bị phát nóng lạnh. Nên  
uống SINH HÓA THANG trong đó chỉ thêm một tí chút  
được vị có tính chất cay ngọt để phát tán.

Những người mới sanh rồi thì Tỵ Vị suy hư, dễ bị đinh trè. Nên uống SINH HÓA THANG trong đó chỉ thêm một ít chút được phàm có tính chất ôn dần đê tiêu hóa.

Người đòi hẽ thấy nóng minh thì bão ngay là ngoại cảm mà đê ý phát tán; hẽ thấy đầy hơi thì bão ngay là thực tích mà vội dùng tiêu đạo, đều là không phải cả.

Đại khái: Phép trị bệnh cho người mới sanh, trước nên hành huyết hòa huyết, rồi nên bò khí bồ huyết. Đó là công hiệu lớn.

Còn như trị bệnh nhiệt, nhẹ thì dùng PHỤC LINH có tính chất đậm thấm, nặng thì dùng HẮC KHƯƠNG có tính chất cam ôn.

Nếu có người hỏi «đã đại nhiệt mà còn uống KHƯƠNG» là tại sao? Thi trả lời rằng: «nhiệt ấy không phải là eáy nhiệt hữu dư, nó chỉ là âm hư mà sinh ra nội nhiệt vậy, HẮC KHƯƠNG hay nhập Phế đê lợi Phế khí, lại hay nhập Can đê dẫn thuốc sinh huyết. Nhưng hẳn rằng HẮC KHƯƠNG có dùng chung với âm được thì bệnh nhiệt mới tự trừ». Nếu thiên về bò khí tức bồ dương mà chuyên dùng SÀM KỲ với HẮC KHƯƠNG thì cũng chưa phải là chi thiện.

oOo

中 風  
TRÚNG GIÓ  
(Trúng gió)

Sanh rồi, trúng gió, làm méo mồn, xéch mắt, đó là bởi khí và huyết đều suy hư quá, ắt phải đại bồ làm chủ, cũng chỉ gia giảm trong phương SINH HÓA THANG ấy mà uống. Nếu mạch tay tả bất túc thì thuốc bồ huyết nhiều hơn thuốc bò khí, mạch tay hữu bất túc thì thuốc bò khí nhiều hơn thuốc bồ huyết, (Vì Tâm thuộc huyết, Tâm ở tay tả, Phế thuộc Khi, Phế ở tay hữu).

Nhất thiết không thể dùng những thứ thuốc phát tán như bài TIỀU TỤC MÈNH THANG (64) được.

oOo

傷 寒，疫，瘧  
**THƯƠNG HÀN, DỊCH, NGƯỢC**  
(Thương hàn, dịch chứng và ngược tật)

Sanh rồi, nếu có người bị bệnh thương hàn hay dịch chứng (khi trời bắt chính làm rã dịch, ôn dịch, dịch tả v.v.. Người ta thường nói « thời khí hay rải trời ») hay ngược tật (sốt rét cơn hay sốt rét riêng) thì cũng đặt nặng vấn đề trị sản mà nhẹ phần trị 'ngoại tà. Nghĩa là « đại bồ khí huyết » làm chủ.

Kẻ Trị giả rất nên nghĩ kỹ, chờ nghĩ lầm là « ngoại tà chưa trị dùng ngay CHI TỬ THỔ THANG (65) và những thuốc SÀI, CẦM, LIỀN, BÁ, hẳn rằng những thuốc ấy không thể dùng được, chỉ nên luôn luôn dùng SINH HÓA THANG là « đủ » vậy. Bởi vì trong Sinh hóa thang đã có XUYÊN KHUNG là vị cay hay phát tán, HẮC KHƯƠNG hay trừ hư nhiệt.

Dù có những chứng đại tiện bí hay phiền khát cũng chỉ nên ương nhiều SINH HÓA THANG để bồ huyết, sinh tan dịch. Một khi tan dịch đã sinh thì hết khát mà nhị tiện thông. Nếu bảo là nhiệt mà dung những thuốc hàn như nói trên thì chỉ làm cho trung khi hư hàn thêm. Thật là rất làm.

oOo

類 傷 寒 症  
**LOẠI THƯƠNG HÀN CHỨNG**  
(Bệnh tựa như thương hàn) (66)

Sau khi sanh trong vòng 7 ngày, có người phát nóng, sợ lạnh, nhức đầu, chờ nhận là bệnh thương hàn thuốc

Thái dương kinh (46); Đắng miệng, khô cổ, tai út điếc, họng hiếp đau, chờ nhận là bệnh thương hàn thuộc Thiếu dương kinh (67); Sốt nóng mỗi ngày lên cơn đúng giờ, có bồ hôi, nói nhảm, đại tiện bể, chờ nhận là bệnh thương hàn thuộc Dương minh kinh (48) đã truyền nhập phủ làm trong dạ dày có táo phán mà cho hạ.

Những chứng ấy phần nhiều bởi lao quyết quá hại Tỳ, làm cho vận hành chậm, tiêu hóa kém, khi huyết khô khao, tràng vị nóng ráo. Đó không phải là thực chứng, chỉ là « hư chứng » tựa như thực chứng nên cho « bồ ».

Kẻ Tri già cẩn thận, chờ dùng MA HOÀNG THANG(47) để trị cái bệnh tương tự với bệnh thương hàn ở Thái dương kinh đó; chờ dùng ĐẠI SÀI HỒ THANG (52) để trị cái bệnh tương tự với bệnh thương hàn thuộc Thiếu dương kinh đó, và cũng đừng nghĩ đến 3 bài THƯA KHÍ THANG (49) để trị cái bệnh tương tự với Vị kinh thực nhiệt ở Dương minh kinh đó. Tất cả những chứng bệnh ấy nó chỉ là những bệnh giống với bệnh thuộc Tam dương kinh đó mà thôi.

Giản hoặc có người, khi mới sanh mắc phải bệnh kè trên, mà làm lắn cho hẵn, cho hạ, có khi may mà không phương hại gì, là vì nhờ người sản phụ đó, tuổi còn trẻ, sức còn khoẻ. Chứ nếu phải người hư nhược mà cũng làm cho hẵn, cho hạ như thế, sẽ đưa người ta đến chỗ « bất cứu » rất nhiều.

Ta (Tác giả) thường thấy có kẻ cho phát hẵn quá đến thành bệnh « kinh » (51) mà làm cho hạ đến thành bệnh « hành trường ». Lại có khi cho hẵn mà thành « hẵn thoát bất cấm », cho hạ mà thành « hạ tả bất chỉ ». Thật nguy thay!

Sách Phụ nhân lương phương rằng: Người mới sanh mà đại tiện bị thì cứ thông thả chờ xem, hễ thấy rõ là đầy bụng bức bối, muốn đi tiêu không được, chắc hẳn

là nó kết ở trực tràng, bấy giờ mới dùng mật heo cho uống để nhuận tràng. Nếu đại tiện bị mà ăn uống vẫn như thường, trong bụng không sao cả, thì dù đã mấy ngày rồi mà không đi tiêu thì cũng chỉ cho thuốc bồ mà thôi.

Xưa Trọng Cảnh (43) rằng : « những người bị thắt huyết không thể phát hàn ». Đan khè (44) rằng : « người sản hậu nhất thiết không thể cho phát biều ». 2 vị tiền hiền nói thế, chứ không bảo rằng : người sản hậu thật không có kiểm chứng thương hàn, mà cũng không bảo hắn rằng : MA HOANG THANG, SÀI HỒ THANG và 3 bài THỦA KHÍ THANG không đối chứng để trị bệnh vậy.

Thật ra chỉ sợ kẻ Hậu học, chấp nhất ở một môn thuốc nào đó mà coi thường việc trị bệnh sản hậu, cùn nè vào một phương thuốc đã lập thành nào đó mà điều trị làm lẩn vây.

Ôi ! Ai biết dùng SINH HÓA THANG để trị bệnh cho người sản hậu thực có bệnh thương hàn, vì trong SINH HÓA THANG có KHUNG có KHƯƠNG cũng có thể tán hàn vậy

#### GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯 :

Trị bệnh « loại thương hàn » phát nóng, nhức đầu.

川 菊 XUYÊN KHUNG	1 đồng
防 风 PHÒNG PHONG	1 —
當 彩 ĐƯỢNG QUY	3 —
炙 草 CHÍCH THẢO	1 đồng
桂 活 KHƯƠNG HOẠT	4 —
桃 仁 ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. (có bản chép bỏ ĐÀO NHÂN, mà có HẮC KHƯƠNG, nhưng không có bệnh huyết bòn làm đau bụng thì mới bỏ đi).

### DƯỠNG CHÍNH THÔNG U THANG 養正通幽湯

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	6 —
羌活	CHÍCH THẢO	5 phần
桃仁	ĐÀO NHÂN	15 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
麻子仁	MA TỬ NHÂN	2 đồng, sao
肉桂	NHỤC THUNG DUNG	1 — cạo sạch đất, lấy rượu rửa.

Bồ hôi nhiều, đại tiện thực, gia HOÀNG KỲ 1 đồng cân, MA HOÀNG CĂN 1 đồng cân, NHÂN SÂM 2 đồng cân.

Khô miệng khát nước, gia NHÂN SÂM, MẠCH ĐÔNG mỗi thứ 1 đồng cân.

Bụng đầy, đại tiện thực, gia MẠCH ĐÔNG 1 đồng cân, CHỈ XÁC 6 phần, NHÂN SÂM 2 đồng cân, NHỤC THUNG DUNG 1 đồng cân.

Bồ hôi ra, nói nhảm, đại tiện thực là bởi khí huyết suy kiệt, tinh thần bàng hoàng, nên dưỡng vịnh huyết, an tinh thần, gia PHỤC THẦN, VIỄN CHÍ, NHỤC THUNG DUNG mỗi thứ 1 đồng cân, NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT mỗi thứ 2 đồng cân, HOÀNG KỲ, BẠCH CHỈ mỗi thứ 1 đồng cân, BÁ TỬ NHÂN 1 đồng cân.

**ĐẠI KHÁI**: Người sản hậu mà bị thương hàn là bởi « âm dương bất hòa » và « bại huyết bất tán ». Nhưng 2 thứ khác nhau :

Bại huyết bất tán cũng phát nóng lạnh mà có khi đau xóe, nên dùng những loại ĐÀO NHÂN, QUÝ VĨ, HỒNG HOA.

Âm dương bất hòa thì hàn là không đau xóe, tuy rằng có phát nóng, nhức đầu, đau hốc, đau lưng, đại tiện bí kết, nhưng mà người sản hậu đã mất máu thì cầm cho hàn, cầm cho hạ, chỉ nên gia giảm trong bài SINH HÓA THANG để dưỡng huyết thông trệ, rất là bình ổn thỏa đáng.

顛 中 風  
**LOẠI TRÚNG PHONG**  
*(Bệnh tựa như trúng phong)*

Sanh rồi, khí huyết hư hao quá mạnh, các cơ thể gân xương không được nuôi dưỡng cho nhu thuận. Hốt nhiên cảm miệng nghiến răng, các đường gân tay chân co quắp, rồi gân cò cứng nhắc, thần thè cũng làm dữ hơn như 2 bệnh kinh (51) tất cả tựa như bệnh trúng phong đều nên tìm gốc bệnh mà trị, chờ thiên vào một mòn mà chấp nê dùng những thuốc trị phong, tiêu đàm để làm suy giảm sức khoẻ thêm cho người sản phụ đó.

Phép trị, trước nên uống SINH HÓA THANG để sinh tân huyết, uống vài thang gia thêm SÂM để cho bồ khí mà cứu cái huyết đã thoát đi. Nếu thật có đàm hỏa thì có thể thêm một chút những loại QUẤT HỒNG BÌ, HOÀNG CẦM sao và TRÚC LỊCH KHUƠN TRẮP (68). Còn HOÀNG BÁ, HOÀNG LIÊN nhất thiết không được dùng. Cần thận !

THIỀN MA HOÀN 天麻丸 :

Trị bệnh sản hậu trúng phong, tinh thần hoảng hốt, tiếng nói ngọng ngươn, từ chi không thuận lợi.

天麻	THIỀN MA	1 đồng
防風	PHÒNG PHONG	1, —
川芎	XUYÊN KHUNG	7 phần
姜活	KHƯƠNG HOẠT	7 phần
人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
遠志	VIỄN CHÍ	1 —
柏子仁	BÁ TỬ NHÂN	1 —
山藥	SƠN DƯỢC	1 —
木冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm.
酸棗仁	TOAN TÁO NHÂN	1 — (sao hắc)

細辛	TẾ TÂN	4 phần
胆星	ĐÀM TINH	8 phần
石菖蒲	THẠCH XƯƠNG BỒ	1 đồng

Tất cả tán nhỏ, luyện mịt làm hoàn, lấy Thần sa làm áo, mỗi lần uống 60 hay 70 hoàn, uống với nước lã sỏi (hoàn bằng hạt đậu nhỏ).

oOo

### TƯ VINH HOẠT LẠC THANG 漩參活絡湯

Trị bệnh sản hậu, thiếu máu, cầm khâu, cứng gân cò, các đường giàn rút lại.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng 5 phần
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
熟地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
人參	NHÂN SÂM	2 đồng (13)
黃芪	HOÀNG KỲ	1 —
茯神	PHỤC THẦN	1 đồng
天麻	THIÊN MA	1 đồng
羌草	CHÍCH THẢO	4 phần
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
荆芥穗	KINH GIỚI TUỆ	4 —
防風	PHÒNG PHONG	4 —
姜活	KHƯƠNG HOẠT	4 —
黃連	HOÀNG LIÊN	8 phần, cầm nước gừng sao.

Có đàm, gia TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP, BẢN HẠ.

Khát nước, gia MẠCH ĐÔNG (khứ tâm) CÁT CĂN.

Nếu có thương thực thì gia SƠN TRÀ, SA NHÂN để tiêu nhục thực, gia THẦN KHÚC (23) MẠCH NHA để tiêu cocc thực.

Đại tiễn bì gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng 5 phần  
Bồ hòn nhiều gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng.

Rụn sợ gia HẮC TÁO NHÂN 1 đồng.

oOo

附 雜  
PHỤ KÍNH

(*Phụ thêm phương thuốc trị bệnh « Kính »*) (51)

**GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯:**

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
桂枝	QUẾ CHI (cành)	5 phần
人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
炙草	CHÍCH THẢO	5 phần
姜活	KHƯƠNG HOẠT	5 —
天麻	THIÊN MA	5 —
麻黃根	MA HOÀNG CĂN	1 đồng
附子	PHỤ TỬ	1 miếng mỏng
羚羊角	LINH DƯƠNG GIỐC	8 phần

Trị bệnh tựa như kinh mà có ra bồ hôi.

Nếu không có mồ hôi thì bỏ MA HOÀNG CĂN, gia PHÒNG PHONG, TÁO NHÂN sao đen.

oo

類 痘  
**LOẠI NGƯỢC**

(*Bệnh tựa như sốt rét ngã nước*)

Sanh rồi, nóng lạnh trở qua trở lại, hàng ngày cứ đúng giờ lên cơn, chứng bệnh tựa như sốt rét ngã nước (ngược) mà không thể đem thuốc sốt rét để trị được.

Bởi vì khí huyết hư mà nóng lạnh đổi thay làm bệnh, nguyên khí hư mà ngoại tà có thể xâm nhập, có khi ngày nhẹ đêm nặng, có khi cứ mỗi buổi chiều lên cơn, tựa như bệnh ngược mà không phải là bệnh ngược.

Phép trị nên tư bồ khí huyệt đè tiệt nóng lạnh.  
Nếu cơn nóng lạnh mà có mồ hôi, có thể già những loại  
như MA HOÀNG CĂN đè cho chì ngay. Nếu chì trên đầu  
có mồ hôi mà chân không có, thế là dương bị lè loi, âm  
như muỗi tuyệt, thật là nguy chừng, nên cấp dùng ngay  
những loại như THỤC HỊA, XUYÊN QUY. Nếu nhẹ có thể  
tạm dùng SINH HÓA THANG già KHƯƠNG HOẠT, PHÒNG  
PHONG và LIỀN TU THÔNG BẠCH (cù hành cà rè) một  
chút ít đè phát tán.

Còn những phương thuốc như SÀI HỒ THANH CAN  
THANG (69) hay những vị như THƯỜNG SƠN, THẢO QUẢ  
đều không thể dùng.

滋 养 氣 補 正 湯

TƯ VINH DƯƠNG KHÍ, PHÙ CHÍNH THANG

Trị bệnh sản hậu nóng rét, có mồ hôi, lèn cơn dùng giờ

人 参	NHÂN SÂM	2 đồng (13)
吳 黃 茎	CHÍCH HOÀNG KỲ	1 —
白 朮	BẠCH TRUẬT	1 —
川 芍	XUYÊN KHUNG	1 —
熟 地	THỤC ĐỊA	1 — (3)
木 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
麻 黃 根	MA HOÀNG CĂN	1 —
當 彈	ĐƯƠNG QUY	3 —
陳 皮	TRẦN BÌ	4 phần
吳 草	CHÍCH THẢO	5 phần
大 葱	ĐẠI TÁO	1 quả

Lấy nước sắc uống.

oOo

GIA GIẢM DƯƠNG VỊ THANG 加 減 滋 养 湯

Trị bệnh sản hậu, nóng lạnh qua lại, nhức đầu  
không có bồ hôi.

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
白 苓	BẠCH LINH	1 —
半 夏	BÁN HẠ	8 phần
川 芍	XUYÊN KHUNG	1 đồng
陳 皮	TRẦN BÌ	4 phần
當 归	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
參 木	THƯƠNG TRUẬT	1 —
蒼 杏	HOÀC HƯƠNG	4 phần
艾 草	CHÍCH THẢO	4 —

Thêm gừng làm thang, sắc lấy nước uống.

Có dàm gia TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP (68) BÁN HẠ, THẦN KHÚC.

Nếu sốt rét lâu không hết, uống chung với SÂM TRUẬT CAO để trợ cho sức thuốc.

oOo

### SÂM TRUẬT CAO 參 木 韻

BẠCH TRUẬT 1 lạng (lấy nước gạo làm một đem, dập nhỏ, sấy khô).

NHÂN SÂM 1 lạng. Đồ 6 chén nước, đun lấy lại 2 chén, lại sắc 2 lần như thế nữa, số thuốc lấy được cộng 6 chén, đồ chung vào siêu đem nấu lên cò lại thật đặc, còn lại độ một chén, uống lúc đói. Khi uống pha vào chút nước cháo và chút rượu.

oOo

‡

### HÃN

(Bệnh ra mồ hôi)

Phàm những người sau khi sinh con ra khỏi lòng rỗi mà mồ hôi toát ra là bởi khó nhọc quá thương Tỳ, kinh hãi quá thương Tâm, sợ sệt quá thương Can, không

thì dùng ngay thuốc liêm hán được, nên uống vài thang SINH HÓA để tiêu huyết hòn, hết đau bụng, rồi uống tiếp ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG để chỉ cái hür hán.

Nếu mệt mỏi quá mà mồ hôi cứ dâng dấp ra hoài, hình sắc đều suy kém đi, đó là « vong dương thoát hán » nghĩa là dương khí mất đi, bồ hôi toát ra. Bồ hôi ra nhiều là dương khí mất đi, dương khí mà mất đi thì âm huyết cũng đi theo, như vậy rất nên bội dụng SÂM để cứu cái nguy ác đó, lúc bấy giờ không phải cầu nệ rắng trong bụng còn có huyết hòn làm đau. Nếu sau khi uống SÂM KỲ rồi mà mồ hôi vẫn cứ ra, chỉ ra mồ hôi đầu mà lưng và chân không có, hán là bệnh nan trị.

Phản hẽ mồ hôi toát ra mà lấy tay lau đi không kịp là bệnh bất trị. Mồ hôi toát ra mà lại còn thở như bệnh suyễn đó là « hür cực », nếu uống thuốc bồ mà không chịu ấy cũng là bệnh bất trị.

oOo . .

### MA HOÀNG CĂN THANG 麻黃根湯:

Trị bệnh sản hậu, dương khí hư làm mồ hôi ra hoài không угừng.

人參	NHÂN SÂM	2 đồng, (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
黃芪	HOÀNG KỲ	1 — 5 phần, mạt chích
白朮	BẠCH TRUẬT	1 sao
桂枝	QUẾ CHI	5 phần, cành nhỏ
麻黃根	MA HOÀNG CĂN	1 đồng
浮小麥	PHỦ TIỀU MẠCH	1 nắm lớn, sao.

Lấy nước sắc uống, khí huyết hư muốn thoát, mồ hôi ra nhiều, chân tay lạnh, gia HẮC KHƯƠNG 4 phần, PHỦ TỦ CHÉ 1 miếng.

Khát, gia MẠCH ĐÔNG (khứ tâm) 1 đồng, NGŨ VỊ TỦ 10 hạt.

Người béo bạch, lâm mồ hôi, gia TRÚC LỊCH (68)  
1 chén con, nước gừng một muỗng con để thanh đàm hỏa.

Sợ gió lạnh, gia PHÒNG PHONG, QUẾ CHI (cành nhỏ)  
mỗi thứ 5 phần.

Huyết hòn không ra hết, gia THỰC ĐỊA 1 đồng.

Mỗi buổi chiều uống thêm:

BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN 八味地黃丸:

山萸肉	SƠN DU NHỤC	8 đồng
山茱	SƠN DƯỢC	8 —
丹皮	ĐƠN BÌ	8 —
玄参	VÂN LINH	8 —
泽泻	TRẠCH TÀ	5 —
熟地	THỰC ĐỊA	8 — sao rò thật khô
五味子	NGŨ VỊ TỬ	5 —
火黃芪	CHÍCH HOÀNG KỲ	1 lạng, nướng than, không tầm mật.

Tán nhỏ, luyện mật làm hoàn. Mỗi lần uống 3 đồng cát.

Mồ hôi ra nhiều mà tiêu tiện bất thông là bởi nước  
tán dịch cạn đi, đừng uống thuốc lợi thùy, và đừng để  
gió lạnh lọt vào.

oOo

盜汗  
ĐẠO HÃN  
(Bệnh ra bồ hôi trộm)

Lại có người sản phụ, nhiều khi trong giấc ngủ ra  
bồ hôi, mà khi tỉnh dậy thì hết bồ hôi, khác nào như  
kè trộm. Rình mò khi người ta ngủ. Đó gọi là bồ hôi  
trộm (đạo hän) không phải bồ hôi tự nó ra khi thức  
tỉnh (chính hän).

Sách Tạp chứng bàn rằng : « tự hán là dương hư, đạo hán là âm hư. Đạo hán nên uống ĐƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG (70) » Nhưng ĐƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG không phải là phương thuốc trị đạo hán cho người sản phụ đâu, người sản phụ có bệnh đạo hán chỉ điều trị cả khi và huyết mới được.

CHỈ HÃN TÁN 止汗散 :

人參	NHÂN SÂM	2 đồng (13).
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
熟地	THỰC ĐỊA	1 — 5 phần (3)
麻黃根	MA HOÀNG CĂN	5 phần
黃連	HOÀNG LIÊN	5 — tăm rượu sao
浮小參	PHÙ TIỀU MẠCH	1 nắm lớn, sao
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh sau khi sanh ra bồ hôi trộm.

Lai lấy MAU LÈ 5 đồng cát đốt cháy, TIỀU MẠCH KHÚC 5 đồng (cám tè) sao vàng, 2 thỉn tàn nhỏ, hòa chung với nhau mà xát vào người.

oOo

口渴兼小便不利  
**KHÁU KHÁT KIÊM TIỀU TIỆN BẤT LỢI**  
(Khát nước và tiểu tiện bất lợi)

Sanh rồi, buồn phiền, nóng ráo, khò cổ, khát nước và tiểu tiện không thông lợi. Bởi vì khi sanh máu ra nhiều, bồ hôi ra nhiều, mà đến thế.

Phép trị nên trợ Tỳ. Phép để thăng để khí huyết lên thì dương thăng âm giáng, nước thẩm vào kinh lạc mà tan dịch được từ nhuận, cơm ăn vào dạ dày mà khí mạch lưu hành mạnh mẽ, tự nhiên tiểu tiện thông hòa mà bệnh khát cũng hết.

Nếu bảo bệnh khát này là hỏa vượng mà dùng CẨM LIÊN, CHI, BÁ để giáng hỏa; nếu bảo bệnh tiêu tiện bất thông này là thủy định trệ mà dùng NGŨ LINH TÂN (56) để thông lợi. Điều trị như thế đều là làm cả. Nhất định phải nhâm cái sự hao tồn ấy mà ôn bò cho người ta thì mới có thể được.

**SINH TÂN CHỈ KHÁT ÍCH THỦY ÂM 生津止渴益水飲:**

人参	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
麥冬	MẠCH ĐÔNG	3 — khứ tâm
當歸	ĐƯƠNG QUÝ	3 —
生地	SINH ĐỊA	3 —
黃芪	HOÀNG KỲ	1 —
葛根	CÁT CĂN	1 —
升麻	THĂNG MA	4 phần, sao
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
茯苓	PHỤC LINH	8 —
五味子	NGŨ VỊ TỬ	15 hạt.

Nếu bồ hôi nhiều, gia MA HOÀNG CĂN 1 đồng, PHÙ TIỀU MẠCH (sao) 1 nắm lớn.

Đại tiện táo, gia NHỤC THUNG DUNG 1 đồng 5 phần.

Khát quá uống thêm SINH MẠCH TÂN (62), cứ dùng không phải nghĩ ngại.

oOo

妄言妄見

**VỌNG NGÔN, VỌNG KIÉN**

(Nói lảm nhảm, nhìn bâng quơ)

Sau khi sanh rồi, có người miệng nói làm nhảm, mắt nhìn lảo loi, là bởi khí và huyết suy kém đi, thần hồn không nương tựa vào đâu.

Kẻ Trị giả nên suy luận xem bệnh huyết kết hòn làm đau bụng cò may không? Rồi cần nhắc trong cái

khoảng nguyên phương SINH HÓA THANG và GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem mục Sinh hóa tòng luận) hay BỘ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53) mà gia AN THẦN HOÀN (71) hay ĐỊNH CHÍ HOÀN (72) để chiêu vời thuốc thang, cứ uống đến khi nào sức thuốc được đầy đủ, thì bệnh tự nhiên hết. Chớ bảo bệnh này là bệnh tà ma mà lấy « nước phép » phun đê trừ, làm như vậy chỉ đi đến chỗ « bất cứu ».

Ta (Tác giả) thường trị bệnh này, uống những phương thuốc trên đến hơn 10 thang mới kiến hiệu. Theo đạo đời xưa dạy :

« Bệnh hư như thè bệnh tà.  
Muốn trừ tà, trước phải là bồ hư : »

### AN THẦN SINH HÓA THANG 安神生化湯：

Trị bệnh sản hậu còn đau bụng vì huyết hòn chưa ra hết mà vọng ngón vọng kiến.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
柏子仁	BÁ TỬ NHÂN	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 hay 2 đồng (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	1 hay 2 đồng
茯神	PHỤC THẦN	2 đồng
桃仁	ĐÀO NHÂN	12 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
黑姜	HẮC KHƯƠNG,	4 phần
艾草	CHÍCH THẢO	4 —
益智仁	ÍCH TRÍ NHÂN	8 — sao, bỏ vỏ
陳皮	TRẦN BÌ	3 —
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả.

Lấy nước sắc uống nóng.

ooo

### TU VINH, ÍCH KHÍ, PHỤC THẦN THANG 漩榮, 益氣, 復神湯：

Trị bệnh sản hậu, huyết hòn đã ra hết không đau bụng nữa mà vọng ngón vọng kiến.

黃芪	HOÀNG KÝ	1 đồng, mạt chích
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao.
麥冬	MẠCH ĐÔNG	1 đồng, khứ tâm, sao
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
柏子仁	BÁ TỬ NHÀH	1 — sao
茯苓	PHỤC LINH	1 —
益智仁	ÍCH TRÍ NHÂN	1 — sao, bồ vỗ
人参	NHÂN SÂM	2 — (13)
熟地	THỰC ĐỊA	2 — (3)
陳皮	TRẦN BÌ	3 phần
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
棗仁	TÁO NHÂN	1 đồng, sao đen
五味子	NGŨ VỊ TỬ	10 hạt
蓮肉	LIÊN NHỤC	5 đồng 5 phần, khứ tâm
眼肉	NHĂN NHỤC	1 — 5 phần
大棗	ĐẠI TÁO	1 quả

Lấy nước sắc uống nóng.

Người sản hậu, dù huyết bị băng hay huyết bị thoát; dù khí bị suyễn hay khí bị thoát; dù tinh thần bị hòn ám hay tinh thần bị thoát; — tuy có phân chia ra khí huyết, âm dương như vậy, mà tinh thần thoát khứ đi thì cũng chỉ là một. Nghĩa là chỉ bởi sanh rồi khí huyết âm dương suy kém, tinh thần giảm sút mà thôi. Nếu bảo là khí thực, là đàm hỏa thì làm rất nhiều.

Huyết hòn chưa ra hết làm đau, dùng ngay GIA SÂM SINH HÓA THANG (xem bài Sinh hóa tòng luận) trong đó hành huyết mà có bò huyết, không dồn nỗi làm cho huyết định trệ.

Huyết hòn đã ra hết không làm đau nữa, dùng THANG CỦ ĐẠI BÒ THANG (xem mục huyết băng) trong đó có một chút HOÀNG LIỀN cho giáng hỏa để trị bệnh huyết thoát mà dẫn huyết về với kinh của nó.

Dùng BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53) bột dùng SÀM và gia một chút PHỤ TỬ cho trợ lực với SÀM để trị bệnh khi thoát mà thu hồi về với nguồn của nó.

Dùng TỬ VINH, ÍCH KHÍ, PHỤC THẦN THANG gia thêm một chút vị thuốc trị đàm để thanh tâm hỏa mà an thần cho người vị quan chủ (Tâm).

oOo

傷 食  
THƯƠNG THỰC  
(Vị ăn làm đau)

Đàn bà có người sau khi sanh rồi, ăn uống không có chừng mực, không có kiêng cữ làm tồn thương đến Tỳ Vị. Phép trị nên kiện Tỳ, bò Vị và xem rằng, ăn uống phải thức gì mà làm tồn thương rồi gia thêm những vị thuốc tiêu dẫn vào trong thang SINH HÓA mà dùng. Ví dụ :

Gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA để tiêu cơm miến; gia SƠN TRÀ, SA NHÂN để tiêu chất thịt; gia NGÔ THỦ, NHỤC QUẾ để tiêu tích vị hàn lạnh. Nếu con người yếu quá thì gia NHÂN SÀM, BẠCH TRUẬT. Thế là vừa tiêu vừa bò cùng điều hòa, không có lý gì mà không an mạnh.

Ta (Tác giả) thường thấy có kẻ Trị giả chỉ biết chăm sóc làm cho chất ăn được tiêu mau chóng, mà không hỏi gì tới sức khoẻ, để cho khi sức càng suy kém đi mà ăn vào lại càng đầy trướng lên. Như vậy, có thể nào không cần thận chăng !

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯

Trị bệnh huyết hòn chưa hết, lại mắc bệnh thương thực, tích thực.

川 肉 XUYÊN KHUNG 2 —  
芍 芒 ĐƯƠNG QUY 5 —  
甘 枣 HẮC KHƯƠNG 4 phần.

火草 CHÍCH THẢO 4 —

桃仁 ĐÀO NHÂN 10 hạt, bỏ vỏ, sao, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Biết rõ thương thực vì thức ăn gì thì cũng gia vị như đã nói trên.

TRƯỜNG SINH HOẠT MỆNH ĐƠN 長 生 活 命 单

NHÂN SÂM (13) 3 đồng cùn đỗ một chén rượu nước, sắc lấy lại độ một chén, rồi hòa 3 muỗng OA TIỀU PHẤN vào mà uống. OA TIỀU PHẤN hay dân thuốc khai vị (OA TIỀU PHẤN = cơm khè trong nồi, tán nhỏ thành bột)

Nếu uống phải thuốc lạnh mà làm đau thì thêm vài ba miếng gừng lớn.

Danh hiệu của phương thuốc này : NHÂN SÂM gọi là HOẠT MẠCH THẢO ; OA TIỀU PHẤN gọi là HOẠT MẠNH ĐƠN. Phương thuốc này đã từng chữa sống được vài chục người.

Nếu ăn phải đồ lạnh mà đinh tích lại lâu ngày, làm cho Tỳ Vị suy yếu quá, thuốc không thể chuyên vận được, thì có thể dùng phép xoa bóp, nghĩa là lấy miếng THẦN KHÚC đập nát ra, đem sao thật nóng lên, đỗ ra khăn dày, túm lại mà chườm vào bụng rất hay.

Phàm những người làm mà uống nhiều thuốc tiêu quá, đè đến nỗi lại đầy bụng lên, phải bỏ cơm cháo mấy ngày, cũng chỉ dùng phương thuốc chườm này là hay.

oOo

傷氣  
THƯƠNG KHÍ  
(Vì khí làm đau)

Sau khi sanh, bức giận quá, khí nghịch lên, làm cho trong bụng ngăn cách không được hoạt lợi, huyết kêt bón lại làm đau. Nên dùng MỘC HƯƠNG SINH HÓA THANG huyết bón từ nhiên tiêu hóa, mà khí nghịch tự nhiên tan biến, không trái nghịch nhau.

Nếu coi nhẹ phần « sản », coi nặng phần « khí » mà dùng những loại MỘC HƯƠNG, Ô DƯỢC, CHỈ XÁC, SA NHÂN để thiên về trị khí thì nguyên khi lại bị hại mà bệnh dày hơi càng gia tăng.

Lại như sau cơn giận rồi mà lại ăn cơm ngay làm cho vị khí nhược mà định trệ buồn bức, thì cần thận chờ dùng những loại thuốc như MỘC HƯƠNG BINH LANG HOÀN (73) LƯU KHÍ ÂM TỬ (74) càng làm cho hư nhược thêm.

### MỘC HƯƠNG SINH HÓA THANG 木香生化湯 :

Trị bệnh sản hậu vì khí (hơi) làm đau.

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	6 —
陳皮	TRẦN BÌ	3 phân
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 —

Khi uống mài vài phần MỘC HƯƠNG vào thuốc mà uống.

oOo

健脾，化食，散氣湯

### KIỀN TỲ, HÓA THỰC, TÁN KHÍ THANG :

白朮	BẠCH TRUẬT	2 đồng, sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
人參	NHÂN SÂM	2 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	4 —

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh sản hậu thương thực, thương khí mà không đau bụng vì huyết hòn. Lại nên xem rõ thương thực vì tháo ăn gì mà gia vị. (phép gia vị đã nói ở mục thương thực kè trên).

Đại khái : bức giận mà khí nghịch lên và ăn uống làm đình trệ lại, 2 chứng bệnh ấy của người sản hậu. Kè

khéo trị ấy hán cho bồ khí bồ huyết trước mà thêm chút ít vị đè điều can thuận khí thì bệnh giảm tiêu tan; thêm chút ít vị đè kiện Tỳ tiêu đạo thì bệnh định thực thuận hành. Nếu chỉ chuyên trị khí, tiêu thực thì không những là vô ích mà còn có hại.

oOo

### 咳 咳

### KHÁI THẨU

(Ho khan, ho đàm)

Đàn bà có người sau khi sanh phỏng 6 hay 7 ngày cảm gió lạnh, lúc ho khan, lúc ho có đàm, nghẹt mũi khó thở, tiếng nói khản khản, sợ lạnh, chớ dùng MA HOÀNG. Ho có đàm mà mỗi khi ho giựt đau 2 bên hốc sườn, chớ dùng SÀI HỒ. Nên gia giảm trong phương SINH HÓA THANG mà trị.

### GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯：

Trị bệnh sản hậu cảm lạnh, ho hắng nghẹt mũi khan tiếng.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
杏仁	HẠNH NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
桔梗	CÁT CÁNH	4 phần
知母	TRI MÃU	8 — sao.

Lấy nước sắc uống. Có đàm thì gia BẢN HẠ KHÚC (75) Suy yếu mà có bồ hối thì gia NHÂN SÂM.

Tóm lại người sản hậu không có thè dùng thuốc phát hán.

oOo

### GIA SÂM AN PHẾ SINH HÓA THANG 加參安肺生化湯

Trị bệnh sản hậu mệt mỏi suy yếu, mà cảm hàn, ho lấm đàm.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
人參	NHÂN SÂM	1 — (13)
橘紅	QUẤT HỒNG	3 phần
半夏	BẢN HẠ	7 —
杏仁	HẠNH NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát.
桑白皮	TANG BẠCH BÌ	2 đồng
知母	TRI MÀU	1 đồng, cạo sạch lông, sao.
桔梗	CÁT CÁNH	4 phần
甘草	CAM THẢO	4 —

Thêm gừng, lấy nước sắc uống. Đàm sát không long  
gia Trúc lịch (68) một chén con, nước gừng một muỗng con.

oOo

呕 吐  
ÂU THỎ  
(Ua mửa)

Sanh ròi, khó nhọc quá, tồn thương đến tạng phủ, hàn tà xâm nhập vào tràng vị làm cho khí nghịch lên ụa mửa mà ăn vào không xuống được. Lại có khi vì ứ huyết chưa sạch mà ụa mửa. Cũng có khi vì hơi tanh của đàm vào dạ dày, thực quản gồm sơ mà ụa mửa.

Nên tùy theo chứng bệnh mà điều trị.

GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯:

Trị bệnh sản phụ ợ ngực không ăn được vì ứ huyết chưa sạch:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 phần
砂仁	SA NHÂN	5 —
藿香	HOÁC HƯƠNG	5 —
淡竹葉	ĐẬM TRÚC DIỆP	7 lá

Lấy nước sắc uống, pha thêm 2 muỗng con nước gừng vào mà uống.

oOo

ÔN VỊ ĐINH KHƯƠNG TÂN 溫胃生姜散:

Trị bệnh khi sanh ngoài 7 ngày, ứ huyết đã sạch rồi mà làm ợ ngược.

人 参	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
當 彈	ĐƯƠNG QUY	3 —
白 木	BẠCH TRUẬT	2 — sao
黑 姜	HẮC KHƯƠNG	4 phân
丁 香	ĐINH HƯƠNG	4 —
陳 皮	TRẦN BÌ	5 —
前 胡	TIỀN HỒ	5 —
藿 香	HOÁC HƯƠNG	5 —
吳 草	CHÍCH THẢO	5 —

Thêm 3 miếng gừng mỏng. Lấy nước sắc uống.

oOo

THẠCH LIÊN TÂN 石蓮散:

Trị bệnh sản phụ ụa mửa, tức ngực, mờ mắt choáng váng.

石 蓼 子	THẠCH LIÊN TỬ	1 lạng 5 đồng, bỏ vỏ, bỏ tim
白 茯 苓	BẠCH PHỤC LINH	1 —
丁 香	ĐINH HƯƠNG	5 phân

Cùng tán nhỏ. Mỗi lần uống 5 phân với nước cháo.

oOo

SINH TÂN ÍCH DỊCH THANG 生津益液湯:

Trị bệnh sản phụ mệt nhọc yếu đuối, phiền khát, làm bồ hôi, ụa mửa :

人 参	NHÂN SÂM	1 lạng (13)
麥 冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
茯 苓	PHỤC LINH	1 —
吳 草	CHÍCH THẢO	5 phân
竹 簾	TRÚC DIỆP	7 lá

浮小本 PHÚ TIỀU MẠCH 1 nắm  
 木真根 QUA LÂU CĂN 2 đồng  
 大棗 ĐẠI TÁO 2 quả.

Lấy nước sắc uống. Khát nhiều quá gia LÔ CĂN 5 đồng.

oOo

### 霍亂

#### HOÁC LOẠN (67)

(Đau bụng cuồng quyết rồi rút)

Sanh rồi, khí huyết lao thương quá, tạng phủ thiếu thốn nhiều, ăn uống vào, khó mà vận hóa cho kịp, rồi lại cảm gió lạnh làm cho âm dương không điều hòa, muốn thăng không thăng được, muốn giáng không giáng được, thanh khí, trục khí rối loạn ở Tỵ Vị, hơi nóng, hơi lạnh không phân biệt, tà khí, chính khí đánh nhau ở trong bụng làm ra bệnh hoắc loạn.

Nên xem rằng có còn đau bụng vì huyết hòn hay không rồi phân cho kỹ mà trị :

#### SINH HÓA LỤC HÒA THANG 生化六和湯 :

Trị bệnh sản hậu, huyết hòn chưa ra hết mà đau bụng hoắc loạn.

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
艾草	CHÍCH THẢO	4 —
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
蒼香	HOÁC HƯƠNG	4 —
砂仁	SA NHÂN	6 —
茯苓	PHỤC LINH	1 đồng
生姜	SINH KHƯƠNG	3 phiến.

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

PHỤ TỬ TÁN 附子散:

Trị bệnh sản hậu, huyết hòn không còn nữa mà đau bụng hoặc loạn làm trên thò dưới tả, khi đưa ngược, chân tay lạnh.

附子	PHỤ TỬ	5 phần
丁香	ĐINH HƯƠNG	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
白朮	BẠCH TRUẬT	1 —
陳皮	TRẦN BÌ	4 phần
甘草	CAM THẢO	4 —

Tất cả tán nhỏ, mỗi lần 1 đồng cát, uống với nước cháo.

oOo

ÔN TRUNG THANG 溫中湯

Trị bệnh sản hậu, huyết hòn không còn nữa mà đau bụng hoặc loạn vừa thò vừa tả, không chỉ đi được.

人參	NHÂN SÂM	1 đồng (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — 5 phần
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
厚朴	HẬU PHÁC	8 phần
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 —
茯苓	PHỤC LINH	1 đồng
草薢	THẢO QUÀ	6 phần bỏ vỏ, lấy nhân.

Thêm 3 phiến gừng sống, lấy nước sắc uống nóng.  
Nếu ăn không xuống thêm SA NHÂN NHỤC 5 phần.

oOo

木 體  
THỦY THÙNG  
(Phè nước)

Sanh rồi có người tay chân phù thũng, nghênh nghẽnh những nước, làm cho làn da trong lóng bóng. Đó là Ty

hư không chẽ ngự được thủy, Thận hư không lưu hành được thủy. Như vậy đâu có thể dùng thuốc lợi thủy mà trị được,

Đại khái: Tất cả chỉ dùng LỤC QUÂN TỬ THANG và NGŨ BÌ ÂM, 2 phương thuốc ấy, rồi tùy theo chứng bệnh mà thêm vào những loại như TÔ DIỆP, HẬU PHÁC, TRẦN BÌ, BÀN HẠ, MỘC HƯƠNG thì không thể bảo rằng không khang an.

### LỤC QUÂN TỬ THANG (55)

oOo

#### NGŨ BÌ ÂM 五皮飲

TANG BẠCH BÌ, ĐẠI PHÚC BÌ, PHÚC LINH BÌ, SINH KHƯƠNG BÌ và TRẦN BÌ 5 vị bì ấy cân lạng bằng nhau tùy ý nhiều ít, lấy nước sắc uống nóng.

oOo

Lại có người vì ác lộ (nước dơ của máu khi sanh) không ra hết, đinh lưu lại ở bào lạc làm ra phù thũng.

Nếu bệnh ấy chỉ coi đại khái rồi cho là thủy thũng khí thũng mà lấy thuốc trị thủy trị khí đè trì thi là lầm lầm.

Bệnh ấy không phải là thủy thũng, khí thũng, mà là « huyết thũng » chỉ nên uống ĐIỀU KINH TÂN để cho huyết hành thi thũng tự nhiên tiêu.

#### ĐIỀU KINH TÂN 調經散 :

沒藥 MỘT DƯỢC	1 đồng (tán riêng, thật nhỏ.)
琥珀 HỒ PHÁCH	1 — tán riêng thật nhỏ
肉桂 NHỤC QUẾ	1 —
赤芍 XÍCH THƯỢC	1 — sao khô
當歸 ĐƯƠNG QUÝ	1 — sao khô

3 vị sau này tân chung thật nhỏ. Xong, trộn chung cả vào với nhau, mỗi lần uống 5 phần, uống với rượu, có chẽ vào rượu chút nước gừng. Cứ vậy mà điều phục, tự nhiên hết thũng.

oOo

### LƯU CHÚ 流 注

Máu dư chảy đi các nơi rồi ngừng lại nơi nào đó làm ung.

Sanh rồi, nước dơ của mán (ác lộ) không bài tiết ra hết, chảy vào những chỗ các đốt xương lưng, tay chân hay xương thịt rồi ngừng lại làm sưng dần dần hay kết thành hòn cục, lâu ngày làm đau nhức mà tay chân thèm mệt mỏi lười biếng. Nên dùng ngay SÂM QUY SINH HÓA THANG uống trong đè tiêu cái huyết trẻ ấy. Ngoài dùng THÔNG UÁT PHÁP mà chườm đè trị cái bệnh sưng, dùng cỏ thông thả. Như vậy chưa thành ung thì nó tiêu, mà đã thành ung thì nó vỡ.

#### SÂM QUY SINH HÓA THANG 参歸生化湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng 5 phân
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
人參	NHÂN SÂM	2 — (13)
炙草	CHÍCH THẢO	5 phân
黃芪	HOÀNG KÝ	1 đồng 5 phân dùng sòng
肉桂	NHỤC QUẾ	5 phân
馬蹄香	MÃ ĐÈ HƯƠNG	2 đồng.

Lấy nước sắc uống.

oOo

### 慈髮法

#### THÔNG UÁT PHÁP

(Phép chườm bằng hành nước)

Lấy một nắm hành (lươi hay khô cũng được) nướng chín, giã nát, nắn thành như cái bánh, đặt vào chỗ đau, phủ lên trên vài ba lần cái khăn dày, rồi hơ vật gì nóng hay chai nước nóng mà áp lên trên.

Bệnh này nếu chẳng bồi bổ khí huyết, gìn giữ sự ăn uống, cần thận sự đi lại ra vào thì cũng có thể khỏi sồng.

Nếu sưng đầy lèn làm đau nhức mà đi lại ăn uống vẫn như thường thì đó là bệnh chưa nặng, hình thể chưa suy, dễ trị.

Nếu cứ sưng dần dần, mềm mại chỉ hơi đau, mà sự ra vào đi lại mỏi mệt lười biếng, ăn uống ít ỏi thì rất là khó trị.

Nếu chưa thành nung hay chưa vỡ mủ là khí huyết đều hư, nên uống BẤT TRẦN THANG (77).

Sợ lạnh ngày một tăng là dương hư, nên uống THẬP TOÀN ĐẠI BỒ THANG (xem bài ố hàn thân đản ở mục sản hậu).

Sau khi uống thuốc bò mà lại nóng quá là âm huyết hư nên uống TÚ VẬT THANG (58) gia SÂM, TRUẬT, ĐƠN BÌ

Nếu ợ ngược là vị khí hư nên uống LỤC QUÂN TỬ THANG (55) gia BÀO KHƯƠNG, CÀN KHƯƠNG.

Ăn uống ít, thân thèm mệt mỏi là Tỳ khí hư, nên uống BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53)

Bốn tay chân lạnh, đi đại vặt là Thận khí hư, nên uống BỒ TRUNG ÍCH KHÍ THANG gia ÍCH TRÍ NHÂN một đồng cân.

oOo

中滿  
**TRUNG MÃN**  
(Trong bụng đầy)

Đàn bà có người khi sức vẫn yếu, tới khi sanh lại lâm cho mệt nhọc thêm, trung khí (tỳ vị) thiếu thốn, hung cách không hoạt lợi, chuyên vận chậm chạp, bèn thành bệnh « trung mãn »

Bệnh trung mãn phần nhiều bởi thương thực và khí uất mà ác lộ lai dinh trệ, đại tiện táo kết. Đó là khí huyết lưỡng hư, nên cho đại bò khi huyết ngay. Nếu chỉ biết

răng thương thực thì tiêu thực, uất khí thì giải uất, ác lộ thì cho thông, táo kết thì cho hạ. Như vậy vị khí càng suy tàn thêm, dày chướng càng gia tăng, thanh khí không thượng thăng, trọc khí không hạ giáng, thấp nhiệt đinh tích lại, lâu ngày trở thành bệnh « bành trướng ».

Nếu khi mới sanh uống ngay SINH HÓA THANG để cho tiêu huyết hòn, rồi uống GIA SÂM SINH HÓA THANG để kiện Tỳ Vị, thì không có bệnh trung mẫn này.

### GIA GIẢM BỎ TRUNG ÍCH KHÍ THANG 加減補中益氣湯

Trị bệnh trung khí suy yếu mà hơi dày, rồi vì uống những thuốc hảo khí mà thành bệnh trướng.

人参	NHÂN SÂM	5 phần (13)
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
白术	BẠCH TRUẬT	5 — sao
白芩	BẠCH LINH	1 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	4 phần
白芍	BẠCH THƯỢC	4 — sao
木香	MỘC HƯƠNG	3 —
葛根子	LA BÁC TỬ	4 —

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

### KIÈN TỲ THANG 健脾湯

Trị bệnh dưới hố bụng kết hòn và vì uống những thuốc tiêu đạo thành bệnh trướng.

人參	NHÂN SÂM	3 đồng (13)
白术	BẠCH TRUẬT	3 — sao
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
白芩	BẠCH LINH	1 —
白芍	BẠCH THƯỢC	1 — sao

神曲	THẦN KHÚC	1 — (23)
吳茱	NGÔ THỦ	1 —
大腹皮	ĐẠI PHÚC BÌ	4 phần
陳皮	TRẦN BÌ	4 —
砂仁肉	SA NHÂN NHỤC	5 —
麥芽	MẠCH NHA	5 —

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

### DƯỠNG VINH SINH HÓA THANG 養榮生化湯

Trị bệnh đau bụng, đại tiện không thông, vì uống thuốc ha mà thành bệnh trướng.

當歸	ĐƯƠNG QUY	4 đồng
白芍	BẠCH THƯỢC	1 — sao
白芩	BẠCH LINH	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 — (13)
白朮	BẠCH TRUẬT	3 — sao
陳皮	TRẦN BÌ	5 phần
大腹皮	ĐẠI PHÚC BÌ	5 —
杏附	HƯƠNG PHỤ	5 —
肉蔻殼	NHỤC THUNG DUNG	1 đồng, rửa sạch đất
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ giã nát.

Lấy nước sắc uống nóng.

Phàm hè uống nhầm phải thuốc tiêu thực, háo khí mà đến nỗi mệt nhọc bỏ cơm thì uống TRƯỜNG SINH HOẠT MẠNH ĐƠN (xem mục thương thực) rất hay.

oOo

### 怔忡驚悸 CHINH XUNG KINH QUÝ (Run khiếp sợ hãi)

Sanh rồi, vì lo sợ mệt mỏi quá lại mất máu rất nhiều thì trong tim mẩy động không yên là bệnh chinh xung.

Trong lòng nơm nớp kinh hãi, có vẻ như có người  
sắp đến bắt mình là bệnh kinh quý.

Trị bệnh ấy chỉ điều hòa Tỵ Vị thì Tâm chí yên  
định, thần khí thanh sáng tự nhiên khỏi.

Nếu huyết hòn chưa tiêu hết, nên uống SINH HÓA  
THANG đè bò huyết mà thông hành huyết khối, bắt tất  
phải uống đến thuốc an thần, định chí.

Khi huyết khối đã tiêu, huyết thống đã hết, nên uống.

### GIA GIẢM DƯƠNG VINH THANG 加減養榮湯

當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	2 —
茯神	PHỤC THẦN	1 —
人參	NHÂN SÂM	1 — (13)
棗仁	TÁO NHÂN	1 — sao hắc
參冬	MẠCH ĐÔNG	1 — khứ tâm
遠志	VIỄN CHÍ	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 — sao
黃芪	HOÀNG KỲ	1 — mặt chích
眼肉	NHÂN NHỰC	1 — 5 phần
陳皮	TRẦN BÌ	4 phần
叉草	CHÍCH THẢO	4 phần.

Thêm gừng 3 phiến, lấy nước sắc uống.

Nếu buồn phiền mà là hư nhiệt không phải thực  
nhiệt thì gia TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP (68) mà bỏ  
XUYÊN KHUNG, MẠCH ĐÔNG.

oOo

### ĐƯƠNG TÂM THANG 养心湯

Trị bệnh sản hậu, máu trong tim không điều hòa,  
tinh thần trong tim không yên định.

黃芪	CHÍCH HOÀNG KỲ	1 đồng
茯神	PHỤC THẦN	8 phần
川芎	XUYÊN KHUNG	8 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng,
參冬	MẠCH ĐÔNG	1 — 8 phần, khứ tâm
遠志	VIỀN CHÍ	8 phần
柏子仁	BÁ TỬ NHÂN	1 đồng
人參	NHÂN SÂM	1 — 5 phần (13)
羌草	CHÍCH THẢO	4 phần
五味	NGŨ VỊ	10 hạt.

Thêm gừng vài phiến, lấy nước sắc uống nóng.

oOo

心 痛  
TÂM THỐNG  
(Đau Tim)

Phàm hễ thấy mệt nhọc, cảm gió lạnh và ăn phải của lạnh, thường bị đau bụng, thì thê tục gọi ngay là bệnh « Tâm thống » = đau tim.

Gi ! Tâm có thể làm đau chăng ? Tâm mà thiếu máu thi run sợ kinh hãi không yên mà thôi. Nếu thật là bệnh Tâm thống thì tay chân biến sắc ra màu xanh đến cả các đốt của các ngón nữa mà sớm đau, chiều có thể bị chết.

Trường hợp này chỉ là VỊ HOẢN THỐNG (78) nghĩa là đau trong Vị hoản, không phải đau trong Tâm. Bởi vì Vị hoản ở dưới Tâm, Tâm khi uất xuống Vị hoản, Vị hoản chống cự lại mà làm đau.

Phép trị nên tán hàn khí ở trong Vị, tiêu chất lạnh ở trong Vị, tất nhiên dùng SINH HÓA THANG rồi thêm những thứ thuốc để khử hàn, tiêu thực, không có lý gì mà không yên. Nếu cứ đau è ẩm liên miên, rồi xoa bóp mà thấy好转, thì hỏi ngay nếu không còn ra huyết cục nữa, nên gia tăng thuốc bồ.

Nói đại thể : Khi sành rồi mà đau tim hay đau bụng  
2 chứng đau ấy giống giống nhau. Nhưng hết thảy đều  
bởi thức ăn nguội lạnh và khí lạnh, nó công lên tim thì  
đau tim, nó công xuống bụng thì đau bụng, đều nên dùng  
**SINH HÓA THANG** mà gia **NHỤC QUẾ NGÔ THÙ** là những  
vị thuốc có tính chất ôn tán.

**GIA VỊ SINH HÓA THANG 加味生化湯**

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	3 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	5 phần
肉桂	NHỤC QUẾ	8 —
吳茱萸	NGÔ THÙ	8 —
砂仁肉	SA NHÂN NHỤC	8 —
羌草	CHÍCH THẢO	5 —

Thêm gừng 3 phiến, lấy nước sắc uống nóng. Nếu đau  
vì ăn phải đồ lạnh thì gia tăng NGÔ THÙ, NHỤC QUẾ.  
Đau vì ăn phải miến thì gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA.  
Đau vì ăn phải thịt thì gia SƠN TRÀ, bởi SA NHÂN.  
Đại tiện bất thông thì gia NHỤC THUNG DUNG.

oOo

**腹痛**  
**PHÚC THỐNG**  
(Đau Bụng)

Trị bệnh đau bụng cho sản phụ, phải hồi ngay là  
đau có kết hòn ở trong bụng không ? Nghĩa là đau có kết  
hòn là đau bụng máu, đau không có kết hòn là đau bụng lạnh.

Đau có kết hòn chỉ uống **SINH HÓA THANG** gia  
**NGUYỄN HỒ SÁCH** 1 đồng. Sắc uống. Khi uống hòa thêm  
**THẤT TIẾU TAN** 2 đồng cát (79) vào cùng uống.

Đau không có kết hòn thì đó là cảm gió lạnh mà  
làm đau. Nên uống :

GIA GIẢM SINH HOA HANG 加減生化湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
防風	PHÒNG PHONG	7 —
吳茱萸	NGÓ THÙ	6 —
白豆蔻	BẠCH ĐẬU KHẨU	5 — bỏ vỏ, lấy nhân
枝梗	QUẾ CHI	cành nhỏ 7 —

Nếu có đau vì những chất ăn thì phép gia vị theo như đã nói ở mục thường thực.

Nếu hết đau rồi thì chỉ uống nguyên phương SINH HÓA Còn những vị ngoài phương SINH HÓA THANG thì bỏ đi.

oOo

腰痛  
YÊU THỐNG  
(Đau Lưng)

Chỗ ngang lưng là thuộc Thận, mà Thận bộ của phụ nữ liên hệ với bào thai. Sau khi sanh, Thận khí bị lao thương, bào thai khuynh tồn, thận thè con người còn suy yếu chưa bình phục rồi gió nhiễm vào làm đau lưng.

DUỐNG VINH TRÂNG THẬN THANG 養榮壯腎湯

Trị bệnh hậu sản cảm gió lạnh, làm đau lưng không thể chuyền xoay.

當歸	ĐƯƠNG QUY	2 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	8 phần
防風	PHÒNG PHONG	4 —
獨活	ĐỘC HOẠT	8 —
桂心	QUẾ TÂM	8 —
杜仲	ĐÔ TRỌNG	8 —

續 斷 TỤC ĐOẠN 8 —  
桑 寄 生 TANG KÝ SINH 8 —

Thêm 3 phiến gừng sống, lấy nước sắc uống nóng.  
Nếu uống 2 thang rồi mà chưa hết đau, thì đó là thuộc  
Thận hư, cứ uống như vậy gia THỤC ĐỊA 3 đồng.

oOo

GIA VỊ ĐẠI TẠO HOÀN 加 味 大 造 丸

Trị bệnh sau khi sanh đã lâu ngày rồi khí huyết  
đều suy mà yếu Thận đau lưng.

胡 桂 肉 HỒ ĐÀO NHỰC 12 cái

破 故 紙 PHÁ CÓ CHỈ 8 lạng, tẩm rượu, sao

杜 仲 ĐỒ TRỌNG 1 cân, tẩm nước gừng sao  
đứt hết tơ.

Tất cả tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn 5  
đồng cân, mỗi lần uống một hay hai hoàn, uống với giấm  
lỏng nhạt.

oOo .

腸 痛

HIẾP THỐNG

(Đau hai bên hố bụng)

Đau hai bên hố bụng là bởi khí và huyết của CAN  
kinh. « Khi thi trệ, huyết thi hư »

Khi trệ thì uống TÚ QUÂN TÚ THANG (55) gia  
THANH BÌ, SÀI HỒ.

Huyết hư thi uống TÚ VẬT THANG (58) gia SÀI  
HỒ, NHÂN SÂM, BẠCH TRUẬT.

Nếu cứ dùng lâu những thứ thuốc có tính chất thơm  
cay nóng ráo thì càng tôn thương cai khí thanh hòa của  
con người.

BỒ CAN TÂN 補肝散:

山茱	SƠN THỦ	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —
五味	NGŨ VỊ	10 hạt
黃芪	HOÀNG KỲ	8 phân
川芎	XUYÊN KHUNG	6 —
熟地	THỰC ĐỊA	1 đồng, 5 phân (3)
木瓜	MỘC QUA	1 —
白朮	BẠCH TRUẬT	1 —
獨活	ĐỘC HOẠT	8 phân
棗仁	TÁO NHÂN	1 đồng, sao hắc.

Thêm một phiến gừng sống, lấy nước sắc uống nóng.

oOo

遍身痛

BIẾN THÂN THỐNG

(Đau khắp mình)

Đau nhức khắp thân thể là bởi sau khi sanh rồi, chân khí suy hư; các đốt xương lỏng lẻo, mạch máu chảy tanh tanh mà máu trong kinh lạc phần nhiều bị trở ngại trì trệ, cho nên gân mạch lười biếng, các đốt xương không hoạt lợi, lưng dưới lưng trên không thể nghiêng ngã chuyền xoay, tay chân không thể vận động, lại thêm cảm nóng minh nhức đầu.

Nếu làm mà bảo là thương hàn rồi cho uống thuốc phát biều để cho ra hồ hôi thì gân mạch giật mạnh, tay chân phát lạnh, biến chứng rất nhiều. Nên uống.

SẢN THỐNG TÂN 趁痛散

當歸	ĐƯƠNG QUY	1 đồng
甘草	CAM THẢO	8 phân
黃芪	HOÀNG KỲ	8 —
白朮	BẠCH TRUẬT	8 —
獨活	ĐỘC HOẠT	8 —

肉桂	NHỰC QUÉ	8 phần
桑寄生	TANG KÝ SINH	1 đồng
牛膝	NGƯU TẮT	8 phần
蘆白	GIỚI BẠCH	5 củ

Thêm 3 phiến gừng sống; lấy nước sắc uống nóng.

oOo

### 小腹痛

### TIỂU PHÚC THỐNG

(Đau bụng dưới)

Sanh rồi trong bụng lỏng lẻo ròng không, khi huyết sỉy kém, nhân bị cảm lạnh hay uống phải nước lạnh, thì khí lạnh ấy công kích xuống mà làm cho bụng dưới đau; lại có người vì những hòn huyết nhỏ ở bụng dưới chưa ra hết làm đau; lại có người vì máu lạnh hay thiếu máu mà làm đau dưới rốn. Đều nên uống.

### GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯:

芍藥	ĐƯƠNG QUY	3 đồng
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
炙草	CHÍCH THẢO	4 phần
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
前胡	TIỀN HỒ	1 đồng

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

### TÀ瀉

(Ja chảy)

Sau khi sanh rồi mà bị bệnh tiêu tả. Đại khái chỉ bởi « chán khi suy hư, thức ăn định tích vì thấp thủy trì trệ ». Ai mà không biết rằng: « Khi hư thì nên cho bò; thức tích thì nên cho tiêu mà thấp trệ thì nên cho khô ».

Nhưng mà ác lộ chưa sạch thì chưa thể câu nệ như thế được. Phải uống ngay vài ba thang SINH HÓA để cho hóa cựu huyết, sinh tân huyết. Khi tân huyết đã sinh rồi, nhiệm hậu mới bồ khí để tiêu thực, táo thấp để lợi thủy, thì không có cái sự làm lẩn rẩn, vít cái thấp trè lại, tăng phần hư tồn thêm.

Nếu đau bụng mà tả ra nước trong, sôi bụng mà cơm cháo không tiêu thì lấy thuốc « hàn tà » mà trị.

Nếu tả ra nước phân vàng sẫm lại đau ở giang môn lấy thuốc « nhiệt tà » mà trị.

Nếu vì ăn uống quá no, tồn thương Tỵ Vị mà tả ra hơi như trứng thối thì lấy thuốc « thực tích » mà trị.

Nếu Tỵ Vị suy yếu, ăn ít, mà ăn vào thì sôi ruột muốn tả ra cho hết mới chịu được thì lấy thuốc « hú hàn tà » mà trị.

Nói chung : Nếu hú hàn tiết tả mà đến nỗi hôn mê không biết gì thì đó là chứng bệnh suy nhược quá, hình thê muôn thoát. Hắn là phải dùng ngay NHÂN SÂM 2 đồng, BẠCH TRUẬT, PHỤC LINH mỗi thứ 2 đồng, PHỤ TỬ 1 đồng, sắc uống mới có thê hồi sinh.

Nếu xem mạch thấy PHÙ HUYỀN mà án xuống lại bất động, tức là bị trúng hàn. Đó là bởi âm đã mất đi rồi mà dương cũng muôn thoát. Nên đợi bồ cả khí và huyết mà già PHỤ TỬ, HẮC KHƯƠNG mới có thê lấy lại được nguyên dương, huống chi ở trường hợp của người sản hậu sao !

#### • GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯

Trị bệnh sản hàn, huyết hòn chưa tiêu hết mà bị tiết tả.

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
白芍	BẠCH LINH	2 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 phần
桂枝	HẮC KHƯƠNG	5 —

火草 CHÍCH THẢO	5 —
桃仁 ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
莲肉 LIÊN NHỤC	1 đồng, sao.

Lấy nước sắc uống nóng.

oOo

健脾利水生化湯  
KIỆN TỲ LỢI THỦY SINH HÓA THANG

Trị bệnh sản hậu, huyết hòn đã tiêu hết mà bị liệt tả.

川芎 XUYÊN KHUNG	1 đồng
茯苓 PHỤC LINH	1 — 5 phần
歸身 QUY THẦN	2 —
黑姜 HẮC KHƯƠNG	4 phần
陳皮 TRẦN BÌ	5 —
火草 CHÍCH THẢO	5 —
人參 NHÂN SÂM	3 đồng, (13)
肉果 NHỤC QUẢ	1 quả, nướng chín, bỏ vỏ
白朮 BẠCH TRUẬT	1 đồng, kèm hoàng thổ sao (4)
澤瀉 TRẠCH TÀ	8 phần.

Lấy nước sắc uống nóng.

Nếu hàn tả gia CÀN KHƯƠNG 8 phần.

Hàn thống gia SA NHÂN 8 phần, BÀO KHƯƠNG 8 phần.

Nhiệt tả gia HOÀNG LIỀN sao 8 phần.

Đau bụng, tả thuần nước, cơm cháo, không tiêu hóa  
gia SA NHÂN 8 phần, MẠCH NHA, SƠN TRÀ mỗi thứ 1 đồng.

Q chua, đi tả ra có mùi hôi gia THẦN KHÚC, SA  
NHÂN mỗi thứ 8 phần.

Tả ra thuần nước gia THƯƠNG TRUẬT 1 đồng để  
táo thấp.

Tất cả các loại tả đều nên gia THĂNG MÁ tùng sao  
8 phần, LIỀN NHỤC 1 đồng 5 phần.

oOo

完 整 不 化  
HOÀN CÓC BÁT HÓA

(Đại-tiện ra còn nguyên cơm không tiêu)

Sau khi sanh mà đại tiện đi ra còn nguyên các chất ăn không tiêu hóa là bởi sanh rồi, khó nhọc mệt mỏi làm tòn thương Tỳ Vị mà sự tiêu hóa chuyên vận chậm chạp. Bệnh này còn gọi là bệnh « tòn tiết » (tả ra cơm cháo).

Mới sanh được vài ba ngày, huyết hòn chưa tiêu hết, dù rằng Tỳ Vị suy nhược thì thuốc bò cũng vẫn chưa thể dùng ngay được. Hãy uống SINH HÓA THANG gia ÍCH TRÍ, SA NHÂN để tạm ổn Tỳ khí, mà đợi chờ cho huyết hòn tiêu hết, rồi thì cho uống thuốc bò ngay, như SÂM, KỲ, TRUẬT để bò khí, NHỤC QUẢ, MỘC HƯƠNG để ổn Vị; THẮNG MA, SÀI HỒ để thanh Vị khí, TRẦN BÌ, BẠCH LINH, TRẠCH TÀ để lợi thủy, mới có thể được.

GIA VỊ SINH HÓA THANG 加 味 生 化 汤

Trị bệnh mới sanh còn trong 3 ngày, huyết hòn chưa tiêu hết mà đi đại tiện ra nguyên chất ăn, không tiêu hóa.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
益智	ÍCH TRÍ	1 —
當歸	ĐƯƠNG QUY	4 —
黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
炙草	CHÍCH THẢO	4 —
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
茯苓	PHỤC LINH	1 đồng, 5 phần.

Lấy nước sắc uống nóng.

SÂM LINH SINH HÓA THANG 参 苓 生 化 汤

Trị bệnh mới sanh còn trong 3 ngày, huyết hòn đã tiêu hết mà đi đại tiện ra nguyên chất ăn, không tiêu hóa.

川芎	XUYÊN KHUNG	1 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	2 —

黑姜	HẮC KHƯƠNG	4 phần
艾草	CHÍCH THẢO	5 —
人參	NHÂN SÂM	2 đồng, (13)
茯苓	PHỤC LINH	1 —
白芍	BẠCH THƯỢC	1 — 5 phần, sao
益智	ÍCH TRÍ	1 — bỏ vỏ, sao
白朮	BẠCH TRUẬT	2 — khử hoàng thò sao (4)
肉果	NHỰC QUÀ	1 quả, nướng chín, bỏ vỏ, giã nát.

Lấy nước sắc uống. Nếu : Tả nước nhiều gia MỘC THÔNG, TRẠCH TÀ mỗi thứ 8 phần.

Đau bụng gia SA NHÂN 8 phần.

Khát gia MẠCH ĐÔNG 1 đồng, khứ tâm, sao NGŨ VỊ 10 hạt.

Hàn tả gia HẮC KHƯƠNG 1 đồng, MỘC HƯƠNG 4 phần

Thực tích gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA mỗi thứ 8 phần để tiêu cơm tiêu miến, SA NHÂN, SƠN TRÀ mỗi thứ 5 phần để tiêu nhục thực.

Tả lỵ lâu ngày không hết, Vị khí suy nhược, dai tiễn ra nguyên chất ăn, không tiêu hóa, nên ôn trợ Vị khí uống LỤC QUẢN TỬ THANG (55) gia MỘC HƯƠNG 4 phần, NHỰC QUÀ 1 quả.

oOo

### LÝ 痢

(Bệnh đi lỵ)

Sanh rồi, trong ngoài 7 ngày, mắc bệnh lỵ, dù xích lỵ hay bạch lỵ mà lỵ cấp hậu trọng (trong bụng bắt phải đi cầu rất gấp, mà ra tới cầu lại chỉ ngồi mà rặn) rất là khó trị.

Bởi vì muốn điều khí hành huyết để khử tà trực lỵ thì sợ rằng nguyên khí của người sản hậu càng suy hư đi. Muốn tư huyết ích khí để đại bò cho người sản hậu thì sợ rằng tà độc của bệnh lỵ càng tăng. Cho nên chỉ uống

SINH HÓA THANG, bỏ HẠC KHƯƠNG đi, mà lấy MỘC HƯƠNG, PHỤC LINH thay vào, thì vừa tiêu ác lợ, vừa trị lỵ, thế là song hành đè trị cả 2 bệnh mà không trái nghịch nhau.

Nếu ngoài 7 ngày đã mắc bệnh lỵ, rặn quá « lời giom » ra, nhau vảy lại bị « sa đì » nữa, cả 2 bệnh cùng hành thì nên gia tăng thuốc bồ, chứ không còn phải nghi ngờ gì.

Nhất định cầm không được dùng HƯƠNG LIÊN HOAN (80).

### GIA GIẢM SINH HÓA THANG 加減生化湯

Trị bệnh mới sanh trong vòng 7 ngày mà bị đì lỵ:

川芎	XUYÊN KHUNG	2 đồng
當歸	ĐƯƠNG QUY	5 —
羌活	CHÍCH THẢO	5 phần..
桃仁	ĐÀO NHÂN	10 hạt, sao, bỏ vỏ, giã nát
白芍	BẠCH LINH	1 đồng
陳皮	TRẦN BÌ	4 phần.

Lấy nước sắc uống, mỗi khi uống mài MỘC HƯƠNG vài phần hòa vào thuốc.

Đau bụng, lỵ ra máu lớn lợt già SA NHÂN 8 phần.

Nếu tả lâu ngày, không cầm được, mà nguyên khí bị hao ở dưới làm cho giang mông như muỗi lòi ra mà lỵ ra trắng, đó là chán khí của Tỳ thô hư tồn nhiều quá. Nên uống LỤC QUAN TỬ THANG (55) và BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG (53) gia MỘC HƯƠNG, NHỤC QUẢ, SINH KHƯƠNG.

Nếu lỵ nhiệt ra máu đỏ là thuộc huyết nhiệt nên uống TÙ VẬT THANG (58) gia NHÂN SÂM, KINH GIỐI.

Nếu thương thực vì miến, nên uống SINH HÓA THANG gia THẦN KHÚC, MẠCH NHA.

Nếu thương thực vì thịt, nên uống SINH HÓA THANG gia SƠN TRÀ, SA NHÂN.

Nếu lỵ ra vừa đậm vừa máu mà dưới rốn quấn đau, nên uống ĐƯƠNG QUY, XUYÊN KHUNG, ĐÀO NHÂN, HẬU PHÁC, HOÀNG LIÊN sao, NHỤC QUẢ, và CAM THẢO.

HẾT

附註女科  
**PHỤ CHÚ vè NỮ KHOA**  
của  
**DỊCH GIÀ**

附註女科  
**PHỤ CHÚ NỮ KHOA**  
của  
**DỊCH GIÀ**



1 — THUỐC	18 — LẬU
2 — KÝ TẾ	19 — LÂM
3 — THỰC ĐỊA	20 — VỊ TẾ
4 — HOÀNG THỒ	21 — ĐÁI
5 — ÁT QUÝ	22 — DỤC LÂN
6 — LUYỆN HÌNH	23 — THẦN KHÚC
7 — THIÊN NHẤT	24 — ĐỐC
8 — THÁI ÂM	25 — SÁN, HÀ
9 — BẮC PHƯƠNG HÀN THỦY	26 — BẮT MẠCH
10 — XUNG NHÂM	27 — KÝ KINH
11 — THIẾU ÂM	28 — TIÊN THIÊN
12 — BĂNG HUYẾT	29 — HOẠT HUYẾT
13 — NHÂN SÂM	30 — HOĀN TĀC TRỊ KÝ BẢN
14 — HUYẾT HẢI	31 — THIẾU HÒA
15 — THIÊN QUÝ	32 — HẬU THIÊN
16 — LONG LÔI HÒA	33 — Dương Quy Bồ Huyết Thang
17 — TIẾT	34 — NGŨ TẠNG

35 — NỘI KINH	58 — TÚ VẬT THANG
36 — THANH CAO	59 — ÍCH MÂU HOÀN
37 — CỨU CHUNG	60 — LỘC GIÁC HỒI
38 — VONG DƯƠNG	61 — NGUYÊN HỒ TÂN
39 — LAO, SÁI	62 — SINH MẠCH TÂN
40 — THÔI SANH	63 — TÚ NGHỊCH THANG
41 — VƯƠNG ĐẠO, BÁ ĐẠO	64 — TIỀU TỤC MỆNH THANG
42 — THÁT KHIẾU	65 — CHI TỬ THỈ THANG
43 — TRỌNG CẢNH	66 — LOẠI THƯƠNG HÀN
44 — ĐAN KHÊ	67 — THIẾU DƯƠNG
45 — VƯƠNG THÁI BỘC	68 — TRÚC LỊCH
46 — THÁI DƯƠNG	69 — Sài Hồ Thanh Can Thang
47 — MA HOÀNG	70 — Dương quy Lục hoàng thang
48 — DƯƠNG MINH	71 — AN THẦN HOÀN
49 — THÙA KHÍ	72 — ĐỊNH CHÍ TÁN
50 — QUYẾT	73 — Mộc Hương Bình Lang Hoàn
51 — KÍNH	74 — LƯU KHÍ ÀM TỬ
52 — ĐẠI SÀI HỒ THANG	75 — BẢN HẠ KHỨC
53 — BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG	76 — HOÁC LOẠN
54 — QUY TỲ THANG	77 — BÁT TRÂN THANG
55 — Lục Quân Tử (Tứ Quân Tử)	78 — VỊ HOÀN THỐNG
56 — NGŨ LINH TÂN	79 — THÁT TIẾU TÁN
57 — TIỀN THỊ	80 — HƯƠNG LIÊN HOÀN



# PHỤ CHÚ NỮ KHOA

## của

# DỊCH GIÁ

- 1.— **THUỐC** 藥 : Tất cả các vị thuốc nên sao tẩm bào chế đúng như lời chỉ dẫn của các bài ở trong sách này. Lai nên lựa chọn thuốc tốt và coi chừng thnốc giả. Vì phiertong thuốc hay mà thuốc xấu thuốc giả và bào chế không đúng sẽ mất công hiệu.
- 2.— **KÝ TẾ** 妇 治 : Què Ký tế trong kinh Dịch: « Thủy hòa ký tế » thủy ở trên hỏa, nghĩa là thủy và hỏa cũng như âm và dương tương giao với nhau, giúp sức cho nhau đã thành sự. Có nghĩa là Tâm hỏa và Thận thủy đã giao với nhau thì bệnh đã hết. Ký tế trái với Vị tế.
- 3.— **THỰC ĐỊA** 食 地 : Nên chọn Thực địa nấu kỹ thật tốt. Nếu người Tỵ Vị hư hàn thì phải tẩm nước gừng hay tẩm rượu sao thật kỹ sẽ dùng.
- 4.— **HOÀNG THÓ** 黄 土 : Hất vàng (đất thô) mua ở tiệm Sanh dược, đem về hòa với nước, tùy theo nhiều ít, hòa sền sệt, hòa cho đều, rồi bỏ BẠCH TRUẬT vào mà tẩm, để khô sẽ sao, sao vàng.
- 5.— **ẤT QUÝ** 乙 寅 : Ất và Quý là 2 thiên can ở trong 10 thiên can. 10 thiên can ứng thuộc với ngũ tạng lục phủ thi Ất thuộc Can, Quý thuộc Thận. Nói Ất với Quý là nói Can với Thận.
- 6.— **LUYỆN HÌNH** 炉 形 : Theo pháp thuật của Đạo Gia luyện chuyền kim đơn mà uống để trường sinh, bắt lão, để thành tiên. Như bài CỬU HOÀN ĐƠN và CỬU CHUYỀN KIM ĐƠN của Bao Phác Tử.

**7.— THIÊN NHẤT 天一** — Trong Hà Đồ Kinh Dịch nói « Thiên nhất sinh thủy » nghĩa là Trời là số một, sinh ra thủy trước. Trong ngũ hành, thủy đứng thứ nhất. Con người khi bẩm sinh, sinh 2 quả thận trước (Thận thuộc Thủy). Cho nên nói thiên nhất là nói Thận.

**8.— THÁI ÂM 太陰** : Thái Âm là một kinh trong tam âm kinh : Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.

Tam âm kinh đều thuộc ngũ tạng. Tam âm kinh có thủ tam âm, túc tam âm là lục âm kinh.

Thủ Thái âm thuộc Phế kim, Túc Thái âm thuộc Tỷ thô. Âm khi từ trên trời xuống, khi bắt đầu xuống gọi là Thái âm.

Khi tà khí từ Dương kinh chuyển sang Thái âm kinh làm ra những bệnh : tự nhiên ỉa lỏng, đau bụng, khó côle, khát nước. Bệnh thuộc lý chứng. Mạch xích bộ, Thốn bộ đều trầm, trầm thực nên cho hàn, trầm tế nên cho ôn. Bệnh Thương hàn chuyển sang kinh Thái âm, đã là khó trị.

**9.— BẮC PHƯƠNG HÀN THỦY 北方寒水** : Bắc phương là một phương trong ngũ phương. Hán là một khí trong ngũ khí. Thủỷ là một hành trong ngũ hành cũng như Thận là một tạng trong ngũ tạng. Có nghĩa là phương bắc thuộc khí hàn, hành thủỷ, thủỷ sắc hắc thuộc Thận. Nói bắc phương hàn thủỷ là nói Thận.

**10.— XUNG, NHÂM 衍任** : Mạch Xung, mạch Nhâm.

Theo y học nhập môn : Mạch Xung khởi từ huyết Khí xung và kinh Túc Dương minh gầu tiền âm qua xương sống sang bụng lên đến trên yết hầu ra mồm mép. Con gái khi bắt đầu có kinh gọi là Huyết hải.

Mạch Nhâm khởi từ huyết Trung cực lên bụng tới huyết thừa tượng theo quanh mặt vào mắt và lưỡi. Là một nguồn lực dinh dưỡng của bào thai.

Theo Tố Văn: Mạch Xung, mạch Nhâm đều ở trong « Ký kinh bát mạch ». Mạch Xung thuộc Huyệt hải, mạch Nhâm chủ về Bào thai, 2 mạch cùng nhau dề mà có con.

**11.— THIẾU ÂM 缺 气:** Thiếu âm là một kinh trong tam âm kinh: Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.

Tam âm kinh đều thuộc ngũ tạng. Tam âm kinh có thủ tam âm, túc tam âm là lục âm kinh.

Thủ Thiếu âm thuộc Tâm hỏa, túc Thiếu âm thuộc Thận thủy. Âm khí từ trên trời xuống; xuống sau Thái âm, gọi là Thiếu âm.

Khi tà khí từ Thái âm kinh chuyền sang Thiếu âm kinh làm ra những bệnh miệng lưỡi khô rát, khát nước. Bệnh đã thâm nhập lý chứng. Mạch xích bộ, thõn bộ đều trầm, trầm thực hữu lực nên cho hạ, trầm vi vô lực nên cho ôn. Bệnh Thương hàn chuyền sang kinh Thiếu âm là đã nặng hơn khi còn ở Thái âm.

**12.— BĂNG HUYẾT 血 痛:** Huyết trong bào thai tự nhiên đò ra trụt ra rất nhiều như nước chảy, như núi đò la băng.

**13.— NHÂN SÂM 人 参:** Nhân sâm có củ dài tới 50 hay 60 phân lây, có đầu minh tay chân tựa như hình người, nên gọi Nhân sâm. Nhân sâm là vị thuốc rất bò cho nguyên khí. Nhưng nay rất ít có, mà có, phần nhiều là sâm già mà giá lại quá cao. Vậy dùng sâm gì tốt cũng được, chẳng hạn như chính Dã sơn sâm, Nhị hồng sâm v.v... Nhưng khi dùng nên giã một chút nước gừng tự nhiên, rồi tẩm vào sâm cho vừa đủ ấm ấm, dễ khóc, sao nong nồng là được.

**14.— HUYẾT HẢI 血 海:** Cũng như huyết thất (= ồ máu) tức mạch Xung.

15.— THIÊN QUÝ 天癸: Quý là nôi Nhâm Quý. Nhâm Quý là 2 thiên can cuối cùng ở trong 10 thiên can: giáp ất, bính đinh, mậu kỷ, canh tân, nhâm quý.

Nhâm quý thuộc phương bắc, hành thủy, tức là « bắc phương nhâm quý thủy ». Con người có Thận thuộc thủy, nước ở trong Thận gọi là nước « thiên chán ». Nên gọi thiên quý. Hay nói Bắc phương Nhâm quý thủy cũng là nói Thận thủy.

16.— LONG LÔI HỎA 龍雷火: Long = rồng, Lôi = sấm, ý nói rồng nằm mà gầm như sấm cũng như nói phục hỏa = cái hỏa còn ẩn náu Long lôi hỏa là một danh từ nói thay cho cái hỏa ở Can kinh còn ẩn náu.

17.— TIẾT 滅 = Bài tiết ra, tiết tả ra, chảy mạnh ra.

18.— LÂU 漏 = Giọt, tức là máu hay nước tiểu ở âm hộ nhỏ ra một hai giọt mỗi lần, vì như nhà giọt, gọi là bệnh lâu.

19.— LÂM 淩 = Ri rì, làm nhầm chảy ra, tức là kinh nguyệt có dã nhiều ngày không sạch, mà cứ ri rì chảy ra. Gọi là bệnh lâm.

20.— VỊ TẾ 未濟: Quẻ Vị tế trong kinh Dịch: « hỏa thủy vị tế » hỏa ở trên thủy, nghĩa là thủy và hỏa cũng như âm và dương chưa tương giao với nhau, chưa giúp sức cho nhau để thành sự. Có nghĩa là Tâm hỏa và Thận thủy chưa giao với nhau thì hãy còn bệnh. Vị tế trái với Kỷ tế.

21.— ĐÁI 爻 (cũng như đái) = Cái dai. Mạch Đái là một mạch trong 8 mạch ở Kỳ kinh. Mạch Đái gốc từ mạch Túc Thiếu âm lên đến huyệt Quắc trung để sang Túc Thái dương mà hợp với Thận đến đốt xương sống thứ 14 ra đi quanh một vòng ngang lưng. Trong 12 kinh mạch và 7 kinh kia trong Kỳ kinh đều chu lưu lên xuống, chỉ có mạch Đái là đi quanh ngang lưng một vòng; như đầu dai lưng, nên gọi mạch Đái.

**22. — DỤC LÂN 養 獐** Dục = nuôi, Lân = con kỵ lân, một loài thú hiền. Dục lân có ý nói sanh nuôi được con hiền.

**23. — THẦN KHÚC 神 曲** = Men thần. Theo đúng phép người ta lấy LỤ THÀO, THƯƠNG NHĨ THÀO, THANH CAO, HẠNH NHÂN tán nhỏ trộn với MIẾN và ĐẬU ĐỎ đóng thành bánh đế lên men, đó là chính Thần Khúc, chủ đế khai Vị tiêu thực. Người ta đóng bánh Thần Khúc hay đóng vào ngày 5 tháng 5, tức tiết Đoan ngọ. Nay dùng nén tim cho được chính Thần Khúc, đừng dùng Thần Khúc thường mà vô hiệu, vì mấy người thương mại thường trộn các thứ cẩn thuốc lại, bắt luận cẩn thuốc gì, rồi đóng bánh, đóng bao, in nhãn hiệu, nói chính Thần Khúc tốt lắm. Đó là Thần Khúc giả. Nếu không tìm được chính Thần khúc thì tạm dùng thay vào đó bằng chút ít Trần bì hay Mộc hương, Hương phụ còn hơn.

**24. — ĐỐC 鬱**: Mạch Đốc là một mạch trong 8 mạch của Kỵ kinh. Đốc có nghĩa là đốc suất tòng quát tất cả dương mạch trong thân người. Mạch Đốc khởi từ huyệt Hà cực và dọc xương sống lên đến huyệt Phong phủ vào óc.

**25. — SÁN, HÀ 瘰 痘** Sán = ấm khi tích lại ở trong bụng, lại cảm thêm khi lạnh ở bên ngoài làm cho vinh vệ không thông hòa, huyết khí hư nhược, cho nên thành sán, làm đau bụng dưới thông xuống 2 giày trắng cũng đau buốt, khó đi đại tiểu tiện. Bệnh sán ở nam nhân là bệnh thiến truy.

Hà = khi kinh đang hành, cảm lạnh hay Tỷ hư, hay uất giận, huyết không hành nữa, ngưng tích lại thành hà làm cho nóng lạnh, ăn không tiêu, kinh không hành, mặt bùng da vàng v.v...

Bệnh hà thường hay lẫn với bệnh « Trung ». Hà kết hòn ở trong bụng, nhưng ăn chỗ này chạy chỗ khác, không ở nguyên một chỗ như Trung.

- 26.— **BÁT MẠCH** 八脉 = 8 mạch trong Kỳ kinh : Dương duy, Âm duy, Dương kiều, Âm kiều, Hắc, Nhâm, Xung, Đái.
- 27.— **KỲ KINH** 奇經 = Kinh la (khác). Kinh mạch trong con người có chính kinh và Kỳ kinh, chính kinh có 12, kỳ kinh có 8. Chính kinh và kỳ kinh không thông hòa với nhau.
- 28.— **TIỀN THIÊN** 先天 = Một danh từ thay cho quả Thận. Nghĩa là xem trong Hà đồ, khi âm dương sắp định vị thì « thiên nhất » sinh ra thủy trước. Nên gọi Tiên thiên. Con người khi bắt đầu thụ thai thì sinh 2 quả Thận trước. (Thận thuộc thủy). Bởi vậy nói Tiên thiên là nói Thận. Sinh ra thê chất mạnh khoẻ nói là Tiên thiên hữu dì, thê chất yếu đuối nói là Tiên thiên bất túc. Tiên thiên khác với Hậu thiên.
- 29.— **HOẠT HUYẾT** 活血 Hoạt = sống, hoạt lợi, sinh hoạt. Hoạt huyết là làm cho huyết lưu thông hoạt lợi đê huyết có phần sinh hoạt cho tươi tốt.
- 30.— **HOÃN TÁC TRỊ KỲ BẢN, CẤP TÁC TRỊ KỲ TIÊU**  
(緩則治其本急則治其標) Tiêu, bản, hoãn, cấp là danh từ của nhà Y Học nói cho gọn dẽ hiều. Nghĩa là phép trị bệnh có cấp trị (trị gấp), hoãn trị (trị thông thả) mà bệnh thì có bệnh hạng tiêu (ngon) mới phát, bệnh hạng bản (gốc) phát đã lâu.  
Những bệnh mới phát có tính cách cẩn kíp, như đau bụng, thở tắt, bị đái v.v... thì phải trị cho hết ngay, đó là « cấp tắc trị kỳ tiêu ». Còn những bệnh đã lâu như ho hen gầy ốm v.v... thì phải trị thông thả, trị dần dần, đó là « hoãn tắc trị kỳ bản ».  
Tuy nhiên, tùy bệnh, tùy trường hợp cũng có khi tiêu bản đồng trị, cũng có khi bắt vẫn tiêu bản, hễ cứ thấy bệnh gì cần gấp thì phải trị bệnh ấy trước.  
Tóm lại, suy cho chi lý « tiên trị kỳ tiêu mà cũng tiên trị kỳ bản ».

**31.— THIẾU HỎA 少火** = Cái hỏa nhỏ bé. Thận nói chung là thuộc « thủy » nhưng phân ra 2 quả Thận mà nói thì ta Thận thuộc thủy, hữu Thận thuộc hỏa, cái hỏa này là thiếu hỏa. Lại nói ta vi Thận, hữu vi Mạnh mòn thì cái hỏa này là Mạnh mòn hỏa.

**32.— HẬU THIÊN 後天**: Một danh từ thay cho Tỳ Vị. Nghĩa là khi sanh ra ở giữa khoảng trời đất kề từ trên xuống. Trời đứng trước, người đứng ở trên mặt đất đê sống là đứng sau trời. Nên gọi hậu thiên. Khi đã sanh ra thì phải điều dưỡng cho Tỳ Vị đê sống. (Tỳ Vị thuộc thô, thô là đất). Bởi vậy nói Hậu thiên là nói Tỳ Vị.

Điều dưỡng sung túc gọi là Hậu thiên hữu dư, điều dưỡng khiêm khuyết gọi là Hậu thiên bất túc. Hậu thiên khác với Tiên thiên.

**33.— ĐƯƠNG QUY BÒ HUYẾT THANG 當歸補血湯:**

黃芪 HOÀNG KỲ	1 lạng, nướng than, cho chín
當歸 ĐƯƠNG QUY	2 chỉ, lấy rượu rửa.

Lấy nước sắc uống, uống lúc đói. CHỦ TRỊ khi huyết hư hàn mà phát nóng, mặt đỏ phiền khát, mạch to mà rỗng. Bài thuốc này cái danh là bò huyết, sao lại dùng Kỳ nhiều hơn Quy ? Bởi huyết hư thì phải bò khi, đương có sinh thì âm mới lớn, cho nên Kỳ bò khi nhiều hơn Quy bò huyết.

**34.— NGŨ TẠNG 五臟**: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận là 5 Tạng. Tạng có nghĩa là chứa đựng, chứ không tiết tả ra. Chứa đựng đến đầy thì thôi, không thể quá, chứa đầy quá hay vời đi là có bệnh.

**LỤC PHỦ 六腑**: Vị, Dǎm, Đại trườn, Tiêu trườn, Tam tiêu, Bàng quang là 6 phủ. Phủ có nghĩa là phủ kho, nơi đê thâu nạp vào, rồi lại chuyền đưa ra, chứ không giữ lại. Nếu không thâu vào, không chuyền ra mà giữ lại là có bệnh.

**35.— NỘI KINH 內經** = Bộ sách Nội Kinh (Không có nghĩa là Kinh sách trong Nội điện, vì nguyên bản không có chủ thích). Nội Kinh có 2 Bộ : Nội Kinh Tố Văn và Nội Kinh Linh Khu. 2 bộ sách do Huỳnh Đế và Kỳ Bá (Huỳnh Đế và 6 bài tối là Kỳ Bá, Quý du khu, Bá cao, Thiếu sú, Thiếu du và Lôi công cùng Văn đáp, nhưng Kỳ Bá nói nhiều hơn, cho nên sách chỉ chép Văn đáp với Kỳ Bá) đời Thượng cõ, vua tối vẫn đáp nhau mà chép nên. Nội Kinh là Thành kinh khai sáng ra khoa học Đông Y đầu tiên.

**36.— THANH CAO 青蒿** : Tục gọi cây Thanh hao. Bông lá, gốc, rễ đều dùng được cả. Nhưng khi dùng, nếu dùng thứ nào chỉ dùng riêng một thứ, không nên dùng lẩn lộn, nghĩa là không nên dùng mấy thứ đó trong một thang thuốc (bông thì dùng lá, lá thì dùng rễ v.v... ). Nếu dùng chung sẽ thành tật, khó trị hết.

**37.— CỦU CHƯNG 九蒸** = 9 lần nấu chín. Củ Sinh địa rửa sạch đất, bóc sạch vỏ, nấu 9 đêm, phơi 9 ngày, nghĩa là đêm nấu, ngày phơi, gọi là Thực Địa cửu chưng, cửu sái, như vậy có cả âm và dương điều hòa là thứ Thực Địa tốt (phương pháp cõ).

**38.— VONG DƯƠNG 亡陽** = dương khí trong người đã hết. Cũng như nói « thoát dương » = dương khí trong người đã thoát ra. Bệnh đến vong dương là bệnh nguy hiểm. Nghĩa là dương khí không liên lạc với âm huyết nữa, bốc lên dầu lên mặt, toát bồ hôi (bồ hôi ra, có khi lồng chảy sau không kịp lại chảy ra ; có khi đóng đặc lại ở mặt từng giọt tròn như hạt châu mà không chảy đi) 2 tay khờ khoảng, người lạnh, chân tay lạnh mà lại bắt quạt, tinh thần mệt mỏi, 6 bộ mạch như muỗi tuyệt.

**39.— LAO SÁI 瘟瘧** Lao = hao mòn, tinh thần khí sức hao mòn vì làm việc quá sức, ăn chơi quá đà thành lao

Lao có nhiều thứ lao : lao tần, lao lực, lao phổi, lao xương, lao ruột v.v... Nhưng tất cả phân ra 2 loại lao : Nhiệt lao thuộc dương, hư lao thuộc âm.

Nhiệt lao thuộc dương làm bệnh khô miệng, lở lưỡi, đau cuồng họng, nước mắt, nước mũi chảy ra dính nhơm nhớp, lòng bàn tay bàn chân buồn phiền nhức nhối, tiêu tiện đờ vàng, đại tiện táo kiết. Nếu đã đến ngứa cò họng, nói khản khàn không thành tiếng là chết.

Hư lao thuộc âm làm bệnh đậm nhợt nhô ra mầu trắng, dạ dày đưa hơi ngược lên, miệng tanh gòm, ăn uống vào khó tiêu muốn ói ra, tiêu tiện nhiều khi đi ra dùng đục trăng trăng, đại tiện lỏng. Nếu đã đến ỉa lỏng hoài không trị hết là chết.

Còn có loại ho hắng mà rồi dần dần gầy mòn đi chỉ ngồi gục mà ho mà thở không nằm ngửa được đó là cả âm lao dương lao hợp lại làm bệnh.

Lao nặng quá gọi là Sái. Lao Sái là bệnh nan trị.

**40.— THÔI SANH** 命 生 = Thời thúc bắt sanh ra, dùn đầy cho ra. Trong trường hợp người sản phụ đến giờ sanh mà không sanh ra được thì phải dùng phép, dùng thuốc Thời sanh mà thúc đầy ra. Nếu chưa đến giờ sanh, hay mặc dù đau bụng nhiều mà cũng chưa đến giờ sanh lại cho uống thuốc Thời sanh để bắt sanh ra là chí nguy đó, nên cẩn thận.

**41.— VƯƠNG ĐẠO, BÁ ĐẠO** 王 道 父 道 = Cách điều trị của những người Đông Y phân ra 2 đạo : vương đạo và bá đạo.

Vương đạo là những người phần nhiều dùng nhân đức để trị bệnh, nghĩa là trong cách trị bệnh chỉ cần giữ sức khoẻ cho bệnh nhân trước, dù rằng bệnh nhỏ bệnh thường cũng chăm chăm giữ sức khoẻ để trị bệnh.

Bá đạo là những người phàn nhiều dùng mưu thuật để trị bệnh, nghĩa là trong cách trị bệnh hất luận đến sức khoẻ của bệnh nhân, dù rằng sanh mạng của bệnh nhân đó nguy cấp, cũng cứ hăm hăm làm phương pháp mạnh để trị bệnh.

Trong việc trị bệnh, Vương đạo, Bá đạo khác nhau một trời một vực.

**42.- THẤT KHIẾU** 乏 痘 = 7 lò: tai 2, mắt 2, mũi 2, miệng 1 cộng là thất khiếu thuộc dương. Còn 2 khiếu nữa là đại tiện, tiểu tiện, 2 khiếu này thuộc âm. Cộng chung lại là người ta có cửu khiếu.

**43.- TRỌNG CẢNH** 仲 景 = Họ Trương, tên Cơ, tự là Trọng Cảnh, Người đất Nam Dương, đời Đông Hán bên Tàu, đỗ Hiếu Liêm (cử nhân) làm quan Thái Thủ đất Trường Sa. Người đời thường gọi Ngài là Trương Cơ, Trương Trọng Cảnh, Trương Trường Sa. Ngài làm sách Thương hàn luận, cừu đời rất nhiều dù Biền Thước cũng không hơn. Đời sau tôn Ngài là Ý Thánh. Ngài đứng đầu hàng « tử thánh » : TRƯƠNG, LƯU, CHU, LÝ (Trương Trọng Cảnh, Lưu Hà Gian, Chu Đan Khê, Lý Đông Viên).

**44.- ĐẠN KHÊ** = Họ Chu, tên Chẩn Hanh, tự là Ngạn Tu. Người đất Nghĩa Ô, cuối đời Nguyên bên Tàu. Người đời thường gọi Ngài là : Chu Chẩn Hanh, Chu Ngạn Tu, Chu Đan Khê. Học giả tôn Ngài là Đan Khê tiên sinh. Ngài thường nói rằng : « Kẻ sỹ nếu giỏi một nghề y trị, đem lòng nhân ái suy rộng ra mọi người thì dù khùng làm quan ở dương thời cũng là làm quan » ; già chép rất nhiều sách : Đan Khê làm pháp, Cách trị dư luận v.v... Ngài đứng thứ 3 trong hàng « Tử Thánh » : TRƯƠNG, LƯU, CHU, LÝ ; (Trương Trọng Cảnh, Lưu Hà Gian, Chu Đan Khê, Lý Đông Viên).

**45.— VƯƠNG THÁI BỘC** 王 太 伯 = Họ Vương, tên Băng, hiệu là Khải Huyền Tử. Năm Bảo Ứng đời Đường, Ngài làm quan Thái Bộc Lệnh. Nên gọi Vương Thái Bộc. Ngài chép sách Huyền châu mạt ngữ, làm Tô Văn chú và Hoàng cực kinh thế chú.

**46.— THÁI DƯƠNG** 太 陽 = Thái dương là một kinh trong tam dương kinh : Thái dương, Dương minh, Thiếu dương. Tam dương kinh đều thuộc lục phụ. Tam dương kinh có thủ tam dương, tức tam dương là lục dương kinh. Thủ Thái dương thuộc Tiều trường, tức Thái dương thuộc Bàng Quang.

Dương khí từ dưới đất bốc lên, khi bắt đầu bốc lên gọi là Thái dương, đứng đầu cả tam dương.

Khi tà khí侵入门时 bắt đầu cảm nhiễm vào Thái dương kinh làm ra những bệnh nhức đầu, nóng minh, cứng xương sống. Bệnh thuộc biếu chứng. Mạch Xích Lộ, Thận bộ đều phù, nên cho phát hàn

**47.— MA HOÀNG THANG** 麻 黃 汤 = Bài thuốc uống cho phát hàn. Trong bài thuốc có MA HOÀNG 3 chi, QUẾ CHI TRIỀM 2 chi, HẠNH NHÂN 10 hạt, CAM THẢO 6 phần, SINH KHUƯƠNG 3 phiến, HÀNH 2 củ (tươi khô cũng được) sắc uống nóng, cho ra bồ hôi. Chữa trị bệnh thuộc Thái dương biếu chứng mạch Phù Khàn, cảm hàn, không có bồ hôi mới uống được. (Nâm phụ sức lực khoẻ mạnh mà bệnh phát mùa lạnh mới uống được. Người yếu và người có thai không uống được). Uống một lần thấy có phát hàn rồi thì thôi, không cần uống thêm. Nếu không đúng bệnh, không đúng mạch, không nên phát hàn mà uống vào sẽ biến chứng khó trị.

**48.— DƯƠNG MINH** 明 = Dương Minh là một kinh trong tam dương kinh : Thái dương, Dương minh, Thiếu dương.

Tam dương kinh đều thuộc lục phủ. Tam dương kinh có thủ tam dương, túc tam dương là lục dương kinh. Thủ Dương minh thuộc Đại Trường, Túc Dương minh thuộc Vị.

Dương khí đã lên đến độ cực sáng, cực thịnh, đứng giữa 2 dương kinh : Thái dương và Thiếu dương. Nên gọi Dương minh.

Khi tà khí ở Thái dương kinh 2, 3 ngày không trị hết truyền sang Dương minh kinh làm ra những bệnh như mồi con mắt, khô lỗ mũi, nóng minh, không ngủ. Bệnh cũng còn thuộc biều chứng. Mạch Xích bộ, Thốn bộ đều trường, nên cho thanh nhiệt giải cơ.

**49.— THÙA KHÍ** 水氣 = Thùa khí có 3 bài : ĐẠI THÙA KHÍ THẠNG, TIỀU THÙA KHÍ THANG và ĐIỀU VỊ THÙA KHÍ THANG, đều là thuốc đê cho hạ (xò). Đại thùa khí là thuốc cho hạ mãnh cấp ; Tiểu thùa khí là thuốc cho hạ trì hoãn ; Điều vị thùa khí là thuốc cho hạ đê thuận lợi hòa trung.

Đại thùa khí thang trong có ĐẠI HOÀNG, HẬU PHÁC, CHỈ THỰC, MANG TIỀU mỗi thứ 2 đồng 5 phần. Trước đem HẬU PHÁC, CHỈ THỰC bỏ vào siêu, đỗ độ hơn chén nước, nấu lên, còn lại độ 7 phần, rồi bỏ ĐẠI HOÀNG vào, đun sôi lên độ vài phút, xong rót ra, bỏ bã đi, lại đổ nước thuốc ấy vào siêu, bỏ MANG TIỀU vào đun sôi lên, đem ngay ra rót uống, uống vào nếu thấy hạ được rồi thì thôi, không uống nữa. Nếu chưa hạ được thì lại bỏ mấy vị đã nấu ấy vào siêu, đỗ 7 phần nước lá vào đun lên mà uống lần nữa sẽ hạ.

Điều vị thùa khí thang trong có ĐẠI HOÀNG 5 chi, CHỈ THỰC, HẬU PHÁC mỗi thứ 2 chi (không có mang tiêu) cách nấu, cách uống như trên.

Điều vị thùa khí thang trong có ĐẠI HOÀNG 4 chi, CAM THẢO 1 chi, MANG TIỀU 1 chi, cách nấu, cách uống như trên.

Cả 3 bài Thừa khí. Nếu không đúng bệnh, không đúng mạch, không nên cho hơ, mà uống vào sẽ sinh nhiều chứng bệnh khác khó trị.

**50.- QUYẾT 痘 = chán tay lạnh mà khí nghịch lên. Bệnh thuộc Quyết âm kinh, âm khí hết thì biến sinh ra quyết nghịch.**

Quyết nghịch có hàn quyết, nhiệt quyết.

Hàn quyết thì âm nang hay âm bộ co rút lại mà chán tay lạnh.

Nhiệt quyết thì tàn dịch khô cạn không đạt ra từ chi làm nước đái đờ mà chán tay ấm. Nghĩa là nhiệt khi trầm phục xuống mà sợ lạnh, hay hư hàn quá mà phát táo. Gọi là bệnh quyết.

**51.- KÍNH 眼 = Cứng, gân thịt bị phong làm dữ mà co rút lại cứng nhắc. Nhưng kính có cương kính, nhu kính. Dương mà cực là cương kính, gân thịt cứng nhắc, thuộc phong chứng.**

Âm mà cực là nhu kính, gân thịt mềm nhũn, thuộc quyết chứng.

**52.- ĐẠI SÀI HỒ THANG 大柴胡湯 :**

柴 胡 SÀI HỒ 3 chỉ

黃 芩 HOÀNG CẨM

白 苒 BẠCH THƯỢC

枳 柄 CHỈ XÁC

半 夏 BẢN HẠ 1 chỉ 4 phần mỗi thứ.

SINH KHƯƠNG 3 phiến, ĐẠI TÁO 2 quả, tất cả bỏ vào sắc khi gân được bở vào ĐẠI HOÀNG 3 chỉ, đun sôi vài phút rót ra uống nóng. Thông lợi được thì thôi. Chủ trị bệnh thuộc kinh Thiểu dương chuyển sang lý chứng.

**53.- BÓ TRUNG ÍCH KHÍ THANG 补中益氣湯 :**

人 参 NHÂN SÂM 3 chỉ kèm gừng sao

黃芪	HOÀNG KỲ	3	-	tầm mật sao
川歸	XUYÊN QUY	3	-	
白朮	BẠCH TRUẬT	3	-	sao
升麻	THĂNG MA	2	-	
柴胡	SÀI HỒ	2	-	
陳皮	TRẦN BÌ	2	-	
甘草	CAM THẢO	1	-	

Thêm gừng, táo sắc uống. CHỦ TRỊ trung khí suy, tinh thần kém, hình thể gầy ốm.

#### 54.- QUY TỲ THANG 錄序湯:

人參	NHÂN SÂM	3 chi,	tầm gừng sao	
黃芪	HOÀNG KỲ	3	-	tầm mật sao
川歸	XUYÊN QUY	3	-	
白朮	BẠCH TRUẬT	3	-	sao.
茯神	PHỤC THẦN	3	-	
遠志	VIỄN CHÍ	2	-	chè
龍眼肉	LONG NHÃN NHỰC	1	-	
木香	MỘC HƯƠNG	5	phân	
甘草	CAM THẢO	1	chi,	thêm gừng, táo.

Lấy nước sắc uống.

CHỦ TRỊ bệnh tinh thần không yên định, ít ăn, ít ngủ và quy Tâm hỏa về với Tỳ thiền.

#### 55.- LỤC QUÂN TỬ THANG 六君子湯:

人參	NHÂN SÂM	2 chi,	tầm gừng sao	
白朮	BẠCH LINH	3	-	
白朮	BẠCH TRUẬT	3	-	sao
甘草	CAM THẢO	1	-	
陳皮	TRẦN BÌ	1	-	phân
半夏	BẢN HẠ	7	phân; thêm gừng 3 phiến	

táo 1 quả.

Lấy nước sắc uống.

Chủ trị Tý Vị hàn; kém ăn, đầy bụng, nóng âm.  
**TÚ QUÂN TỬ THANG** 四君子湯 : tức là bài LỤC  
 QUÂN TỬ THANG ở trên mà bỏ TRẦN BÌ, BẢN HẠ  
 đi, sắc uống. Chủ đề bò khí, trợ Tý.

**56.— NGŨ LINH TÁN** 五苓散:

猪苓	TRÙ LINH	3 chi
茯苓	PHỤC LINH	3 —
白术	BẠCH TRUẬT	3 —
澤瀉	TRẠCH TÀ	3 —
肉桂	NHỤC QUẾ	5 phân

Tán nhỏ, mỗi lần uống 1 chi với nước lâ sôi, hay là sắc lấy nước uống cũng được. Chủ trị bệnh thương hàn đã ngoài 6 ngày mà còn là biểu chứng và dễ thông lợi tiêu tiện, tiêu phù thũng.

**57.— TIỀN THỊ** 錢氏. Họ Tiền, tên Ất, tự là Trọng Dương. Người đất Tiền Đường đời Tống bên Tàu. Ông chép sách Thương hàn chỉ vi luận 5 quyển.

**58.— TÚ VẬT THANG** 四物湯:

川芎	XUYÊN KHUNG	2 chi
川芎	XUYÊN QUY	3 —
熟地	THỰC ĐỊA	5 —
白芍	BẠCH THƯỢC	3 —

Lấy nước sắc uống. Chủ đề dưỡng huyết, bồ âm huyết. Nếu muốn có hành huyết, lương huyết thì đổi ĐƯƠNG QUY làm QUÝ VĨ, đổi THỰC ĐỊA làm SINH ĐỊA, đổi BẠCH THƯỢC làm XÍCH THƯỢC.

**59.— ÍCH MÃU HOÀN** 益母丸 = Cây ÍCH MAU THẢO lấy cả thân cây hoa lá cành, nhiều ít tùy ý, cắt nhỏ rửa sạch, giã nát, nấu lấy nước, gạn lọc, cò đặc lại thành cao, pha ít chút đường đen, bỏ lọ dày kín uống dần. Chủ đề điều kinh cầu tự. Tức là Cao Ích Mẫu.

**60.— LỘC GIÁC HỒI** 鹿 角 灰 = Miếng sừng hươu đốt cháy  
giã nát ra uống. Chủ đề cầm máu.

**61. NGUYÊN HỒ TÁN** 元 胡 散 :

元胡索	NGUYÊN HỒ SÁCH	1 lạng
肉桂	NHỤC QUẾ	8 chi
木香	MỘC HƯƠNG	2 —

Tán nhỏ, mỗi lần 2 chi, uống với nước nóng pha  
chút nước gừng. Chủ đề tán huyết chỉ thống. Nguyễn  
Hồ Sách hay Huyền Hồ Sách, hay Diên Hồ Sách  
cũng là một.

**62.— SINH MẠCH TÁN** 生 脉 散 : NHÂN SÂM, NGŨ VỊ  
TỬ mỗi thứ 3 chi, MẠCH MÔN ĐÔNG (khử tám) 2  
chi. Lấy nước sắc uống, để chỉ khát sinh tan.

**63.— TÚ NGHỊCH THANG** 四 逆 汤 :

乾姜	CÀN KHƯƠNG	5 chi
附子	PHỤ TỬ	2 — 5 phần
甘草	CAM THẢO	1 lạng.

sắc uống, để cứu lý, hồi dương.

**64.— TIÉU TỤC MỆNH THÁNG** 小 毒 命 汤 :

防己	PHÒNG KỲ	
肉桂	NHỤC QUẾ	
杏仁	HẠNH NHÂN	
黃芩	HOÀNG CẨM	
白芍	BẠCH THƯỢC	
甘草	CAM THẢO	
人參	NHÂN SÂM	
川芎	XUYÊN KHUNG	3 chi mỗi thứ
麻黃	MA HOÀNG	7 phần
附子	PHỤ TỬ	1 chi
防風	PHÒNG PHONG	1 — 5 phần.

Thêm gừng, táo sắc uống. Trị bệnh trúng phong.

**65.— CHI TỬ THỈ THANG 桂子豉湯:**

桂子 CHI TỬ	4 quả
豆豉 ĐẬU THỈ	6 chi.

Lấy nước sắc uống, uống vào đê cho thò ngay ra.  
Trị bệnh thương hàn đầy trường bí tắc.

**66 — LOẠI THƯƠNG HÀN 類傷寒 — Loại thương hàn**  
cũng gọi là Phèo thương hàn. Nghĩa là bệnh thì bắt đầu là phát lạnh run người rồi dần dần phát nóng mà phát bệnh một cách trì hoãn, nhẹ hơn chính thương hàn.

Cách điều trị cũng tựa như trị bệnh chính thương hàn.

**67.— THIẾU DƯƠNG 少陽 — Thiếu dương là một kinh trong Tam dương kinh : Thái dương, Dương minh Thiếu dương.**

Tam dương kinh đều thuộc lục phủ. Tam dương kinh có thủ tam dương, túc tam dương là lục dương kinh. Thủ Thiếu dương thuộc Tiểu tường, túc Thiếu dương thuộc Hầm.

Dương khi còn non nớt, kém với Dương minh, nên gọi Thiếu dương.

Khi tà khí ở Dương minh 3, 4 ngày không trị hết truyền sang Thiếu dương làm ra những bệnh tai ư điếc, hóng hiếp đau, nóng lạnh, ưa mửa đắng miệng. Bệnh cũng còn là biếu chứng, nhưng đã đến giai đoạn nặng bệnh, nếu vài ngày không trị hết sẽ chuyển sang âm kinh, thành lý chứng. Mạch Xích bộ, Thốn bộ đều huyễn, nên cho hòa giải.

**68.— TRÚC LỊCH 竹瀝 — Nước tự nhiên cây tre non.**  
Phép lấy, lấy một đoạn tre non dài độ 30 hay 40 phân trét 2 mấu 2 đầu, lấy dao xé dọc quang giữa 5 – 3 cái, đem khúc tre hơ trên lửa hay nướng than hồng.

xoay tròn chung quanh cho thấu cho đét, đem ra, cầm 2 đầu khúc tre vặn lại (vặn ngay lúc đang nóng) nước tre non chảy ra, lấy chén hứng lấy mà dùng, gọi là nước Trúc lịch. Trị bệnh âm hư sinh nhiệt mà khát nước.

**TRÚC LỊCH KHƯƠNG TRẮP** 竹 濾 廿 汁 — Nước trúc lịch có pha gừng. Phép lấy nước Trúc lịch khương tráp cũng lấy đoạn tre, cũng xẻ, cũng hơ lửa, cũng vặn như trên, nhưng trong chỗ tre xẻ ra có đặt mấy miếng gừng tươi vào đấy, gọi là Trúc lịch khương tráp. Chú trị nóng âm, ỏi mửa khát nước.

### 69.— SÀI HỒ THANH CAN THANG 蒜 胡 清 行 汤:

蒜 胡 SÀI HỒ	1 chi 5 phần
山 柏 SƠN CHI	1 —
黃 苓 HOÀNG CẨM	1 —
人 參 NHÂN SÂM	1 —
川 芎 XUYÊN KHUNG	1 —
連 趩 LIÊN KIỀU	8 phần
桔 梗 CÁT CÁNH	8 —
甘 草 CAM THẢO	5 —

Lấy nước sắc uống. Trị bệnh hàn nhiệt vẫn lai.

### 70.— ĐƯƠNG QUÝ LỤC HOÀNG THANG 露 韋 六 黃 汤:

黃 朮 HOÀNG CẨM	5 phần
黃 連 HOÀNG LIÊN	5 —
黃 柏 HOÀNG BÁ	5 —
生 地 SINH ĐỊA	5 —
熟 地 THỰC ĐỊA	5 —
川 肉 XUYÊN QUÝ	5 —
黃 茴 HOÀNG KỲ	3 chi

Lấy nước sắc uống. Một bài thuốc thành đề trị bệnh đau hàn (bồ hôi trộm).

**71.— AN THẦN HOAN 安神丸:**

黃連 HOÀNG LIÊN	6 chi
甘草 CAM THẢO	1 — 5 phần
正珠砂 CHÍNH CHU SA	5 chi

(Nếu muốn thêm ĐƯƠNG QUY 2 chi 5 phần, SINH ĐIÀ 1 chi 5 phần cũng được) cùng tán nhỏ, cho thêm 1 chút bột gạo vào trộn chung với thuốc đã tán nhỏ, đỗ vào chút nước trộn cho đều, đem xào lên cho chín, liệu vừa deo dẻo, đem ra viên, viên nhỏ bằng hạt tẩm, phơi khô lấy bột CHU SA làm áo. Mỗi lần uống 15 — 20 viên. Trị bệnh trong tâm buồn phiền, nóng nảy, hoảng hốt, không ngủ được.

**72.— ĐỊNH CHÍ TÁN 定志散:**

人參 NHÂN SÂM	1 lạng
白芩 BẠCH LINH	3 —
遠志 VIỄN CHÍ	2 —
菖蒲 XƯƠNG BỒ	2 —

(Nếu muốn thêm HỒ PHÁCH 3 chi, UẤT KIM 2 chi cũng được) cùng tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, hoàn to bằng hạt ngô, lấy bột CHU SA làm áo, mỗi lần uống 5 — 10 viên. Trị bệnh đàm mê tâm khiếu, sợ sệt, hoảng hốt, hay quên.

**73.— MỘC HƯƠNG BINH LANG HOÀN 木香梔榔丸:**

木香 MỘC HƯƠNG	1 lạng
枳壳 CHỈ XÁC	1 —
青皮 THANH BÌ	1 —
杏仁 HẠNH NHÂN	1 —
梔榔 BINH LANG	1 —
枳壳仁 ÚC LÝ NHÂN	2 —
半夏曲 BÁN HẠ KHÚC	2 —

Tất cả tán nhỏ, đẽ dãy. Lấy TẠO GIÁC 2 lạng, sắc lên cho đặc lại, bỏ bã đi, gạn lọc rồi, cho vào chút

mật, đun sôi lại cho thật đặc thêm, đem ra luyện với thuốc dã tân, làm hoàn to bằng hột ngô, mỗi lần uống vài chục hoàn, uống lúc đói, uống với nước nóng có chẽ chút nước gừng, để khoan hung, lợi cách, phá đàm, trực âm, khoái khí, tiêu thực.

**74.— LƯU KHÍ ÂM TỬ 流氣飲子:**

紫蘇	TỬ TÔ	5 phần
烏蔴	O DUỐC	5 —
青皮	THANH BÌ	5 —
桔梗	CÁT CÁNH	5 —
陳皮	TRẦN BÌ	7 phần ruồi
白芩	BẠCH LINH	7 —
川歸	XUYÊN QUY	7 —
白芍	BẠCH THƯỢC	7 —
川芎	XUYÊN KHUNG	7 —
黃芪	HOÀNG KỲ	7 —
枳實	CHỈ THỰC	7 —
半夏	BÁN HẠ	7 —
防風	PHÒNG PHONG	1 —
甘草	CAM THẢO	4 phần
梔榔	BINH LANG	1 chỉ
木香	MỘC HƯƠNG	3 phần.

Thêm KHƯƠNG, TÁO, sắc uống. Trị bệnh khí nghịch thượng còng, vai và lưng nhức, hông hiếp đầy trường đau tức.

**75.— BÁN HẠ KHÚC 半夏曲: BÁN HẠ** (tùy ý nhiều ít) cắt nhỏ bỏ vào nồi, đổ nước vào đun chín, gạn nước ấy đi. Đổ nước khác vào lại đun sôi kỹ, lai gạn đi. Luộc lại, gạn đi như vậy 9 lần. Đem ra phơi khô tán nhỏ, trộn nước lᾶ luyện làm hoàn, hoàn to như hạt ngô lớn. Lấy rơm nếp, sấp ướt, rái dưới đất, chõ kin gió, đặt tờ giấy vào giữa, rái BÁN HẠ HOÀN vào trên tờ giấy, lại lấy tờ giấy nữa dày lên trên. lấy rơm sấp ướt phủ kin, phủ dày lên trên, để yên

7 ngày. BẢN HẠ thành meo. Đểm ra phơi chỗ thoáng gió cho thật khô. Đề đánh đợi khi dùng, càng để lâu càng tốt. Khi dùng tùy theo bệnh chứng mà dùng nhiều ít. BẢN HẠ KHỦC người có thai cũng dùng được.

**76.— HOÁC LOẠN** 霍亂 HOÁC : huy hoắc, mau chóng, gấp rút. LOẠN : rối loạn, cuồng quýt. Nghĩa là đau bụng hoắc loạn, cũng gọi là bệnh « giáo trường sa » nghĩa là nó vặn ruột lại.

Chứng bệnh này bởi cái mầm độc hoắc loạn nó xâm nhập trong ruột mà phát. Bệnh trạng làm ra đau bụng cuồng quýt, trên thò, dưới tả, mạch nhỏ, tiếng khàn, rút gần, co thịt lại đau nhức, 10 đầu ngón tay khuyết trũng xuống, quá lâm toàn thân phát lạnh, không khéo điều trị, chỉ mấy tiếng đồng hồ là không thể cứu được.

Mầm hoắc loạn sinh ra bởi ăn uống đồ sống lạnh, cảm nhiễm thử thấp, âm dương thác loạn không điều hòa, muôn thăng không thăng, muốn giáng không giáng được.

Nhờ rằng, khi phát bệnh chờ có ăn uống một chút cơm cháo nào cả, phải để thò tả ra cho đến hết mới trị được. Nếu khi đang bệnh chỉ ăn một chút cơm cháo xuống cò họng là sẽ nguy.

Phải chờ khi bệnh đã yên hẳn rồi mới có thể dùng một vài tí nước cháo lỏng mà thôi.

**77.— BÁT TRÂN THANG** 八珍湯 :

人參	NHÂN SÂM	2 chi
白芩	BẠCH LINH	3 —
甘草	CAM THẢO	1 —
川芎	XUYÊN KHUNG	1 —
川歸	XUYÊN QUY	2 —
熟地	THỰC ĐỊA	3 —
白芍	BẠCH THƯỢC	1 —
砂仁	SA NHÂN	1 —

(Bài thuốc này tức là bài BÁT VẬT THANG khứ TRUẬT  
gia SA NHÂN) SINH KHƯƠNG, ĐẠI TÀO, lấy nước  
sắc uống, để hòa khí huyết, tráng tỵ vị.

78.— **VỊ HOÀN THỐNG** 茄olan 魔 (có người đọc là Vị can  
thống) Vị = dạ dày. HOÀN = màng. Vị cò thường  
hoàn, trung hoàn, hạ hoàn, Vị hoàn thống = nói chung  
là đau cả màng trong dạ dày.

79.— **THÁT TIẾU TÁN** 失笑散: BỒ HOÀNG 黃耆, NGŨ  
LINH CHI 五靈脂 2 thứ cân lượng bằng nhau (tùy ý  
nhiều ít) tán nhỏ, mỗi lần lấy 2 đồng cân đồ chút  
giấm vào, trộn cho均匀, xong đồ vào một chén  
nước lă, đun sôi lên, uống lúc đói, uống nóng. Trị  
bệnh khí thống ở Tim và Tiêu trường.

80.— **HƯƠNG LIÊN HOÀN** 香連丸:

黃連 HOÀNG LIÊN	5 lạng
甘草 CAM THẢO	1 —

Cắt nhỏ, bỏ vào nồi, đồ nước vừa sâm sấp uớt, hòa  
chút mật, trộn cho đều, đem đun cách thủy, cho cạn,  
lấy ra phơi khô, lại cho nước, cho mật, cho thuốc  
vào nồi mà đun mà phơi như vậy 9 lần. Phơi khô  
sao giòn, thêm MỘC HƯƠNG 1 lạng, cùng tán nhỏ  
luyện hồ làm hoàn, hoàn nhỏ nhở, mỗi lần 10 hoàn  
uống với nước cháo hay rượu. Trị bệnh lỵ.



# MỤC - LỤC - NỮ - KHOA



## 1. MỤC ĐIỀU KINH

Hành kinh trước ngày định kỳ.	225
Hành kinh sau ngày định kỳ.	227
Hành kinh trồi sụt không đúng kỳ.	229
Kinh thủy đang có, một thoảng đã hết, một thoảng lại có và còn có cơn nóng cơn lạnh vãng lai.	230
Kinh thủy trong một tháng đã hành rồi lại hành nữa.	231
Kinh thủy vài ba tháng một lần hành.	233
Kinh chưa hành đã đau bụng.	235
Sau khi hành kinh rồi đau bụng dưới.	236
Trước ngày sắp hành kinh, dưới rốn quẩn đau.	237
Trước ngày hành kinh, thò ra huyết.	238
Trước ngày hành kinh, đại tiện ra máu.	240
Trước ngày hành kinh, ỉa chảy.	242
Tuổi đã già còn hành kinh trở lại.	243
Tuổi chưa già, kinh thủy đã hết.	244

## 2. MỤC CHỦNG TỪ

Người gầy không thụ thai.	247
Người béo không thụ thai.	248
Nhút nhát yếu đuối không thụ thai.	250
Hư nhược, hàn lanh không thụ thai.	251
Lung đau, bụng trướng không thụ thai.	253
Đái gắt, bụng đầy, chân phù thũng không thụ thai.	254
Trong xương hun nấu, lại nóng về đêm không thụ thai	255
Bụng dưới găng bức không thụ thai.	257
Hạ bộ hàn lanh không thụ thai.	259
Ghen ghét không thụ thai.	260

### **3. BỆNH BĂNG LÂU**

Bị băng huyết làm đầu mặt mờ tối.	262
Uất nhiệt kêt lại làm băng huyết.	263
Bị đánh đòn, bị té ngã làm băng huyết.	264
Huyết hải nóng quá, băng huyết.	266
Giao cảm với nhau, ra máu.	268
Tuổi đã già còn băng huyết.	270
Người thiểu phụ bị băng huyết.	271

### **4. MỤC ĐÁI HẠ**

Nước mạch đái chảy xuống trắng.	273
Nước mạch đái chảy xuống xanh.	275
Nước mạch đái chảy xuống vàng.	276
Nước mạch đái chảy xuống đen.	278
Nước mạch đái chảy xuống đỏ.	279

### **5. MỤC NHÂM THẦN**

Khi mang thai tức ngực, nặng tim không cho ăn (thai nghén).	282
Có thai khô miệng, đau cuồng họng.	284
Khi mang thai đau bụng, vừa thò, vừa tả.	286
Khi mang thai đau bụng dưới.	288
Khi mang thai phát phù thũng.	289
Khi mang thai đau bụng, đau lưng, ra mồ hôi, khát nước nóng này phát cuồng.	291
Khi mang thai, cái thai bị gãy làm đau 2 bên hông	293
Khi mang thai, con trong bụng khóc, lưng đau.	295
Khi mang thai, tiêu tiện ra huyết. Gọi là bệnh « thai lậu ».	296
Khi mang thai, té ngã bị thương.	297
Khi mang thai, nóng giận nhiều quá, hư thai.	299
Khi mang thai, trúng ác khí.	300

## 6. MỤC TIẾU SẢN (Đè thiểu thảng)

Sợ lạnh, đau bụng, đẻ non (đè thiểu thảng)	302
Đại tiện khô kết, đẻ non	303
Giận quá, đẻ non.	304
Té ngã đau nhức, đẻ non.	306
Làm truyện khoái trong phòng, đẻ non	307

## 7. MỤC LÂM SẢN

Thiểu máu khó sanh	309
2 xương giao nhau, không mở ra	310
Hơi đưa ngược, khó sanh.	312
Chân hay tay ra trước	313
Cái thai chết ở Sản môn.	315
Cái thai chết trong bụng.	316
Cái nhau không xuống.	318
Khí suy yếu, huyết vừng lên.	321
Huyết vứng lên, không nói được.	323
Ruột sa xuống.	324

## 8. MỤC SẢN HẬU

Sanh rồi, máu xấu đánh vào tim làm cuồng nặng.	326
Sanh rồi, bụng dưới đau.	327
Sanh rồi, lên cơn thở.	330
Sanh rồi, băng huyết.	332
Sanh rồi, trong bụng gồm sợ, ối mửa.	333
Sanh rồi, sợ lạnh run người.	334
Sanh rồi, ho suyễn, bốn tay chân phù thũng.	336
Sanh rồi, khí và huyết đều hư, không có sữa.	338
Sanh rồi, bức giận kết lại, mạch sữa không thông.	339
Trong khi sanh, bị tay bà đỡ làm rách bào thai, máu ra lâm ly không ngừng.	341
Sanh rồi, lá gan bún rủn.	342
Sanh rồi, lòi ra một sợi giây thịt.	344

## 9. PHỤ SINH HÓA BIÊN

Phép trị bệnh cho người mới sanh	347
Tòng luận về « sinh hóa ».	351
Máu xông lên đầu mặt.	354
Bệnh phát lạnh.	355
Huyết ra như rút xuồng	358
Hơi thở ngắn促 như suyễn.	360
Nóng lạnh.	361
Trúng gió	362
Thương hàn, dịch chứng và ngược tết.	363
Bệnh tựa như thương hàn.	363
Bệnh tựa như trúng phong.	367
Bệnh tựa như sốt rét ngã nước.	369
Bệnh ra mồ hôi.	371
Bệnh ra mồ hôi trộm.	373
Khát nước và tiêu tiện bất lợi	374
Nói lầm nhầm, nhìn bâng quơ.	375
Vì ăn làm đau.	378
Vì khí làm đau.	379
Ho khan, ho dàm.	381
Ua mửa.	382
Đau bụng cuồng quýt rối rít.	381
Phù nước.	385
Máu dư chảy đi rồi ngưng lại làm ung.	387
Trong bụng đầy.	388
Run khiếp sợ hãi.	390
Đau tim.	392
Đau bụng.	393
Đau lưng.	394
Đau hai bên hốc bụng.	395
Đau khắp mình.	396
Đau bụng dưới.	397
Ía chảy.	397
Đại tiện ra còn nguyên cơm không tiêu.	400
Bệnh đi lỵ.	401
<b>10 — PHỤ CHÚ về NỮ KHOA</b>	<b>403</b>

của  
DỊCH GIÁ

# NAM KHOA \* NỮ KHOA

SÁCH THUỐC TRỊ BÁ CHỨNG THEO ĐÔNG Y

Nguyên do phát bệnh. Lý do dùng thuốc.

Bệnh nào thuốc ấy rất rõ ràng, như một gia sư  
trong gia đình, mà là một bùa hộ mạng.

---

Văn Phòng Dịch Giả  
199, Nguyễn Cư Trinh, Saigon 2



NAM KHOA + NỮ KHOA  
IN LẦN THỨ NHẤT 1.000 QUYỀN VÀ  
150 QUYỀN GIẤY ĐẶC BIỆT. IN TẠI  
ẤN QUÁN ĐOÀN VIÊN 131. CỘNG  
QUỲNH. SAIGON 2. GIẤY PHÉP SỐ  
54/75 - BDVCH/PHBCNT/ALP/TP NGÀY  
05-01-1975. GIẤY PHÉP NÀY THAY  
THẾ GIẤY PHÉP SỐ 3216-PTUDV/KS  
ALP/TP NGÀY 16-8-73.



GIÁ : 1.450 \$